

Số 218-219

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Kỷ niệm
10 năm
hoạt động

Mừng Xuân
Ất Mùi 2015



Số Đặc biệt



越南工業界領先的品牌

Trương Kha Việt Nam 68

TEL: 0908 661 789 - 0939 779 888 - 08. 6299 7565



TRƯỜNG KHA

長柯 越南沉香

Trương Kha
Ái Mùi
2015



Mùa Xuân, thắp nén hương tri ân tổ tiên, thành kính cúng dường chư Phật, chư Bồ tát. Không gian tĩnh lặng đó sẽ trang trọng hơn, linh thiêng hơn khi được hòa quyện chút hương trầm thoang thoảng.

Nếu hương trầm như một khúc nhạc nền tôn lên lòng thành kính tri ân của bạn thì tượng trầm, chuỗi trầm, lư trầm, nén trầm,... cùng với hương trầm sẽ tạo nên một cung bậc trầm mầu nhiệm trong không gian thờ cúng của gia đình bạn vào ngày Tết.

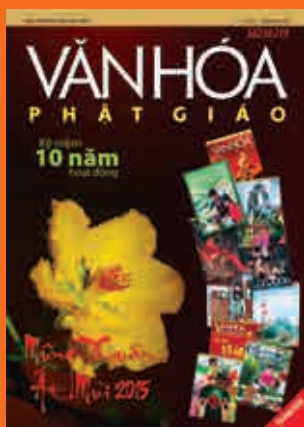
Tất cả những nhu cầu của bạn về sản phẩm trầm đều được đáp ứng tại Mỹ nghệ Trường Kha, một công ty hàng đầu của Việt Nam chuyên cung ứng các sản phẩm trầm phục vụ tín ngưỡng tâm linh của mọi người, đặc biệt là giới Phật tử.

Ngoài chất liệu trầm, khách hàng còn có thể tìm được các sản phẩm thờ cúng, pháp khí có chất liệu từ các loại gỗ quý, đồng. Các vật phẩm phong thủy của công ty làm từ hổ phách, đá pha lê, ngà, gôm tử sa,... cũng sẽ giúp bạn tìm được thú vui trưng bày tại nhà ngày Tết.

Xin vui lòng lướt qua địa chỉ trang web www.truongkha.vn trước khi đến các showroom của công ty để chọn lựa sản phẩm, bạn nhé!

Chuyên sản xuất và cung cấp các sản phẩm được làm từ trầm hương nguyên chất.





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@vnn.vn

Tên tài khoản:
Tập chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Trích... Thư chúc Tết của Đức Pháp chủ GHPGVN	2
Sương mai	3
Kỷ niệm mười năm VHPG 2005 - 2015	4
Văn Hóa Phật Giáo - Mười năm nhìn lại và bước tới (Nguyễn Cẩn)	5
Tâm-quý dệt một mùa xuân (Văn Mỹ)	8
Giữ mãi tình người (Thích Giác Toàn)	12
Ngũ Trí Như Lai (Nguyễn Thế Đăng)	14
Tôi sẽ về ăn Tết quê nhà (Thị Giới)	18
Ba ông già khó chịu (Vũ Thế Ngọc)	20
Mừng tuổi và chúc thọ (Huỳnh Ngọc Trảng)	24
Bà già ở bến xe (Hồ Anh Thái)	26
Chữ thừa (Hồ Anh Thái)	28
Giao điểm giữa Thiện và Hậu hiện đại (Phan Thanh)	29
Câu chuyện từ thiện (Hoàng Tá Thích)	32
Tôi chưa mất trí (Meg Hutchinson - Phạm Lệnh Hồ dịch)	35
Tết gần... nhà xa (Lê Từ Hiền)	38
Chỉ có một dòng tâm thức đang vận hành (Nguyễn Tường Bách)	40
Ngựa hồng đã mời vó... (Đỗ Hồng Ngọc)	42
Buông... (Nguyễn Sỹ Hồ Trần)	45
Những cành mai trong vườn thơ trung đại (Phạm Tuấn Vũ)	48
Mùa xuân đến rồi đó (Bùi Sỹ Căn)	51
Người đưa thư có trở lại? (Cao Huy Hóa)	52
Hội ngộ trên tạp chí (Cao Huy Hóa)	54
Đôi điều suy nghĩ về tạp chí Văn Hóa Phật Giáo (Hải Trình)	55
Một năm đến với Văn Hóa Phật Giáo (Trần Kiềm Hạ)	56
Nỗi nhớ sương mù (Nguyễn Thánh Ngã)	57
Ngày xuân viếng chùa Sắc tứ Tam Bảo Hà Tiên (Phạm Chu Sa)	58
Cười bằng mười thang thuốc bổ (Nguyễn Hữu Đức)	60
Buông tay giờ đã muộn rồi (Lê Đình Uyển)	62
Mưa hoa bên sườn đồi (Nhụy Nguyên)	64
Thơ (Trường Khánh, Nguyễn Quỳnh Thi, Thích Thiện Thông, Lan Thương, Nguyễn Từ, Trương Nam Hương, Phan Trung Thành, Gia Huy, Nguyễn Cát Chuyển, Nguyễn Ngọc Minh, Lê Nghi, Trần Vô Thành Văn)	67
Vị ngọt Huế xuân xưa (Hồ Đắc Thiếu Anh)	70
Nghe hạnh phúc lan tỏa (Trần Nguyên Hào)	72
Tại sao cần phải thiền định? (Matthieu Ricard - Hoang Phong dịch)	74
Đường về xứ Tạng (Trường Kha)	76

Bìa 1: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo Kỷ niệm 10 năm hoạt động.
Ảnh: Mai Nam

Trích

Thư chúc Tết

**của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam
gửi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài**

Hà Nội, ngày 01 tháng Giêng năm Ất Mùi

... Nhân dịp chào đón Xuân mới Ất Mùi, dương lịch 2015, Phật lịch 2558, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tôi có lời chúc mừng năm mới, lời thăm hỏi ân cần và cầu nguyện hồng ân của mười phương chư Phật, chư lịch đại Tổ sư Việt Nam gia hộ cho các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài một năm mới an khang thịnh vượng, vô lượng cát tường và thành tựu mọi Phật sự...

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát



Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ



**Những ai đã đoạn trừ
Cả tham, sân và ái
Nói lên lời đúng pháp
Họ mới thành thiện nhân.
(*Kinh Tương Ưng Bộ*
Chương Tương ưng Bà-la-môn)**



Ảnh: **Nguyễn Đình Niêm**

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Kỷ niệm

10
năm

hoạt động
(2005 - 2015)



Văn Hóa Phật Giáo

Mười năm nhìn lại và bước tới

NGUYỄN CÂN

Con đường lập ngôn

Từ số báo đầu tiên xuất hiện vào mùa xuân năm Ất Dậu 2005, Ban Biên tập ngày ấy đã xác định tôn chỉ: lập ngôn theo con đường văn hóa Việt Nam mà tư tưởng Phật giáo là nền tảng. Thử hỏi, trong suốt dòng lịch sử bốn ngàn năm, luồng tư tưởng nào là chủ đạo cho sự tồn vong và phát triển của dân tộc Việt nếu không là Phật giáo. Có thể khẳng định, Phật giáo không chỉ đồng hành mà là cốt tủy, là suối nguồn của tư tưởng Việt.

Trong bài kệ số 6, phẩm Đạo hành thuộc kinh *Pháp Cú Hán tạng*, Đức Phật dạy:

*Khởi thời đương tức khởi
Mạc như ngu phú uyên
Dữ đọa dữ chiêm tụ
Kế bãi bất tiến đạo.*

Nghĩa: *Tới giờ thức dậy thì phải dậy, đừng như bọn ngu phu kia cứ muốn che lấp vực sâu, sống đời sa đọa không có dũng khí; sợ mệt thì không thể đi tới được trên con đường Đạo* (trích trong *Kết một tràng hoa*, bản dịch *Pháp Cú Hán tạng* do Thiền sư Nhất Hạnh thực hiện).

Và Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* vẫn can đảm đi trên con đường đã chọn suốt mười năm qua, không sợ sệt, đầy dũng khí và trách nhiệm, nói lên tiếng nói của những người con Phật; trên tinh thần thận trọng và giữ ý trong chánh niệm, cái gì bất thiện thì không nói không làm (*Thận ngôn thủ ý niệm; thân bất thiện bất hành*).

Cứ thế, tờ báo với chức năng lập ngôn đã luôn trung thành với tôn chỉ ban đầu, đã đem đến những cái nhìn sâu sắc và xuyên suốt vào tất cả những sự kiện quan trọng xảy ra trong đời sống xã hội chúng ta, trên đất nước chúng ta; những sự kiện đó luôn được lý giải, phân tích và đưa ra những giải pháp đề nghị dưới lăng kính Phật giáo. Có thể còn có chỗ nông sơ, có chỗ chưa rõ ràng, thấu đáo hết mọi phía; nhưng tựu trung, xuất phát từ thiện ý xây dựng một nền văn hóa nhân bản, khai phóng và dân chủ, bất chấp những xung đột ý thức hệ, nếu có, giữa các chủ thuyết của thời đại vốn chất chứa nhiều mâu thuẫn và độc đoán. *VHPG* đã đem đến một bữa cơm nhiều món, từ những món chính như những bài xã luận, những trang Phật học nghiêm túc, đến những câu chuyện tưởng



chừng có vẻ ngoài lễ nhưng đầy thú vị như những món ăn đậm, khai vị hay tráng miệng như Lời cảm ơn cuộc sống, câu chuyện chữ nghĩa, những bài tùy bút, những vần thơ nhiều thiên vị. Tất cả đều thanh đạm, đều không chứa phụ gia, hóa chất độc hại như những món ăn mà đa số công chúng đang phải nếm trên thị trường sách báo, phim ảnh hiện nay. Theo giáo lý Tứ thực, chúng ta biết rằng khi tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp qua sáu giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, chúng ta đã tiếp nhận một nguồn thức ăn gọi là xúc thực. Nhưng hiện nay xã hội đang bị bủa vây xung quanh bởi biết bao nhiêu hình ảnh, tin tức hàng ngày, để rồi chúng len lỏi, ám ảnh tâm trí người đọc qua các trang tin điện tử, báo giấy, truyền hình, phim ảnh; nguy hiểm nhất là những thông tin được truyền tải theo kiểu vô trách nhiệm. Chúng ta phải nghe, phải đọc không biết bao nhiêu là những tin giật gân (hot news) kiểu “tình tiền tù tội”, cha giết con, vợ giết chồng... Các trang web hay trang báo ấy không chỉ dừng lại ở thông tin mà còn khai thác những chuyện bên lề, mô tả tỉ mỉ tội ác. Loại thức ăn nhiễm độc ấy sẽ thâm nhập tâm hồn người đọc nhanh chóng, nhất là vì trình độ hay kinh nghiệm còn non nớt của giới trẻ, rất dễ bị cuốn hút. (*VHPG* có lần đã phê phán hiện tượng báo lá cải). Nhưng cái mà chúng ta cần xây dựng là tư niệm thực



– hay nói cách khác, đó chính là lý tưởng của chúng ta. “*Chừng nào lý tưởng còn, chúng ta còn hạnh phúc; chừng nào ta cảm thấy chán, đánh mất tâm ban đầu, thì lúc đó hạnh phúc không còn nữa*” (Thiền sư Nhất Hạnh).

Có lý tưởng thì ta bước đi vững vàng vì biết mình đang đi đâu, về đâu, vì ta biết rõ con đường mình đang đi sẽ dẫn tới đâu. Nhưng để nuôi dưỡng lý tưởng đó, chúng ta cần có một môi trường phù hợp, hay đó chính là nguồn thực phẩm thứ hai, thức thực. Khi làm công việc nhận thức, tâm cũng giống như cơ thể nên nếu tâm chúng ta tiếp nhận những món ăn độc hại, thì tâm thức ta biểu hiện ra y báo và chánh báo không lành mạnh. Những gì ta thu được qua các giác quan và trí tưởng tượng đều như muôn sông chảy về biển tâm thức. Và thế là những vô minh, hận thù, và buồn khổ của chúng ta đều trở về với biển tâm ta... Vì vậy, chúng ta phải biết mỗi ngày chúng ta nhận vào tâm thức của ta những món ăn nào. Nếu với những phương tiện truyền thông tràn ngập thông tin tai hại, chằng chịt tâm thức chỉ toàn là trạo cử, hôn trầm, giải đãi, phóng dật. Góp phần giáo dục quần chúng đọc giả những khái niệm về luật Nhân quả, về Tứ vô lượng tâm, Bát chánh đạo... nhằm phục hưng niềm tin vào thiện căn con người vốn đang mai một, chìm khuất dưới dục vọng phải là nhiệm vụ của mọi phương tiện truyền thông theo chính đạo. Xã hội chúng ta hôm nay đang đối diện với nhiều vấn đề: sự đổ vỡ niềm tin, lý tưởng sống mù mờ, bạo lực trở thành một lối hành xử phổ biến trong các va chạm xích mích bất đồng, môi trường nhiễm độc vì những kẻ mê muội làm giàu bất chấp nhân sinh, tàn phá sức khỏe vật chất và tinh thần của đồng loại. Nhiệm vụ của những người làm báo hay xây dựng ngôn luận là gióng lên tiếng nói trung thực và thuyết phục công luận đứng về phía chân lý hay công lý, là tẩy sạch hay ngăn ngừa sự băng hoại, suy thoái môi trường văn hóa và sinh thái tâm hồn, là xây dựng thiện nghiệp từ trong ý niệm. Con đường chúng ta đi là chánh đạo và là con đường thẳng nghĩa.

Mặt trận văn hóa cần những thắng nhân thời đại

Chúng ta phải giữ gìn thân và tâm bằng chánh kiến và chánh niệm để các độc tố trong cuộc đời không thể bám lại và tàn phá thân tâm ta. Trong ý nguyện và tinh thần đó, tập thể Ban Biên tập *VHPG* và những cộng tác viên đã tìm thấy tiếng nói chung trong tập hợp những con người cùng hoài bão, lý tưởng. Tập thể đó, dù chưa phải số đông, cũng đủ để tạo những năng lượng tích cực trong một xã hội, hay suy rộng ra, trong một thế giới nơi mà những thế lực cuồng vọng của cái ác có khi chiếm giữ những vị trí chi phối. Thế nên tờ báo ra đời và được duy trì với những nỗ lực tốt bậc trong hoàn cảnh ngặt nghèo bởi những người nhằn nại gieo trồng những hạt giống tốt cho hôm nay, hy vọng gặt hái trên cánh đồng thiện tâm của ngày mai. Trong kinh *Pháp Hoa* có nêu lời Phật dạy:

“*Có những nhân rất nhỏ nhưng chính những nhân ấy đưa ta đến những kết quả rất lớn*”.

Người làm báo, hay nói theo ngôn ngữ thời thượng là chiến sĩ văn hóa, sống trong môi trường đầy cạm bẫy và cạm dỗ mà bất kỳ ai cũng phải cảnh giác nếu không muốn rơi vào vòng xoáy của danh lợi phù phiếm hay thậm chí tội lỗi do làm sai, làm bậy. Là người Phật tử, chúng ta hiểu phải nương tựa vào Chánh pháp, vào sự tu tập của chính mình, để khắc chế những ham muốn đặt được bằng mọi giá bất chấp thủ đoạn... như hàng loạt những vụ việc diễn ra gần đây:

*Loài người bị đắm say
Trong tài sản, trong dục
Họ tham lam điên dại
Trong các dục ở đời
Không ý thức rõ ràng
Đã quá độ say mê
Chẳng khác gì con nai
Không thấy đặt bẫy sập
Về sau họ khổ đau
Chịu quả báo ác nghiệp.*

(Kinh Thiểu số; Tuyển tập *Tương Ưng Bộ*)

Trên tinh thần đó, trong mười năm qua *VHPG* với những cây viết nhiều thành phần, và dù có khác nhau về tuổi tác hay kinh nghiệm, luôn không ngừng suy nghĩ, phân tích con người và xã hội hôm nay nhằm tìm ra những phương thức khắc chế lòng tham, tâm si muội để quay về Chánh pháp, nhận ra sự bình yên đích thực của lòng mình, của đời mình:

*An trú trên Chánh pháp
Đời này được tán thán
Đời sau được hoan hỷ
Trên cảnh giới chư thiên*

(Kinh Trở thành giàu; Tuyển tập *Tăng Chi Bộ*)

Chúng ta hiểu phúc lạc không ai ban cho nên cũng không ai lấy được của ta vì đó là kết quả của công đức, của thiện nghiệp do ta tạo và tích lũy. Nhiều bài viết nhận định rõ rằng “*cơ chế thị trường*” chỉ tác động đến lòng Tham nói chung, còn người chấp hữu chính là từng cá nhân, là kẻ thù ghê gớm nhất đang ngồi trong đáy lòng ta, nhất là khi vắng bóng lương tâm. Rõ ràng, không kẻ thù nào nguy hiểm hơn chính TA! Trong mười ác nghiệp thì khẩu và ý chiếm đến bảy. Tờ báo nhằm xây dựng ngôn luận và chuyển biến tâm thức, nghĩa là thay đổi phần lớn hay toàn bộ con người từ trong suy tưởng. Nhà Phật đã chỉ ra rằng khoảng cách giữa thiện và ác vốn rất gần: chỉ một sát-na phóng tâm là tạo nghiệp...

Nhiệm vụ của người làm báo là cảnh giác từ trong ý niệm, từ lúc còn bé, còn rất trẻ, được rèn luyện, huấn tập từ trong tâm thức, sao cho tránh ác làm lành, sợ “*nhân*” hơn sợ “*quả*”. *VHPG* đã nhìn thẳng vào nguyên nhân của sự việc và gọi đúng tên: *Sự suy thoái của nền văn hóa*

như một tổng thể trong đó có giáo dục. Văn hóa là một trong những rường cột vực dậy xã hội, đất nước. Chúng ta từng có một nền văn hóa tự chủ, độc lập, là nền tảng giúp chúng ta tồn tại sau ngàn năm bị Trung Hoa đô hộ. Chúng ta chủ trương phục hoạt lại nền văn hóa với những giá trị truyền thống cần gìn giữ trên nền tảng vững chắc để có thể tiếp thu những văn minh của thời đại mới. Và triết học Phật giáo, may thay, mang tính chất vượt thời gian; và chính đặc tính này đem lại sự thích hợp của Phật giáo với mọi thời đại khi con người tiến tới phía trước. Nhiều người thường tự hỏi rằng tại sao Phật giáo lại được gọi là “Akālika”, nghĩa là “không thời gian” (timeless), một giáo lý đã hiện hữu trong nhiều thế kỷ qua. Càng thấy những thay đổi xảy ra trong Phật giáo, chúng ta càng thấy rõ Phật giáo đã luôn tự điều chỉnh đáp ứng mọi đòi hỏi của các dân tộc khác nhau, các nền văn hóa khác nhau trong những thời đại khác nhau, kể cả mọi cá nhân với những dị biệt và tính cách riêng. Nếu Phật giáo tồn tại và được ứng dụng trong thực tiễn ngày nay, đó là vì tính phi thời gian của Phật giáo bao gồm một hệ thống những giá trị vĩnh cửu. Ngài Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phật học Mahinda ở Sri Lanka, Giáo sư Frank Lee Woodward (1871-1952), một trong những dịch giả nổi tiếng về lời dạy của Đức Phật, đã từng nói Phật giáo là “tôn giáo tự thân vận động” (a do-it-yourself religion). Điều đó giải thích có hàng trăm ngàn hay hàng triệu người chưa bao giờ nghĩ rằng mình theo đạo Phật, hay vào một ngôi chùa Phật giáo nào, cũng như chưa bao giờ thọ giới, quy y, hay có pháp danh, và tự nhủ mình chỉ cần sống theo lương tâm trong sáng của mình, không gây hại cho ai, tử tế với mọi người, là đủ. Đó chính là lối sống mà chúng ta, những người làm báo Phật giáo đang cố xúy. Vì Đức Phật đã dạy rất đơn giản, chỉ cần sống tuân thủ năm nguyên tắc không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu - những yêu cầu căn bản về giới luật nền tảng của Phật giáo. Đồng thời, cần phải tu tập TÂM vì “Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác”. Đức Phật nói rằng mỗi người là chủ nhân của chính mình.

Điều quan trọng ngày nay cần làm là trang bị cho mọi người, đặc biệt tuổi trẻ Việt Nam hôm nay, ngoài kỹ năng sống còn là kỹ năng yêu thương và biết đón nhận yêu thương từ người khác. Đức Phật từng giảng giải về nguyên tắc: nếu hoa sen có thể vươn lên thuần khiết giữa ao bùn thì tình yêu vẫn có thể nảy nở từ trong thực tại đau thương hay bất hạnh. Qua tờ báo, Ban Biên tập Tạp chí VHPG đã không ngừng đăng tải những bài viết hướng về những giá trị nhân bản đã nêu. Từng cá nhân người làm báo, trước khó khăn vật chất của bản thân và nguồn lực hạn chế bên ngoài với rất nhiều gian nan, đã luôn “vượt qua chính mình” để trở thành những thắng nhân (self-made man). Đó là tâm huyết của những bậc minh sư, những cư sĩ trí thức và cả những bạn trẻ đến với tờ báo như những người con, người em, lắng nghe, học hỏi và



không nản lòng trước thử thách. Vì mọi người dân thân trong nghiệp báo chí Phật giáo đều tin rằng can đảm bước tới là điều cốt lõi của cuộc sống và là tinh thần Phật tử. Khi viết bài “Nâng cao phẩm chất cuộc sống” trong số 162, chúng tôi có trích một vài suy tưởng về hạnh phúc lấy từ bài viết *Hạnh phúc, sự u buồn và... sự thật* của tác giả Kỳ Duyên đăng trên trang mạng *Tuần Việt Nam* của *Vietnamnet* ngày 23-6-2012. Xin được ghi lại để nói lên tâm sự người làm báo:

Hạnh phúc là không phải đọc những tin hàng chục bé sơ sinh và bà mẹ tử vong chỉ vì sự tắc trách của thầy thuốc.

Hạnh phúc là hai ba người bệnh không phải nằm chung một giường bệnh.

Hạnh phúc là không phải “đạp đổ cổng trường” để xin học cho con.

Hạnh phúc là trẻ lớp Một không phải học thêm, không phải đeo cặp sách nặng oằn vai, tuổi thơ không bị... “đánh cắp”.

Hạnh phúc là ra đường không bị kẹt xe, không gặp phải sự... vô cảm khi cần giúp đỡ.

Hạnh phúc là không phải đọc công ty này thất thoát nghìn tỷ, công ty kia vay nợ nghìn tỷ đều là tiền thuế của dân.

Hạnh phúc là không phải đọc báo chỉ toàn cướp, giết, hiếp, toàn sốc, sex, sến.

Và kết luận: *Hạnh phúc của nghề báo đơn sơ lắm. Chỉ có một mong ước, là viết... đúng sự thật. Và chỉ sự thật mà thôi!*

Đó là ước mơ của người làm báo. Mong rằng trong tinh thần Phật giáo nhân bản, thực tiễn và khai phóng, mọi người sẽ nhìn nhận cuộc đời với cái nhìn mới mẻ, bao dung và dù có là Phật tử hay không, hãy cứ là một chúng sinh, nhưng là một chúng sinh hạnh phúc, có kỹ năng cho đi và tiếp nhận hạnh phúc từ cuộc đời với tâm hồn luôn rộng mở. Được như thế, tờ báo sẽ có thêm nhiều động lực để tồn tại và phát triển. Hãy cùng cầu nguyện cho niềm tin yêu ấy! ■



Tàm-quý

dệt một mùa xuân

VĂN MỸ

Trong phương pháp giáo dục giúp cho nhân loại nhận diện con đường đi ra khỏi khổ đau, hướng đến xây dựng cuộc sống hạnh phúc an lạc, Đức Phật mở đầu bằng việc nhấn mạnh đến tàm (*hiri*) và quý (*ottapa*), hai tâm lý đạo đức căn bản khơi nguồn cho một lối sống chân chánh hiền thiện đưa đến hoàn thiện con người, hoàn thiện nhân tính¹. Theo lời Phật thì tàm và quý, tức tâm lý xấu hổ (tàm) và sợ hãi (quý) đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, là các phẩm chất đáng quý của con người, khiến cho con người trở nên đúng nghĩa là người, là cơ sở để phân biệt giữa thế giới loài người và thế giới loài vật, giữa khả năng tiến hóa của con người và bản năng hầu như không thay đổi của loài vật. Chính vì thế mà Ngài gọi tàm và quý là hai pháp trắng (trong sáng) che chở cho thế giới, khiến cho loài người biết tạo lập và tuân thủ nếp sống có luân thường đạo lý, xã hội loài người vận hành có kỷ cương, có đạo đức, có lý trí, có tôn ti, có trật tự, khác với thế giới loài vật chỉ hoạt động theo bản năng thú tính. Ngài nêu rõ tầm quan trọng mang tính đạo đức luân lý của tàm và quý:

*"Hai pháp trắng này, này các Tỷ-kheo, che chở cho thế giới. Thế nào là hai? Tàm và quý. Nếu hai pháp trắng này không che chở cho thế giới, thời không thể chỉ được đây là mẹ, hay là em, chị của mẹ, hay đây là vợ của anh hay em của mẹ, hay đây là vợ của thầy hay đây là vợ của các vị tôn trưởng. Và thế giới sẽ đi đến hỗn loạn như giữa các loài dê, loài gà vịt, loài heo, loài chó, loài dã-can. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho thế giới, nên mới có thể chỉ được đây là mẹ, hay đây là chị em của mẹ, hay đây là vợ của anh hay em của mẹ, hay đây là vợ của thầy, hay đây là vợ các vị tôn trưởng"*².

Các định nghĩa và việc đánh giá cao của Đức Phật về hai đức tính tàm và quý cho chúng ta thấy vì sao tàm-quý được nhấn mạnh như là nền tảng của nếp sống đạo đức hướng thượng của con người, đồng thời là nền tảng để xây dựng một xã hội hiền thiện. Trong cách nói của Ngài, Đức Phật gọi tàm và quý là các năng lực sáng suốt (*bala*) giúp cho con người nhận rõ và ngăn tránh những việc làm bất thiện, những lời nói bất thiện và những ý nghĩ bất thiện, tức những điều kiện căn bản để con người đi đến tự hoàn thiện và hướng đến hoàn thiện xã hội:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tàm lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng hổ thẹn đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, hổ thẹn đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tàm lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quý lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi, sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sợ hãi đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là quý lực³.

Trong một văn cảnh khác, bậc Giác ngộ xem tàm và quý là các tài sản quý giá (*bhoga*) mà con người cần phải biết vận dụng và phát huy để làm giàu sang cho đời sống đạo đức tâm linh của chính mình hướng đến việc xây dựng một xã hội hiền thiện:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tàm tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có xấu hổ, xấu hổ đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, xấu hổ vì thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tàm tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quý tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có lòng sợ hãi, sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sợ hãi vì thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quý tài⁴.

Cứ theo lời Phật dạy thì tàm và quý là hai phẩm chất đáng quý của nhân loại, có khả năng giúp cho con người phát huy nếp sống đạo đức, hướng đến hoàn thiện chính mình, hoàn thiện nhân tính⁵. Đó là tâm lý hổ thẹn và sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, có công năng ngăn chặn các hành vi bất thiện, hướng con người đến lối sống chân chánh, hiền thiện, có chế ngự, có giới đức, không xấu ác, không lỗi lầm, không phóng dật. Nói cách khác, tàm và quý chính là điều kiện căn bản khơi nguồn cho lối sống rời xa các ác nghiệp (sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến), thực thi các thiện nghiệp (từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân hận, từ bỏ tà kiến) mà mỗi người cần phải nỗ lực nuôi dưỡng và phát huy nhằm nâng

cao nếp sống đạo đức của chính mình, đồng thời góp phần xây dựng đời sống đạo đức hiền thiện của xã hội.

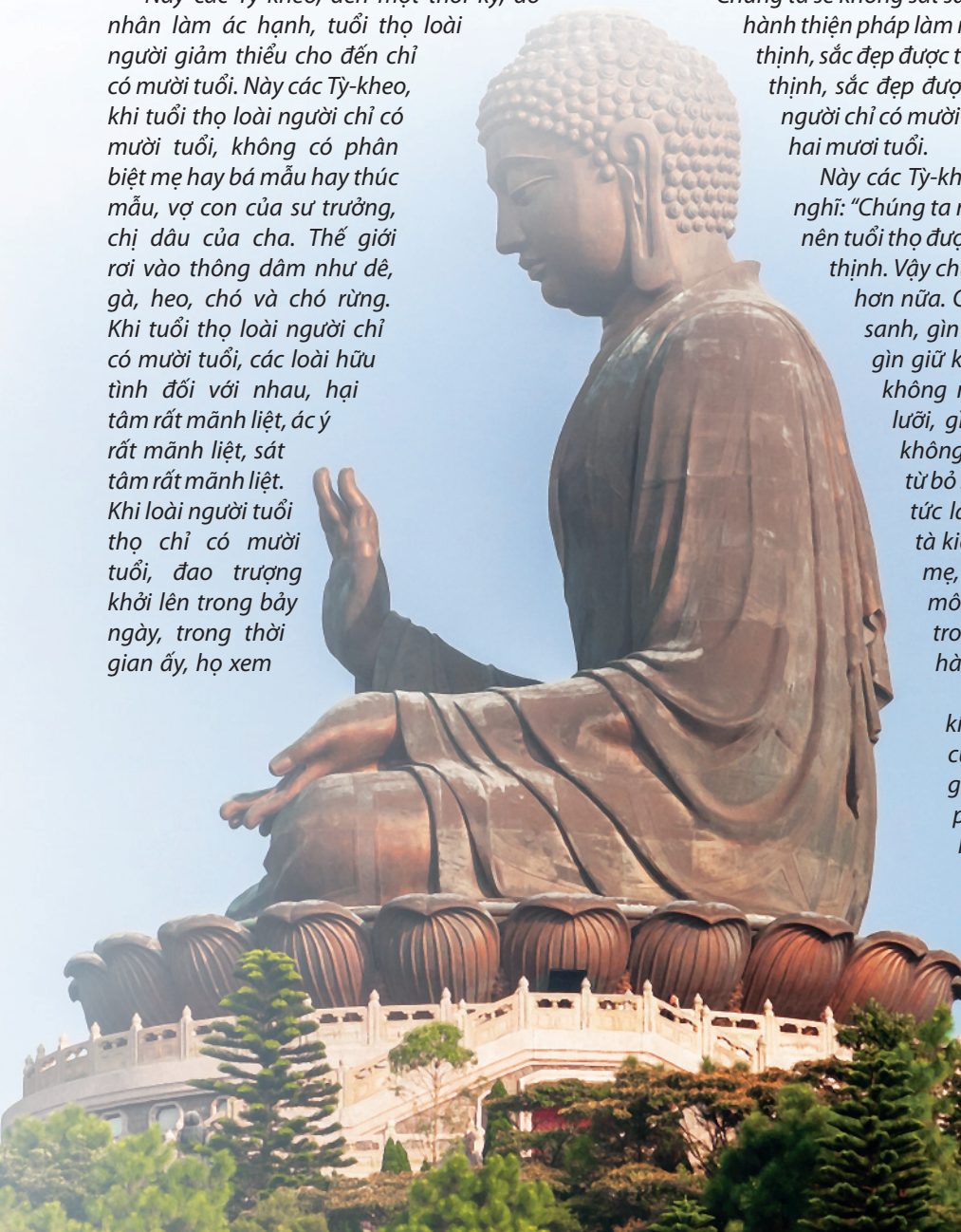
Kinh Phật có nói đến sự kiện, rằng do tích tập nghiệp ác lâu ngày nên đến một giai đoạn xã hội loài người rơi vào tai họa trầm trọng, loài người đi đến tình trạng đối xử với nhau như loài thú và rơi vào cảnh tàn sát lẫn nhau không thương tiếc đến độ chỉ một số nhỏ còn sống sót nhờ bỗng bề nhau trốn vào rừng sâu do biết thương quý sự sống, lo sợ cảnh tương tàn. Sau thảm họa thảm khốc ấy, những người may mắn còn sống sót bắt đầu sinh tâm tầm-quý, nhận ra sự nguy hại của ác nghiệp và khuyến khích nhau sống theo thiện nghiệp. Họ là những người cứu cho nhân loại thoát khỏi thảm họa diệt chủng, mở ra một trang sử mới cho xã hội loài người, trang sử về một xã hội hiền thiện dựa trên thiện pháp:

"Ngày các Tỳ-kheo, đến một thời kỳ, do nhân làm ác hạnh, tuổi thọ loài người giảm thiểu cho đến chỉ có mười tuổi. Ngày các Tỳ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, không có phân biệt mẹ hay bá mẫu hay thúc mẫu, vợ con của sư trưởng, chị dâu của cha. Thế giới rơi vào thông dâm như dê, gà, heo, chó và chó rừng. Khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loài hữu tình đối với nhau, hại tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Khi loài người tuổi thọ chỉ có mười tuổi, đao trượng khởi lên trong bảy ngày, trong thời gian ấy, họ xem

nhau như loài thú, đao kiếm sắc bén hiện ra trong tay của họ. Với đao kiếm sắc bén ấy, họ tàn hại mạng nhau, xem nhau như loài thú. Ngày các Tỳ-kheo, giữa các loài hữu tình ấy, một số suy nghĩ: "Chúng ta chớ giết ai; mong đừng ai giết chúng ta. Chúng ta hãy đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc hay kẻ núi và sống với rễ và trái cây". Họ đi vào rừng cỏ, rừng sâu, hang cây, sông ngòi hiểm hóc, hay kẻ núi và sống với rễ và trái cây. Một thời gian sau họ từ kẻ núi đi ra, ôm lấy nhau, cùng nhau an ủi, khoan khoái nói với nhau: "Sung sướng thay được thấy bạn còn sống! Sung sướng thay được thấy bạn còn sống!". Ngày các Tỳ-kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Vì chúng ta tạo nhân bất thiện pháp nên bà con chúng ta bị giết hại nhiều như vậy. Vậy chúng ta hãy làm điều thiện. Chúng ta làm điều thiện như thế nào? Chúng ta chớ có sát sanh. Đó là điều thiện chúng ta có thể làm". "Chúng ta sẽ không sát sanh", đó là điều thiện họ làm. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ của họ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vì tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh, nên tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi nhưng con của họ, thọ đến hai mươi tuổi.

Ngày các Tỳ-kheo, rồi các loài hữu tình ấy suy nghĩ: "Chúng ta nhờ hành thiện pháp làm nhân, nên tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh. Vậy chúng ta hãy làm việc thiện nhiều hơn nữa. Chúng ta hãy gìn giữ không sát sanh, gìn giữ không lấy của không cho, gìn giữ không làm các tà hạnh, gìn giữ không nói láo, gìn giữ không nói hai lưỡi, gìn giữ không ác khẩu, gìn giữ không nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ tà kiến, từ bỏ ba pháp tức là phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến. Chúng ta hãy hiếu kính cha mẹ, kính lễ các vị Sa-môn, Bà-la-môn, cung kính các vị cầm đầu trong gia đình. Chúng ta hãy thực hành thiện pháp ấy."

Họ hiếu kính mẹ, hiếu kính cha, kính lễ các vị Sa-môn, Bà-la-môn, cung kính các vị cầm đầu ở trong gia đình, họ thực hành thiện pháp này. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ tăng thịnh, sắc đẹp tăng thịnh. Vì tuổi thọ





họ tăng thịnh và sắc đẹp tăng thịnh, tuổi thọ loài người đến hai mươi tuổi và các người con sẽ lên đến bốn mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến bốn mươi tuổi và các người con sẽ lên đến tám mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến tám mươi tuổi và các người con sẽ lên đến một trăm sáu mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến một trăm sáu mươi tuổi và các người con sẽ lên đến ba trăm hai mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến ba trăm hai mươi tuổi và các người con sẽ lên đến sáu trăm bốn mươi tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến sáu trăm bốn mươi tuổi và các người con sẽ lên đến hai ngàn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến hai ngàn tuổi và các người con sẽ lên đến bốn ngàn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến bốn ngàn tuổi và các người con sẽ lên đến tám ngàn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến tám ngàn tuổi và các người con sẽ lên đến hai vạn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến hai vạn tuổi và các người con sẽ lên đến bốn vạn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến bốn vạn tuổi và các người con sẽ lên đến tám vạn tuổi”⁶

Như vậy, tùy vào nghiệp lực hay lối sống của cộng đồng (cộng nghiệp) mà một xã hội, một đất nước hay một xứ sở có thể đi đến hiền thiện hay hung bạo, thái bình hay biến loạn theo đó mọi người sống trong xã hội đều cộng hưởng. Nếu con người không biết nuôi dưỡng tâm tâm-quý, không nhận ra sự nguy hại của thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, cứ để cho ác nghiệp chi phối và dẫn dắt cuộc sống của mình thì sớm muộn hậu quả xấu ác sẽ xảy ra và mức độ tàn hại của nó thì rất khó lường. Trái lại, nếu mọi người biết phát huy tâm-quý, thấy rõ hậu quả nguy hại của thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác và kiên quyết từ bỏ, không để cho ác nghiệp chi phối và dẫn dắt thì theo đó cuộc sống của con người sẽ được cải thiện, xã hội và đất nước sẽ được cải thiện, không ngừng được cải thiện, cho đến lúc đạt đến thái bình thịnh vượng. Đây hẳn là ý thức và trách nhiệm chung của hết thảy mọi người trong việc nỗ lực xây dựng một xã hội hiền thiện.

Nhưng nói đến hệ quả diễn biến của xã hội thì không thể không nói đến những con người có trách nhiệm tạo nên đời sống của xã hội, tức những người quản lý và điều hành xã hội. Chính vì vậy mà bên cạnh ý thức của cộng đồng về một xã hội hiền thiện dựa trên thiện pháp mà nền tảng là sự phát huy tâm tâm-quý trong mỗi người, những người có trách nhiệm lãnh đạo và điều hành xã hội đóng vai trò rất lớn trong việc khuyến khích và thúc đẩy nếp sống chân chánh hiền thiện của cộng đồng. Hẳn nhiên, người lãnh đạo phải nêu gương cho mọi người khác về lối sống chân chánh, hiền thiện, không xấu ác, không lỗi lầm, có đạo đức, không phóng túng, không phóng dật. Nói cách khác, người lãnh đạo phải biết nuôi dưỡng và phát huy tâm tâm-quý thường xuyên thì mới có đủ đức năng để định hướng và dẫn dắt nếp sống chân chánh hiền thiện của cộng đồng. Vua Pasenadi nước Kosala từng thưa hỏi Đức Phật:

“- Bạch Thế Tôn, có một pháp nào có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau?

- Thưa Đại vương, có một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau.

- Bạch Thế Tôn, pháp ấy là gì, có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau?

- Bất phóng dật, thưa Đại vương, là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau. Do vậy, này Đại vương, Đại vương cần phải học tập như sau: ‘Tôi sẽ là thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du’. Như vậy, này Đại vương, Đại vương cần phải học tập. Này Đại vương, để có thể trở thành thiện hữu, thiện bạn hữu, thiện giao du, Đại vương cần phải y cứ, an trú vào một pháp, tức là không phóng dật trong các thiện pháp.

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các nữ cung nhân sẽ suy nghĩ: ‘Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật’.

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các vị Sát-đế-lỵ chư hầu sẽ suy nghĩ: ‘Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật’.

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các dân chúng ở thị trấn và quốc độ sẽ suy nghĩ: ‘Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật’.

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời tự ngã được che chở, hộ trì, nội cung được che chở, hộ trì, kho tàng được che chở, hộ trì, quốc độ được che chở, hộ trì”⁷.

Không phóng dật tức là không để cho mình rơi vào lối sống bất chánh, phi pháp, xấu ác (thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác) tạo khổ đau cho mình và gây phiền lụy khổ đau cho người khác; muốn vậy thì cần phải tu luyện bản thân, phải biết nuôi dưỡng và phát huy tâm tâm-quý. Người càng có chức quyền thì càng phải lo tu luyện bản thân, phải biết nuôi dưỡng và phát triển tâm tâm-quý. Vì khi tâm-quý có mặt và phát triển lớn mạnh thì người lãnh đạo mới chống lại được những thứ cảm dỗ xấu ác ở chung quanh, mới tuân thủ lối sống chân chánh, hiền thiện, thể hiện nếp sống có đạo đức, có lý trí, không rơi vào buông lung phóng dật, không phạm điều sai trái, mới trở thành người chân chánh, xứng đáng được mọi người khác tin tưởng và noi gương. Kinh Phật xác nhận vai trò dẫn dắt gắn liền với trách nhiệm đạo đức của nhà lãnh đạo đối với vận mệnh của một xứ sở:



*Khi đàn bò lội sông,
Đầu đàn đi sai lạc,
Cả đoàn đều đi sai,
Vi hướng dẫn sai lạc.
Cũng vậy, trong loài Người,
Vị được xem tối thắng,
Nếu sở hành phi pháp,
Còn nói gì người khác,
Cả nước bị đau khổ,
Nếu vua sống phi pháp.
Khi đàn bò lội sông,
Đầu đàn đi đúng hướng,
Cả đoàn đều đúng hướng,
Vi hướng dẫn đúng đường.
Cũng vậy, trong loài Người,
Vị được xem tối thắng,
Nếu sở hành đúng pháp,
Còn nói gì người khác,
Cả nước được an vui,
Nếu vua sống đúng pháp⁸.*

Nhìn chung, tâm và quý là hai phẩm chất đáng quý và quan trọng của con người, có công năng giúp cho cá nhân đi đến hoàn thiện hướng đến xây dựng xã hội hiền thiện. Theo lời Phật thì đó là năng lực bẩm sinh (*ajjhattabala*) của con người, có công năng giúp cho loài người tiến hóa theo chiều hướng tốt đẹp, từ lối sống mê lầm xấu ác chuyển sang nếp sống chân chánh hiền thiện, từ địa vị phàm phu đạt đến địa vị bậc Thánh. Vì vậy, tâm và quý còn được xem là các tài sản quý giá vốn có (*ajjhattabhoga*) của con người mà mỗi người cần phải biết vận dụng và phát huy để làm giàu sang đời sống đạo đức tâm linh của chính mình,

đồng thời góp phần xây dựng xã hội trong sáng và hiền thiện.

Người Việt chúng ta sắp sửa đón mừng Xuân Ất Mùi với bao hy vọng và kỳ vọng về một đất nước phát triển hài hòa, một xã hội vận hành hiền thiện còn ở phía trước. Tất cả đều đang trông chờ ở con người và tùy thuộc vào nỗ lực có ý thức của mỗi người dân Việt chúng ta. Chúng ta mong muốn xây dựng một xã hội trong sáng và hiền thiện trong đó mọi công dân già trẻ đều hưởng được không khí thanh bình lợi lạc, không có cảnh mờ tối xấu ác xảy ra khiến nhiều người phải nặng lòng và phiền lòng. Nhưng chúng ta phải bắt đầu từ đâu để xây dựng một xã hội tốt đẹp như vậy? Cứ theo lời Phật thì tâm (*hiri*) và quý (*ottapa*) chính là sức mạnh (*ajjhattabala*) và tài sản (*ajjhattabhoga*) tự nội hết sức quý giá mà mỗi người Việt chúng ta cần phải biết nỗ lực vận dụng và phát huy để tiến đến xây dựng một xã hội hiền thiện, dệt nên một mùa xuân an lạc cho quê hương xứ sở, mùa xuân của nhân tâm trong sáng, của lòng người hướng thiện, của nếp sống làm lành lánh dữ, đưa đến cá nhân hạnh phúc, gia đình đầm ấm, xã hội hiền hòa, đất nước thái bình, muôn dân an lạc. ■

Chú thích:

1. Mã ấp đại kinh, *Trung Bộ*.
2. Kinh Hai loại tội, *Tăng Chi Bộ*.
3. Kinh Rộng rãi, *Tăng Chi Bộ*.
4. Kinh Tài sản rộng thuyết, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh Xấu hổ, *Tăng Chi Bộ*.
6. Kinh Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống, *Trường Bộ*.
7. Kinh Không phóng dật, *Tương Ưng Bộ*.
8. Kinh Phi pháp, *Tăng Chi Bộ*.



Giữ mãi tình người

THÍCH GIÁC TOÀN

Những hiện tượng sa đọa đạo đức vẫn xảy ra khắp nơi trên thế giới, nhất là trong thời đại ngày nay và Việt Nam cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng xu thế đó. Tình người lắm khi bị quên lãng: lừa dối, phản bội, mưu hại, bạo lực, giết chóc... ngay cả giữa những người có quan hệ mật thiết: cha mẹ, con cái, anh chị em, bè bạn,

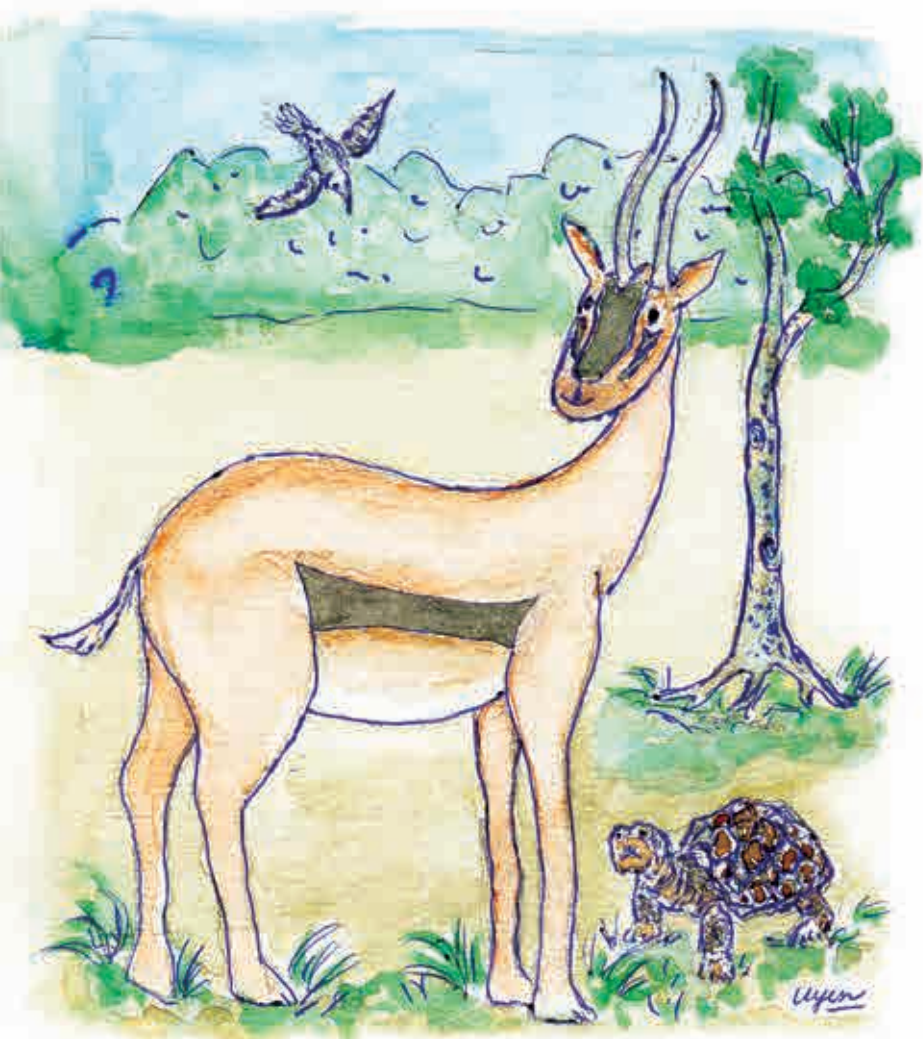
thầy trò... cũng không có ít người vì ích kỷ, nhỏ nhen, vì tư lợi, vì thù hận quá đáng...

Cái xấu ác thì nhiều nhưng vẫn không nhiều bằng sự hiền thiện. Nếu không thế thì sự hỗn loạn đã phá tan xã hội loài người! Điều quan trọng là chúng ta phải làm sao tăng cường, khích lệ sự hiền thiện để chống cái xấu ác. Được sinh làm người đã là kết quả của hiền thiện. Được sinh làm người và sống chung với nhau đã là kết quả của những nhân duyên từ bao đời. Đức Phật dạy rằng mọi người qua vô số đời sống đã từng là cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, bè bạn của nhau. Do đó, lấy tình người làm gốc để giữ gìn, để đối đãi với nhau thì xã hội được an lạc, thế giới hòa bình, gia đình yên vui...

Trước thêm năm Ất Mùi, chúng tôi xin kể lại một truyện Tiền thân của Đức Phật trong Tiểu bộ kinh (Jataka Nikaya) số 206, kể về tình bạn, sự tận tụy vì bạn của một con linh dương (dê núi), một con chim gõ kiến và một con rùa. Truyện kể tình cảm gắn bó của ba con vật, hy sinh, tận tụy bên nhau để cứu nhau, chống lại kẻ ác.

Nhân các Tỳ-kheo bàn tán về việc Đề-bà-đạt-đa âm mưu sát hại Ngài, Đức Phật kể lại câu chuyện thời quá khứ, lúc ấy tiền thân của Đề-bà-đạt-đa cũng đã tìm cách giết hại Ngài:

Thuở xưa có ba con vật là bạn bè thân thiết của nhau là linh dương, chim gõ kiến và rùa như đã nói trên. Một hôm, có người thợ săn theo dấu linh dương, đặt bẫy thông lọng bằng các sợi dây, các sợi dây đan kết thành cái lưới. Trời tối, linh dương đi uống nước thì bị mắc bẫy, bèn kêu cứu. Liền đó, chim gõ kiến từ trên cây leo xuống và rùa từ dưới nước bò lên, cả hai tìm cách cứu linh dương. Chim gõ kiến bảo rùa cố cắn đứt cái thông lọng; còn chim gõ kiến thì lập kế trì hoãn bằng cách tìm đến nhà người thợ săn



ình trước cửa. Sáng sớm, khi người thợ săn cầm dao ra khỏi nhà, chim liền kêu lên và lấy cánh vỗ vào miệng anh ta. Người này cho là điềm xấu nên vào nhà một lát rồi lại cầm dao và đi ra cửa sau. Chim đoán được ý định của anh ta nên lại chờ ở cửa sau, bay vào, đập đôi cánh vào miệng anh ta. Anh thợ săn lại cho là điềm xấu, vào nhà nằm chờ cho đến khi mặt trời lên cao mới cầm dao ra đi. Chim liền bay đến báo cho linh dương biết.

Bấy giờ, rùa đã cắn đứt hết các dây da ở túi bẫy, chỉ còn một sợi cuối cùng. Răng ê ẩm, miệng đổ máu. Khi thấy người thợ săn đến gần, linh dương liền giật đứt sợi dây ấy và chạy vào rừng. Chim gõ kiến bay lên đậu trên cây. Rùa quá yếu đành nằm tại chỗ. Người đi săn bắt lấy rùa, bỏ vào cái túi và treo lên một cành cây. Linh dương thấy bạn bị bắt liền giả vờ quá mệt nên dừng lại. Người thợ săn thấy vậy liền cầm dao chạy đến. Linh dương lại chạy tiếp một quãng đường khá xa, rồi theo đường tắt trở lại gỡ cái túi nhốt rùa, làm cho túi rơi xuống và phá bỏ nó cho rùa thoát ra.

Thế là ba bạn càng thương, càng hiểu nhau hơn. Ai cũng đã chứng tỏ mình đã cố gắng cứu bạn, biết hợp sức, biết hành động đúng đắn, dám hy sinh thân mình vì bạn. Tình bạn do đó càng thêm thắm thiết.

Đức Phật nhận diện bốn sanh: Trong một tiền kiếp, chim gõ kiến là Tôn giả Xá-lợi-phất, rùa là Tôn giả Mục-kiền-liên, người thợ săn là Đề-bà-đạt-đa, còn linh dương chính là Ngài.

Do nhân duyên hội tụ, trong nhiều đời sống quá khứ và trong thời Đức Phật, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên đã cùng gia nhập giáo đoàn của Đức Phật. Đề-bà-đạt-đa là em họ của Đức Phật, cũng gia nhập giáo đoàn, thông minh, có được một số thần thông, được nhiều Tỳ-kheo trọng vọng, nhưng sau đó lại ham danh lợi, muốn chiếm ngôi vị lãnh đạo của Đức Phật, cấu kết với vua A-xà-thế, vua nghe theo trong việc giết vua cha là Tần-bà-sa-la, tìm cách ám hại Phật. Đề-bà-đạt-đa xúi giục vua, cho các cung thủ bắn vào Đức Phật, cho voi dữ đến giày xéo Ngài. Đề-bà-đạt-đa lại còn tự tay lăn đá để giết Phật. Tất cả những âm mưu ấy đều thất bại do oai lực, từ bi của Đức Phật. Đề-bà-đạt-đa còn thuyết phục dẫn 500 Tỳ-kheo, tách giáo đoàn của Đức Phật để lập giáo đoàn riêng do ông ta lãnh đạo. Sự việc này cũng đưa đến thất bại vì hai vị Tôn giả Trưởng đệ tử của Đức Phật là Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên tự thân đến thuyết phục các Tỳ-kheo lầm lỡ kia quay về với Đức Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên là đôi bạn thân từ thuở nhỏ, hai gia đình gắn kết với nhau đã 30 thế hệ, đều là gia đình danh giá, giàu sang, nổi tiếng khắp vùng. Cả hai vị đều rất thông tuệ, đều muốn tìm thầy để tu học, tìm chân lý đưa đến bất tử. Sau khi gia nhập giáo đoàn của Đức Phật không lâu, hai vị đều đắc A-la-hán, và trở thành Trưởng đệ tử của Đức Phật. Ngài Xá-lợi-phất được Phật ban danh hiệu Chánh pháp tướng quân. Cả hai đều là giáo thọ, là ân nhân, là bạn

của các Tỳ-kheo, giúp họ đạt Thánh quả. Kinh điển Phật giáo thường nhắc đến hai vị Đại đệ tử này, xem là gương mẫu cho các đệ tử của Đức Phật. Điều nổi rõ ở hai vị là trí tuệ, thần thông, tình cảm chân thật với mọi người, khiêm tốn, nhẫn nại, dũng cảm. Sinh cùng ngày, viên tịch cách nhau chỉ vài ngày, tình bè bạn giữa hai vị thật không ai sánh kịp, xá-lợi của hai vị được thờ chung ở các tháp. Trong mười ngôi linh tháp ở Sanchi, Ấn Độ, ngôi tháp thứ ba chứa xá-lợi của hai Tôn giả. Sau đó xá-lợi được chia cho Miến Điện, Tích Lan và được thờ trong linh tháp của hai quốc gia này.

Kinh điển (các bộ Nikaya, Luật tạng, Đại sử...) đều ghi chép rất nhiều về hai Tôn giả và cả Đề-bà-đạt-đa nữa. Trong Truyện Tiền thân của Đức Phật (Jataka), Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên và Đề-bà-đạt-đa xuất hiện khá nhiều. Đặc biệt, hai vị Trưởng đệ tử của Đức Phật mỗi vị đã xuất hiện ở không dưới 20 truyện Tiền thân của Đức Phật. Đề-bà-đạt-đa vẫn xuất hiện như một nhân vật xấu ác, hai vị Trưởng đệ tử xuất hiện như là biểu hiện của trí tuệ, hiền thiện.

Trở lại câu chuyện trên, Tiền thân Kurungamiga, số 206 trong truyện Tiền thân của Đức Phật hay còn gọi là kinh *Bốn sanh* (Jataka Nikaya), chúng ta thấy điểm nổi bật của truyện là tình bạn của ba nhân vật đã đề cập, ngoài ra truyện còn có những gợi ý quan trọng:

Linh dương, tiền thân của Bồ-tát (tức Đức Phật khi chưa thành đạo), do tiền nghiệp, làm thân linh dương, bị mắc bẫy nhưng vẫn có trí tuệ, vẫn là nhân vật hiền thiện, can đảm, biết hy sinh vì bạn. Linh dương quay trở lại cứu bạn là biểu hiện cho từ bi, cứu khổ; dẫn dụ người thợ săn đuổi theo, rồi quay về theo đường tắt để cứu bạn là biểu hiện của sự dũng lược và trí tuệ. Chim gõ kiến (tiền thân của Tôn giả Xá-lợi-phất) bày mưu với rùa để giải cứu linh dương, tìm cách trì hoãn người thợ săn ra khám bẫy cũng biểu hiện cho trí tuệ. Rùa (tiền thân của Tôn giả Mục-kiền-liên) cố gắng cắn đứt các dây của bẫy đến ê răng, miệng đổ máu rồi đuổi sức là biểu hiện cho sự tinh tấn, nỗ lực, nhẫn nại. Người thợ săn (tiền thân của Đề-bà-đạt-đa) là đại diện của cái ác, quyết hại người vì mong đạt lợi cho mình; thủ đoạn giết hại linh dương vẫn đeo đuổi qua nhiều kiếp sống và vẫn tồn tại đến thời Đức Phật để tìm cách giết hại Ngài.

Từ ba nhân vật linh dương, chim gõ kiến và rùa, ta có thể từ tình bạn mà suy rộng ra tình người. Con người không chỉ là bẻ bạn, mà như lời Phật đã nêu trên, ai ai cũng từng có liên hệ mật thiết với nhau trong vô số tiền kiếp, nên cần thương yêu, giúp đỡ, tạo hạnh phúc cho nhau. Những nhân tố thiện biết kết hợp với nhau thì sẽ loại trừ được các nhân tố ác. Thiện bao giờ cũng thắng ác, nhưng cái thắng nhanh hay chậm, dễ hay khó thì tùy vào sự quyết tâm của chúng ta thực hiện lời Phật dạy, “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”.

Trăm năm được thọ thân người

Nghìn năm đẹp mãi nụ cười thân thương. ■



Ngũ Trí Như Lai

NGUYỄN THẾ ĐĂNG



Nếu pháp giới là toàn thân Phật Tỳ-lô-giá-na, tại sao “có những sự khác biệt như khổ vui, tốt xấu, thọ ít hưởng nhiều, tất cả nghiệp và báo?”. Đây là câu hỏi Đức Văn-thù hỏi thay cho chúng sanh chúng ta trong chương Bồ-tát vấn minh, thứ 10.

Bồ-tát Giác Thủ trả lời bằng kệ:

*Cứ theo nghiệp đã tạo
Thọ quả báo như vậy
Đều không có tác giả
Đây là lời chư Phật.
Như mặt gương sáng sạch
Tùy theo cảnh đối tượng
Hiện bóng sai khác nhau
Tánh nghiệp cũng như vậy.
Như trên ruộng gieo giống
Chúng đều chẳng biết nhau
Tự nhiên mọc lên cây
Tánh nghiệp cũng như vậy.
Như nhà ảo thuật giỏi
Ở tại ngã tư đường
Hiện ra những sắc tướng
Tánh nghiệp cũng như vậy.
Như máy móc người gỗ
Hay vang ra các tiếng
Nó không ngã, ngã sở
Tánh nghiệp cũng như vậy...*

Bồ-tát Văn-thù lại hỏi: “Chỗ giác ngộ của Như Lai chỉ là một pháp duy nhất, sao lại bảo là có vô lượng pháp, hiện vô lượng cõi, dạy vô lượng chúng, diễn vô lượng âm, hiện vô lượng thân, hiển thị vô biên các thứ cảnh giới. Nhưng trong pháp tánh, các tướng sai biệt này đều bất khả đắc”.

Bồ-tát Đức Thủ trả lời:

*Nghĩa của Phật tử nói
Rất sâu khó rõ được
Người trí biết nghĩa này
Thường chứa công đức Phật.
Như đất chỉ một tánh
Mọi loài ở riêng chỗ
Đất không nghĩ đồng khác
Pháp chư Phật như vậy.
Cũng như một biển lớn
Ngàn vạn làn sóng khởi
Nước biển vẫn duy nhất
Pháp chư Phật như vậy...
Mặt trời không mây che
Chiếu sáng khắp mười phương
Quang minh không sai khác
Pháp chư Phật như vậy...
Ví như đại Phạm vương
Ứng hiện khắp đại thiên
Thân ngài vẫn không khác
Pháp chư Phật như vậy.*

Qua những đoạn kệ trên, chúng ta thấy tất cả là một Phật bản nguyên Tỳ-lô-giá-na, không sanh không diệt, không đến không đi, không đoạn không thường, không một không khác, mà tùy theo tâm thức nhiễm ô nghiệp báo thấy có sai khác, đến đi, sanh diệt... thành thế giới chúng sanh của mình.

Tất cả chỉ là “một vị”, một pháp thân, một Tâm, một Trí Huệ, từ xưa đến nay vẫn như vậy:

*Lại như nước một vị
Nhân đồ đựng có khác
Phật phước điền vẫn một
Do tâm người thành khác...
Thưa ngài, Pháp thường vậy
Pháp Pháp vương duy nhất
Tất cả chư Như Lai*

Một đạo mà giải thoát.
Thân của tất cả Phật
Chỉ là một Pháp thân
Một Tâm, một Trí Huệ
Lực, Vô úy cũng vậy.

Chỉ có người tâm ý đã thanh tịnh mới thấy được cái Thanh Tịnh duy nhất và vốn toàn thiện, viên mãn này:

Tất cả các cõi Phật
Trang nghiêm đều viên mãn
Tùy chúng sanh sai khác
Thấy chẳng đồng như vậy.
Cõi Phật cùng thân Phật
Chúng hội và ngôn thuyết
Các Phật pháp như vậy
Chúng sanh chẳng thấy được.
Tâm ý đã thanh tịnh
Hạnh nguyện đều đầy đủ
Người sáng suốt như vậy
Mới có thể thấy được.

Cái thấy của chúng sanh, các kinh nghiệm của mắt tai mũi lưỡi thân ý của chúng sanh là cái thấy, kinh nghiệm bị chia cắt nên sai lầm. Sự chia cắt căn bản là sự ngăn cách giữa một chủ thể (nhã) phân biệt hư vọng nhìn thấy những đối tượng (sở) có ra do tâm thức phân biệt hư vọng. Khi biết các căn là vô tự tánh, là tánh Không, thì đó là pháp nhãn thanh tịnh: chỉ một tánh Không thông suốt tất cả mọi pháp. Nếu thấy được bản tánh sâu xa của các giác quan là pháp tánh vô tự tánh, vô sanh, thì thấy được cái Chân thật. Bồ-tát Giác Thủ nói:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân
Tâm ý, sáu tình căn
Do đây thường lưu chuyển
Nhưng vẫn không năng chuyển.
Pháp tánh vốn vô sanh
Thị hiện mà có sanh
Trong đây không năng hiện
Cũng không vật sở hiện.
Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân
Tâm ý, sáu tình căn
Tất cả rỗng, vô tánh
Vọng phân biệt mà có.
Cứ đúng lý quan sát
Tất cả đều vô tánh
Pháp nhãn chẳng nghĩ bàn
Đấy là thấy chân thật.

Trở lại cội nguồn chân thật của các giác quan là pháp tánh vô sanh, vô tự tánh, bấy giờ thấy “thật tướng của các pháp” là Chân Như, là Như Lai tạng, là Phật tánh. Thế nên, kinh Lăng Nghiêm nói tánh thấy, tánh nghe, tánh tri giác... là Phật tánh hay tánh giác ứng hiện nơi mỗi căn:

Xoay nghe thoát khỏi tiếng
Giải thoát đâu có danh
Một căn đã về nguồn
Sáu căn thành giải thoát.
Sáu căn cũng như thế
Vốn y một Tính Minh
Phân thành sáu hòa hiệp
Một chỗ đã về nghỉ
Sáu dụng đều chẳng thành
Một niệm trần cấu tiêu
Thành Viên Minh tịnh diệu
Còn trần là hữu học
Sáng tột tức Như Lai.

Khi đạt đến cội nguồn Chân Không thì tất cả là Diệu Hữu. Khi tâm thanh tịnh, nghĩa là đạt đến cội nguồn tánh Không của nó, thì tất cả các pháp, tánh tướng đều thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm hay lấy ví dụ là tấm gương, viên ngọc trong suốt, lưới trời Đế-thích... để chỉ tâm. Khi kinh nghiệm được cội nguồn của các bóng trong gương chính là gương, khi tấm gương tâm đã trong sáng thanh tịnh, thì các bóng cũng trong sáng thanh tịnh.

Duy thức, Không tông, Thiền tông, Mật giáo cũng cùng quan điểm và cách thực hành tương tự: đi trở lại nguồn gốc hay bản tánh của thế giới bên ngoài và thế giới bên trong. Nguồn gốc hay bản tánh ấy là các vị Phật bốn nguyên, các vị ấy vốn là tánh Không, quang minh, giải thoát và giác ngộ bốn nguyên, là Chân Không Diệu Hữu bốn nguyên.

Theo hệ thống Mật giáo thì:

Sắc uẩn, thủy đại, phiến não là sân, có bản tánh là Bất Động Phật hay A-súc-bệ Phật, Đại viên cảnh trí hay Kim cương trí.

Thọ uẩn, địa đại, phiến não là kiêu căng, có bản tánh là Bảo Sanh Phật, Bình đẳng tánh trí.

Tưởng uẩn, hỏa đại, phiến não là tham, có bản tánh là A-di-đà Phật, Diệu quan sát trí.

Hành uẩn, phong đại, phiến não là đồ kỵ, có bản tánh là Bất Không Thành Tựu Phật, Thành sở tác trí.

Thức uẩn, không đại, phiến não là si, có bản tánh là Tỳ-lô-giá-na Phật, Pháp giới thể tánh trí, là nền tảng của bốn trí trước và khiến bốn trí trên là một.

Mật giáo gọi là đi vào mạn-đà-la Ngũ Trí Như Lai, tức là nhập Pháp giới. Duy thức gọi là chuyển tám thức thành bốn trí, đưa thức trở về bản tánh của chúng là trí. Do chuyển các căn thành vô lậu, các thức, các trần thành thanh tịnh mà có quốc độ thanh tịnh. Thiền tông, mà đại diện là Lục tổ Huệ Năng, nói là “hiếu hầu ba thân, bốn trí” (Phẩm Cơ Duyên).

Tỳ-lô-giá-na xuất sanh Ngũ Trí Như Lai, là nền tảng thanh tịnh của các căn. Nền tảng của căn, trần, thức là Phật Tỳ-lô-giá-na.

Ở kinh Hoa Nghiêm, đi đến mức rốt ráo của sự vô



ngại, tự do, giải thoát, nên sắc vô ngại với sắc, với thanh hương... với mắt tai mũi lưỡi... Như Bồ-tát Quan Thế Âm ngàn mắt ngàn tay, mỗi tay có một con mắt. Trong chương Ly thể gian, thứ 38, Bồ-tát có mười loại thân, mười chân, mười tay, mười đầu, mười mắt, mười tai, mười mũi...

Sự viên dung của các giác quan, các trần, các thức, sự vô ngại rớt ráo của Phật được nói đến trong chương *Phật bất tư nghi pháp*, thứ 33:

"Tất cả chư Phật hay dùng nhãn xứ làm nhĩ xứ Phật sự, hay dùng nhĩ xứ làm tỷ xứ Phật sự, hay dùng tỷ xứ làm thiệt xứ Phật sự, hay dùng thiệt xứ làm thân xứ Phật sự, hay dùng thân xứ làm ý xứ Phật sự, hay dùng ý xứ trong tất cả thế giới trụ thể xuất thể các thứ cảnh giới, trong mỗi mỗi cảnh giới hay làm vô lượng Phật sự rộng lớn. Đây là pháp tự tại thứ tám".

Trở lại với bản tánh Không, quang minh, vốn sẵn đủ là giải thoát khỏi thế giới "biến nghiệp" để thấy và sống thế giới "biến công đức và trí huệ" vô lượng của Phật:

*Nếu người đã an trụ
Các hạnh nguyện Phổ Hiền
Thấy những quốc độ kia
Thần lực của chư Phật.
Nếu người có tin hiểu
Cho đến các đại nguyện
Đầy đủ trí huệ sâu
Thông đạt tất cả pháp
Có thể nơi thân Phật
Mỗi mỗi quan sát được
Sắc, thanh không chướng ngại
Rõ thấu được các cảnh.
Có thể nơi thân Phật
An trụ cảnh trí huệ
Mau vào địa Như Lai
Trùm khắp cả pháp giới.
Số vi trần Phật sát
Những quốc độ như vậy
Hay khiến trong một niệm
Hiện trong mỗi vi trần.
Tất cả những quốc độ
Cho đến sự thần thông
Đều hiện trong một cõi
Lực Bồ-tát như vậy.*

(*Như Lai hiện tướng*, thứ 2)

Căn, trần, thức khi ở trong biến pháp giới thì vô ngại và vô lượng vì đây là biến quả của Phật Tỳ-lô-giá-na. Để đi vào pháp giới vô ngại ấy, người ta phải thực hành hạnh Phổ Hiền:

*Thường hành hạnh Phổ Hiền
Rộng độ các quần sanh
Thân nghiệp không chướng ngại
Ngũ nghiệp đều thanh tịnh
Ý hành cũng thanh tịnh*

*Ba đời đều vậy cả
Bồ-tát tu như vậy
Rốt ráo đạo Phổ Hiền
Xuất sanh trí thanh tịnh
Chiếu khắp cả pháp giới...
Vào sáu các thế giới
Một thân vô lượng cõi
Một cõi vô lượng thân
Ba đời những Phật pháp
Từ nơi pháp giới sanh
Đầy khắp Như Lai địa.
Niệm thanh tịnh vô ngại
Huệ vô biên vô ngại...
Tạng trí huệ vô tận
Tất cả đều được biết
Xuất sanh mắt vô ngại
Tai, mũi, thân vô ngại
Lưỡi rộng dài vô ngại
Hay khiến chúng hoan hỷ.*

(*Phổ Hiền hạnh*, thứ 36)

Hạnh Phổ Hiền không ra ngoài biến pháp giới hay biến quả của Phật Tỳ-lô-giá-na. Thế nên, khi thực hành hạnh Phổ Hiền, chúng ta cần tin chắc là mình đang làm trên và trong biến quả vốn đã viên thành của Phật. Như thế dù sự vô ngại của pháp giới có rộn ngợp đến đâu chăng nữa cũng có được sự yên tâm, không mất kiên trì tu tập.

Mục tiêu của người tu hành là càng lúc càng nhận ra thế giới mình đang sống trong đó chính là pháp giới vô ngại và vô lượng, nơi Phật vốn đầy khắp, đồng nhất với tất cả vũ trụ và chúng sanh trong từng vi trần, trong từng khoảnh khắc. Tất cả những gì chúng ta thấy nghe hay biết, trong thật tướng của chúng, đều là Phật, bởi vì tất cả các giác quan, các đối tượng của giác quan, đều có nguồn gốc, nền tảng là Phật bốn nguyên Ngũ Trí Như Lai.

Vì đang sống trong biến Phật quả như vậy, nên chỉ một hồi hướng cũng liền đưa chúng ta bình đẳng với tất cả pháp giới:

"Bồ-tát lại nguyện do căn lành hồi hướng này khiến tôi được phước đức bình đẳng, trí huệ bình đẳng, lực bình đẳng, vô úy bình đẳng, thanh tịnh bình đẳng... Tất cả các pháp trên đều được tròn đủ. Tôi được như thế nào, nguyện tất cả chúng sanh cũng đồng được như tôi..."

"Như pháp giới một tánh, thiện căn hồi hướng cũng như vậy, đồng một trí tánh với tất cả chúng sanh. Như pháp giới tự tánh thanh tịnh, thiện căn hồi hướng cũng như vậy, làm cho chúng sanh được rốt ráo thanh tịnh. Như pháp giới tùy thuận, thiện căn hồi hướng cũng như vậy, làm cho tất cả chúng sanh đều tùy thuận hạnh nguyện Phổ Hiền. Như pháp giới trang nghiêm, thiện căn hồi hướng cũng như vậy, làm cho tất cả chúng

sanh dùng hạnh Phổ Hiền mà trang nghiêm...” (Thập Hối hướng, thứ 25).

Khi đã được đồng với pháp giới và chúng sanh ở mức độ nào, chúng ta bắt đầu thấu hiểu sự đồng nhất rốt ráo của pháp giới Phật. Chính sự đồng nhất rốt ráo này hiển bày cái dụng vô ngại của căn, trần, thức đang hiện hành của chúng ta:

*Ở trong nhãn căn nhập chánh định
Nơi trong sắc trần từ định xuất
Thị hiện tánh sắc bất tư nghị
Tất cả trời người chẳng biết được.
Ở trong sắc trần nhập chánh định
Nơi nhãn xuất định tâm chẳng loạn
Nói nhãn vô sanh và vô khởi
Tánh Không, tịch diệt, và vô tác.
Ở trong nhĩ căn nhập chánh định
Nơi trong thanh trần từ định xuất
Phân biệt tất cả tiếng, ngữ ngôn
Chư thiên, người đời chẳng biết được.
Ở trong thanh trần nhập chánh định
Nơi nhĩ xuất định tâm chẳng loạn
Nói nhĩ vô sanh và vô khởi
Tánh Không, tịch diệt, và vô tác...*

(Hiển Thủ, thứ 12)

Cho đến các đại địa, thủy, hỏa, phong, không... tất cả đều xuất nhập vô ngại, như chính pháp giới sự sự vô ngại:

*Trong một vi trần nhập chánh định
Trong tất cả trần từ định xuất
...
Như mặt nhật nguyệt trên hư không
Bóng tượng cùng khắp cả mười phương
Trong nước ao hồ đầm chầu chén
Sông ngòi biển lớn đều hiện cả...
Như nơi nước trong, bóng vũ khí
Các loại sai khác không xen tạp
Đao kiếm cung tên rất nhiều thứ
Mão giáp xe cộ chẳng phải một
Tùy kia bao nhiêu tướng sai khác
Nước trong hiện rõ tất cả bóng
Nhưng nước vốn tự không phân biệt.*

(Hiển Thủ, thứ 2)

Khi đạt đến cội nguồn hay bản tánh của mọi sự và cũng là của tâm chúng ta là Phật Tỳ-lô-giá-na hay pháp giới thể tánh trí, thì các đại đất, nước, lửa, gió, không, thức, các căn mắt tai mũi lưỡi thân ý, sắc thanh hương vị xúc pháp... tất cả đều là sự biểu lộ, hiện bày của Phật Tỳ-lô-giá-na, đều thanh tịnh, giải thoát và trang nghiêm không thể nghĩ bàn. Tất cả các đại, các căn, các trần, các thức đều là Phật.

*Trong tất cả quốc độ
Khắp diễn tiếng vi diệu*

*Ca ngợi công đức Phật
Pháp giới đều đầy khắp.
Phật dùng pháp làm thân
Thanh tịnh như hư không
Hiện ra những sắc tướng
Đều gồm trong pháp tánh
Nếu có người tin mừng
Và được Phật nhiếp thọ
Nên biết người như vậy
Sanh trí huệ biết Phật.
Những người trí kém ít
Không biết được pháp này
Người mắt huệ thanh tịnh
Thấy tất cả rõ ràng*

*...
Trong tất cả sự vật
Pháp môn nhiều vô biên
Thành tựu Nhất thiết trí
Nhập vào biển pháp sâu
An trụ quốc độ Phật
Hiện nơi tất cả chỗ
Không đến cũng không đi
Pháp chư Phật như vậy.
Tất cả biển chúng sanh
Thân Phật hiện như bóng
Tùy họ hiểu sai khác
Đều được thấy Đạo sư.
Trong tất cả chân lông
Mỗi mỗi hiện thần thông
Tu hạnh nguyện Phổ Hiền
Người thanh tịnh được thấy.
Phật dùng mỗi mỗi thân
Chốn chốn đều dạy pháp
Khắp cùng toàn pháp giới
Nghĩ bàn chẳng thể đến.*

(Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Tất cả đều là Phật pháp, đều là quang minh, khi các căn và các thức đã thanh tịnh:

“Tôi sẽ khắp vì tất cả thế gian mà thực hành hạnh Bồ-tát, làm quang minh thanh tịnh của tất cả pháp, chiếu sáng tất cả Phật pháp. Lúc phát tâm này quyết định không nghi. Lại nghĩ rằng tôi sẽ biết tất cả pháp đều là Phật pháp, tùy tâm chúng sanh mà vì họ diễn thuyết đều khiến khai ngộ. Lúc phát tâm này quyết định không nghi” (Ly thế gian, thứ 38).

Phát tâm và thực hành hạnh Bồ-tát như vậy là sống trong biển quả, và dần dần thể nghiệm pháp giới biển quả ấy bằng các căn và các thức thanh tịnh. Các căn và các thức vốn thanh tịnh vì chúng là sự biểu lộ của Ngũ Trí Như Lai. Do đó, sự tu hành được chỉ dạy trong kinh *Hoa Nghiêm* là sự tu hành trong Quả, hay còn gọi là Quả thừa. ■



Tôi sẽ về ăn Tết quê nhà

THỊ GIỚI

*Cảm ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ nỗi lẻ loi.*



Hình như con người chưa bao giờ ngừng đi tìm kiếm chính mình. Chúng ta đi tìm mình đằng sau những ngọn sóng của đời sống, chúng ta cũng đi tìm mình bên dưới những mặt nước lặng yên của đời sống. Và chúng ta tìm về nguồn cội của đời sống trong mọi tư thế, mọi hoàn cảnh, mọi trạng thái của tâm hồn.

Thời tuổi trẻ, chúng ta là những biển sóng, và đến một lúc nào đó trong cuộc đời, chúng ta lại trở thành những mặt biển lặng sóng.

Lúc đứng trước một mặt biển lặng sóng cũng là lúc con người cảm thấy trống trải và lẻ loi. Cũng vậy, thời lặng sóng của một đời người cũng là thời gian mà con người cảm nhận rõ hơn sự lẻ loi, cô độc của mỗi đời sống, của mỗi con người, và của chính mình. Có điều là trong nỗi lẻ loi cô độc đó, con người dễ cảm nhận cái từ tâm rộng lớn của đất trời, của thầy tổ; dễ dấy lên lòng biết ơn và bao dung đối với đời sống, lòng biết ơn và bao dung đối với những quãng đời đã qua.

Khi đọc đến những câu thơ sau đây trong bài “Ta về” của Tô Thùy Yên, mắt tôi có lần như muốn rướm lệ:

*Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời*

Không biết thế giới có vui từ nỗi lẻ loi hay không, nhưng hình như khi đối diện với sự lẻ loi, cô độc, con người nhìn thấy rõ mình hơn, nhìn thấy rõ hoa nở hoa tàn hơn, để từ đó có lòng bao dung hơn với người, với mình, khởi lòng biết ơn hơn đối với cái từ tâm rộng lớn của đời sống, của đất trời. Có lẽ vì vậy mà Tô Thùy Yên đã nói “Thế giới vui từ nỗi lẻ loi”.

Và khi cảm thấy lẻ loi, con người cũng thường nghĩ về nguồn cội. Nguồn cội là chỗ mình được sinh ra và lớn lên. Nguồn cội có thể là một gia đình, là một ngôi chùa, là một thôn xóm, một cộng đồng... Nguồn cội cũng có thể là những hơi thở, những bước chân... Những hơi thở, những bước chân lúc nào và ở đâu cũng không tách rời với một thời gian, một nơi chốn nào đó.

Vì vậy, khi hội đủ điều kiện, tôi muốn về quê ăn Tết sau ba mươi năm sống xa quê.

Tôi được sinh ra và lớn lên trong một gia đình với cha mẹ và các em. Và khi chấp chững vào đời, tôi cũng đã được sinh ra và lớn lên nơi một ngôi chùa với thầy tổ và bạn hữu. Hình ảnh quê hương trong tôi là những thứ đó.

Nghĩ đến về quê ăn Tết, tôi cũng không quên bốn câu thơ khác của Tô Thùy Yên, cũng trong bài *Ta về*:

*Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này.*

Vâng. Mọi người đều có những cuộc biển dâu để giải oan, những cuộc biển dâu riêng và những cuộc biển dâu chung, những biệt nghiệp và những cộng nghiệp. Tôi không biết chính xác “cuộc biển dâu” mà Tô Thùy Yên cuc mang, cũng như không nhận biết rõ ràng “cuộc biển dâu” mà mình đang cuc mang, nhưng chắc chắn những cuộc biển dâu đó cần được giải oan, như thầy Nhất Hạnh đã về lập những đàn chẩn tế giải oan cho cuộc biển dâu của đất nước, và trong thời gian qua, Phật giáo Việt Nam cũng đã liên tục làm những cuộc giải oan cho những đối tượng khác nhau, với những hình thức khác nhau.

Và tôi sẽ giải oan cho những cuộc biển dâu mình cuc

mang bằng những phút giây ngồi yên bên Thầy; những buổi sáng, những buổi chiều lặng ngắm mặt trời lên, mặt trời xuống của quê hương, nghe tiếng nói và giọng cười của anh em, lặn ngụp trong cái tình bao la của đất nước, của cha ông cô đọng qua hàng ngàn năm trong không khí ngày Tết.

Trong Tết, tôi sẽ thấy bóng dáng của những vua Hùng, dân Hùng, của hương khói Luy Lâu. Tôi cũng sẽ thấy được niềm vui nỗi buồn, máu và nước mắt của tổ tiên và hậu duệ, của những người đi trước cũng như những người đi sau đã, đang và sẽ được giải oan bằng lòng bao dung của đạo Phật đã thấm đượm bao ngàn năm trên quê hương này.

Có thể nói bước chân của đạo Phật bước vào và đi trên quê hương này là những bước chân giải oan cho một đất nước nhiều oan khiên. Nói cho cùng thì đạo Phật cũng chỉ là một dòng nước giải oan, dòng nước rửa sạch những oan khiên, nghiệp chướng của đời sống và của con người. Sự rửa oan đó cũng là sự làm sống lại con người, làm sống lại đời sống, làm sống lại những tế bào đã và đang chết trong chúng ta, làm sống lại những thứ có quyền sống, phải được sống, và được sống vinh quang.

Giáo pháp của Phật là giáo pháp giải oan, giáo pháp rửa nghiệp. Rửa nghiệp của đạo Phật không phải là chỉ rửa bên ngoài mà là rửa cho đến tận từng lỗ chân lông, tận từng tế bào tạo thành chúng ta.

Đó là làm cho những tinh túy của đời sống trong toàn thể chúng ta và trong mỗi tế bào của chúng ta sống dậy, để ánh sáng trong chúng ta lại được thắp lên.

Đọc kinh điển Đại thừa chúng ta thường thấy đề cập hình ảnh những lỗ chân lông của Đức Phật: Trí tuệ của Phật sáng lên trong mỗi lỗ chân lông, từ bi của Đức Phật tràn ngập trong mỗi lỗ chân lông, thế giới nghiêm tịnh của Đức Phật rạng ngời trong mỗi lỗ chân lông... Nếu thời đó người ta đã khám phá ra tế bào thì có thể lỗ chân lông đã được thay thế bằng tế bào: Quốc độ thanh tịnh và trang nghiêm của Đức Phật ở trong mỗi tế bào, trí tuệ của Đức Phật sáng chói trong mỗi tế bào, từ bi của Đức Phật thấm đượm trong mỗi tế bào...

Và cũng theo kinh, để có thể rửa sạch và thắp sáng mình, chúng ta cần nương vào thiện trí thức. Thiện trí thức là mẹ hiền, là cha lành, là thầy giáo, là đạo sư, là lương y, là người lái đò của chúng ta¹.

Đến một lúc nào đó trong đời sống, con người sẽ nhận ra những người nào, những tập thể nào là thiện trí thức, sẽ có được cái tâm “chuyên niệm lời dạy của thiện trí thức”². Và lúc đó thường là lúc mà con người không còn là những con sóng xô ngã lệch nghiêng và cũng chưa trở thành những tảng đá ù lì.

Và Tết này tôi sẽ về ngồi bên Thầy, im lặng ngồi bên Thầy như đã từng yên lặng bước theo Thầy trên ngọn đồi chùa những năm Thầy còn mạnh.

Tết này tôi cũng sẽ ngồi với những bạn hữu thiện trí thức khác, những người góp phần vào việc giải oan

cho cuộc biển dâu của đất nước, cũng như cố gắng giữ gìn và khơi dòng chảy cho Phật giáo Việt Nam, những người làm báo, làm văn hóa Phật giáo, mà gần gũi nhất là những anh em trong Báo *Văn Hóa Phật Giáo*.

Thầy năm nay 104 tuổi. Trong thời còn sức khỏe để tiếp vật, xử thế, Thầy đã là vị Thầy làm cho biển yên sóng lặng khi biển chưa được yên, sóng chưa được lặng, và Thầy cũng là người đã làm cho sóng gió nổi lên khi khi biển trở thành yên lặng, dạt dờ.

Báo *Văn Hóa Phật Giáo* năm nay cũng tròn mười tuổi, mười năm âm thầm bước đi từ hai bàn chân không để lớn lên và vững mạnh trong dòng chảy của Phật giáo Việt Nam ngày hôm nay.

Tôi sẽ về ăn Tết ở chùa để được gần Thầy trong những ngày Tết, cũng như được sống trong một đại chúng an lành, một khung cảnh thanh bình và nhiều kỷ niệm.

Tết này, tôi cũng sẽ thấy mặt nhau với những người cùng tâm nguyện tắm rửa cho mình, giải oan cho mình và đất nước mình bằng dòng nước của Phật giáo Việt Nam và trả ơn cho dòng nước đó.

Nói về ngôi chùa, những năm còn là sinh viên, tụi tôi đã đến ngôi chùa này, quy y ở ngôi chùa này. Ngôi chùa này đã gắn bó với cuộc đời của chúng tôi. Hai trong những người bạn thân cùng nhóm đã trở thành tu sĩ. Và ở ngôi chùa này, chúng tôi cũng đã làm những đứa học trò cúng đầu, ngạo mạn, nhưng biết lắng nghe vị Thầy vừa chất trực vừa cao vời, vừa gần gũi vừa xa cách, vừa dễ dàng vừa lừa dịp tấn công.

Nói về Báo *Văn Hóa Phật Giáo*, anh em trong tòa soạn và tôi gặp không nhiều trong khoảng thời gian cũng gần ngủi, nhưng có sự gắn bó như đã lâu đời. Và tôi cũng đã học hỏi sự kiên trì, hy sinh cũng như cái nhìn chánh kiến về văn hóa Phật giáo, về xã hội và lịch sử Việt Nam của anh em điều hành và cộng tác với báo.

Vâng. Tôi sẽ về để mừng tuổi thọ của Thầy. Tôi cũng về để mừng tuổi thọ của *Văn Hóa Phật Giáo* và chúc *Văn Hóa Phật Giáo* dài thêm chừng ấy tuổi thọ.

Tôi sẽ về như Tô Thùy Yên trở về với bếp lửa nhân quần, như chiếc lá trở về với cội.

Tôi sẽ trở về ngồi bên thầy tổ, trở về với cái thuở ban đầu, trở về với cái thuở bánh chưng bánh dày, với phố hội Luy Lâu, với những cuộc biển dâu... dưới mặt trời tối sáng của quê hương. ■

Chú thích:

1. “Thiện trí thức như từ mẫu vì xuất sanh Phật chủng. Như từ phụ vì lợi ích rộng lớn. Như nhũ mẫu vì thủ hộ chẳng cho làm ác. Như thầy giáo và dạy sở học của Bồ-tát. Như đạo sư vì hay chỉ đường ba-la-mật. Như lương y vì hay chữa bệnh phiền não. Như tuyết sơn vì tăng trưởng thuốc nhất thiết trí. Như đấng tướng vì dẹp trừ tất cả sự bố úy. Như người đưa đò vì làm cho ra khỏi dòng sinh tử. Như lái thuyền vì khiển đến bờ sở trí huệ” (Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới).

2. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới.



Tản mạn cuối năm

Ba ông già khó chiều

VŨ THẾ NGỌC

Đây là ba ông già danh tiếng Phạm Duy, Nhất Hạnh và Nguyễn Cao Kỳ. Nhưng nếu nói như nguyên văn lời ông Phạm Duy, người lớn tuổi nhất và là người duy nhất thân thiết với hai người còn lại, thì phải ghi là “Ba thằng già khó chịu nhất nước, chẳng ai bảo ai mà cùng về Việt Nam”.

Đó là ngôn ngữ của Phạm Duy, khỏi cần phải chú thích. Tuy nhiên từ “khó chịu nhất nước” cần phải giải thích khá dông dài. Thứ nhất là cả ba người đều là người

danh tiếng trong và ngoài nước. Với vị trí và quá khứ của họ trong tình hình Việt Nam lúc bấy giờ, ít người nghĩ rằng họ lại trở về Việt Nam, nói gì đến chuyện về cùng lúc. Trong nhiều năm trước đó, cho đến bây giờ, đời sống và việc trở về của họ vẫn tiếp tục là trung tâm của nhiều ý kiến khác biệt. Lẽ dĩ nhiên tôi không lặp lại các tranh luận và càng không viết về cuộc đời của ba người này. Họ đều là những người danh tiếng, đã và sẽ có nhiều bạn bè và người thân viết về cuộc đời và sự nghiệp của họ. Nhưng từ ngày họ về nước tôi đã muốn viết bài này và muốn viết sớm hơn, khi họ còn sống, vì nhân đây viết về tâm tình của những người xa quê.

Sự kiện lịch sử 1975 đã khiến khá nhiều người bỏ nước ra đi. Trong bối cảnh đương thời, nhiều người ra đi đều nghĩ rằng khó còn có thể có cơ hội trở về, cho nên mọi người dù có cách sống và hoàn cảnh khác nhau đều ít nhiều chia sẻ tâm tình đó. Tôi nhớ lần xuất bản quyển *Bồ Đề Đạt Ma Tuyệt Quán Luận* khoảng năm 1981, tôi có tặng cho một nữ văn sĩ, chị có nói một câu mà tôi còn nhớ đại khái “Anh tin tiếng Việt có thể sống ở nước Mỹ này hay sao?” Lẽ dĩ nhiên, đây cũng là ý kiến của rất nhiều người khác. Tôi cũng tin gần như thế, nhưng thay vì buông xuôi tôi lại làm ngược lại cố viết thật nhiều, đủ loại, với ý tưởng ngây thơ là làm một tủ sách văn hóa cho người Việt lưu vong. Lẽ dĩ nhiên sau đó tình hình thay đổi. Người Việt Nam đến Mỹ càng ngày càng đông và đã tạo thành những cộng đồng nho nhỏ ở nhiều nơi. Việc viết sách và làm báo Việt ngữ không những sống lại, mà còn là phương tiện nghề nghiệp của nhiều người. Đó là chuyện về sau, nhưng chưa phải là chuyện cuối vì những năm gần đây, hoạt động này lại đến một giai đoạn mới hơn nữa. Người Việt hải ngoại không còn nhiều người đọc và viết tiếng Việt nữa. Nhóm người lớn tuổi mua sách và đọc sách vốn đã ít, nay già và chết dần. Số người trẻ sinh ra ở Mỹ nói thạo tiếng Việt đã hiếm nói gì đến việc biết đọc. Lớp người mới đến cũng đông nhưng cũng không có nhu cầu đọc sách. “Văn hóa đọc” của người Việt xưa nay đã được nhiều người than phiền.

Trong thời gian này tôi cố tìm hiểu về các lưu dân Việt Nam như hậu duệ của các gia đình nhà Lý Trần Hồ Lê và cả những vua nhà Nguyễn mới đây, lưu lạc nơi xứ người sống ra sao. Ngay cả những người kỳ tài như



HT. Thích Nhất hạnh

Tuệ Tĩnh, Nguyễn An, Hồ Hán Thương rồi cũng chỉ như những tảng muối, rồi cũng tan dần trong biển... Tôi chợt nhớ một nhân vật nổi tiếng đã đi rồi trở về là Lý Ông Trọng. Ông bị tiến cống trong thời nội thuộc nhà Hán và được đưa đi đánh quân Hung Nô; lập công lớn, ông xin được trở về quê nhà. Vài năm sau lại có chiến tranh, vua Hán triệu ông trở lại, ông đã tự tử để được ở lại quê nhà. Và cứ như thế, cái tình tự “ngã quốc, ngã dân” chỉ làm tôi lạc lõng bơ vơ hơn. Nhìn quanh những lưu dân đã sống yên ổn và lặng lẽ ở đây nhiều thế hệ cũng không làm tôi yên tâm hơn. Lúc này lý thuyết “salad bowl” thường được nói đến. Đây là hình dung từ chỉ ý một xã hội đa dạng đa chủng, hòa hợp như một đĩa rau sống trộn nhưng vẫn giữ nguyên bản chất văn hóa của mỗi sắc tộc. Đây là một thiện ý và cũng phản ánh phần nào thực tế xã hội. Nhưng nhìn quanh những nhóm thiểu số đặc biệt là nhóm Á châu Hoa Nhật, có thể là dưới cái nhìn có phần thiên lệch và chủ quan của người mới đến, tôi thấy nhiều người vẫn sống như kẻ mộng du. Tôi cảm giác xã hội Hoa Kỳ quá rộng lớn, làm tan biến nhanh những bản sắc đặc thù.

Tôi gặp thầy Nhất Hạnh lần cuối cùng ở San Jose vào khoảng năm 1983 ở nhà cựu dân biểu Nguyễn Công Hoan. Lúc này gia đình anh mở nhà in và cũng lo in sách cho *Lá Bối*. Hôm đến thăm thầy, tôi đi với giáo sư Huỳnh Văn Hải, cũng là người quen cũ của thầy. Giáo sư Hải tức là vị thượng tọa ngồi chung xe và đồ xăng cho Hòa thượng Thích Quảng Đức. Vô tình mà anh Hải và anh Hoan lần đầu tiên gặp nhau ở đây. Trong lần gặp này, tôi biết thầy Nhất Hạnh đến Hoa Kỳ âm thầm và từ chối gặp gỡ nhiều người. Thầy có vẻ không vui, cũng không nói gì nhiều với Hải, mặc dù thời còn là tu sĩ, anh sống rất gần thầy, nhất là giai đoạn học xong MA ở Mỹ anh qua Paris học tiếp có ở chung với thầy một thời gian. Có lẽ lúc này thầy Nhất Hạnh không phải chỉ buồn vì chương trình con tàu cứu “boat people” của thầy thất bại, mà càng buồn hơn vì sự đánh phá liên tục của tờ báo *Quê Mẹ*, tờ báo Việt ngữ nổi tiếng thời đó. Vì tờ báo này không phải như các báo của nhóm Cần Lao cũ chuyên về các đề tài đánh phá Phật giáo. Trái lại, *Quê Mẹ* là “báo Phật giáo” nổi tiếng do Thi Vũ Võ Văn Ái chủ trương. Anh Ái lại là người đồng hương, đồng đạo và đồng chí vì trong suốt thời gian chiến tranh Việt Nam anh làm việc sát cánh trong các hoạt động với thầy. Sau vụ thất bại của con tàu vớt người vượt biển và “chiến dịch” đánh phá quá đáng của *Quê Mẹ*, thầy ít ra ngoài, từ chối tiếp xúc và lui về Làng Mai viết sách. Và có lẽ cũng vì việc này mà sau đó sách thầy viết bằng Anh ngữ tràn ngập nhà sách và thầy trở nên một tác giả về Phật giáo có rất nhiều độc giả. Mặc dù thầy nổi tiếng trên quốc tế, nhưng vẫn có nhiều nhóm người Việt chống đối. Phê bình, kể cả phê phán chủ quan, đúng ra đó là hiện tượng chung trên thế giới đối với mọi cá nhân nổi tiếng, nhất là thầy là người nổi



Cố nhạc sĩ Phạm Duy

tiếng trên diễn đàn thời sự về chiến tranh Việt Nam, là nơi cho đến bây giờ người ta vẫn không bao giờ có chung chính kiến. Nhưng trong cộng đồng người Việt, vấn đề khác biệt tư tưởng thường biến thành các vụ khống thất thiệt và lăng mạ với mọi kỹ thuật “cắt dán”. Lẽ dĩ nhiên người bị vu khống có thể thưa kiện, nhưng thưa kiện là một chuyện tốn tiền và có thắng kiện thì gặp những kẻ không tiền và cũng không danh thì cũng như khôn; chưa nói đến nhiều người mong được thưa kiện vì muốn nổi tiếng. Đến thời đại internet khi ai cũng có thể phóng tin viết bài một cách vô danh và vô tội vạ, thì đúng là thời vàng son mới của trò chơi này. Ở Hoa Kỳ còn có những nhóm “quái đản” hơn cả Việt Nam, thí dụ như nhóm “flat earth” của những người tiếp tục tin rằng mặt đất phẳng, trên là thượng đế và dưới là địa ngục như Thánh kinh đã dạy, hay nhóm UFO nổi tiếng với vụ 12 kỹ sư uống thuốc ngủ (và chết) ở San Diego để nằm đợi phi thuyền từ ngoài trái đất bay đến đưa về đất hứa. Nghĩa là ở những xã hội tân tiến họ vẫn có những nhóm siêu quá khích, nhưng may mắn là đại đa số quần chúng đều có trình độ tri thức cao nên hầu như không ai bận tâm đến các nhóm người



quá khích. Vì thế, chủ nhật mùa hè nào trong các công viên cũng vẫn có các “nhà tiên tri” vác biển “ngày mai tận thế” đi lại tự do giữa đám đông vô tư nhưng không ai thắc mắc. Các quảng cáo “Sắp hết năm, chỉ còn giới hạn số người lên Thiên Đàng” hay các nhóm Hare Krishna mặc áo vàng tọc đầu nhảy múa trong tiếng chuông tiếng thanh la trên đường phố cũng bớt dần. Nhưng dường như trong thế giới mạng Việt ngữ thì “dòng chính” rất nhỏ mà rêu rĩa thì càng ngày càng nhiều hơn.

Trong hoạt động mới, thầy Nhất Hạnh chỉ nói về các đề tài tu học của Phật học đối trị với các vấn đề thời đại vốn đang phá sản từ tri thức tâm linh đến môi trường thiên nhiên xã hội, nên sách và các buổi nói chuyện của thầy rất phổ biến và thu phục được lòng tin yêu của nhiều người Âu Mỹ. Nhưng các hoạt động hòa bình và chống chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam vẫn là

một đỉnh cao trong sự nghiệp của thầy, và tất nhiên đó cũng là một đỉnh điểm của các người không đồng chính kiến. Vì vậy tin thầy trở về Việt Nam lại xảy ra một xáo động mới trong các cuộc chống phá trước đó vẫn âm ỉ. Các chống phá này không phải chỉ nhằm cá nhân thầy mà cả tập thể Phật giáo².

Ông Kỳ thì nhiều người đã biết, là ông tướng điều hâu từng làm thủ tướng, phó tổng thống, và còn rất nhiều chiến hữu đàn em, thế mà cũng không thoát được các màn vu khống kinh dị – Tôi nói là chụp mũ chứ không phải tranh luận chính kiến bình thường. Một anh bạn nhà văn, người thiếu tá nhảy dù sống sót ở Charlies, một lần giận dữ nói với tôi “ông ta bảo chúng tôi mang M16 của Mỹ để bắn giết người Việt Nam.” Anh bạn này quả quyết đã nghe lời tuyên bố ấy trên internet. Tôi ngạc nhiên và không tin ông Kỳ khó mà có sơ hở như vậy. Ông Kỳ là một người mà tôi nghĩ người ta có thể phê bình nhiều thứ nhưng vốn là người khôn ngoan có tài ăn nói. Sau khi lùng trên internet thì quả thật ông Kỳ có nói câu gần như thế *nhưng* trong một toàn bộ ví von “AK 54 thì làm ở Trung Quốc, M16 thì làm ở Mỹ.” Với những “thông tin” tương tự, cho nên người ta không lấy làm lạ khi ông Kỳ mất ở Mã Lai Á thì các nhóm dọa khủng bố các chùa ở Orange County không nhận cho gia đình làm tang lễ ở chùa. Có một chùa đã nhận lời nhưng cuối cùng cũng xin từ chối vì nhận được thư đe dọa. Sau đó một vị người Công giáo từ Orange County lên dự đám tang anh Đoàn Thế Ngọc – ông Ngọc là bạn ông Kỳ từ thời Hà Nội 1950 – nói lại với tôi với ý chê trách. Tôi nói “Nhà chùa làm như thế là không đúng. Tôi biết các ông, nhưng không ngờ người chết về quê mà cũng khó khăn như thế.”

Trường hợp ông Phạm Duy cũng không kém phức tạp. Cá nhân tôi từng ủng hộ quyền “Phạm Duy đã chết như thế nào” của một sinh viên Văn khoa thời 1960s. Tôi chỉ “hòa” với ông nhân từ hóm hỉnh thân hữu gặp giáo sư Trần Văn Khê ở nhà bác sĩ Bùi Duy Tâm trên San Francisco. Lần này, đối diện và thẳng thắn, Phạm Duy đã cho tôi thấy những sai sót của mình khi phê bình ông. Tôi hiểu và từ đó thân với ông hơn. Đúng như lời Phạm Duy, tôi cũng như nhiều anh em trẻ thời đó “vì yêu Phạm Duy mà nhìn quá cao về Phạm Duy”. Như ông nói, ông là một nhạc sĩ – và là một nhạc sĩ chuyên nghiệp (hiểu cả theo nghĩa nghệ thuật lẫn nghĩa kinh tế, vì ông không giống như nhiều nhạc sĩ khác là giáo chức, quân nhân, công chức hay làm nghề thương mại). Thế hệ như tôi, vì yêu Phạm Duy mà trở nên ghét Phạm Duy vì muốn nhìn ông như một triết nhân với những tiêu chuẩn lãng mạn “sống với hương hoa, ăn không cầu no...” hay như một hiện thân văn hóa với các lý tưởng đạo đức Khổng Mạnh. Đúng như chính ông nhấn mạnh “Phạm Duy là một nhạc sĩ, chấm hết.” Và cũng vì có tài và quá nổi tiếng, Phạm Duy có cái ngông của những người “bất cần đời” nên ông thẳng



**Cố Phó Tổng Thống VNCH
Nguyễn Cao Kỳ**

thần và không cần che giấu. Tôi nghiệm ra rằng nhiều nhạc sĩ khác cái tài chỉ bằng một phần của Phạm Duy nhưng cái tật về các mực đàn bà hay tiền bạc thì chắc chắn chẳng thua ông, nhưng họ dấu hoặc chẳng có ai soi mói. Phạm Duy không những bất cần mà còn nhiều khi thích thú với dư luận tàn ác về mình. Một lần gặp ông ở Sài Gòn, tôi có hỏi đùa “có báo ở Orange County nói anh về Việt Nam tuyên bố *hãm* thì còn xài được, *bãm* thì chê.” Ông cười lớn “Thì tớ nói đấy, nói cho chúng thích”. Rồi ông nheo mắt cười và nói nhỏ “Cậu phải biết tuổi tám bó là như thế nào!”. Tôi đã đọc nhiều người viết về Phạm Duy, nhưng chỉ lần đi ăn cơm tây với ông ở Orange County cũng do bác sĩ Bùi Duy Tâm mời, tôi mới nhớ hai tính tốt của Phạm Duy mà ít người để ý là ông không hút thuốc và không uống rượu. Cũng trong lần này khi thấy ông thích ăn nhiều caviar, tôi hỏi ông có thấy ngon không. Ông không trả lời ngon hay không mà nói “món này đắt tiền lắm”. Đó là Phạm Duy, ông nói rất thực những sự thực đơn giản mà những người khác thường tìm cách che giấu.

Cho nên dù thời đại thay đổi, ngày xưa một người Hoa lưu dân ở Việt Nam phải đợi cả đời để trở về quê hương. Ngày nay, một người Hoa ở San Francisco xa cách quê nhà Phật Sơn cả một Thái Bình Dương nhưng có thể gọi điện thoại và nhìn thấy người thân bất cứ lúc nào, và chỉ cần sau mười giờ bay anh ta đã có mặt ở quê nhà. Nhưng khoảng cách không chỉ là khoảng cách không gian, cho nên nhiều người Hoa đã không trở về Đài Loan hay Đại Lục. Người Việt Nam cũng như thế và còn những gian nan khó khăn hơn. Vì vậy tôi không ngạc nhiên khi thấy quanh tôi có rất nhiều hội ái hữu, đồng hương, đồng tộc. Đó cũng chỉ là một phản ứng phải có của những con người cô đơn cô độc bất lực.

Tôi được tin thầy Nhất Hạnh khẩn cấp vào bệnh viện trên đường ghé trường cũ UC Santa Barbara để đến trang trại của Krishnamurti ở Ojai. Cuối cùng, ông cụ già cuối cùng trong truyện ký “Ba Ông Già” cũng sắp ra đi. Nặng trĩu hấp hối nhưng sáng rực trên triền núi đá. Giấc cô đơn gõ cửa trong nắng:

*Bi ca khả dĩ thương khấp
Viễn vọng khả dĩ đương qui
Tư niệm cổ hương uất uất lũy lũy
Dục qui vô gia nhân
Dục độ hà vô thuyền
Tâm tư bất năng ngôn
Trường trung xa luân chuyển.*

Bi ca là giọt nước mắt, nhìn xa như thấy về. Nhớ cố hương buồn đau biết mấy. Muốn về, nhà không còn ai. Muốn qua sông thuyền không có. Về đi không thể như nguyện, lòng rối bời như bánh xe quay... Một bài hát cũ của ông nhạc sĩ già vừa mất vang vọng “Chiều rơi trên đường vắng. Có ta rơi giữa chiều...” Một buổi chiều hai

mười tám năm trước tôi cũng đi trên con đường này đến tiễn biệt Krishnamurti. Ojai mờ mờ trong sương lam, đó là điểm đến tối nay, nhưng sau đó về đâu?

1 Số là mấy năm trước, có người gửi đến Hội ái hữu Đại học Vạn Hạnh (mà tôi là hội trưởng đầu tiên) một đoạn phim màu về cuộc tự thiêu của ngài Quảng Đức. Người gửi đoạn phim còn chiếu lớn và chỉ rõ đường dẫn xăng chảy từ ngoài cháy vào (với ngụ ý ngài Quảng Đức bị đốt cháy, chứ không phải ngài tự bật diêm). Anh chị trên mạng có bàn tán xôn xao một lúc cũng chỉ làm tôi buồn. Buồn là vì các anh chị đều là người đứng tuổi, vừa là người trí thức phần đông lại là Phật tử mà không biết hình ảnh cuộc tự thiêu lịch sử 11 tháng 6 năm 1963 này chỉ được ghi lại duy nhất và đầy đủ là loạt hình chụp trắng đen của ký giả Malcolm Browne (1931-2012) - Malcolm Browne được giải thưởng cao quý Pulitzer Price năm 1964 vì bộ hình này. Còn đoạn phim màu 1 phút 39 giây kia là của nhà làm phim người Ý là Gualtiero Jacopetti (1919-2011) nổi tiếng với bộ phim “phục chế” *Mondo Cane*. Jacopetti không cố ý làm giả, ông chuyên làm phim “sockumentary” (tài liệu gây xúc động) tái lập lại các sự kiện nổi tiếng (thí dụ như đoạn phim công nương Diana bị đụng xe chết). Các đoạn phim phục chế được dàn dựng khá công phu. Đoạn phim màu 1 phút 39 giây về cuộc tự thiêu của ngài Quảng Đức được tách ra rồi bị một số người khai thác và cố ý đánh lừa người xem ít hiểu biết. Không cần mở internet coi về tiểu sử Malcolm Browne, Jacopetti hay bộ phim *Mondo Cane*, người hiểu biết coi kỹ đoạn phục chế 1 phút 39 giây này sẽ thấy ngay phim được dựng ở Thái Lan với các sai lầm dễ thấy: Cuộc tự thiêu có cảnh sát điều hành trật tự, chư Tăng Ni và người đóng giả ngài Quảng Đức không phải là người Việt Nam, mấy tấm biểu ngữ viết bằng tiếng Việt hoàn toàn sai chính tả, chiếc xe giả chiếc Austin nổi tiếng cũng sơn không giống màu, và nổi bật là địa điểm làm phim khác xa ngã tư quen thuộc Phan Đình Phùng, Lê Văn Duyệt (nơi có tòa nhà kiến trúc độc đáo vì nguyên là Tòa Đại sứ Campuchia). Tuy nhiên hiện nay đoạn phim màu 1 phút 39 giây này vẫn tiếp tục được đưa lên internet thêm cước chú “Dân biểu CS Nguyễn Công Hoàn đốt Thích Quảng Đức” đánh đồng ông Hải với ông Hoan.

2 Trong dòng chảy lịch sử cận đại người ta luôn luôn thấy Phật giáo và Đảng Cộng sản giống nhau là đưa ra đường lối dân tộc. Không cần biết đúng hay sai, chủ trương hay chiêu bài, nhưng chính vì lá cờ dân tộc này đã khiến Phật giáo và Đảng Cộng sản có những nét trùng hợp bên cạnh nhiều khác biệt. Những thế lực khác Phật giáo, hoặc vì lập trường chính trị khác biệt hoặc vì bản chất “phi dân tộc” đã đánh phá Phật giáo phần nhiều vì chỉ thấy chỗ giống nhau này. ■



Nguồn: baoquangngai.vn

Mừng thọ, và chầu thọ

HUỲNH NGỌC TRẮNG

Sử thi thần thoại *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường cổ kể rằng: Từ thuở khai thiên lập địa, khi đất còn bạc lạc, nước còn bồi lờ, đất trời còn dính lại làm một, bông cơm trái lúa ngày ấy chưa nên...

Đặt cho đá Chính Chi là kẻ đi rao...

Rao từ mường dưới đất rao lên

Rao từ mường trên rao xuống.

Bắt đầu khi xưa con rắn chết cốt,

Con người lột lại

Cây trái năm được năm thua,

Làm mùa năm cạn năm không.

(...)

Rắn đen nghe lời thật tiếng ấy.

Nghe hại thân, hại mình

Rắn đen cắn đá Chính Chi giữa đàng

*Rắn vàng nghe lời thật tiếng ấy,
Ra cắn đá Chính Chi giữa sá!*

Thế là đá Chính Chi sợ... Sau đó vì muôn loài nài nỉ việc phải tuyên "ngôi lời" để mọi vật sinh thành nên đá Chính Chi buộc phải đi rao và hấn đã đổi lại lời rao để giữ mạng rằng:

*Bắt đầu con người chết cốt,
Con rắn lột lại.*

Cổ tích suy nguyên của chúng ta có câu chuyện kể nói về sự hèn nhát của thiên sứ nhà Trời trước sự đe dọa của lũ rắn độc, đã buộc lòng nói ngược lại lời thiên khải rằng: "*Rắn già rắn lột, người già người lột hòm săng*".

Việc sinh tử là nỗi bất hạnh được đặt ra từ buổi bình minh của lịch sử con người và mong muốn thoát khỏi

điều đó cũng đeo đẳng họ từ đó đến nay. Thế nên, người đời mới ước ao có được cây gậy đầu sinh đầu tử của Tản Viên Sơn Thánh hay Sơn tinh, mới khao khát thuốc trường sinh của chú Cuội, và thờ tự Thọ tinh hay ông Thọ để cầu được sống lâu; hoặc chọn giải pháp tu tâm hướng thiện để cựa vào sự công chính của Nam Tào và Bắc Đẩu... Để rồi khi Tết đến con cháu tụ lại mừng tuổi ông bà; và vào các dịp sinh nhật, mừng thọ, những cái mốc dấu việc tiến gần đến điểm kết cuộc, người ta lại tổ chức lễ lạt, chúc nhau sống lâu trường thọ. Người ta chúc nhau bằng lời chúc và đồng thời lại dùng văn tự, thư pháp, hội họa với nhiều đồ án, biểu tượng đa dạng nhằm gói gắm những thông điệp hoa mỹ để khánh chúc mừng thêm tuổi, tăng thêm thọ...

Theo truyền thống, việc sống lâu trường thọ là *thiên tước* (tước vị của trời ban cho) khác với tước vị do con người hay vua chúa phong tặng. Xưa, người nào sống được 60 tuổi mới được coi là thọ, trên bia mộ được ghi là “*hưởng thọ*”; còn kẻ qua đời dưới 60 tuổi thì chỉ được ghi là “*hưởng dương*”, tức được hưởng cuộc sống dương thế chừng ấy năm, không được coi là thọ. Sống đến 70 tuổi trở lên là thuộc loại hiếm. Truyền thuyết cho rằng đấng quyết định ban “*thiên tước*” cho con người được là Thọ tinh, tục gọi là ông Thọ, thuộc bộ ba Phước-Lộc-Thọ. Thọ tinh là một trong các vị thần chủ quản tinh tú. Cũng theo truyền thuyết, Thọ tinh là Đan Lãng chân nhân ở Tiên Đảo, Nam Cực nên còn gọi là Nam Cực tinh quân – đối lập với Bắc Đẩu. Hình tượng Thọ tinh là một ông lão tay cầm trái đào tiên. Đây là sự tích hợp hai sự tích khác nhau.

Việc ban đào tiên trường thọ gốc từ thần thoại Tây Vương Mẫu. Bà ở tại núi Côn Lôn; nơi đó, bên trái có ao Dao Trì, bên phải có sông Thùỵ lượn quanh. Ở đây, bà có một vườn đào tươi tốt với 3.600 gốc. Phía trước có 1.200 gốc đào hoa nhỏ, quả bé, ba ngàn năm mới chín một lần. Ai ăn được loại đào này thì được hưởng thọ rất cao. Ở giữa vườn có 1.200 gốc đào hoa dày, vị ngọt. Ăn được loại đào này có thể trường sinh bất lão. Phía sau, có 1.200 gốc đào vân tím hạt vàng, chín ngàn năm mới chín một lần. Ai được hưởng loại đào quý này có thể thọ cùng trời đất. Mỗi lần sinh nhật Vương Mẫu, chư tiên, trong đó có tám vị thuộc Bát tiên, tụ hợp về Dao Trì để chúc thọ Bà và nhân đó, có thể được Tây Vương Mẫu ban cho một trái đào tiên. Người trần mắt thịt ai được đặc ân này nên đào tiên là điều mơ ước không thôi. Theo thần thoại, Hán Vũ Đế được Tây Vương Mẫu ban cho bốn quả đào thọ được 70 tuổi; kể đó, Đông Phương Sóc đã từng trộm được đào tiên ba lần và cô gái tu tiên đạt đạo là Ma Cô cũng đã được về cung Dao Trì chúc thọ Tây Vương Mẫu, tất nhiên là được ban thưởng đào tiên. Bởi các thần

thoại thần kỳ này nên thế nhân thường vẽ các tranh *Bát Tiên khánh thọ, Ma Cô hiến thọ, Đông Phương Sóc thả đào*... để biểu thị lòng mong cầu được sống lâu trường thọ.

Ngoài đào, các đồ án chúc thọ còn dùng các biểu tượng khác, thường thấy là *rùa, hạc, chim đuôi cờ (chim phượng), tùng, vạn niên thanh, hồ lô, mèo, bướm, linh chi, hoa thủy tiên*... Các đồ án này thường phối kết với các biểu trưng cát tường như ý khác hay kèm với các dòng chữ Hán như *Qui hạc tế linh, Thọ đẳng qui hạc, Tùng hạc diên niên, Tùng hạc trường xuân, Tùng hạc đồng xuân*... Phổ biến hơn là các đồ án chúc thọ lấy tự dạng chữ “Thọ” làm biểu thị chính. Các đồ án tích hợp với tự dạng chữ “Thọ” đặc biệt phổ biến là chủ đề Phúc-Thọ. Riêng bức *Bách Thọ*, gồm một trăm chữ “thọ” với đủ các loại tự dạng khác nhau là một bức “thư pháp” đại tập thành chủ vào ý đồ chính là chúc sống lâu trường thọ.

Như trên đã nói việc sống thọ đến bảy mươi, tám mươi đối với thời xưa là rất hiếm. Do đó, việc chúc thọ cũng hướng đến mức thượng thọ, thiên thọ này để bày tỏ lòng tôn kính cao nhất của mình với đối tượng chúc tụng là các bậc tôn trưởng. Ở trường hợp này, các tranh chúc trường thọ thường sử dụng hình tượng của mèo và bướm.

Trong Hán tự, mèo (miêu 貓) và người thọ 80, 90 tuổi (mạo 耄) đồng âm là “mao”. Tương tự bướm (điệp 蝶) và người già 80 tuổi (diệt 耋) đồng âm là “die”. Chính vì vậy mèo và bướm là các con vật được “tá âm” để chúc thượng thọ, đạt được thiên tước của trời. Các bức tranh

chúc thọ này thường vẽ bướm và chùm hoa nở rộ để biểu thị trường thọ và vẻ đẹp tinh khiết. Lại có bức vẽ cả bướm và mèo để thể hiện lời chúc tụng tôn kính hơn.

Nói chung, các nghi lễ gắn với vòng đời của mỗi người thực chất là những lễ thức đáp ứng những trối buộc không thể vượt qua của quy luật tự nhiên (những biến đổi sinh lý, bệnh tật và cái chết) và những hành vi lễ lạt đó, xét cho cùng, là những cố gắng cựa nhờ cộng đồng – bè bạn thân thích – giải thoát con người khỏi nỗi sợ hãi cá nhân. Điều đó đã chỉ ra tầm quan trọng dường nào của những cuộc tiệc hội họp với những lời chúc ấm áp và thân tình. Song mặt khác, ta cũng nhận thấy tập tục chúc thọ, cầu thọ biểu thị hai mặt của một mong muốn vô vọng: xóa bỏ dấu vết tàn phá của thời gian và đưa vào thế giới chúng ta chút mong cầu của sự vĩnh cửu. Đây là kỳ vọng để vui sống, song rất ráo đó là một kỳ vọng bất khả. Chính vì vậy, một định hướng cho cuộc sống chúng ta là không chỉ đắm chìm vào mong cầu sự thanh xuân mà là mong cầu sự thanh tịnh chính những gì trong cuộc sống của mỗi người ở đây và bây giờ. ■





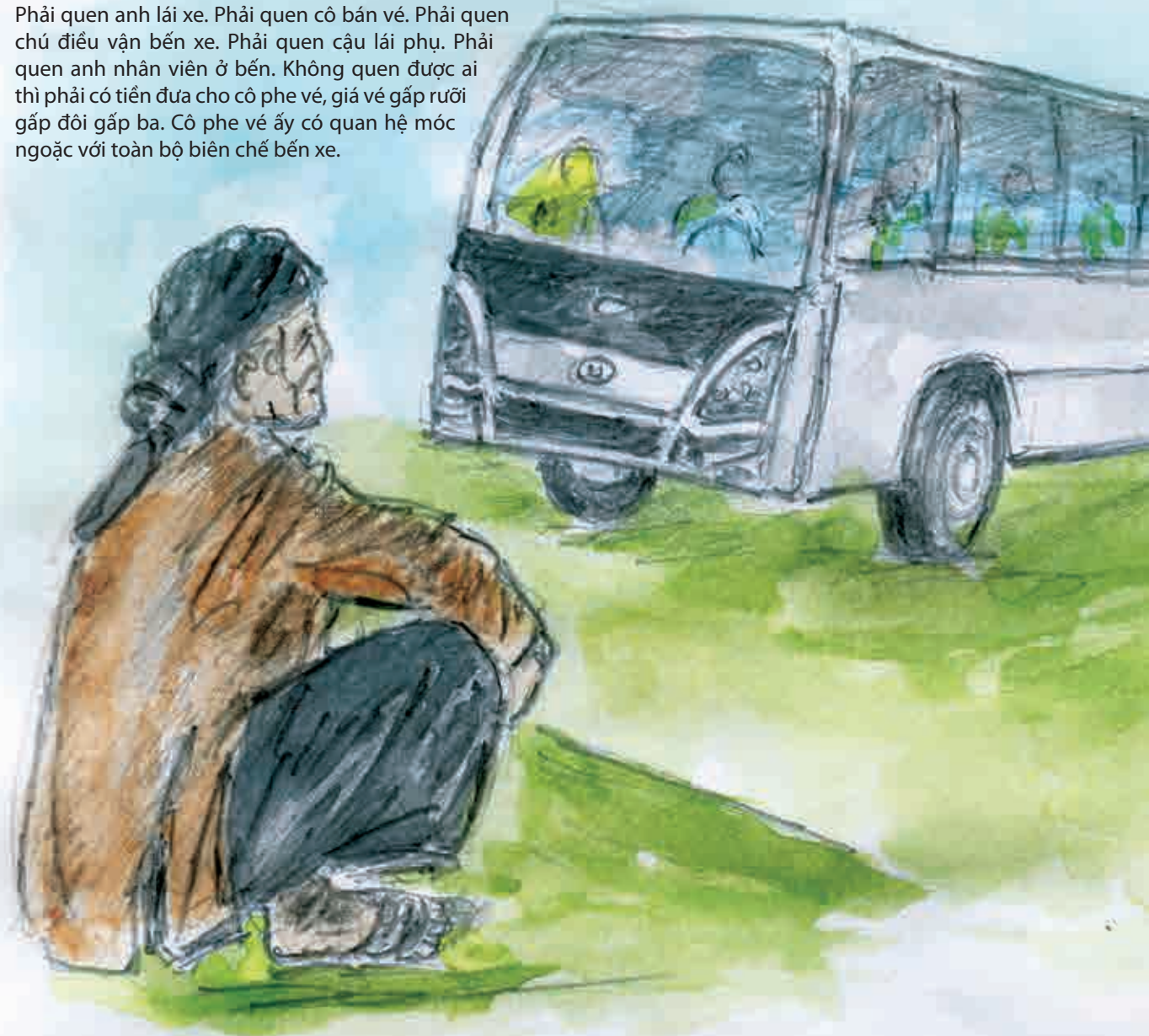
Bà già ở bến xe

HỒ ANH THÁI

Trong tiểu thuyết *Những đứa con rải rác trên đường* (NXB Trẻ 2014), tôi kể lại chuyện đi tàu đi xe thời thập kỷ sáu mươi đến thập kỷ tám mươi của thế kỷ XX. Ta cùng đọc một đoạn, cho dễ hình dung:

“Đang thời ngành giao thông vận tải lên ngôi. Xe ít xăng ít, mua được cái vé xe là như trúng số độc đắc. Phải quen anh lái xe. Phải quen cô bán vé. Phải quen chú điều vận bến xe. Phải quen cậu lái phụ. Phải quen anh nhân viên ở bến. Không quen được ai thì phải có tiền đưa cho cô phe vé, giá vé gấp rưỡi gấp đôi gấp ba. Cô phe vé ấy có quan hệ móc ngoặc với toàn bộ biên chế bến xe.

Đã có bao nhiêu người chỉ đi có một quãng đường dăm bảy chục cây số thôi mà phải nằm lại vạ vật ở bến xe qua một đêm, sáng hôm sau mới xếp hàng lại từ đầu. Cái xe nhồi bốn chục khách, cô bán vé bán được mười bốn vé thì sập cửa treo biển: Hết vé. Hai tiếng hết vé như tiếng sét giữa trời quang. Cái biển nhỏ tí như tấm gỗ tát vào mặt. Kinh hoàng. Cả trăm con người lại



la ó kêu gào rồi lại van xin khóc lóc. Đi không đi được. Ở lại thì tiền chỉ đủ mua vé xe, không có tiền ăn. Có anh bộ đội về phép đành rời bến xe, đeo ba lô cuộc bộ năm chục cây số về nhà. Đi mãi rồi cũng phải về đến nơi, lại thêm tinh thần khí thế chiến binh vẫn chưa hết. Có người không phải là chiến binh thì dựa tường nhà chờ ngồi phệt xuống đất mà xỉu đi”...

Có lần ở bến xe Nam Định, tôi nhìn thấy một bà già khoảng bảy mươi, gầy gò, lưng còng, như đã hết hơi. Bà lấy bầy đi vào cái nhà tròn ở giữa bến, đấy là phòng điều vận của bến xe. Bà run rẩy nói với tay vạm vỡ béo tốt da ngăm ngăm: Bác cho mua cái vé để về, chờ từ hôm qua đến giờ, đói quá.

Tay kia có vẻ là người quản lý, chắc cũng cỡ trưởng phó bến hoặc điều vận, mặt không rõ là thương cảm hay có vẻ ghê ghê trước bà già. Tôi muốn tin là anh ta hơi thương cảm, nhưng trong lòng thì có lẽ anh ta thấy hơi nực cười. Một cái vé là đặc ân. Một cái vé là cả nắm tiền nếu bán chui. Bà già này thì có gì, ngoài cái lưng còng và giọng nói run rẩy lào phào. Anh ta chỉ còn biết xua tay: Cự ra xếp hàng đi cụ ơi.

Đấy là khoảng cuối những năm 1970, khoảng mười năm nữa thì mới bắt đầu thời kinh tế thị trường mở cửa, mười năm nữa khách đi tàu đi xe mới lên ngôi, xe mới chạy quanh tìm khách bắt khách.

Từ ấy tôi cứ băn khoăn mãi trong lòng. Bà già hôm ấy có mua được vé xe không. Có mấy chục cây số thôi mà sao khổ thế. Hay là bà cũng chẳng đủ hơi sức để chờ ở bến xe thêm một ngày nữa, có khi bà đã chết rồi.

Hễ nhìn thấy những bà già, lại gầy gò, tôi lại chạnh lòng nghĩ về mẹ tôi. Mẹ tôi không khổ sở vậy, nhưng chẳng rõ vì sao tôi hay chạnh lòng. Một người đàn bà già cả. Một người đàn bà gầy yếu. Đấy là một người mẹ. Mà đã là người mẹ thì lại khiến tôi nghĩ đến mẹ mình. Chỗ yếu của tôi.

Tôi đã đưa được nổi băn khoăn này vào trong tiểu thuyết. Một anh lái xe tải dừng xe trước bến xe khách, xuống xe có việc. Rồi “anh định trèo lên buồng lái thì một bà già run rẩy đi đến. Chú bộ đội, bà lào phào gọi. Anh không còn là bộ đội, nhưng vẫn mặc cái áo pho tá màu lá cây. Chú bộ đội, già đói quá, già sắp chết rồi, già chờ từ chiều hôm qua đến giờ mà không mua được vé xe.

Bà già run lên bắn bật. Cái mồm móm chỉ còn lại vài chiếc răng. Một bên khóe mắt hình như có một tí nước mắt hiếm hoi. Mắt già toét nhoèn dễ khóc. Nước mắt rỉ ra có khi cũng vì đói. Nước mắt rỉ ra cũng có khi vì suy kiệt.

Anh xe thường yếu đuối trước các bà già. Nhìn thấy một người đàn bà phúc hậu nói một câu đôn hậu là anh chạnh lòng nhớ đến mẹ. Nhìn thấy một bà già gầy gò nghèo khổ, anh cũng chạnh lòng nhớ đến mẹ. Mẹ anh không nghèo đói, nhưng mẹ anh cũng gầy. Cứ bà già nào gầy yếu đều gây ấn tượng là người mẹ. Cứ bà già nào khổ sở là làm anh nhớ đến mẹ. Chẳng hiểu sao anh lại có ấn tượng như thế. Và đó là chỗ yếu nhất trong lòng anh.

Anh đã bảo, xe cháu không chở khách bà ơi. Nhưng cũng bất chợt anh nhận ra rằng mình mà bỏ bà già lại đây, mình mà đi lúc này thì cái thân hình run rẩy kia sẽ không bao giờ buông tha, sẽ ám ảnh tâm trí anh suốt đời. Anh bèn dắt bà già sang phía cửa bên kia, nhắc bổng thân hình chỉ hơn ba chục cân cho bà bỏ vào buồng lái. Nào thì đi”...

Vậy là sau gần bốn chục năm, tôi đã đưa được câu chuyện bà già vào tác phẩm của mình. Tôi đã gửi gắm vào tác phẩm nỗi băn khoăn thương cảm của mình.

Gần bốn mươi năm, bà già đã đi qua đi lại trong tâm trí tôi, lang thang mãi cho đến khi được tôi xếp cho một chỗ giữa bao nhiêu nhân vật. Chắc là từ đây bà mới chịu yên, không lang thang ám ảnh nữa.

Cũng phải từ đây tâm trí tôi mới tạm bình yên, sẽ thôi băn khoăn thắc mắc về số phận bà già. Tôi đã cho bà một cái kết có hậu ở bến xe, sau đó ở cuối tiểu thuyết, lại bù chì thêm cho bà một cái kết khá hài hước.

Và đấy, có những điều cứ lang thang mãi trong tâm và trong trí nhà văn, có khi lang thang đến mấy chục năm, cuối cùng mới được xếp cho một chỗ trong tác phẩm. Cuối cùng, sau mấy chục năm, nguyên liệu thô mới trở thành tác phẩm.

Cũng có những nguyên liệu mãi còn nguyên đấy, cho đến khi nhà văn đã ra đi, mà nguyên liệu vẫn không được xếp chỗ, vẫn không hết kiếp lang thang.

Một nhà báo hỏi tôi ý tưởng cuốn *SBC là sản bắt chuột* hình thành từ bao giờ. Tôi trả lời là nó được hình thành từ rất nhiều năm trước. Cô nhà báo tính một cách rất số học: chương đầu lấy bối cảnh trận lụt ở Hà Nội năm 2008, chương cuối lấy bối cảnh trận hạn hán lịch sử cũng ở Hà Nội năm 2009, vậy thì ý tưởng hình thành cách năm xuất bản 2011 cũng chưa lâu.

Ồ, vậy cô không tính là trong một cuốn tiểu thuyết có biết bao nhiêu chi tiết, bao nhiêu ý tưởng, bao nhiêu nhân vật, những điều ấy lại có thể đã từng lang thang hàng chục năm trời trong tâm trí nhà văn. Rồi đến khi gặp được sự kiện 2008-2009 chẳng hạn, chúng mới mượn sự kiện mà dồn lại và khởi lên một tác phẩm. Như câu chuyện bà già ở bến xe nọ. ■



Lang thang trong chữ

Chữ thừa

HỒ ANH THÁI

Có một người từng làm đối ngoại và làm báo nên rất lưu tâm đến chữ nghĩa. Thông thạo tiếng Pháp và tiếng Trung, ông cho rằng nhà văn nhà báo Việt Nam nên biết ít nhất tiếng Trung và một thứ tiếng phương Tây. Biết ngôn ngữ Hán Việt để không viết thừa. Biết một ngôn ngữ phương Tây để có điều kiện so sánh văn phạm. Đọc báo, nghe đài, xem truyền hình, ông thường có quán tính biên tập luôn, chúng tôi trêu rằng ông cãi nhau với đài.

Những ngôn từ kiểu này thường được ông tức thời chỉnh lại:

- Tái sinh lại, tái hiện lại, tái diễn lại, tái bản lại, phục chế lại... Hoặc như ở trong một cuốn sách: *khi đã hồi phục lại, bà đi xuống* (*Kẻ trộm sách*, tr. 330)... Thêm chữ Lại, sự việc sẽ lặp lại đến lần thứ ba chứ không phải là hai lần.

- Tối ưu nhất, tối đa nhất, tối kỵ nhất, cực kỳ tối mật... Đã tối là đến tận cùng rồi, lại còn nhất hoặc cực kỳ nữa thì đúng là hết ý... nhất.

- Đặc thù riêng, hoặc: *Mỗi tình huống nêu trên đều có cái nhìn đặc trưng riêng của nó* (*Tên của khí trời*, Trần Tiễn Cao Đăng dịch, tr. 40). Người dịch hãy thần nhiên mà thôi chữ Riêng đi, tiếc nuối làm gì.

- *Người họa sĩ* (*Một cuộc gặp gỡ*, Nguyên Ngọc dịch, NXB Văn Học 2013), *nhà họa sĩ* (*Tên tôi là đỏ*, Phạm Viêm Phương dịch, NXB Văn Học 2007), *nhà học giả* (*Tên của*

khí trời, tr. 41, 42, 43), *nhà triết gia* (Plato và con thú mở vệt bước vào quán bar...), hoặc *nhà doanh nhân, người nghệ sĩ*... Những từ này đều thừa chữ nhà hoặc chữ người. Đã thành quen, đã vào thơ và ca hát véo von: Người nghệ sĩ lang thang hoài trên phố... Tôi đoán rằng chúng cũng sẽ có ngày được vào từ điển.

- *Lính bộ binh*: lính đã là lính. Có thể tạm chấp nhận khi hàm ý đám lính của một quân chủng là bộ binh, phân biệt với lính hải quân chẳng hạn. Nhưng ai đọc cũng thấy ở đây người dùng chữ để thừa chữ.

- *Đạo giáo* của chúng ta (*Tên tôi là đỏ*, NXB Văn Học 2007): giáo đã là đạo. Sao không nói luôn là tôn giáo cho chính xác.

Chỗ bạn bè với nhau, chúng tôi thường tự cường điệu mà dùng những chữ thừa thãi như trên hoặc những cấu trúc câu khác thường. Đùa cho vui. Nhưng tuy nhiên. Đã nhưng lại còn tuy nhiên. Chuyện có thể đùa, như thể khó thành sự thật, nhưng hóa ra lại có người dùng thật. Thử chỉ ra trong một cuốn sách, cuốn *Những mối tình nực cười* (Cao Việt Dũng dịch), ở đây có cả những chữ mà ta đang bàn:

- Nhưng mặc dù vậy (tr.271).
- Nhưng tuy nhiên (271).
- Nhà nghệ sĩ (47)
- Ở bên trong nội tâm (287)
- Cô gái trẻ (93)
- Chàng trai trẻ (97).

Ở bên trong nội tâm, cũng quen dùng như thế là ở trong nội thành, trong nội bộ, ở ngoài ngoại ô.

Đây là nói chuyện viết thừa chữ, vì không hiểu nghĩa Hán Việt, hoặc quen dùng theo khẩu ngữ. Ở Anh - Mỹ cũng có chuyện này. Một nhà ngôn ngữ học người Anh chỉ ra rằng báo chí hay viết thừa, theo kiểu *young girl*, *young boy*. Đã boy và girl thì nhất định phải young, trừ trường hợp chơi chữ như tên một bộ phim Hàn Quốc: *Old Boy*, nghĩa là *Thằng già*. Viết gái trẻ, tức là hàm ý có gái già hay sao. Có, trường hợp đặc biệt này, người ta dành cho cô gái già một từ thật riêng: spinster.

Vậy tiếng Việt mà viết *cô gái trẻ* (*Một cuộc gặp gỡ*, NXB Văn Học 2013), *chàng trai trẻ, anh thanh niên trẻ* thì có khác gì *young girl*, *young boy*. Chữ *trai trẻ* hoặc *trẻ trai* cũng có thể dùng như một tính từ, nhưng cũng phải chọn danh từ đi với nó cho phù hợp, chứ còn *chàng* thì đã hàm ý trẻ trong ấy rồi. ■





Giao điểm giữa Thiền và Hậu hiện đại

PHAN THẠNH

Hiện nay, khái niệm Hậu hiện đại không còn xa lạ đối với người Việt. “Nó ra đời khi mà các chủ thuyết hiện đại trở nên già cỗi, đã trở thành những đại tự sự”. Lyotard xác định: “Hậu hiện đại là sự hoài nghi đối với các siêu tự sự”. [3; tr.11]. Với bài viết này chúng tôi đem Hậu hiện đại soi chung với Thiền tông để thấy được giữa Thiền tông Phật giáo với chủ nghĩa Hậu hiện đại có những “giao lộ”.

1. Từ ngôn ngữ đạo đoạn hay siêu ngữ

Daisetz Teitaro Suzuki bàn trong *Thiền luận* rằng “Thiền cởi bỏ tất cả những gì ràng buộc chúng ta” [4; tr.9]. “Thiền là sáng tạo, không thể phô diễn được bằng thứ ngôn ngữ cứng nhắc, thiếu sinh khí của hàng bác học và mô phạm” [4; tr.443].

Luận bàn đến sự chứng ngộ của thiền thì ngôn ngữ không thể giải quyết được. Đến với quan điểm Thiền tông là rời bỏ ngôn ngữ, nếu không thì chỉ quanh quẩn trong vòng lưới tư duy nhị nguyên. Khi cảm khái và nhận chân giá trị cái hiện hữu thì một tiếng hét làm “lạnh cả bầu trời” của Thiền sư Không Lộ vượt ra khỏi ngôn ngữ hay khi Tổ Bồ-đề Đạt-ma hỏi Huệ Khả về sự

chứng ngộ chừng nào thì Tổ Huệ Khả chỉ biết im lặng lay ba lay khiến Tổ Đạt-ma cho rằng ông đã đạt đến phần tủy của Đạo. Sự chứng ngộ của thiền là tự thân cảm nhận, không dùng ngôn ngữ để biểu đạt nên tâm ấn thường truyền cho những ai đạt đến cảnh giới thông suốt, nghĩa là giữa người truyền và người được truyền thông tâm như gương trong, lúc này không nói cũng hiểu. Khi dùng ngôn ngữ biểu đạt Thiền thì ngôn ngữ gây đoạn không đi trọn vẹn chức năng của nó, lâm vào bế tắc.

Lê Huy Bắc nói rằng: “Hậu hiện đại lấy trò chơi ngôn ngữ làm diễn ngôn của mình. Tính chất vừa quy ước vừa đã quy ước của trò chơi ngôn ngữ là nền tảng vận động của tư duy hậu hiện đại. Theo đó, mọi ràng buộc và sùng tín ngôn ngữ là cội chết của tư duy và sự sống của con người” [2; tr.19]. Hậu hiện đại cho phép người đọc tự mình phát huy những cảm quan sáng tạo, không còn hoàn toàn phụ thuộc vào ý đồ tác giả. Cũng có nghĩa là vai trò tác giả chỉ là để tạo ra văn bản còn người đọc sẽ khuấy động trong ngôn ngữ như một trò chơi. Trong khi đó, Thiền dùng thoại đầu, công án như một văn bản và nhấn mạnh đến “Nhất tự quan” - cửa ải một chữ để cho thiền sinh đạt đạo.



Trong *Lý thuyết phê bình hậu hiện đại như một siêu ngữ*, GS. Lê Huy Bắc có nói rằng: “đành rằng tất cả tồn tại đều được diễn đạt qua ngôn ngữ nhưng cứ nhất tin vào khả năng đó của ngôn ngữ thì con người sẽ là một kẻ thiếu cặn hết chỗ nói” [tr.20]. “Hậu hiện đại không còn sử dụng ngôn ngữ theo kiểu thông thường mà nó trở thành một siêu ngữ. Nó khiến cho người đọc cảm nhận bằng một cảm quan mới lạ”. Cũng trong bài viết đó, Lê Huy Bắc đã lấy ví dụ về việc Đức Phật Thích-ca truyền tâm ấn lại cho ngài Ca-diếp bằng cách đưa cành hoa sen lên. Ngài Ca-diếp mỉm cười và được cho là đã ngộ được ý chỉ của Thiên tông. “Ngày nay chúng ta xem Ca-diếp là một ông Phật bởi vì Đức Phật đã nói như thế, chứ còn lâu hoặc chẳng thể nào chúng ta tiếp cận được Phật tính của bậc tôn giả kia. Vậy sự đạt đạo hoặc ngộ được chân lý thì không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ” [2; tr.20].

Thiên chú trọng đến *ngôn ngữ đạo đoạn* và *tâm hành xứ diệt*. *Ngôn ngữ đạo đoạn* là cắt đứt con đường ngôn ngữ; *tâm hành xứ diệt* nghĩa là tiêu diệt chỗ vận hành của tâm, tức là đừng để tâm ý đi tìm những ý niệm: có-không, sanh-diệt... để mong cầu nghĩa sự thật.

Tông chỉ của Thiên tông là:

Giáo ngoại biệt truyền

Bất lập văn tự

Trực chỉ nhân tâm

Kiến tánh thành Phật.

Thiên tông vượt qua ngôn ngữ, dùng nhiều phương tiện đưa con người trở lại bản thể Tánh Không mà chứng nhập Phật tính. Ngôn ngữ là phương tiện như thuyền qua sông, như ngón tay chỉ mặt trăng (tiêu nguyệt chỉ). Phải biết bước ra khỏi thuyền để lên bờ hay phải biết nhìn theo hướng ngón tay để thấy mặt trăng.

Tác giả Insara viết rằng: “Tính giải thiêng và giải hoặc cùng sự phi nghiêm cần của hậu hiện đại cũng để tìm được tiếng nói tương đồng trong tư tưởng và hành động của thiên sư. Cuối cùng, trong khi Phật giáo Thiên tông vận dụng nhiều phương tiện - có khi rất khắc nghiệt - để đưa người tu tập đạt giác ngộ tối thượng thì chủ nghĩa hậu hiện đại cho phép văn chương sử dụng mọi thủ pháp cần thiết - có chất liệu ngôn từ - thể nào chúng mang lại hiệu quả nghệ thuật cao nhất”.

2. Đến phi trung tâm hay tánh Không

Khi Nietzsche thống thiết tuyên bố rằng: “Thượng đế đã chết” hay tuyên bố “đây là buổi hoàng hôn của những thần tượng” nghĩa là vấn đề trung tâm không còn tồn tại, không còn được xem trọng nữa. Phi trung tâm, phi chủ thể đã hướng đến sự đổ vỡ, phá bỏ vai trò trung tâm chủ thể, tạo nên những mảnh rời rạc.

Theo Nguyễn Nguyên Cẩn thì “phi trung tâm hóa nghĩa là tạo ra nhiều trung tâm, mỗi nhân vật trong tác phẩm trở thành một trung tâm của câu chuyện nào đó, giữa câu chuyện có thể có hoặc không có mối liên hệ

nào và không có khả năng kết hợp lại với nhau, tất cả tạo thành những mảnh vỡ được khớp lại theo ý thích của tác giả”.

Soi xét vào truyện ngắn Việt Nam ta bắt gặp rất nhiều truyện được tác giả xây dựng theo kiểu phi trung tâm, không có chủ thể. Chẳng hạn trong *Sang sông* của Nguyễn Huy Thiệp. Một chuyến đò ngang chở khách sang sông lại đầy đủ tất cả các hạng người; từ những nhân vật đại diện cho tầng lớp trí thức học giả như nhà giáo, nhà thơ cho đến kẻ buôn bán; từ đại diện cho tầng lớp sang trọng về đạo đức như nhà sư cho đến kẻ trộm, giết người, dâm dăng; từ người già cho đến trẻ nhỏ; cả đàn ông đàn bà... tất cả cùng chung trên một chuyến đò. Lẽ ra chủ đò thì lái đò đưa khách sang sông thế mà bị tên cướp tranh lấy nhiệm vụ ấy. Cách xây dựng hệ thống nhân vật như vậy không nằm ngoài một việc phi trung tâm hóa, phi chủ thể hóa. Trên chuyến đò ấy không còn nhân vật trung tâm nữa. Qua đó ta thấy được rằng Nguyễn Huy Thiệp đang mã hóa nhân vật trên chuyến đò của mình như toàn thể xã hội, toàn thể vạn loại chúng sanh. Phi trung tâm để cho thấy sự bình đẳng, ai cũng có vai trò như nhau trên cùng một chuyến đò.

Trong truyện *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp, vai trò của vị tướng-người cha trong gia đình không còn được thể hiện. Lẽ ra khi tại chức thì vị tướng là trung tâm của mọi hoạt động nhưng nay về hưu, mọi giá trị bị xóa bỏ. Hình tượng nhân vật trung tâm không còn giá trị.

Ở truyện *Không có vua* ta cũng nhận thấy cách xây dựng phi trung tâm này một lần nữa được Nguyễn Huy Thiệp vận dụng. Một gia đình nhiều người mà toàn là đàn ông thì nhân vật trung tâm lại càng bị xóa nhòa. Không có vua nghĩa là không có ai cai trị, nghĩa là sẽ loạn lạc, tôn ti trật tự sẽ bị xóa bỏ. Con không là con, cha không là cha, anh em không rõ vai trò anh em, cũng có nghĩa là không có trung tâm, không còn trung tâm.

Trong *Thành phố nhà thờ* của Donard Bartheline thì tính phi trung tâm rất rõ rệt. Lẽ ra mỗi khu vực hay địa bàn nào đó chỉ cần một nhà thờ là đủ để chặn dấy đàn cừu-con chiên. Đằng này, nhà thờ dày đặc, nằm sát nhau nguyên một thành phố; có nghĩa là vai trò của nhà thờ không còn nguyên giá trị nữa. Khi tất cả con chiên tập trung về nhà thờ thì nhà thờ là trung tâm, là một địa điểm vô cùng thiêng liêng và quan trọng. Thế mà ở đây, nhà thờ mất đi tính thiêng liêng của nó. Ngay ở lầu chuông là cảnh sống bụi trần nhơ nhớp của những con chiên.

Nhật Chiêu nói rằng: “tư tưởng hậu hiện đại không cho phép một cực nào trong một hệ thống trở thành trung tâm-vì trung tâm không phải là trung tâm. Tâm điểm là phi tâm điểm. Với Thiên, ngoại vi và tâm điểm là một, không cần phải giải cấu trúc về trung tâm, không cần phải nghĩ bàn làm chi cho nhọc”.

Tánh Không của Thiền tông là “đứng ngoài”- “vượt lên” đối đãi nhị nguyên phân biệt. Khi nhận ra không phải không có và không phải không không thì thấy cái giây phút hiện tại hiện hữu. Đồng thời không còn thấy cái bản ngã trong mỗi con người. Nghĩa là Tánh Không phá ngã, phá chấp, gạt bỏ bám víu đối đãi nhị nguyên để đạt đến vô ngã, trở lại giây phút hiện tại.

Trong *Khóa hư lục*:

Một hôm vua (Trần Thái Tông) đến thăm chùa Chân Giáo. Có vị Tăng tên Đức Thành người nhà Tống hỏi: Thế Tôn chưa rời Đâu-suất đã giáng sanh vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ người đã xong. Là ý nghĩa thế nào?

Vua đáp:

*Ngàn sông có nước ngàn trăng hiện,
Muôn dặm không mây muôn dặm trời.*

Tăng hỏi:

*Chưa rời cung, chưa ra đời đã được chỉ dạy.
Đã rời cung, đã ra đời việc thế nào?*

Vua đáp:

*Mây sanh đánh núi toàn màu trắng,
Nước đến Tiêu, Tương một dáng trong.*

Tăng hỏi:

*Mưa tạnh sắc núi sáng,
Mây đi trong động ngời.
Vì sao ẩn hiển như một?*

Vua đáp:

*Trừ người quả thật con ta đó,
Ai kẻ bạo chân vào đường này.*

Như vậy ta thấy rằng, câu trả lời không đúng với mục đích của vị thiền sinh muốn nhận. Câu hỏi một đằng, câu trả lời một nẻo. Đối thoại không còn là đối thoại nữa. Phá vỡ ý đồ của người hỏi, dẹp bỏ việc thấy “cái ta” trong đối thoại. Những mảnh vỡ đối thoại theo kiểu này chẳng xa lạ gì và chẳng khó bắt gặp trong văn học hậu hiện đại.

Ngôn ngữ không còn là một tự sự truyền thống mà nó rời rạc, hỗn độn. Cũng có nghĩa là đánh vỡ trung tâm, giải thiêng, phá chấp trở về với tánh Không. Thiền đưa hành giả về với thực tại, rời xa sự bám víu, đối đãi nhị nguyên. Hậu hiện đại giúp người tiếp nhận vạch tìm và nhận thấy giá trị của tác phẩm.

Chẳng phải trong một truyện thiền khác, khi Đức Phật đưa ngón tay chỉ mặt trăng thì siêu ngữ của hành động này là chân lý, là trắng chứ không phải là ngón tay. Ngón tay là phương tiện chứ không phải là mục đích, mặt trăng mới là mục đích. Việc nhận ra vấn đề này trong văn học hậu hiện đại chính là cách cho chúng ta khâu chuỗi các hình tượng phi trung tâm. Muốn hiểu rõ được giá trị khi xây dựng phi trung tâm thì ta cần vượt

qua ngôn ngữ, hiểu rõ cái siêu ngữ hiện đằng sau văn bản như việc muốn hiểu rõ chân lý cần phải vượt qua ngôn ngữ, vượt qua phương tiện chứ không bám vào phương tiện. Muốn hiểu được đạo cần phải nắm cốt yếu, muốn thấy mặt trăng thì phải nhìn theo hướng ngón tay chỉ chứ không phải nhìn ngón tay.

Trong quá trình xây dựng phi trung tâm hóa của hậu hiện đại và tánh Không của Thiền chính là việc xây dựng đối thoại. Văn học truyền thống xây dựng đối thoại theo kiểu tự sự còn hậu hiện đại lại không theo mẫu ấy. Nhân vật tùy ngôn phát ngôn, đẩy ngôn từ ngày càng ra xa so với hiện thực. Cũng chính vì vậy mà phi trung tâm càng hiện rõ trong mỗi tác phẩm. Không có trung tâm thì ngôn ngữ cũng không trung tâm, ngôn ngữ trở nên hỗn độn. Trong khi nhân vật của hậu hiện đại trở thành những mảnh vỡ thì Thiền lại đưa con người về với những im lặng, vô ngôn.

Như vậy Siêu ngữ hay Vô ngôn; phi trung tâm hay Tánh Không giữa hậu hiện đại và Thiền trở thành giao điểm. Trong quá trình xây dựng phi trung tâm, hậu hiện đại đã sử dụng những yếu tố siêu ngữ, phá bỏ chủ thể, tạo ra những mảnh vỡ khiến ta nhìn thấy toàn là một mớ hỗn độn. Còn tánh Không của Thiền giúp người ta phá bỏ bản ngã, vượt ra khỏi ngôn ngữ bằng nhiều phương tiện khác nhau mà chứng nhập chân lý, chứng nhập Phật tính.

Với những cách tiếp cận như vậy ta thấy Thiền và Hậu hiện đại có những giao điểm, những mắt xích chung.

Nhật Chiêu viết: “Những đề tài như ngôn ngữ, bản ngã, thời gian, cái chết, hư không, hoài nghi... đều được quan tâm. Tư tưởng đôi bên có khi chạm phốt qua nhau, lướt qua nhau và sau đó mỗi bên lại đi trên con đường của mình, bay đi: con đường của trò chơi dấu vết ở hậu hiện đại và con đường vô ngôn tích ở Thiền” [2; tr.54].

Kể từ lúc Đức Phật “niêm hoa vi tiếu”, Thiền tông không phải là một khái niệm trừu tượng mà nó đi trước những giới hạn của ngôn ngữ để mở rộng cường độ và phạm vi tiếp nhận của những người tham gia. Và trong thời đại hôm nay ta có Hậu hiện đại, cái vượt qua, phá vỡ “đại tự sự”. ■

Tài liệu tham khảo chính:

1. Thiện Chánh dịch (2009), *Thiền Nhật Bản*, Nxb Thuận Hóa.
2. Lê Huy Bắc (2013), *Phê bình văn học hậu hiện đại Việt Nam*, Nxb Tri Thức.
3. Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà, Nguyễn Hồng Dũng (chủ biên) (2013), *Văn học hậu hiện đại - diễn giải và tiếp nhận*, Nxb Văn Học.
4. Daisetz Teitaro Suzuki (2011), *Thiền luận 3 tập*, Nxb Tổng Hợp TP.Hồ Chí Minh.





Câu chuyện từ thiện

HOÀNG TÁ THÍCH

Hôm nay đọc tờ tạp chí *Forbes* mà thấy phần khởi trong lòng vì tình cờ được biết về những công cuộc từ thiện của các doanh nhân giàu có. Báo chí thường không viết nhiều về doanh nhân so với việc viết về những nhân vật trong làng giải trí; hoặc nếu có thì phần nhiều cũng chỉ nói về các công ty hơn là kể những chuyện riêng tư của các doanh nhân. Và lại, nếu có thì phần lớn độc giả cũng không thấy hứng thú bằng những tin tức giải trí. Những tin tức về lĩnh vực giải trí thì nhan nhản, vô số chuyện của các ca sĩ, người mẫu, hoa hậu... đúng là chỉ để giải trí, vì đọc xong là có thể quên ngay. Trái lại, khi đọc một tin tức về những bệnh viện quá tải khiến bệnh nhân phải nằm la liệt ngoài hành lang, những cơn lũ cuốn đi những em học sinh cố vượt qua sông để đến trường, hay dân chúng trong những vùng quanh năm thiếu ăn, những bà mẹ đi lượm rác nuôi con đi học, hoặc những ông cha sống trong ống cống vẫn chịu khó kiếm tiền cho con trả học phí... thì không những không có gì chút thú vị cả mà còn làm cho mình đau lòng, phải khắc khoải suy tư về sự nghèo đói của dân chúng mà đôi khi

cảm thấy buồn vì chẳng làm gì được để giúp đỡ họ cả. Vì vậy mà khi biết được những tổ chức từ thiện, tôi thấy phần khởi là thế.

Tờ tạp chí về tài chính Việt Nam mới đây đã làm một cuộc phỏng vấn ba nhân vật lớn của ba công ty đầu tư lớn với những kết quả thành đạt lớn. Ba nhân vật được phỏng vấn là ông Lê Văn Kiểm, Chủ tịch Công ty Golf Long Thành; ông Dominic Scriven, Tổng Giám đốc Điều hành (CEO) của Quỹ Đầu tư Dragon Capital; và ông Don Lam, CEO Tập đoàn Quản lý Quỹ VinaCapital, trong mục "Câu chuyện từ thiện". Hai nhân vật đầu thì tôi không quen, nhưng riêng ông Don Lam thì thỉnh thoảng tôi có gặp. Hơn nữa, những quỹ đầu tư do tập đoàn VinaCapital của ông quản lý có quy mô rất lớn nên tên tuổi của ông trong ngành tài chính hầu như chẳng ai không biết. Cả ba nhân vật đều được phỏng vấn về những công tác từ thiện của họ. Riêng Don Lam đã nói đến lý do lập quỹ từ thiện của ông, vì nhân một dịp tình cờ tham gia một chương trình từ thiện mổ tim ở Quảng Nam. Trong dịp ấy, vị Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn Quản lý Quỹ VinaCapital đã gặp một bà mẹ có hai đứa con đều mắc bệnh tim, nhưng chỉ một

đứa còn sống vì không có tiền để mổ tim cho đứa con bị nặng hơn. Đến lúc đó, ông Don Lam mới biết chỉ vì không có được khoảng 50-60 triệu để mổ tim mà con bà đành phải chịu chết. Điều này không những đã làm ngạc nhiên cho một người giàu có như ông, đồng thời cũng là một điều đau lòng đã làm cho ông suy nghĩ và đi đến quyết định việc thành lập công ty từ thiện. Sau đó, theo lời kể của ông thì năm 2007, quỹ từ thiện của ông đã cứu mạng một em học sinh giỏi nhờ được tài trợ một cuộc mổ tim, và 7 năm sau, em học sinh ấy, bấy giờ là một thanh niên khoẻ mạnh mới được vào đại học, đã tìm đến thăm ân nhân của mình. Những chuyện đó đã làm cho một người giàu có, thành đạt như Don Lam thấy việc mình làm có ý nghĩa, đến nỗi đam “ghiền” (theo lời ông) và ông đã tiếp tục công việc từ thiện một cách hứng thú để có thể giúp đỡ cho những người đang sống trong một thế giới khác mà trước nay ông không hề hay biết.

Chuyện những em nhỏ không may bị bệnh tim và không có tiền để mổ và chịu chết là chuyện xảy ra rất thường ở các vùng dân chúng còn nghèo đói. Tôi có một người bạn thường làm từ thiện, giúp đỡ những bệnh nhân nghèo trong các bệnh viện ở Huế đã kể cho tôi nghe vô số trường hợp đau lòng. Nhiều em học rất giỏi mang bệnh, không chỉ là một bệnh tim thôi mà còn những bệnh khác cần phải được giải phẫu, nhưng nhà quá nghèo không thể nào có tiền để chữa bệnh đành phải kéo lê cuộc sống bệnh hoạn để... chờ chết. Nếu có cơ duyên và đúng lúc, người bạn của tôi biết hoàn cảnh của họ, sẽ lên tiếng với bạn bè và sau khi nhận được tiền giúp đỡ, có thể kịp thời cứu sống em đó. Nói là cơ duyên, vì cũng có những trường hợp thấy những hoàn cảnh như thế, nhưng người bạn tôi chẳng thể làm gì cả vì không đúng lúc. Người nghèo có cả hàng ngàn hàng vạn, người nào may mắn hưởng được sự giúp đỡ thì đó là cái duyên của họ. Có những em được đưa đến bệnh viện chờ được giải phẫu trong khi gia đình ở quê lo cặm cố hoặc bán nhà, hoặc lo vay mượn tiền bạc để trang trải chi phí. Có những trường hợp gia đình báo tin không kiếm được đủ tiền, bố mẹ đành phải đem con rời bệnh viện để chờ một phép lạ nào đó xảy đến hoặc... chờ chết. Thực ra không chỉ là chuyện mổ tim, mà rất nhiều căn bệnh khác, bệnh nhân chỉ cần một số tiền chừng năm ba chục triệu để cứu mạng, cứu cả một cuộc đời, nhưng không phải lúc nào cũng có thể kiếm ra được. Có những đứa trẻ bị bệnh, cần phải có tiền giải phẫu, cha mẹ đã bán hết cả gia sản hoặc phải vay mượn khắp nơi. Đến khi mạng sống của đứa bé được cứu thì sau đó cả gia đình lại sống cảnh màn trời chiếu đất hoặc nợ nần không dứt. Năm bảy chục triệu, đối với những người làm ra tiền một cách dễ dàng thì chẳng là gì, nhưng đối với những người nghèo thì đó là một mạng người, một cuộc đời. Những điều này có thể làm ngạc nhiên cho phần

lớn những người giàu có, nhưng lại là một điều bình thường đối với những kẻ nghèo khổ. Có những người biết rồi nhưng có thể quên đi vì chưa hình dung được sự thật, hoặc vì không có cơ hội tiếp xúc thực tế, hoặc có thể vì công việc đa đoan không có thì giờ quan tâm đến những hoàn cảnh không liên hệ gì đến cuộc sống của mình cho lắm. Nhưng vẫn có những người biết và động lòng như ông Don Lam mà tôi vừa nói trên. Có nhiều người sống trong một môi trường mà họ không bao giờ có thể biết đến những chuyện như thế. Không phải họ không muốn biết, nhưng vì trong hoàn cảnh và môi trường của họ, khó có cơ hội để biết, không thể nào trách được. Ông Don Lam tình cờ đi theo một phái đoàn từ thiện, mới có thể biết được những sự thật đau lòng như thế. May cho ông, từ đó ông có một niềm vui vì cứu được nhiều mạng người và có thể san sẻ sự giàu có của mình cho kẻ không được may mắn. May cho những người nghèo khổ, đã được những người hiếm có như Don Lam nhìn thấy hoàn cảnh của họ để ra tay giúp đỡ.

Có nhiều người kiếm ra tiền thường nghĩ đến chuyện giúp đỡ kẻ khó. Công việc từ thiện sẽ làm cho họ thấy thân tâm an lạc vì cảm thấy cuộc sống của họ có ý nghĩa hơn khi có thể giúp đỡ, chia sẻ với những kẻ nghèo khổ. Làm từ thiện có nhiều hình thức và có thể có mục đích khác nhau, tuy nhiên, cũng đều là công tác từ thiện, kết quả như nhau vì miễn là cuối cùng cũng đều có tiền hay phẩm vật đến tay người thụ hưởng.

Nếu đã từng nhìn thấy sự nghèo khổ của dân chúng thì mới có thể thấy bất cứ việc từ thiện nào cũng đều tốt, ngay cả đôi khi số tiền cho từ thiện sau khi qua tay những người trung gian, có thể bị hao hụt đôi chút. Có nhiều trường học ở những vùng dân cư nghèo khổ, học sinh nhận được học bổng chỉ năm trăm ngàn đồng Việt Nam, nhưng đã thấy mừng rỡ chứ đừng nói đến một triệu. Năm trăm ngàn chưa đủ để trả một bữa ăn ở những nhà hàng cỡ trung trong thành phố. Tôi hỏi với năm trăm ngàn nhận được, em sẽ làm gì. Trả lời: “Em sẽ đưa cho mẹ, nuôi vài con gà đẻ trứng và bán đi để mua gạo bồi dưỡng việc học hành cho em”.

Mới đây biết được tin ca sĩ Phi Nhung nuôi đến 18 đứa trẻ mồ côi cho ăn học mà cảm động. Nếu những người nổi tiếng đều có một nghĩa cử như thế thì thật may mắn cho sự nghèo đói của dân chúng.

Việc từ thiện không chỉ cứu đói, cứu mạng mà còn đem lại những tia hy vọng cho những em học sinh nghèo thấy được chút sáng sủa của tương lai để không nản chí vì hoàn cảnh khó khăn của mình.

Bây giờ công tác từ thiện gần như đã gây được một phong trào với nhiều hình thức khác nhau. Nhiều tổ chức thực hiện những quán cơm rẻ tiền giúp cho học sinh sinh viên nghèo, thành lập những thư viện bỏ túi từ thành thị đến thôn quê, những vùng xa xôi hẻo lánh. Giúp cho địa phương xây những cây cầu chắc



chấn hơn những cây cầu treo, cầu khỉ bắc qua những con suối mà những con lữ thường dễ làm mất mạng những em học sinh cố vượt qua bằng mọi cách để đến trường.

Có những khu nhà ở rất nghèo nàn ở Việt Nam, dưới gầm cầu, gần những bãi rác hoặc ngay giữa thủ đô Hà Nội, hay trong những thành phố lớn khác, là những nơi cư ngụ của những người nghèo khổ. Xem những hình chụp trên báo thì không phải chỉ những người giàu có, mà ngay cả những người có cuộc sống vật chất kém trung bình một chút cũng phải thấy đau lòng. Người ta gọi đó là những khu ổ chuột. Ổ chuột là danh từ để chỉ những nơi cư ngụ của những người nghèo khổ. Ấn Độ là một quốc gia cũng nổi tiếng với những khu ổ chuột tiêu biểu. Có một người bạn tôi đi du lịch “bụi” qua Ấn Độ và muốn tìm hiểu những khu ổ chuột ở ngay trong những thành phố lớn như Bombay, New Delhi. Nhưng khi đến nơi thì họ không được phép vào. Sau nhiều lần năn nỉ thì họ được phép vào tham quan, nhưng lại không được mang theo máy ảnh. Khi gặp họ, tôi hỏi về đời sống ở những khu ổ chuột đó, những người bạn tôi chỉ lắc đầu và nói “không biết phải diễn tả thế nào”.

Những người bạn tôi đã từng thấy những khu ổ chuột ở Việt Nam và vẫn có thể “diễn tả được” chứ không như những khu ổ chuột ở Ấn Độ, thì không hiểu dân chúng ở đó sinh hoạt như thế nào. Vậy thì ngay

cả những người nghèo khổ chung quanh chúng ta cũng không thể nào biết được những hoàn cảnh khổ hơn của người khác, nói chi đến những người giàu có. Không thể nào đòi hỏi họ phải thấy, phải biết, nhưng nếu có cơ may cho những người nghèo khổ được những người giàu có biết đến thì đó là cái cơ duyên của cả hai bên như trường hợp của ông Don Lam mà tôi vừa kể vậy. ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo An : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT Nền Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiaio1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập

Tôi chừa mắt trí

MEG HUTCHINSON
PHẠM LỆNH HỒ dịch

Tôi vừa được hai mươi tám tuổi khi cuộc sống nội tâm của tôi suy sụp. Từ năm mười chín tuổi, tôi đã phải lặng lẽ chiến đấu với tâm trạng buồn chán, nhưng nối tiếp những thời kỳ đầy đam mê và tràn trề năng lực thì trạng thái ủ rũ ngày càng tăng. Những gì mà tôi vẫn thường viết ra với tính cách của một “tính khí nghệ sĩ” bấy giờ bắt đầu trở nên một hành trình làm kiệt sức.

Vào đầu mùa xuân năm ấy, tôi được tuyển tham gia một chuyến lưu diễn âm nhạc tốc hành trên khắp Vương quốc Anh cùng nhiều ban nhạc khác. Chúng tôi đã uống rất nhiều bia rượu và ngủ thật ít; và tôi cảm thấy tất cả những điều đó thật bình thường. Tôi thỉnh thoảng trở nên một kẻ hoạt bát, dễ cười và đầy năng lực sáng tạo. Nhưng khi trở về đến Boston, tôi nhanh chóng rơi vào vòng xoáy của sự suy sụp.

Tôi bắt đầu khó ngủ, có khi trằn trọc hàng giờ. Tôi từng lạc lối trong lúc lái xe quanh chỗ mình đang ở. Phản xạ của tôi chậm lại và tôi không thể dạo được mấy khúc nhạc guitar. Khi chuẩn bị hành trang cho một chuyến đi tới Minnesota, tôi cảm thấy hết sức khó khăn để quyết định. Ngay cả những vấn đề thật đơn giản, bộ não của tôi dường như cũng chẳng thể vận dụng được. Tôi cần phải mang theo bao nhiêu bộ quần áo cho một chuyến đi kéo dài hai tuần lễ? Cái nút trên chiếc máy giặt này vận hành ra sao? Hiện nay đang là mùa nào?

Khi cảm thấy cái tình trạng rối loạn đó đang đến với cuộc đời mình, cơn hoang mang của tôi biến thành sự sợ hãi. Não tôi đang lao nhanh vào những vòng xoáy kín khít của sự lo âu, mà cố gắng đến mức nào đi nữa, tôi cũng không thể thoát ra khỏi những ý nghĩ bệnh hoạn. Tôi có cảm tưởng chứng bệnh mất trí nhớ ở tôi đang nhanh chóng phát triển.

Lúc ấy tôi đang trải qua cái điều mà sau này tôi mới biết là một “tình trạng hỗn hợp” trong đó một người ở trạng thái rối loạn lưỡng cực cùng lúc chịu sự đau khổ vì cả những đam mê lẫn những chán nản. Sau một đợt hoàn toàn mất ngủ trong suốt năm ngày, tôi cầu cứu gia đình. Phải can đảm ghê gớm lắm tôi mới có thể nói được, “Mẹ ơi, đầu óc con có vấn đề gì rồi đó. Con về nhà đây!”.

Cha mẹ tôi vốn là những cựu binh của phong trào phản kháng về văn hóa hồi thập niên 1960. Các chị em tôi đã theo học tại một ngôi trường giảng dạy một chương trình phi chính thống, kiểu giáo dục thường

xuyên, được nuôi ăn bằng những thực phẩm của các cơ sở điều trị dựa vào phép dinh dưỡng và của những hợp tác xã. Trong gia đình tôi, khi người nào cảm thấy phiền muộn thì hoặc hãy chịu khó ăn thêm một ít cải xoăn hoặc thực hiện một cuộc đi bộ đường dài hay viết một bài thơ. Nhưng bấy giờ tôi chẳng thể nào kiểm soát được các chức năng não bộ của mình nữa; những biện pháp trước đây vẫn giúp tôi thoát khỏi sự trầm cảm thì nay chẳng có tác dụng.

Tôi đã phải tập trung tất cả sự chú ý trong lúc lái xe suốt gần hai tiếng rưỡi đồng hồ để trở về nhà ở Beskshires. Đại lộ Massachusetts Turnpike vẫn còn khá trống trải khi mặt trời bắt đầu lên. Nhìn thẳng vào bầu trời buổi sáng đầy mầu sắc, tôi nhận ra mình không còn cảm nhận được vẻ đẹp; giống như tôi đi qua một con kênh để từ đó nhận biết cuộc đời vừa biến thành một màu xám xịt cam nín. Những người chưa từng trải nghiệm một sự thất vọng sâu xa thường tưởng tượng điều đó giống như một nỗi buồn chán cực độ. Chúng tôi, những kẻ đã sống với tình trạng đó, biết rằng nó vượt qua mọi mức độ buồn chán. Đó là một sự trì trệ sâu sắc, đến mức vô tri, và nó biểu hiện một cách có thật nơi thân xác, giống như bất kỳ một chứng bệnh nghiêm trọng nào.

Khi tôi lái xe trong buổi sáng hôm ấy, những câu thơ của bài “Trong một thời kỳ tăm tối” của Theodore Roethke tiếp tục lặp đi lặp lại trong đầu tôi. Đó là những câu thơ mà tôi đã vẽ lên tường phòng ngủ của mình lúc tôi còn niên thiếu:

*Trong một thời kỳ tăm tối, con mắt bắt đầu nhìn thấy
Tôi gặp cái bóng của mình trong bóng tối ngày càng sâu đậm
Sự rồ dại nào hay chỉ có tâm hồn cao thượng
Đang xung đột với hoàn cảnh?*

Những câu thơ ấy giống như điều báo trước cho tôi vào lúc bấy giờ. Tôi có cảm giác mình đang chìm vào những chỗ sâu thẳm kín đáo nhất của tiềm thức, và tự hỏi tôi có thể tìm thấy những gì ẩn giấu nơi đó. Tôi nghĩ, cứ để cho tôi xử lý tình trạng rối loạn tuyệt đối này với một chút cao thượng.

Tôi cho xe dừng ở đường dẫn vào căn hộ của mẹ tôi rồi đi bộ trên con đường đưa tới ngôi nhà nơi tôi đã chào đời. Mẹ tôi bảo, “Mẹ chưa bao giờ trông thấy con như thế này”. Tôi nhận ra những làn sóng kinh hãi lướt qua trên gương mặt bà. Khi còn là con nít, tôi vẫn hạnh



phúc và bình thân khi mẹ tôi thường gọi tôi là “đứa trẻ của Đức Phật”. Tôi vẫn luôn giữ được cách che giấu cảm xúc; và phản ứng của tôi trước nghịch cảnh là làm việc một cách kiên trì hơn rồi lặng lẽ chờ đợi mọi khó khăn qua đi trong tinh thần khắc kỷ.

Nhưng bây giờ tôi không thể giải quyết những vấn đề của mình, hơn nữa, những khó khăn ấy còn vượt ngoài khả năng của cả gia đình tôi. Trong nhiều ngày liên tiếp, các chị em tôi đã cố thử mọi giải pháp – tắm nước muối, dùng thực phẩm nóng sốt, xoa bóp, đi bộ thật chậm, uống thuốc ngủ, uống nước nấu rễ cây nữ lang, áp dụng các liệu pháp tâm lý – nhưng cuối cùng chúng tôi nhìn nhận rằng đã đến lúc phải đến bệnh viện. May mắn là cô em gái của tôi đang theo học chương trình thạc sĩ về công tác xã hội, cô ấy có đủ khả năng giải thích cho cả nhà hiểu về các chứng bệnh tâm thần và ủng hộ tôi một cách mạnh mẽ.

Tôi tự mình đến đăng ký khám bệnh nội trú tại Trung tâm Y khoa Berkshires, ở đó tôi đã được điều trị chứng rối loạn lưỡng cực trong suốt hai mươi mốt ngày. Tôi đã chiến đấu để tồn tại bằng cả thân và tâm trong lúc chứng bệnh tàn phá bộ não của tôi khiến tôi tuyệt vọng đến nỗi muốn được giải thoát khỏi thân thể của mình. Đây chính là cái lúc mà câu chuyện của tôi bắt đầu.

Vì bộ não của tôi đã bị tổn thương đến vậy, tôi cũng đã có được một cơ hội vô cùng to lớn. Tôi chẳng có đủ lời để diễn tả điều đó, nhưng điều còn lại là một sợi dây bền chặt sâu xa của ý thức vẫn liên kết tôi với một điều gì đó ở sâu thẳm trong tôi. Tôi đã đi đến chỗ phát hiện ra rằng sự suy sụp tinh thần ấy lại thực sự là một loại bài học cấp tốc về tâm linh. Bài học được tiếp thu rất

nhieu và rất nhanh trong lúc bộ não chịu đựng một sự trục trặc khủng khiếp. Toàn thể bản sắc của con người hoàn toàn tan vỡ.

Thình lình tôi bị tước bỏ tất cả mọi thứ mà tôi từng cho đó là “cái ngã” của mình. Tôi mặc lẫn lộn chiếc quần pyjama của bệnh viện và chiếc áo của mấy người chị em. Tôi chia sẻ phòng bệnh cô quạnh với một người hoàn toàn xa lạ. Tôi không được phép giữ tư trang, và chẳng có món ăn nào giống như những gì tôi đã từng ăn. Tôi cũng không thể tập trung đủ lâu để đọc hết một đoạn văn, và khi nhìn vào gương soi, tôi thấy đôi mắt tôi thâm quầng với gương mặt choắt lại đến nỗi tôi không nhận được mình. Không có cách nào giúp tôi xác định được mình trong cái thế giới này lại thực sự có một chút ý nghĩa. Tại khoa điều trị bệnh tâm thần, chẳng ai quan tâm đến việc bạn đã từng đứng đầu lớp suốt thời gian theo học đại học hay việc bạn vốn là vận động viên tên tuổi của trường, hoặc bạn đã từng thành công hay nổi tiếng. Những câu chuyện cá nhân của bạn chẳng có ích gì tại nơi này. Quả thật, tôi từng trải nghiệm những phản ứng đầy ác cảm với cái ngã của tôi. Tôi bị tràn ngập với những ký ức về sự kiêu ngạo và tính hiếu thắng của mình, đồng thời có một cảm giác nuối tiếc sâu xa về tất cả những cách mà tôi đã sử dụng để phê phán người khác. Thực tại hoàn toàn có đủ cho tất cả mọi người tại một khoa nội trú. Khi tôi nói, “Tôi là nhạc sĩ dân gian và đã đi lưu diễn khắp châu Âu” thì tôi cũng chỉ nhận được cái nhìn lơ đãng của nhân viên công tác xã hội hết như khi anh chàng cùng phòng tuyên bố rằng có một con quỷ vẫn sống trong nhà để xe của người hàng xóm của anh ta.

Tôi chẳng còn sót lại được một công cụ nào mà tôi vẫn sử dụng để xác định chỗ đứng của mình trong cuộc đời. Thay vào đó, tôi đã phát hiện ra một sự hiểu biết sâu sắc vốn là chứng nhân cho kinh nghiệm của tôi và hướng dẫn tôi ngay cả trong lúc bộ não của tôi đang hư hỏng. Đó là một sự dịu dàng lặng lẽ, một niềm tin vào một điều gì đó lớn hơn, rộng hơn cơn đau cảm xúc đang dày vò tôi. Đó chính là cái bản năng sâu kín, thâm căn cố đế, mặc dù mờ nhạt, tiếp tục giữ cho tôi được an toàn trước chính mình. Tôi đã không đánh mất mình vào mùa hè năm ấy. Tôi đã tìm thấy tâm mình.

Phải mất sáu tuần lễ tôi mới có thể có được giấc ngủ đủ sâu để nằm mơ. Đêm đầu tiên có được giấc mơ, tôi thấy tôi leo lên một con đường có bậc thang trên sườn núi cùng với cả trăm người ẩn cư. Mặt đất xám xịt và tối mờ mờ, nhưng tất cả chúng tôi đều phục sức với những bộ quần áo màu sáng và có đeo ba-lô đựng tư trang sau lưng. Giấc mơ thật là sống động và sáng hôm sau tôi thức giấc với cảm giác tràn trề hy vọng.

Đêm thứ hai tôi nằm mơ thấy mình đi dọc theo một đoạn đường rừng. Chung quanh tôi là những hàng cây cao xanh mướt. Tôi bắt đầu chạy càng lúc càng nhanh, nhảy càng lúc càng cao, cho đến lúc tôi phóng vọt lên và bay đi. Cứ thế, một cách chậm chạp, mỗi ngày cuộc sống lại trở về với tôi. Chị tôi đưa tôi đi xem cá heo ở vùng bờ biển thị trấn Princetown. Chúng tôi đã đi xem cá heo nhiều lần trong đời nhưng lần này thật là tuyệt vời. Một bầy cá heo gồm ba con bơi sát cạnh chiếc thuyền rồi bắt đầu nhảy vọt lên thật cao khỏi mặt nước làm nước bắn tung tóe khi chúng lao xuống biển trở lại. Chúng nhảy múa và đùa giỡn bên cạnh chúng tôi một hồi lâu.

Tôi đứng cạnh lan can boong tàu nắm chặt cánh tay người chị ruột, cười với chị trong làn không khí thắm đẫm vị mặn của muối. Khi mặt trời lặn, bầu trời trở nên lộng lẫy với một nền vàng pha tím, và tôi cảm nhận cái đẹp đã trở về với nhận thức của mình. Tôi nhớ lại câu thơ của Roethke, *Trong một thời kỳ tăm tối, con mắt bắt đầu nhìn thấy*. Tôi vừa nhìn thấy cuộc đời theo cái cách mà tôi chưa bao giờ nhận thức được.

Đó không phải là một câu chuyện thần kỳ. Tôi sống sót vì tôi đã có sự trợ giúp. Bộ não của tôi trở lại quân bình vì tôi có một căn bản sức khỏe và cả một mạng lưới hỗ trợ tuyệt vời, tôi dùng thuốc một cách cẩn thận, chấp nhận các cách điều trị đúng mực, và biết thay đổi cách sống của mình. Tôi được chữa lành bởi vì tôi đã bước qua được cánh cửa hẹp mà cơn bệnh đã mở ra cho tôi.

Tôi không còn nghĩ rằng mùa hè năm ấy là “sự suy sụp” mà coi đó là một “bước đột phá”. Ở tuổi hai mươi tám, tôi đã được ban cho một lời kêu gọi nhằm đánh thức, lời kêu gọi ấy sẽ ảnh hưởng đến suốt phần còn lại của đời tôi. Tôi đã được ban cho một giáo lý sâu sắc về sự thực của khổ đau, về bản chất của thực tại, và về sự quý giá của đời sống con người. Không có nỗi đau đớn đó, có thể tôi chỉ được đánh thức khi tôi đã là một cụ già, hoặc là chẳng bao giờ.

Tôi vẫn luôn có một sự quan tâm đối với Phật giáo, nhưng chính là kinh nghiệm của tôi trong mùa hè năm ấy đã chuẩn bị cho tôi gặp được vị thầy của mình và nhận lễ quy y. Trong nhiều năm, tôi vẫn thường đi ngang qua một vị tu sĩ Phật giáo trên con đường gần nhà mình. Tôi vẫn có cảm giác về một sự liên kết mạnh mẽ với ngài nhưng không đủ bạo dạn để lên tiếng chào. Sau khi trở về Boston, một người bạn mời tôi đến dùng cơm với một vị Lạt-ma Tây Tạng. Hóa ra đó chính là vị tu sĩ Phật giáo mà tôi vẫn thường đi ngang qua mặt ngài trong từng ấy năm. Bây giờ, tôi đã sẵn sàng để trở thành một đệ tử.

Trong bảy năm qua của sự phục hồi, tôi đã phát hiện một trung đạo giữa Phật giáo và nền y học phương Tây. Để tôi thực hành thiền định, cuối cùng, tôi đã nhìn nhận rằng chính được phẩm đã đóng một vai trò quan trọng trong việc giữ cho bộ não của tôi được lành mạnh. Nhưng chính công trình tâm linh đã cho phép tôi có được sự chữa lành sâu xa nhất, cả về thể xác lẫn cảm xúc.

Tôi nghĩ rằng chúng ta đã nhầm lẫn khi gọi “bệnh thần kinh” là “tâm bệnh”. Điều này hàm ý rằng ở phần sâu kín nhất của con người, chúng ta nhất thiết phải có bệnh. Nhiều chứng bệnh của bộ não có thể rất nghiêm trọng đủ để che mờ tâm ý của con người; nhưng kinh nghiệm của tôi cho thấy rằng não bộ và tâm trí không phải là như nhau. Chính là căn bệnh ở não bộ của tôi đã cho tôi thấy sự minh mẫn cố hữu của tâm trí mình. Giờ đây tôi thiền định mỗi ngày để làm cho điều đó trở nên sáng rõ. Tôi thiền định để cho sự lành mạnh của tâm trí ngày càng có thêm không gian trong cuộc sống của mình, để bảo đảm rằng chứng nhân nội tâm sẽ còn mạnh mẽ hơn nữa nếu lần sau tôi lại phải trải qua một khó khăn nào khác. Đã sống sót qua một cái chết gần kề, tôi nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hành về cái chết lớn hơn của tấm thân giả tạm này. Không có một sự khích lệ nào cho sự hồi phục lớn hơn sự nhận thức rằng chúng ta luôn luôn khỏe mạnh. Chúng ta bước vào cuộc đời này với “tâm hồn cao thượng” như điều mà Roethke có nói tới. Bất kể hoàn cảnh là thế nào, sự thanh tịnh đó vẫn tồn tại và chúng ta có thể tìm được đường trở về với sự thanh tịnh ấy. Bệnh hoạn có thể làm tan vỡ tim ta, nhưng bệnh hoạn cũng làm tim ta mở rộng. ■

Nguồn: *I did not lose my mind*, Meg Hutchinson, Lion's Roar, số tháng Năm, 2014, <http://www.lionsroar.com/i-did-not-lose-my-mind-may-2014/>.

Meg Hutchinson là một ca sĩ và nhạc sĩ chuyên về nhạc dân gian, sinh trưởng ở Massachusetts và hiện sinh sống tại Boston. Cô có bằng Cử nhân Văn chương, đã giành được nhiều giải thưởng về sáng tác âm nhạc cả ở Hoa Kỳ, Ái Nhĩ Lan và Anh quốc. Cô là một Phật tử theo truyền thống Tây Tạng.



LÊ TỪ HIỀN

1. Sáng 23 giết mình tự tiễn

Sáng thức dậy. Một buổi sáng như bao buổi sáng... Vừa mở món quà quê Tết mẹ gửi, vừa cúi xuống màn hình điện thoại iPad bấm bấm quẹt quẹt... bỗng cảm thấy rùng mình... gió se sắt cuối năm. Ngày tiễn ông Táo về trời. Mãi xa nhà cơm bụi... bếp lạnh. Chẳng biết mình có ông Táo không để mà tiễn. Mà có gì để tiễn, tiễn rồi có gì để mà báo. Chợt cảm thương Thi thánh Đỗ Phủ trong nghịch lý đời thường *Vô gia biệt*... Ủ nhĩ, *Sống không nhà mà biệt* - Sao gọi được là người...

Nhìn vào trong gương, lại thoáng rùng mình. Tôi trong gương hay là ai. Như Roquentin - một miếng thịt bèo nhèo, không mắt không mũi. Gia đình, trường xưa, bạn cũ, cố hương... bao góc khuất chìm lấp lờ quên... sau những lập trình ngày ngày mưu sinh gói trọn trong vạch mã số. Tôi chỉ giỏi sắp xếp mọi dữ kiện theo cách tiện lợi hóa, tối ưu hóa đến lãnh cảm. Không cho phép mình nhạy cảm đa lụy, đa mang, đa nghĩa... tự sắp xếp, tổ chức những cái quanh mình mang tính nhân văn cổ tích hay tính triết học hiện sinh trừu tượng... đẩy những vu vơ, rối trí. Năm tháng cuộn trôi, cái đầu bị dạ dày kéo xuống, nếp nghĩ như viên bi trượt trên mặt kính. Mở mắt miệng

không thể mỉm cười... cơn gió cuối năm dờn dợn buồn nôn. Mẹ ơi, Tết này con lại không về.

*Sống giữa bạn bè lớn giữa bạn bè nay bè bạn ta đâu
Ngửa mặt trời sao bao nhiêu đứa không về
Những ý nguyện tím bầm mặt đất.*

(Lê Mạnh Tuấn - Nghe trong giọt sương)

2. Tết niên, nhớ cội mai gầy

Kế hoạch quý 1 đầu năm 2015 đã qua vòng khởi động, lăn nhanh. Vậy mà chú Dê Tết Mùi vẫn đứng đình. Hoàng hôn lặng gom nắng dẫu ủ sau những đợt lá, chờ giao nữ hoàng Đêm thấp sáng sao trăng. Cội mai gầy khuất ngõ nhỏ ngoại ô. Lặng lẽ đáng ai ngồi hong nắng, trong nắng chiều Xuân rơi rớt bên thềm... ngóng một nắng mai về... Mẹ ơi, đất phương Nam phóng khoáng lắm nắng vàng, sao con gửi chút nắng vàng về ngoài ấy, mẹ ơi...

Quê hương là máu thịt, là hình ảnh thanh đạm lắng lòng hóa khí tượng trong thơ. *Quân tự cố hương lai - Ứng tri cố hương sự - Lai nhật ý song tiền - Hàn mai trước hoa vị?* (Vương Duy - *Tạp thi*). Quê hương chỉ được phác gợi lại trong nỗi nhớ của người đi xa bằng một cành mai. Anh từ cố hương đến, chắc rõ chuyện quê nhà. Thấy cây mai gầy

đã đem hoa chưa. Trong dáng mai gầy guộc, hồn quê nhà thoáng gặp. Thi ảnh giản phác mà rung rung thần thái. Trống vắng trong một nét mai tâm tưởng - âu lo mà màu sắc hương thơm quê xa ulla về, lấp đầy hồn lữ thứ. Thơ xưa không nhằm tả cảnh, tả tình, nói sự... mà gợi tả cái tinh thần của cảnh-tình-sự dung hòa, nắm bắt lấy một nét tiêu biểu chứa đựng hồn, rồi dùng thủ pháp phác diễn dựa trên mối quan hệ thi và họa ngưng đọng chúng lại bất tử hóa trong một cái khung nhỏ bé. Thật bình dị mà đa thanh, bình đạm mà bền lòng.

Trong tâm thức Việt - những đứa con phương Nam quen thên thang nắng gió - một lộc nụ gom ulla tia nắng cuối đông hé sáng báo tin xuân về... gọi dậy bao miền ký ức thơm hương. Thi Phật Vương Duy gọi tên bài thơ là *Tạp thi*, chỉ là *Thơ vật*, một câu hỏi vu vơ... cây hàn mai trước cửa ấy đã nở hoa chưa... vậy mà bao ký ức xanh lạng lẫm trong tim xôn xao ulla về. Lòng rung rung những gương mặt quê mùa ruột thịt. Gió lao xao sóng sông quê bãi cỏ xanh ngồng cải vàng mượt nắng xuân thì. Tôi vẫn chưa gặp người ở quê vào mang món quà quê mẹ gửi...

3. Sóng xưa chiều nay phố nghiêng nghiêng

Đêm cuối năm trắng muộn cuối trời Nam. Hành phương Nam là tìm về đất sinh. Chẳng phải gian nan cực khổ lưu lạc khắp trên đất Bắc như cụ Nguyễn Tiên Điền ngày nào. Mọi đêm mệt ngủ vui. Vậy mà đêm nay, hương trầm nhà ai, tiếng chuông chùa nào... vọng đến. Đêm trở mình thao thức một *Xuân dạ* xa xưa.

Hắc dạ thiếu quang hà xứ tằm?

Tiểu song khai xứ liễu âm âm.

Mở cửa sổ căn phòng bé nhỏ, lạnh lẽo... mà buồn trông, tìm kiếm, thu về... Chỉ là một màn đêm đen đặc lờn vờn bóng liễu âm u. Tìm đâu... chỉ là tiếng thở dài trong tâm tưởng. Đất thở trời nghe. Đêm xuân hay đêm trừ tịch. Gắng sống chờ bình minh. Giao thừa rồi có khác...

Giang hồ bệnh đảo kinh thời cửu - Phong vũ xuân tùy nhất dạ thâm. Minh chẳng phải lênh đênh chốn giang hồ, chẳng đến nỗi ốm đau bệnh tật... vậy mà sao cũng thật lênh đênh, thân xác mệt mỏi, tinh thần rã rời... *Chẳng biết nơi nao là chốn quê nhà...* Một chữ tùy gợi cái lạnh của gió, cái buồn của mưa đêm xuân... từ thăm sâu cõi lòng *nhất dạ thâm*.

Khép cửa, khép mắt... vậy mà gió cứ thổi ơ hờ. Vắng trăng muộn cuối năm vờn sáng qua khung cửa. Bao năm xa nhà nơi đất khách, lệ rơi trước đèn. Nghìn dặm xa quê lòng chỉ còn biết gửi vào vắng trăng. *Ký lữ đa niên đẳng hạ lệ - Gia hương thiên lý nguyệt trung tâm.* Cái nghìn dặm xa quê vô vô trong một giọt mưa trăng. Liệu nhà mình có còn ngọn đèn dầu chong ấm Tết quê nhà.

Sóng trăng gợn sóng lòng. Nhớ con nước sông quê vỗ một tiếng sóng lạnh tiễn biệt cổ kim. Ai cũng có một con sông quê nằm sâu trong tiềm thức. Bất chợt đêm về, xuân tới, nghe tiếng sóng xa vọng về. Ai cũng có một tắc lòng riêng *Nhất phiến đan tâm...* sâu thăm tình quê...

Nhất phiến hàn thanh... Tiếng sóng lạnh của tắc lòng côi cút, bơ vơ... đứa con xa quê. Tiếng sóng tiễn biệt cổ kim, thu về một mối, níu giữ hồn người. Cái vang động của âm thanh cho lòng một tiếng Xuân - âm thầm - vượt thoát - đợi chờ...

Đời người như ngọn gió, tất cả đổi thay, chỉ có con sóng lòng quê như một hằng số lặng thầm. *Hồi hương ngẫu thư* (kỷ nhị) của Hạ Tri Chương gợi lên một ngọn xuân phong - ly biệt gia hương. Xuân phong là biểu tượng cho những biến động thăng trầm nhân sinh. Nó mãi thổi qua vẫn không thể thay đổi lớp sóng xưa - sóng lòng tình quê.

Xuân phong bất cải cựu thời ba.

Cuối năm, chợt rùng mình, soi ngọn gió xuân mà thấy bóng mình.

Lạc quê cá lợi tâm tằm

Mượn mảnh mây trời nhớ không không.

Thấm thía nghe đau, chợt thêm cảm giác *Quy gia* (Đỗ Mục).

Thằng bé níu áo hỏi

Sao về nhà quá muộn?

Tranh với ai năm tháng

Để tóc trắng như tơ?

Hai câu hỏi từ hiện tại mở rộng đến cả đời người... đau đau khép lại trong một tất niên, mai này có còn nhớ, kịp trả lời trong một tân niên...

Nhớ ra rằng đã là quên. Hỏi ra vọng đáp cái tên tâm hồn. Như thơ xong... trong tiếng thở. Chẳng lụy phiền ai nhớ ai quên. Vì lẽ gì, dẫu thời nào... trong cái rốn văn minh lúa nước, có chút máu du mục lãng du... thế nào cũng *Giang hồ mê chơi quên quê hương* (Tản Đà). Nói cứng rằng quên, thăm sâu là nhớ. Chỉ cần một giọt xúc tác là nổi nhớ tràn ra. Đó là tâm thức Việt.

Giang hồ ta chỉ giang hồ vặt

Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà.

(Phạm Hữu Quang)

Tự chiêm nghiệm, tự soi mình... đời phiêu bạt phai bạc áo hào hoa. Gót lữ thứ viễn du Lý Bạch hứng về một *Xuân tứ*, cùng một thời điểm xuân về, vậy mà cỏ Yên xanh tơ, dâu Tần xanh lục... hóa ra khoảng cách không gian nghìn trùng xa ngái. Nhớ ngày về, ai chẳng *đoạn trường thi*. Gió xuân xưa mãi len vào, lay động, hoài vọng một thềm khát... để nay tròn rơi đau đáu một giọt mưa đêm.

Anh sẽ dựng nhà với chân tay làm cột

Giăng mùn cỏ xanh ngồi đợi em về...

Túi thẹn này rồi con cháu quên đi.

(Tần Hoài Dạ Vũ)

Chợt nhớ đến tựa đề một tác phẩm của J.P. Sartre (1905 - 1980) - người đã từ chối giải Nobel văn học năm 1964 để phản đối cuộc chiến tranh ở Việt Nam - mà sinh viên miền Nam trước 75 rất yêu thích: *L'existentialisme est un humanisme* (Chủ nghĩa hiện sinh là một chủ nghĩa nhân bản). Mẹ ơi, nguyện cầu... những nỗi đau - tủi thẹn, nhớ - quên, hy vọng - tuyệt vọng... trong xuân nhân bản quê nhà. ■



Chỉ có một dòng tâm thức đang vận hành

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

Nhiều người cho rằng, khi nhắm mắt ta không thấy gì cả. Đúng hơn, phải nói rằng khi đó ta thấy, nhưng chỉ thấy một màu tối đen. Hai cách nghĩ nói trên nghe ra gần giống nhau nhưng thực ra bắt nguồn từ một vấn đề vô cùng quan trọng, đó là “cái thấy” diễn ra ở đâu? Câu trả lời là “cái thấy” diễn ra trong đầu chúng ta.

Khoa học đã chứng minh và thực ra tất cả chúng ta đều biết, là hình ảnh bên ngoài theo thần kinh thị giác truyền lên óc não nên chúng ta mới “thấy”. Cho nên hình ảnh mà ta thấy là do thần kinh thị giác trong đầu chúng ta vận hành mà sinh ra. Thế nhưng chúng ta hay bỏ qua chặng này của sự nhận thức và cho rằng những gì mình thấy là cảnh thực ở bên ngoài. Do đó ta phải xác định rõ, những gì mình thấy là do thần kinh thị giác chiếu hiện, còn liệu sự chiếu hiện đó có “trung thành” với bên ngoài hay không là một chuyện khác.

Tương tự như thế những gì ta nghe là do thần kinh thính giác trong đầu ta chiếu hiện. Các giác quan còn lại như xúc chạm, nếm, ngửi... đều như thế cả. Toàn bộ những gì ta tưởng là tiếp nhận từ bên ngoài thực ra là sự vận hành của thần kinh ta. Sự vận hành đó có khi trung thực với bên ngoài, có khi sai trái nhưng đây là bước thứ hai.

Đạo Phật cho rằng thế giới (của mỗi người) là “Tâm đang vận hành” thực ra không hề khác với khoa học. Ở đây Tâm hay thần kinh có thể được xem là đồng

nghĩa. Không có thần kinh hay Tâm vận hành thì thế giới không thể có đối với cá thể đó. Xác chết không thể nghe nhìn vì thần kinh không hoạt động, không có Tâm. Thế giới (của mỗi người) là sự hoạt động của thần kinh hay của Tâm, đó là một sự thực nhưng sự thực này hay bị chúng ta bỏ qua và quên bẵng.

Tạm thời ta khoan quan tâm thế giới “thực sự” bên ngoài là gì và thử ngồi xuống bình tâm quan sát mình đang nghe thấy những gì. Nếu biết chú ý đến hiện tại và đừng quên những điều ta nghe nhìn chỉ là thần kinh ta đang vận hành thì thế giới sẽ hiện ra dưới một ánh sáng khác lạ. Ta sẽ thấy âm thanh, ánh sáng, cảnh vật... chính là từ bên trong toát ra, là nội tâm của chính mình đang chiếu hiện. Khi đó ta không phân biệt “trong” hay “ngoài” nữa, toàn thể thế giới là chính ta. Cũng khi đó sự phân biệt nhắm đến chỗ sự vật “ổn định” hay không. Thí dụ căn phòng, vách tường, bàn ghế, bình hoa... sẽ rất ổn định, chúng xem ra trường tồn với thời gian. Còn các âm thanh như tiếng người, chim hót, chuông ngân... thì biến đổi nhanh chóng, có khi biến mất. Các cảm giác khác như xúc chạm, nóng lạnh thì khi có khi không. Một loại “sự vật” khác là tư tưởng, cảm xúc, nhớ nghĩ... thì rất thiếu ổn định, chúng vụt đến vụt đi vô cùng thất thường.

Cảm nhận và kiến giải vừa kể là giai đoạn đầu của một số người học Phật. Tất cả những “sự vật” vừa kể, mà từ nay ta sẽ gọi là “pháp”, tuy khác nhau về tính chất ổn

định, nhưng chúng giống nhau là có những *tính chất nhất định*, thí dụ màu sắc xanh đỏ, âm thanh to nhỏ, cảm giác nóng lạnh, nhớ nghĩ vui buồn... vì nếu chúng không có tính chất thì không có gì để nắm bắt chúng cả. Vì có tính chất nên ta gọi chúng là “cái có”, là “hữu thể”, là “pháp”. “Cái có” nổi trong “cái không” cũng như cành cây hoa lá nổi lên trong không gian trống rỗng, cũng như nốt nhạc cao thấp vang lên trong sự lặng yên.

Những ai ngồi xuống, lặng lẽ quan sát, chú ý cái hiện tại thoát tiên sẽ thấy các “pháp” hiện lên một cách hỗn độn, có khuynh hướng lôi kéo ta theo chúng. Nhưng nếu tỉnh táo không theo, ta sẽ thấy một điều mới lạ: các “sự vật” đó, các pháp đó, nối đuôi nhau xuất hiện, cái trước sinh cái sau, cái sau sinh cái sau nữa. Không có pháp nào tự sinh cả. Thí dụ vì có tiếng búa nên bên nhà hàng xóm nên tâm sinh ra lòng phản kháng. Lòng phản kháng không tự sinh. Ngay cả các pháp tướng như trường tồn như bàn ghế, bình hoa..., thì cũng nhờ vào mắt, nếu mắt khép lại hay không chú ý thì chúng cũng biến mất ngay lúc đó.

Kết luận duy nhất mà ta có thể rút ra là thế giới đang xuất hiện (cho từng người) là Tâm đang vận hành, các pháp trong thế giới đó cứ dựa lên nhau mà phát sinh và phát sinh liên tục từng giây từng phút. Cho nên đối với mỗi cá thể thì “thực tại” của nó là một dòng tâm thức đang vận hành, trong từng sát-na. Dòng tâm thức đó rất phức tạp với âm thanh, ánh sáng, hình ảnh, xúc chạm, tư tưởng, nhớ nghĩ... có thể tạm sánh như một dòng sông với các loại sóng to sóng nhỏ ào ạt tuôn chảy. Ta cũng có thể xem dòng tâm thức như một bản đại hòa tấu với đủ loại tiếng kèn, tiếng trống, tiếng gõ... liên tục thay đổi. Dòng tâm thức cũng có thể ví như hàng chục hàng trăm ngọn đèn đang cháy trong phòng, mỗi ngọn góp ánh sáng của mình, không ngăn ngại lẫn nhau. Cá thể nhận biết tới đâu thì dòng tâm thức phong phú tới đó, thực tại của nó lan đến đó.

Những ai từng ngồi xuống và nhìn ngó dòng tâm thức đều trải nghiệm thêm một điều kỳ dị. Đó là câu hỏi, ai đang nhìn ngó. Phải chăng đó là cái ngã, cái mà thiền giả nào cũng muốn tránh xa? Quả thực, khi nhìn các pháp đang vận hành, ta sẽ thấy dường như có một hình nhân đang chăm chú. Nó là ai, nó phải là một *cá thể* riêng biệt, nếu không thì làm sao hiểu được những điều nói trên? Nhưng đã là cá thể thì tất nhiên phải có một cái tôi?

Hình nhân đang chăm chú, thân tâm của nó cũng đều là những pháp sinh khởi do các pháp khác đi trước tạo thành. Các pháp đó do nhân duyên sinh, không thể tự sinh. Vì chúng không tự sinh nên chúng là Không. Đó là lý Trung Quán. Do đó khi “ta” ngồi xuống quan sát tâm thì thực ra không có ai quan sát cả mà chỉ có sự quan sát đang hiện hành. Lấy lại ẩn dụ các ngọn đèn trong phòng, không ai đứng sau lưng thắp sáng chúng cả mà chúng tự sáng, soi xung quanh và soi chính mình.

Dòng tâm thức có tính cá thể nhưng không có chủ thể đứng điều khiển, đó là điều khó hiểu nhất trong

đạo Phật mà chỉ ai có trải nghiệm mới hiểu thấu. Đó là thuyết vô ngã của đạo Phật.

Muốn tránh trở ngại do tự ngã sinh ra, thiền giả cần bỏ mọi ý định mong cầu vì ý định mong cầu vốn là sản phẩm của tự ngã. Dù cho mong cầu những điều cao thượng nhất thì nó cũng sẽ thành trở ngại. Thế nên khi ngồi xuống quan sát tâm, ta cần xa lìa tâm thành tích, không cần biết đến thành công hay thất bại. Thiền giả hồn nhiên ngồi xuống, không sợ ngã xâm chiếm, nếu nó đến sẽ thấm biết; không sợ vọng tưởng khởi lên, nếu nó nổi lên, không theo. Thiền giả cũng không cần nhọc tâm đi tìm cái trống rỗng (Tánh Không) vì không thể xác định được những gì phi tính chất, không thể thấy được những gì không thể thấy. Theo Ngài Long Thọ, Duyên Khởi là nhân của Tánh Không, thấy Duyên Khởi là đủ thấy Tánh Không.

Thiền giả không đi con đường xác định mà lấy con đường phủ định, tức là chỉ cần biết “từ bỏ”. Đó là khi tâm “ly dục” tự nhiên sinh hỷ. Sau đó tâm “ly hỷ” và sẽ trú xả. “Trú xả” là tâm cao tột trong dòng tâm thức vì không còn trú vào tâm nào nữa. Khi đó liệu dòng tâm thức còn tồn tại hay không, điều này vượt xa sự trải nghiệm của kẻ viết bài này.

Để cho tâm tự nhiên vận hành theo dạng phủ định như trên, thiền giả còn trải nghiệm thêm một mặt khác của tính “cá thể”. Trong quá trình quan sát tâm, thực ra thiền giả khó hoàn toàn thụ động. Ta có thể can thiệp vào dòng tâm thức, vào thực tại. Với một động tác đơn giản, thí dụ như khi tay đưa lên gãi mũi, thực tế là cá thể đã “can thiệp vào thực tại” của thân đang lặng yên. Không những thế, thiền giả thường âm thầm chuyển ý trong tâm, đôi lúc không hề biết. Đó cũng là hành động can thiệp vào thực tại. Đối với hành giả cao cấp thì chủ động hướng ý vào đối tượng quan sát là điều bình thường. Đối với bậc giác ngộ thì mỗi cá thể sử dụng khả năng của mình tùy nghi, điều mà kinh sách gọi là “Thành sở tác trí”. Nơi đây ta hiểu tại sao A. Govinda viết: “Ta vừa là rỗng vừa là kẻ cười rỗng, vừa là kẻ tế lễ vừa là người được tế lễ” trong tác phẩm “*Con đường mây trắng*” của ông.

Đến đây thì ta khám phá điều kỳ lạ nhất của tâm. Đó là mỗi “cá thể”, nghe qua tưởng chừng như vô cùng nhỏ bé trong biển cả của số lượng hữu tình, nhưng mỗi cá thể lại chứa tất cả khả năng của cái toàn thể. Đây là nghịch lý lớn nhất mà đời làm người không thể hiểu được: Dòng tâm thức và thực tại của mỗi cá thể thì vô cùng hạn chế nhưng khả năng của nó là vô tận.

Như mỗi điểm của thanh nam châm đều chứa tính chất của nam châm ở hai đầu, như mỗi tế bào gốc của thân đều chứa toàn thể tính chất của thân, như mỗi điểm trên ảnh toàn ký đều chứa toàn thể tính chất của ảnh, phải chăng tính chất “một trong tất cả, tất cả trong một” của tư tưởng Hoa Nghiêm có thể tìm thấy cả trong mọi lĩnh vực vật chất và sinh học? Phải chăng thiền giả căn cơ sẽ có cơ may to lớn để thể nghiệm nguyên lý xuyên suốt này của tâm? ■



“Ngõa hong ña moi vo...” (*)

ĐỒ HỒNG NGỌC

Tranh: **DƯƠNG CẨM CHƯƠNG**

Bác sĩ – họa sĩ Dương Cẩm Chương là con của nhà yêu nước Dương Bá Trạc, cháu gọi giáo sư Dương Quảng Hàm là chú ruột, sinh năm 1911 tại Long Xuyên, tốt nghiệp bác sĩ y khoa năm 1938, là bác sĩ phẫu thuật, làm việc ở Bệnh viện Lalung Monnaie Saigon, nay là Bệnh viện Chợ Rẫy. Sau nhiều năm làm ngoại khoa, ông chuyển qua Y tế Công cộng, phụ trách Chương trình Bảo trợ Mẫu Nhi (ngành Bảo vệ Sức khỏe Bà mẹ-Trẻ em bây giờ), rồi Giáo dục Y tế (ngành Truyền thông – Giáo

dục Sức khỏe). Từ ngày về hưu, ông sang sống ở Pháp, Mỹ và đi chu du nhiều nước để vẽ. Đối với tôi, ông là bậc “Đại sư phụ” trong nghề y cũng như trong nghệ thuật, đồng thời cũng là bậc trưởng thượng gần gũi vì người bạn cùng lớp với tôi - bác sĩ Thân Trọng Minh - vốn là cháu ruột nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế, phu nhân của ông. Chúng tôi vẫn thường đến thăm ông bà và cũng quen gọi ông bằng “Chú”: Chú Chương.

Năm 2010, được mời đến dự tiệc mừng Đại thọ 100 tuổi của ông tại Quán Tre, đường Cao Thắng cùng với rất

nhiều bà con thân quyến và bạn bè, đồng nghiệp... tôi đã tranh thủ đến sớm một chút để được gặp riêng ông:

- Chú Chương ơi, chú cảm thấy thế nào về buổi Đại thọ long trọng dành cho chú hôm nay?

- Thấy già thêm một tí. Có gì đâu! Đây là ngày sinh nhật: một đứa bé ra đời. Có nhiều chuyện để nói lắm. Thí dụ ai cũng bảo đứa bé khóc chào đời nhưng chúng ta biết đó không phải là tiếng khóc. Là hô hấp ngoài trời. Phút từ biệt bào thai, vào trần thế. Chín tháng trong bụng mẹ rất quan trọng. Nhiều chuyện lạ, ta không thể biết hết, cả về sinh lý. Nó tạo nên tình mẹ.

- Chú có bao giờ nghĩ tới cái chết không?

- Không bao giờ nghĩ đến cái chết. Tự nhiên phải thế. Lỗi tạo hóa. Đã sinh cái sống ra lại sinh cái chết. Tạo hóa không phải là một kỹ sư giỏi. Tôi thích câu nói "Làm sao lúc sinh, một mình mình khóc mà mọi người cười, lúc chết, mọi người khóc còn mình cười..."

- Mình đâu có biết mà cười?

- Nghĩa là mình hài lòng vì đã làm được nhiều điều. Đã sống một đời sống đáng kể.

- Chú nhìn thế nào về cuộc sống?

- Vẫn luôn lạc quan. Khó khăn ở đời làm cho ta sống có đạo lý. Cái khổ của trần gian là đạo của sự sống.

- Làm thế nào để trăm tuổi vẫn khỏe vui như chú?

- Sức khỏe - Làm việc - Tình yêu.

(Thấy tôi có vẻ tò mò, ông cười: Tình yêu rộng lớn đó nhá!).

- Tuổi già có gì hay?

- Tuổi già có nhàn rồi và thiên nhiên.

Khi được mời phát biểu cảm tưởng, tôi nói:

"Khi chú Dương Cẩm Chương tốt nghiệp bác sĩ y khoa thì tôi chưa sinh ra đời, khi tôi tốt nghiệp bác sĩ y khoa thì chú Chương đã về hưu... Thế nhưng với tôi, chú luôn là một bậc "đại sư phụ". Tôi nghĩ sau này người ta có thể quên một Dương Cẩm Chương bác sĩ nhưng người ta sẽ không thể quên một Dương Cẩm Chương họa sĩ...".

Về giỏi, toán giỏi, nên khi đỗ Bac 2 (Tú tài toàn phần) xong, ông tính học ngành kiến trúc để trở thành kiến trúc sư nhưng thời đó chưa có đại học kiến trúc ở Hà Nội nên ông đành phải vào... trường thuốc. Bạn văn chương cùng thời ở Trường Bưởi là Đoàn Phú Tứ, Phạm Văn Hạnh... của nhóm Xuân Thu Nhã Tập, còn bạn ở trường thuốc cùng thời là Trần Văn Bàng, Trần Duy Hưng, Đào Huy Hách...

Mê hội họa văn chương nên ngay trong lúc đang học trường thuốc, ông đã học dự thính ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật, và từng làm ký giả cho tờ Trung Bắc Tân Văn.

Năm 1968, về hưu, sang sống ở Pháp, tiếp tục theo học y tế cộng đồng (MPH) tại Mỹ, cùng lúc học thêm về hội họa ở trường mỹ thuật. Ông là hội viên Hội Họa sĩ Pháp, với trên 20 lần triển lãm tại Paris, được nhiều giải thưởng hội họa, và năm 1999, nhận huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam tại Hà Nội.

Năm 2012 bác sĩ - họa sĩ Dương Cẩm Chương vừa lên... 102 tuổi, tuổi ta. Tôi nghĩ với ông, nên tính tuổi ta bởi ông thường nói chín tháng mười ngày ở trong bụng mẹ mới là thời kỳ quan trọng nhất của con người. Thật khó tưởng tượng nổi một ông cụ 102 tuổi luôn sáng khoái, cười ha hả, đối đáp linh hoạt như một người ở tuổi trung niên! Thế mà chỉ trước đó ít lâu ông đã lên một cơn "rối loạn tri giác" nặng, hoàn toàn mất trí nhớ, rơi vào hôn mê sâu, bệnh viện phải cho xuất viện về lo hậu sự. Về đến nhà ông nằm mê man suốt hai tháng trời như thế rồi bỗng nhiên tỉnh lại, quát mọi người sao bày đặt tụng kinh om sòm, bộ muốn cho ông chết sớm hả? Quả thật suốt hai tháng mê man đó ông đã phiêu diêu nơi miền... Cự Lạc, chỉ tiếc ông chẳng còn nhớ gì để kể lại cho chúng ta nghe.

Cách đây vài tuần, ông phone gọi tôi nhắc sắp sinh nhật ông, nhớ đến và phát biểu đôi câu đố nhé! Nhớ năm trước khi 100 tuổi, ông nói chỉ "thấy già thêm chút nữa" nên năm nay tôi cũng "tranh thủ" thăm ông sớm để hỏi đôi câu chớ đợi tới ngày sinh nhật thì đông đúc quá!

Vừa thấy tôi, ông đã từ trên giường lồm cồm ngồi dậy, hất tay người cháu đang định đỡ lưng mình, và "tấn công" ngay:

- Cuốn sách mới của anh có bài viết về tôi mà tôi chưa được đó nhé!

- Dạ, có phải chú muốn nói cuốn *Nhớ đến một người* không?

- Đúng rồi. Nhưng không sao! Tôi cũng đã có rồi. Một đứa cháu đã mua tặng cho. Anh viết về mọi người mà chẳng "kết luận" cái gì cả! Như ông Trần Văn Khê, anh viết về nhiều thời kỳ của ông mà cũng chẳng có kết luận nào cả? Vì thế mà trong giấy mời anh, tôi gửi theo mấy bức thư... Thì ra vậy. Tôi đã hơi ngạc nhiên sao trong giấy mời của ông, tôi thấy có kèm thư của Ni sư Trí Hải, GS Trần Văn Khê và ông Cao Bá Ninh...

Thì ra ai nấy viết cho ông đều có "kết luận" rất rõ ràng.

Giáo sư Trần Văn Khê viết:

Thưa Dương Cẩm Chương đại huynh,

Kính nể đại huynh, một nghệ sĩ trong y khoa

Ngưỡng mộ đại huynh trong nghệ thuật hội họa

Khâm phục đại huynh, một nghệ sĩ trong nghệ thuật sống.

(2/1/2006)





Ni sư Trí Hải thì viết:

(...) các nhà báo nói Bác trông như một bá tước, họ nói cũng đúng, nhưng tôi thấy Bác như một nghệ sĩ và một thiền sư, ở tính bình dị hồn nhiên của Bác. Nhờ vậy mà Bác giữ mãi được sức khỏe và tâm hồn trẻ trung (Tuệ Uyển, 12.10.2000).

Còn ông Cao Bá Ninh viết trong một email gần đây:

Thư gửi một người thật quen

Mercredi 6 avril 2011 18h47

(...) Ông đã vẽ cho đời để đời đẹp hơn. Để có được đời sống vui và thoải mái, tôi rất thích lối sống, cách sống và thái độ thật rõ với ĐỜI của ông... (...).

Tôi tìm cách chuyển đề tài:

- Chú thấy... sống lâu có gì hay hông chú?

- Có chứ. Mình được thấy...

- Thấy cái gì?

Ông ngần ngừ: Thấy nhiều thế hệ...

- Còn cái chết?

- Chết là một giải thoát...

- Sau cái chết là gì?

- Không biết!

- Còn trước hồi nằm trong bụng mẹ?

- Không biết!

- Làm thế nào để có cuộc sống vui khỏe và... trường thọ như chú?

- Cần 3 điều: Sức khỏe là một, việc làm là hai và tình yêu là ba.

- Rồi ông nhìn tôi: Đây là thứ tình yêu rộng lớn... Nhưng mỗi ngày phải nhớ sám hối đó nhé! Cuộc đời nhiều vui khổ...

- Chú tập luyện, ăn ngủ thế nào?

- Mỗi ngày tập thể dục đều 20 phút, ăn uống vừa đủ, ngủ nhiều.



- Chú còn vẽ không?

- Hết vẽ được. Mấy ngón tay này...

Rồi ông đưa mấy ngón tay cho tôi coi.

Họa sĩ - Bác sĩ Dương Cẩm Chương đã từ trần giữa khuya 9.8.2014 nhằm đúng Rằm tháng Bảy Vu-lan, thọ 104 tuổi.

"Kề lữ hành không mệt mỏi của đường dài"^(*) đến nay có lẽ đã đến lúc cần phải nghỉ ngơi đôi chút rồi thì phải. Cuối năm ngoái (2013), trong ngày sinh nhật thứ 103 của mình ở Chez Nous, ông đã phát hành cuốn "Trăng soi bóng nước", tập hợp chọn lọc những bài viết của bạn bè, con cháu, học trò mình từ xưa nay như một kỷ niệm. Nhớ lần đó ông còn "buộc" tôi phải viết lời tựa cho cuốn sách, tôi không thể nào từ chối được.

Tôi vẫn thường thăm hỏi người bạn cùng khóa là bác sĩ - họa sĩ Thân Trọng Minh, cháu ruột bà Thân Thị Ngọc Quế, phu nhân của bác sĩ Dương Cẩm Chương về tình hình sức khỏe của ông. Nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế thì đã qua đời trước ông mấy năm, và có lẽ đang đợi, mà ông cứ mãi chần chờ... Khoảng 4 tháng sau này, ông yếu dần, ăn ít đi vì... đau răng và cũng bắt đầu có dấu hiệu rung nhĩ ở tim. Bây giờ sáng sáng ông chỉ ăn được thức ăn mềm, trưa và chiều thì súp, bí đỏ khoai tây cà-rốt và thịt xay... người cháu gái cho biết. Tối đó, ăn súp xong ông kêu mệt lúc sau thì ới nhiều lần, ông nói với mấy cô cháu: "Ông trúng thực rồi!". Thấy mọi người lo lắng, ông bảo không sao đâu, ông không chết đâu đừng lo. Thế rồi ông... chết thật, êm ái, tỉnh táo đến phút chót.

Tôi ghi vào sổ tang: "Vậy là chú Chương đã nghỉ ngơi sau 104 năm rong ruổi trên đường dài của người lữ hành không biết mệt mỏi. Chúc họa sĩ - bác sĩ Dương Cẩm Chương phiêu diêu miền Cực Lạc... và tiếp tục cuộc hành trình". ■

(*) Trịnh Công Sơn.



Buông...

NGUYỄN SỸ HÒ TRẦN

Sư trồng những gốc mai phía sau nhà, không phải ở vườn trước. Tôi một hôm tìm kiếm chủ đề cho bộ sưu tập ảnh đã lạc vào khu vườn của sư. Ngày cuối đông mai chưa hé nụ, tôi ngỡ ngàng run rẩy trước vẻ đẹp kiều hãnh của những cây mai mới chỉ nhú lộc non xanh tươi mơn mớn. Trong ngôi nhà kia phải là một con người đặc biệt lắm. Thật ra đối với cuộc đời, sư chỉ là người rất bình thường. Tôi vẫn từng nhắc nhở, hãy có một người lạ đến ngụ cư trong xóm, chớ vội đánh giá bởi sẽ không biết trong ba-lô họ đựng gì. Cũng như khi một đứa trẻ ra đời sẽ không thể biết phước đức của nó giữa chiều sâu vũ trụ... Tôi đã từng đến với một người, cũng xem là nhân duyên song đó là một thứ duyên nợ. Có lẽ tôi nợ họ thuở nào đó lúc cả trái đất này chưa hình thành, nhưng tôi đã không trả hết. Tôi phải bỏ chạy như một con nợ đúng nghĩa để níu lại chút xuân thì trước lúc bị vùi dập tàn nhẫn.

Một vị sư từng dạy, lúc tâm ta tuyệt tĩnh vắng lặng sẽ sức nhớ ra điều xa xưa kể cả tiền kiếp. Tôi nay đang đứng giữa vườn mai trĩu sương, muốn quên tất cả lại sức nhớ một gương mặt mình xóa khỏi tâm thức hồi nào. Là vị sư trẻ quen dịp đầu năm lễ Phật ở ngôi chùa vùng ven thành phố. Lúc ra về tôi chỉ định ninh một câu như đang nói thầm với sư: “Con không thể hư đâu. Là đệ tử của thầy con không hư đâu!”. Tôi năng đến chùa nhiều hơn, được nghe Pháp, dạo quanh khuôn viên rộng ngút với nhiều cây bồ-đề cao lớn, lòng nhẹ bằng tưởng như mình vừa trở về quê sau bao năm trời biến biệt giữa vòng xoáy cuộc đời; và vị sư trẻ là người thân duy nhất còn lại (dẫu lần đầu tiên biết mặt). Con sẽ không hư đâu thầy. Và để giữ vững lời nguyện đó tôi đã dẫn lòng vĩnh biệt ngôi chùa thân yêu, mãi mãi quên vị sư trẻ. Rồi mỗi lần ở nơi xa tưởng đến tia sét đánh vỡ tảng đá, tôi lại rừng mình lặn lội giữa canh khuya rớm lạnh.

Phải đợi rất lâu, lúc sư xả thiền tôi mới có dịp tiếp kiến. Gật đầu và im lặng, khiến tôi có ý nghĩ sư đang giai đoạn tịnh khẩu. Rồi sư pha trà, đưa tay ra hiệu mời tôi ngồi. Trời đang vào đợt lạnh cuối năm. Sư mở cánh cửa sổ, gió lùa vào từ vườn mai. Chợt nhớ một thiền sư lỗi lạc từng nói về quy luật bình thường lại bỗng



khiến tôi giật mình: “Hoa mai nở giữa tiết trời đông giá buốt chứ không phải vào dịp xuân ấm áp”. Mùa xuân chỉ thừa hưởng vẻ đẹp từ nỗi đau đớn quặn lòng của mai vàng lúc tiết mật. Đức Phật nhờ bỏ lối tu khổ hạnh theo trung đạo mới triệt ngộ, nhưng nếu ai muốn đắc quả mà khước từ khổ hạnh sẽ chẳng đặt chân ra khỏi tam giới bao giờ. Ngày xưa các vị chân tu vào rừng sâu ẩn trong hang động, ăn lá cây củ quả cầm hơi nhưng tâm họ dần dà không chuyển cảnh nhảy múa như loài khỉ theo vũ điệu cuồng si nữa. Chân tâm bình lặng là nhân duyên khiến chúng tử bồ-đề vốn sẵn trong họ nẩy mầm vươn lên giữa trời lồng lộng. Một ngày con dân xuyên sâu vào rừng đã gặp những người râu tóc phủ kín, chỉ đôi mắt sáng rực. Tin được truyền ra, lập tức những vị cao tăng ở các tự viện lặn lội đến thỉnh họ về rộng độ quần sanh. Cái cảm giác như tôi lặn vào một lùm cây hoang đúng lúc gặp tiết xuân, chợt lộ lộ một cây mai vàng lặng lẽ tỏa nỗi buồn tình khiết. Sững sờ. Một cội mai dài các lại mọc ở chốn hoang vu lau sậy này ư? Tôi cứ đứng đó ngẩn ngơ về sự hào nhoáng phố thị, sự ganh đua danh vị trên đời rồi cuộc vẫn mù tăm giữa bể dâu nhân thế.



Tôi sống ở thành phố bao nhiêu năm giữa rừng người trong cuộc sinh tồn không kém phần hoang dã. Trở về quê đầu ngõ bao kỷ ức tưởng đã tàn phai bỗng dày vò bản thể như giữa sông mê không thấy nổi bến bờ. Tôi bắt đầu sức nhớ, hồi nhỏ cùng lũ bạn trẻ ranh từng lên vào ngôi nhà này hái trộm trái cây và nhặt hoa tương tư rụng đỏ ủa trên đất. Ngôi nhà chỉ hai mẹ con nương tựa vào nhau. Người mẹ ngày đêm niệm Phật cầu sanh cực lạc. Người con hiểu thảo nhưng không tin Phật. Lúc anh đi làm, chúng tôi chui vào khu vườn. Bà già nhìn thấy vẫn điềm nhiên ngồi lẩn tránh hạt. Tôi từng bị mẹ dẫn mặt, nếu tôi còn theo bạn bè vào vườn người ta, mẹ sẽ mách bố. (Ấy là lúc mẹ lỡ miệng, bởi bố vào Nam làm ăn rồi ở cùng một cô, sinh con. Mẹ chan nước mắt vào cơm từng bữa...). Rồi một hôm, bà già nhờ con trai lên phố mua tấm vải về may áo tràng. Sáng đi, trưa đứng bóng mới về, thấy mẹ ngồi trì niệm hồng danh; anh bắc cơm chín mẹ còn ngồi đó. Hơi lạ, anh tới gần xem thì mẹ đã được Phật tiếp dẫn về Tây phương thế giới, khuôn mặt rạng ngời chưa phai nụ cười mãn nguyện. Hình ảnh khiến anh rưng rưng xúc động. Anh quý sụp xuống trước ánh đạo vàng. Từ đó đến nay... Người ta vẫn bảo, nếu ai thực tâm tu hành sẽ được chư Phật gia hộ. Thiền sư "tam bộ nhất bát" bất kể gió mưa sông núi; lúc đói là gục xuống bỗng có người ăn mày cứu sống và đó chính là Bồ-tát hóa hiện... Mẹ tôi bảo, người trong làng ngoài xã đến cúng dường, sư chỉ giữ lại gạo muối đủ sống, phần còn lại giúp người nghèo và phóng sanh.

Vẫn biết một vị tu hễ còn dính mắc, đấy chính là sợi xích cột họ với luân hồi sinh tử. Nhìn vườn mai của sư cái ý nghĩ tham sân từng trỗi dậy: sao vườn mai không là của tôi; sao tôi không có một vườn mai như vậy. Và lúc đó tôi tưởng đến cảnh sư cười, đặt tay lên đầu mình mà rằng, con còn trẻ lắm. Rồi sư tặng tôi những hạt giống từ chính cây mai ngoài kia, khuyên hãy về trồng, cần mẫn chăm bón. Tôi bắt chợt nhớ đến hình ảnh vị sư ngồi thiền như cục bột bên cánh cửa sổ hé mở. Sư đã trồng vườn mai và song hành với công việc của một người làm vườn là ngồi xuống tĩnh tâm. Từ lúc quyết chí tu hành cũng là lúc gieo những hạt mai đen nhánh; lúc cây mai bung nụ ở mùa xuân đầu tiên sẽ kiểm chứng cho bốn tâm có khai hoa hay chìm luôn trong sương lạnh.

Tôi từng liên tưởng giữa một cội hoàng mai trong chậu với cây nhân sâm bên sườn núi. Sâm không thể trồng nơi đất đai màu mỡ luôn được chăm bón tưới tắm lại cho ra biệt dược; hoàng mai cũng không thể với một cuộc sống vương giả mà dâng những đóa phù sinh vàng rực đúng dịp xuân sang. Cả hai đều từ kham khổ vươn rễ chắt chiu từng giọt nước, từ trong nắng hạn mưa sa, từ nỗi đau quèo quặt của thân và rễ mới chiết ra tinh túy đất trời. Lại ước giờ được đứng bên cội mai của vị sư trẻ tôi quen. Sư đã mang nó trồng

trên đỉnh núi, lần ấy tôi được dẫn lên thăm. Cây mai không cao, và hình như nó từng bị gió quật gãy, nay mọc ba nhánh như biểu tượng của "tam bảo"; bộ rễ rắn chắc tựa bàn tay quặp chặt vào tảng đá lớn. Tôi ngắm mai còn sư nhìn về xa xôi với đôi mắt thật đẹp. Nhiều lúc tôi vẫn liên tưởng khuôn mặt ấy với một thánh nữ... Khoảnh khắc hiếm hoi ấy tưởng sư phải nói khác những lời ở chánh điện trước tôi cùng nhiều Phật tử. Hay sư vẫn dùng chánh pháp để đẩy lùi vọng tưởng đảo điên. "Con người phải hướng nội, biết khước từ hư danh, nhẫn nhục tinh tấn mà siêu phàm nhập thánh. Cây mai này từ lúc gieo hạt đến nay không hề ai tưới một gáo nước vậy mà nó vẫn kiên gan giữa bốn thời xuân hạ...". Rồi tắt lịm. Sư vội xuống núi còn tôi cảm nhận sự cô đơn trên đỉnh dốc tuyết mù mây xám.

Một buổi sáng đầu đông, tôi lật tung tấm chăn vùng dậy mở cửa. Gió tràn vào cắt cửa. Trời còn mờ tối, tôi đến nơi thấy ngọn đèn hắt ra ánh sáng mờ. Sư bắt đầu thiền lúc ba giờ sáng (chúng tôi còn trong giấc ngủ sâu), và sau khi xả thiền sư bắc nồi nước lên bếp củi. Tôi ngồi bên sư đến lúc sương tan dần trên những chồi mai. Tôi cũng không ngạc nhiên trước thái độ của sư: không hỏi tôi con ai trong làng, không cần biết tên tôi và tại sao tôi có thú thường trà? Vị thiền phải chẳng như ấm trà đặc, vài ngụm đầu đắng, uống thêm ngọt dần và hạnh phúc lan tỏa. Dẫu cõi tu không đơn giản như việc gieo hạt mai, ít năm đã có mùa vàng ngինh xuân. Thoáng nghĩ nếu tôi được hoán đổi vị trí của mình với sư, không chừng bao lâu vườn mai đã *sâu đục thân* rụi xuống còn tôi thì *sâu đục tâm* mục rỗng! Con người một khi đối diện với cô đơn mới nhận diện vô vàn sợi nhân duyên trói buộc, thắm cảnh mình tự neo chân vào quả địa cầu khổng lồ không thể nào với tay chạm vào cội thánh. Tôi lao mình vào đám đông như con thiêu thân, chen chân vào những nẻo đường chật cứng người, còn đạo lộ thênh thang thì run rẩy lẩn lữa khước từ. Sợ nắng gió, sợ sương lạnh thấu xương tàn rụi trước lúc đơm hoa trả nghĩa. Lại muốn cúi rạp mình bên dáng mai lưng lững trên đỉnh núi mờ xa.

Tuần trà còn đậm, sư nhìn ra vườn mai bảo tôi chọn lấy hai gốc tùy ý. Tôi thật sự ngạc nhiên song không biểu lộ, nghĩ bậc chân tu đến thân chẳng tiếc hưởng hủ mấy gốc mai. Đã nhiều lần lội trong vườn mai, tôi thuộc từng bộ rễ nhánh lá. Khuôn mặt của gã chuyên bứng cây cảnh trong làng, râu xồm và nụ cười tài tử thoáng qua trí nhớ. Tính vào dịp cuối xuân, mai gượng dậy sau thời khắc cạn lực đơm hoa tôi sẽ nhờ bứng về... Đẳng khác tôi lại không muốn động đến một gốc mai nào. Tôi không nỡ tách lìa chúng khỏi nơi đã quá thân thuộc. Tôi từng buồn khổ biết bao khi rời ngôi chùa hẻo lánh có vị sư trẻ trụ trì. Hôm nay về quê, mới đến với vị sư già chưa lâu đã không muốn rời khỏi nơi này. Một khu vườn thênh thang yên tĩnh. Thoáng ước ao mình sẽ ở lại nơi này, có vườn mai tháng ngày chăm

bón. Tôi sẽ sáng sủa đun nước sôi và chế trà, tôi sẽ nấu ăn giúp sư, sửa soạn cho sư từng giấc ngủ sâu...

Sáng xuân, tôi đến dự tuần trà với sư, thấy ngôi nhà vắng tanh. Lội vườn sau ra vườn trước, tôi xuống bếp, lòn ra hiên ngó quanh hàng xóm. Chiếc áo tràng sư mặc hàng ngày treo trên móc gỗ, giường vẫn chiếu chăn như ai vừa mới ngủ dậy. Bóng người về đâu? Tự dưng tuyến lệ trào dâng và tôi khóc như một đứa trẻ. Bâng khuâng hụt hẫng. Có lẽ tôi vẫn mãi là một đứa trẻ, không hiểu chút gì về phong vị thiền nên biển mê dậy sóng. Sao tôi không nhận ra trong đôi mắt của vị sư luống tuổi ấy một nỗi lo mơ hồ? Mẹ từng nhắc khéo, tôi cứ ậm ừ nói dối những lúc đến ngôi nhà này. Chợt hiểu tại sao ngày xưa thời gian đầu Đức Phật không thể nhận những đệ tử như tôi. Thân thể này, chỉ thân thể này đứng yên như cội mai lặng lẽ kia cũng đủ thức dậy những vọng động bản năng trong một kiếp tu hành. Tôi muốn chạy một mạch đến với vị sư trẻ thốt lời sám hối. Tôi thực sự bị choáng ở lần đầu tiên gặp sư. Hình ảnh một chàng thanh niên sáng trưng với trái tim đầy nhân hậu khiến tôi rũ bỏ được quá nửa bụi bặm tục trần. Tôi không nghĩ mẫu người lý tưởng như vậy lại chối từ mọi thứ tôi cho là hạnh phúc. Điều gì có ở Đức Phật khiến con người ấy quay lưng với hồng trần? Càng được gần gũi vị sư trẻ tôi càng cảm thấy mình nhơ nhớp; cho đến lúc cái ý nghĩ được quét rác cho chùa cũng khiến mình hổ thẹn, tôi đã làm một cuộc chạy trốn khỏi món nợ với một người khác. Nếu không vẫn còn đang ngập lặn trong bùn lầy, đâu biết trong tôi vẫn còn mang một món nợ hữu hình khác. "Là đệ tử của thầy con không hư đâu". Vị sư trẻ chấp tay cúi đầu trước tôi. Bao nhiêu năm gặp lại sư vẫn không muốn nhìn thẳng vào khuôn mặt tôi... "Đạo hữu biết chăng, lúc ta phóng ra một ý nghĩ, đối tượng đâu không biết song thần thức họ đã tiếp nhận và nó trở thành hạt giống chờ nhân duyên hội đủ sẽ tác vô nẩy mầm". Tôi quận lòng muốn gieo mình xuống như một cánh mai vàng mỏng mảnh.

Tôi bỗng nhớ một chập tối, mẹ bụng cơn đến cúng dường vị sư già, gặp lúc có bà dì đến thăm nên đã giao cho tôi. (Thực tế mẹ không cho phép tôi đến cúng dường sư bao giờ). Tịnh thất tối om. Nhớ lời vị sư trẻ, tôi vừa niệm Phật vừa đưa tay mò mẫm trong nhà, bất giác chạm phải sư đang tĩnh tọa, giật bắn người... Ngọn đèn dầu thấp lên, ánh sáng phả vào khuôn mặt sư hồng hào, chao ôi là ấm áp. Có những ước mong tưởng nhỏ bé lại không tài nào với đến. Ví như trước mặt là vị sư trẻ, tôi xới cơm sư ăn và thể sẽ không có một cử chỉ hành động nào khiến sư xao động. Tôi chỉ xin được ngồi bên thôi, như một cái bóng giữa đêm tối mệnh mang.

Tôi nhặt bông mai vàng trong vô thức, rồi nhìn trời và cánh hoa rơi khỏi tay lúc nào. Tự an ủi mình bằng hình ảnh Đạt-ma sư tổ nhọc công kiếm tìm một chiếc

dép để có cơ ở lại trần gian hóa độ chúng sanh. Còn sư, lẽ nào lại bỏ rơi một sinh linh lầm đường lạc lối là tôi. Ngọn gió xuân nhẹ nhè lừa vào khu vườn cũng đủ khiến mai vàng rụng dày tiếc nuối. Tôi nhìn cội mai tưởng đến dáng hình một người thiếu phụ đang thủ tiết chờ ai. Cảm giác lạ lùng trời dậy; cái cảm giác thân thuộc đến nao lòng song chẳng thể nhớ lặp lại từ khung cảnh nào. Cũng không muốn nhớ. Dẫu gió buốt sương sa thì mai cũng đã ứa nộ đơm bông đầu cái đẹp lặng lẽ tỏa hương rồi chìm vào hư vô chẳng nữa. ■



Ảnh: Diệu Hương



Những cành mai trong vườn thơ trung đại

Trong quan niệm thẩm mỹ của người phương Đông nói chung, người Việt ta nói riêng, hoa có một vị trí đặc biệt. Nhiều loài hoa được gọi bằng những danh xưng mỹ lệ gắn với các giá trị tinh thần, đại diện cho một đức tính nào đó của con người. Lan được xem là hoa của bậc vương giả (*vương giả chi hoa*), cúc là hoa của kẻ ẩn dật (*ẩn dật chi sĩ*), sen là hoa của bậc quân tử (*liên, hoa chi quân tử giả dã*), mẫu đơn là hoa của bậc quốc sắc thiên hương (*quốc sắc thiên hương chi phú quý*)...

Trong các loài hoa, mai gốc già cỗi, cành lá khẳng khiu mà cốt cách thanh cao, tinh thần cứng cỏi (*băng cơ ngọc cốt ngạc chi thanh kỳ*) được xem là hoa của bậc tiết tháo (*mai hoa sắc bạch tuyết trung minh* - hoa mai sắc trắng sáng trong tuyết). Mai còn là biểu tượng của mùa xuân đến sau những ngày đông lạnh giá (*mai hung sương tuyết lai tương kiến* - mai vượt sương tuyết tìm đến gặp nhau [với ta]), từ lâu mai đã đi vào văn chương, trở thành một trong những biểu tượng đẹp, mang nhiều giá trị nhân sinh quan trọng trong thi ca. Dạo quanh một vòng vườn thơ trung đại



Ảnh: Văn Thông

PHẠM TUẤN VŨ

nước ta, dễ nhận ra cha ông ta ngày trước yêu quý mai và gởi gắm vào loài hoa này những quan niệm tốt đẹp về cuộc đời. Có những đóa mai nở mãi trong vườn thơ nước ta thời ấy, ấm ngời một sắc vàng tươi, đẹp mãi trong mỗi lòng người qua bao nhiêu năm tháng.

Cảnh mai nở sớm nhất trong vườn thơ trung đại Việt Nam có lẽ là cảnh mai trong bài thơ *Cáo tật thị chúng* của Thiền sư Mãn Giác (1052-1096), một cao tăng của phái Vô Ngôn Thông:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

(Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai).

Đó là nhành mai nở muộn nơi đầu sân trong buổi sáng lạnh giá khi trăm hoa đã rụng hết rồi. Đó cũng là nhành mai cứng cáp của cõi lòng an nhiên, tự tại trước những quy luật sinh tử bệnh lão, được mất hơn thua trong cuộc đời mà bậc tu hành đặc đạo nhận chân được. Đó còn là nhành mai vàng tươi ấm áp của lòng yêu thiên nhiên, yêu cuộc đời của bậc chân tu nhưng đồng thời cũng là trọng thần có công lớn trong buổi đầu xây dựng nền độc lập của nước nhà. Cảnh mai thực nhưng cũng là cảnh mai tượng trưng, thoáng hiện lên ở cuối tác phẩm nhưng cứ tươi mãi, đẹp mãi trong lòng hậu thế.

Cảnh mai được tôn lên ngôi vị cao nhất có lẽ là mai trong hai câu thơ dưới đây của Thiền sư Huyền Quang (1254-1334), Tổ sư đời thứ ba của phái Trúc Lâm Yên Tử:

*Ngự sử mai hai hàng châu chấp
Trượng phu từng mấy rặng phò quanh.*

Ngự sử mai cùng với trượng phu từng và quân tử trúc hợp thành “tam ích hữu” (ba người bạn có ích). Sách *Luận ngữ*, thiên Quý thị viết: “*Ích giả tam hữu: hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn*” (Bạn có ích gồm ba hạng: ngay thẳng, rộng lượng, biết nhiều). Sách *Nguyệt lệnh quảng nghĩa* gọi từng trúc mai là “*đồng thiên tam hữu*”, “*đồng xuân tam hữu*” hoặc “*tuế hàn tam hữu*” xuất phát từ điển trên. Mai trong câu thơ của Huyền Quang thiền sư là hình ảnh tượng trưng cho bậc lương đồng dốc lòng phò vua giúp nước, điều mà Nguyễn Trãi sẽ nói lại sau này. Bởi vậy, hình tượng mai trong câu thơ không còn là nhành mai đơn thuần, đó là mai của một nhân sinh quan tốt đẹp biết bao.

Trong vườn thơ xưa, có một cảnh mai rừng thanh cao không vướng mùi tục lụy trong câu thơ thần trong bài thơ *Tặng thi Hứa tăng Khắc Sơn* được truyền tụng là của Hoàng giáp Thân Quốc công Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) làm trong thời niên thiếu:

*Dã mai cốt cách nguyên phi tục
Hải hạc phong tư tự bất quần.*

(Cốt cách của mai rừng vốn không vướng tục
Phong tư loài hạc biển vốn chẳng phải ở trong bầy).
Được xem là một trong “*tuế hàn tam hữu*” (ba người bạn của tiết lạnh), mai thường được gắn với sương, tuyết, với giá lạnh. Trong vườn thơ nước ta xưa, có một nhành bạch mai được so sánh với tuyết, hình ảnh rất đẹp trong bài thơ *Lưu gia độ* của Tể tướng Trần Quang Khải (1241-1294):

Mai hoa như tuyết chiếu tình xuyên

(Hoa mai như tuyết chiếu xuống dòng sông lúc tanh mưa).

Mai sắc vàng cao quý, màu của vinh hiển, vua chúa, là “*đệ nhất đại danh hoa*”. Thế nhưng trong thơ Nguyễn Trãi (1380-1442), không chỉ có nhành mai cao sang, quý phái mà có cả những đóa mai vàng tươi, ấm áp,



gắn gũi với cuộc đời thanh bạch của bậc đại sĩ giữa cõi đồng nội, núi rừng, như trong bài Ngôn chí 2:

*Quét trúc, bước qua lòng suối
Thường mai, về đạp bóng trăng.*

Ước Trại có lẽ yêu mai hơn cả trong những loài hoa khác, thể hiện trong bài Đế hoàng ngự sử mai tuyết hiên:

*Ngã ái mai hoa kiêm ái nguyệt
Nhất mai nhất nguyệt lưỡng giai nhân.*

(Ta yêu hoa mai với yêu trăng

Một mai, một trăng cả hai đều là trang giai nhân).

Trong bài Tự thán 16, ông tự ví mình là cây mai già tiệt thảo, trung trinh:

*Khổ trúc chẳng ưa lòng khách bạc
Mão mai sá học nét người thanh.*

Và trong bài Thu nguyệt ngẫu thành, ông cho mai già là người bạn bên song cửa với thú vui sách đàn của kẻ ẩn dật:

*Độc bải quần thư vô cá sự
Lão mai song bạn lí dao cầm.*

(Độc xong chồng sách không còn việc gì nữa

Bên cội mai già cạnh song cửa mà gảy đàn ngọc giao).

Bởi vì ông khẳng định trong bài Mai:

*Xuân đến hoa nào chẳng tốt tươi
Ưa mi vì tiết sạch hơn người.*

Hoa mai không chỉ trang nhã ở màu sắc mà hương thơm cũng thanh thoát, thuần khiết. "Mai hoa ưu vu hương" (cái ưu việt nhất của hoa mai là ở mùi hương). Trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, có một cảnh mai không chỉ mang cốt tuyết ngọc mà hương thơm cũng dịu dịu, vương vấn thêm mỗi độ xuân về:

*Xuân thêm cốt cách hương càng bội
Tuyết giúp tinh thần ngọc hãy còn
[...]*

*Tiểu là đá sắt thêm khoe muộn
Sực nức danh thơm kiếp chẳng mòn.*

(Cây mai già - Lê Thánh Tông)

Không chỉ được ví với người quân tử, đáng nam nhi, hoa mai còn được xem là cốt cách, dáng điệu của bậc giai nhân, kẻ yếu điệu. Trong *Truyện Kiều*, nhiều lần mai xuất hiện (*Thiên trà cận nước Hồng Mai, Thờ ơ gió trúc mưa mai, Rụng rời lộc liễu tan tành gốc mai, Nát thân bồ liễu đền nghi trúc mai, Nàng thì chiếc bóng song mai...*) nhưng có lẽ không ai quên được câu thơ miêu tả cốt cách thanh tao của nàng Kiều trong những ngày "êm đềm trướng rủ màn che": "Mai cốt cách, tuyết tinh thần" và câu thơ tả dáng vẻ "sượng sùng ngại gió e sương" trong buổi Mã Giám Sinh mua Kiều: "Điệu buồn như cúc, nét gầy như mai". Mai tượng trưng cho người đẹp. Trong *Hương miệt hành*, truyện thơ chữ Hán ra đời rất sớm từ đầu thời Lê (có giả thuyết cho rằng đời Trần), nàng con gái xinh đẹp họ Trương cũng được miêu tả bằng cách so sánh với mai, tuyết, ngọc: "Tuyết mai cốt cách ngọc tinh thần".

Mang khí tiết trong sạch, cốt cách thanh cao, là loài hoa cười sương cốt tuyết, ngạo với gió mưa, mai được những bậc trượng phu tiết tháo yêu quý, xem như người bạn tri giao:

*Nghêu ngạo vui thú yên hà
Mai là bạn cũ, hạc là người xưa.*

Hai câu thơ nổi tiếng này của Nguyễn Du làm ta nhớ là Lâm Bô, tức Lâm Hòa Tĩnh (967-1028), nhà thơ đời Tống không có vợ con, suốt đời chỉ thích trồng mai nuôi hạc, được người đời gọi ông "cưỡi mai làm vợ, nuôi hạc làm con" (*mai thê hạc tử*). Ông có bài *Mai hoa* rất nổi tiếng được người đời truyền tụng.

Người xưa cũng đã có thú trồng mai, chơi mai.

Một bậc cao sĩ cả đời ngang tàng ngạo nghễ là Chu Thần Cao Bá Quát (1809-1855) từng gieo ở đầu non một nắm hạt mai với niềm tin phơi phới xuân năm sau đến mai sẽ tô điểm cả bầu trời, làm đẹp cho thế gian, thể hiện trong bài thơ *Tài mai*:

*Thí tương mai tử trịch sơn gian
Nhất ác thanh tư kỷ bách loan
Ký thử lai thì xuân sắc hảo
Dữ nhân cộng tác họa đồ khan.*

Hoàng Tạo dịch thơ:

*Đầu non nắm hạt mai gieo
Giống thanh gửi chốn núi đèo xanh tươi
Nửa mai xuân điểm bầu trời
Bức tranh tuyệt tác cho đời ngắm chung.*

Trong thơ trung đại nước ta ở những năm cuối thế kỷ XIX, có không chỉ một đóa, một cảnh mà là cả một gò mọc đầy mai trắng đầy ám ảnh với mơ ước đất nước sớm thôi bóng giặc Pháp xâm lược, mùa xuân lại ngập tràn khắp bờ cõi non sông.

*Hữu nhật mai cương quy tích thụ
Hội khan tài mĩ tận đông nam.*

(Bồn trung tiểu mai nguyên vận)

(Có một ngày gò mai góp đủ trở lại cỏ cây xưa - [Sẽ có dịp] cũng nhìn cảnh tươi đẹp khắp cõi đông nam).

Người thể hiện ước mơ đó chính là Nguyễn Thuật (1842-1911), tự Hiếu Sinh, hiệu Hà Đình, quê làng Hà Lam (nay là thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, Quảng Nam), một trong những vị quan lớn của triều Nguyễn, suốt đời sống thanh bạch, không thôi trần trở cho vận nước trong buổi lao đao.

Mai là hoa của mùa xuân. Một cánh mai vàng mang xuân đến. Người ta từ ngàn xưa yêu quý mai, thì ngàn sau cũng vậy. Người xưa xem mai là bạn tâm giao, người nay xem hoa là người tri kỷ. Đóa mai vàng tươi cao khiết, nhành mai cứng cỏi hao gầy vẫn luôn là cảm hứng cho bao thế hệ thi nhân, là đề tài quan trọng trong thơ ca viết về mùa xuân. Ngày xuân mai nở, dạo quanh vườn thơ xưa, để thấy trong văn học nước ta thời trung đại có biết bao đóa mai vàng. Đó là những người bạn tinh thần tin cậy, nơi gửi gắm nhiều quan niệm nhân sinh tốt đẹp của cha ông ta, là những đóa mai lung linh, đẹp đẽ, tươi mãi muôn đời. ■



Những cành mai trong vườn thơ trung đại

Trong quan niệm thẩm mỹ của người phương Đông nói chung, người Việt ta nói riêng, hoa có một vị trí đặc biệt. Nhiều loài hoa được gọi bằng những danh xưng mỹ lệ gắn với các giá trị tinh thần, đại diện cho một đức tính nào đó của con người. Lan được xem là hoa của bậc vương giả (*vương giả chi hoa*), cúc là hoa của kẻ ẩn dật (*ẩn dật chi sĩ*), sen là hoa của bậc quân tử (*liên, hoa chi quân tử giả dã*), mẫu đơn là hoa của bậc quốc sắc thiên hương (*quốc sắc thiên hương chi phú quý*)...

Trong các loài hoa, mai gốc già cỗi, cành lá khẳng khiu mà cốt cách thanh cao, tinh thần cứng cỏi (*băng cơ ngọc cốt ngạc chi thanh kỳ*) được xem là hoa của bậc tiết tháo (*mai hoa sắc bạch tuyết trung minh* - hoa mai sắc trắng sáng trong tuyết). Mai còn là biểu tượng của mùa xuân đến sau những ngày đông lạnh giá (*mai hung sương tuyết lai tương kiến* - mai vượt sương tuyết tìm đến gặp nhau [với ta]), từ lâu mai đã đi vào văn chương, trở thành một trong những biểu tượng đẹp, mang nhiều giá trị nhân sinh quan trọng trong thi ca. Dạo quanh một vòng vườn thơ trung đại



Ảnh: Văn Thông

PHẠM TUẤN VŨ

nước ta, dễ nhận ra cha ông ta ngày trước yêu quý mai và gởi gắm vào loài hoa này những quan niệm tốt đẹp về cuộc đời. Có những đóa mai nở mãi trong vườn thơ nước ta thời ấy, ấm ngời một sắc vàng tươi, đẹp mãi trong mỗi lòng người qua bao nhiêu năm tháng.

Cảnh mai nở sớm nhất trong vườn thơ trung đại Việt Nam có lẽ là cảnh mai trong bài thơ *Cáo tật thị chúng* của Thiền sư Mãn Giác (1052-1096), một cao tăng của phái Vô Ngôn Thông:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

(Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai).

Đó là nhành mai nở muộn nơi đầu sân trong buổi sáng lạnh giá khi trăm hoa đã rụng hết rồi. Đó cũng là nhành mai cứng cáp của cõi lòng an nhiên, tự tại trước những quy luật sinh tử bệnh lão, được mất hơn thua trong cuộc đời mà bậc tu hành đắc đạo nhận chân được. Đó còn là nhành mai vàng tươi ấm áp của lòng yêu thiên nhiên, yêu cuộc đời của bậc chân tu nhưng đồng thời cũng là trọng thần có công lớn trong buổi đầu xây dựng nền độc lập của nước nhà. Cảnh mai thực nhưng cũng là cảnh mai tượng trưng, thoáng hiện lên ở cuối tác phẩm nhưng cứ tươi mãi, đẹp mãi trong lòng hậu thế.

Cảnh mai được tôn lên ngôi vị cao nhất có lẽ là mai trong hai câu thơ dưới đây của Thiền sư Huyền Quang (1254-1334), Tổ sư đời thứ ba của phái Trúc Lâm Yên Tử:

*Ngự sử mai hai hàng châu chấp
Trượng phu từng mấy rặng phò quanh.*

Ngự sử mai cùng với trượng phu từng và quân tử trúc hợp thành “tam ích hữu” (ba người bạn có ích). Sách *Luận ngữ*, thiên Quý thị viết: “*Ích giả tam hữu: hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn*” (Bạn có ích gồm ba hạng: ngay thẳng, rộng lượng, biết nhiều). Sách *Nguyệt lệnh quảng nghĩa* gọi từng trúc mai là “*đồng thiên tam hữu*”, “*đồng xuân tam hữu*” hoặc “*tuế hàn tam hữu*” xuất phát từ điển trên. Mai trong câu thơ của Huyền Quang thiền sư là hình ảnh tượng trưng cho bậc lương đồng dốc lòng phò vua giúp nước, điều mà Nguyễn Trãi sẽ nói lại sau này. Bởi vậy, hình tượng mai trong câu thơ không còn là nhành mai đơn thuần, đó là mai của một nhân sinh quan tốt đẹp biết bao.

Trong vườn thơ xưa, có một cảnh mai rừng thanh cao không vướng mùi tục lụy trong câu thơ thần trong bài thơ *Tặng thi Hứa tăng Khắc Sơn* được truyền tụng là của Hoàng giáp Thân Quốc công Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) làm trong thời niên thiếu:

*Dã mai cốt cách nguyên phi tục
Hải hạc phong tư tự bất quần.*

(Cốt cách của mai rừng vốn không vướng tục
Phong tư loài hạc biển vốn chẳng phải ở trong bầy).
Được xem là một trong “*tuế hàn tam hữu*” (ba người bạn của tiết lạnh), mai thường được gắn với sương, tuyết, với giá lạnh. Trong vườn thơ nước ta xưa, có một nhành bạch mai được so sánh với tuyết, hình ảnh rất đẹp trong bài thơ *Lưu gia độ* của Tể tướng Trần Quang Khải (1241-1294):

Mai hoa như tuyết chiếu tình xuyên

(Hoa mai như tuyết chiếu xuống dòng sông lúc tanh mưa).

Mai sắc vàng cao quý, màu của vinh hiển, vua chúa, là “*đệ nhất đại danh hoa*”. Thế nhưng trong thơ Nguyễn Trãi (1380-1442), không chỉ có nhành mai cao sang, quý phái mà có cả những đóa mai vàng tươi, ấm áp,



gắn gũi với cuộc đời thanh bạch của bậc đại sĩ giữa cõi đồng nội, núi rừng, như trong bài Ngôn chí 2:

*Quét trúc, bước qua lòng suối
Thường mai, về đạp bóng trăng.*

Ước Trại có lẽ yêu mai hơn cả trong những loài hoa khác, thể hiện trong bài Đế hoàng ngự sử mai tuyết hiên:

*Ngã ái mai hoa kiêm ái nguyệt
Nhất mai nhất nguyệt lưỡng giai nhân.*

(Ta yêu hoa mai với yêu trăng

Một mai, một trăng cả hai đều là trang giai nhân).

Trong bài Tự thán 16, ông tự ví mình là cây mai già tiệt thảo, trung trinh:

*Khổ trúc chẳng ưa lòng khách bạc
Mão mai sá học nét người thanh.*

Và trong bài Thu nguyệt ngẫu thành, ông cho mai già là người bạn bên song cửa với thú vui sách đàn của kẻ ẩn dật:

*Độc bải quần thư vô cá sự
Lão mai song bạn lí dao cầm.*

(Độc xong chồng sách không còn việc gì nữa

Bên cội mai già cạnh song cửa mà gảy đàn ngọc giao).

Bởi vì ông khẳng định trong bài Mai:

*Xuân đến hoa nào chẳng tốt tươi
Ưa mi vì tiết sạch hơn người.*

Hoa mai không chỉ trang nhã ở màu sắc mà hương thơm cũng thanh thoát, thuần khiết. "Mai hoa ưu vu hương" (cái ưu việt nhất của hoa mai là ở mùi hương). Trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, có một cảnh mai không chỉ mang cốt tuyết ngọc mà hương thơm cũng dịu dịu, vương vấn thêm mỗi độ xuân về:

*Xuân thêm cốt cách hương càng bội
Tuyết giúp tinh thần ngọc hãy còn
[...]*

*Tiểu là đá sắt thêm khoe muộn
Sực nức danh thơm kiếp chẳng mòn.*

(Cây mai già - Lê Thánh Tông)

Không chỉ được ví với người quân tử, đáng nam nhi, hoa mai còn được xem là cốt cách, dáng điệu của bậc giai nhân, kẻ yếu điệu. Trong *Truyện Kiều*, nhiều lần mai xuất hiện (*Thiên trà cận nước Hồng Mai, Thờ ơ gió trúc mưa mai, Rụng rời lộc liễu tan tành gốc mai, Nát thân bồ liễu đến nghi trúc mai, Nàng thì chiếc bóng song mai...*) nhưng có lẽ không ai quên được câu thơ miêu tả cốt cách thanh tao của nàng Kiều trong những ngày "êm đềm trướng rủ màn che": "Mai cốt cách, tuyết tinh thần" và câu thơ tả dáng vẻ "sượng sùng ngại gió e sương" trong buổi Mã Giám Sinh mua Kiều: "Điệu buồn như cúc, nét gầy như mai". Mai tượng trưng cho người đẹp. Trong *Hương miệt hành*, truyện thơ chữ Hán ra đời rất sớm từ đầu thời Lê (có giả thuyết cho rằng đời Trần), nàng con gái xinh đẹp họ Trương cũng được miêu tả bằng cách so sánh với mai, tuyết, ngọc: "Tuyết mai cốt cách ngọc tinh thần".

Mang khí tiết trong sạch, cốt cách thanh cao, là loài hoa cười sương cốt tuyết, ngạo với gió mưa, mai được những bậc trượng phu tiết tháo yêu quý, xem như người bạn tri giao:

*Nghêu ngạo vui thú yên hà
Mai là bạn cũ, hạc là người xưa.*

Hai câu thơ nổi tiếng này của Nguyễn Du làm ta nhớ là Lâm Bô, tức Lâm Hòa Tĩnh (967-1028), nhà thơ đời Tống không có vợ con, suốt đời chỉ thích trồng mai nuôi hạc, được người đời gọi ông "cưỡi mai làm vợ, nuôi hạc làm con" (*mai thê hạc tử*). Ông có bài *Mai hoa* rất nổi tiếng được người đời truyền tụng.

Người xưa cũng đã có thú trồng mai, chơi mai.

Một bậc cao sĩ cả đời ngang tàng ngạo nghễ là Chu Thần Cao Bá Quát (1809-1855) từng gieo ở đầu non một nắm hạt mai với niềm tin phơi phới xuân năm sau đến mai sẽ tô điểm cả bầu trời, làm đẹp cho thế gian, thể hiện trong bài thơ *Tài mai*:

*Thí tương mai tử trịch sơn gian
Nhất ác thanh tư kỷ bách loan
Ký thử lai thì xuân sắc hảo
Dữ nhân cộng tác họa đồ khan.*

Hoàng Tạo dịch thơ:

*Đầu non nắm hạt mai gieo
Giống thanh gửi chốn núi đèo xanh tươi
Nửa mai xuân điểm bầu trời
Bức tranh tuyệt tác cho đời ngắm chung.*

Trong thơ trung đại nước ta ở những năm cuối thế kỷ XIX, có không chỉ một đóa, một cảnh mà là cả một gò mọc đầy mai trắng đầy ám ảnh với mơ ước đất nước sớm thôi bóng giặc Pháp xâm lược, mùa xuân lại ngập tràn khắp bờ cõi non sông.

*Hữu nhật mai cương quy tích thụ
Hội khan tài mĩ tận đông nam.*

(Bồn trung tiểu mai nguyên vận)

(Có một ngày gò mai góp đủ trở lại cỏ cây xưa - [Sẽ có dịp] cũng nhìn cảnh tươi đẹp khắp cõi đồng nam).

Người thể hiện ước mơ đó chính là Nguyễn Thuật (1842-1911), tự Hiếu Sinh, hiệu Hà Đình, quê làng Hà Lam (nay là thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, Quảng Nam), một trong những vị quan lớn của triều Nguyễn, suốt đời sống thanh bạch, không thôi trần trở cho vận nước trong buổi lao đao.

Mai là hoa của mùa xuân. Một cánh mai vàng mang xuân đến. Người ta từ ngàn xưa yêu quý mai, thì ngàn sau cũng vậy. Người xưa xem mai là bạn tâm giao, người nay xem hoa là người tri kỷ. Đóa mai vàng tươi cao khiết, nhành mai cứng cỏi hao gầy vẫn luôn là cảm hứng cho bao thế hệ thi nhân, là đề tài quan trọng trong thơ ca viết về mùa xuân. Ngày xuân mai nở, dạo quanh vườn thơ xưa, để thấy trong văn học nước ta thời trung đại có biết bao đóa mai vàng. Đó là những người bạn tinh thần tin cậy, nơi gửi gắm nhiều quan niệm nhân sinh tốt đẹp của cha ông ta, là những đóa mai lung linh, đẹp đẽ, tươi mãi muôn đời. ■

Mùa xuân đến rồi đó

BÙI SỸ CĂN

Tôi nhẹ nhàng dạo bước giữa làn mưa xuân đang thả bụi êm đêm. Gió nhẹ thổi, những hạt mưa nối tiếp nhau chao nghiêng thành từng sợi trắng xốp. Khí trời lành lạnh; cái lạnh không gọi cho người ta cái cảm giác cô đơn mà xui lòng người nghĩ về hơi ấm.

Xung quanh tôi, cây cối đang thi nhau đâm chồi nảy lộc. Kia, cảnh phượng vĩ âm thầm nhưng xao xuyến giục ta đi để tới tháng năm với rực rỡ một trời hoa phượng đỏ. Những cây bưởi lặng lẽ đơm lá mới; bất chợt nhìn lên, từ những nụ trắng ngần, sáng nay ta bỗng thấy những bông bưởi xòe năm cánh trắng thơm ngan ngát. Cây nào cũng tràn đầy sức sống; có cây nhú lộc biếc tím ngắt như cậu học trò tinh nghịch bôi lên màu mực tím; những búp bàng non trông xa như búp tay em bé. Cây hồng trước nhà tôi, vào lúc mùa đông giá lạnh, đã bị tước đi những chiếc lá ủ ấm cho cây để trơ cành khẳng khiu, gây cho ta cảm tưởng sắp héo tàn; nhưng cây vẫn kiên trì chịu qua giá rét, để bỗng sang xuân lại bật lên những chồi non bụ bẫm rồi bùng lên những tán lá xanh mướt mỡ màng e ấp trong gió xuân khiến sáng nay tôi lại trông thấy những bông hoa nhỏ nhoi vàng nhạt; cho thấy sẽ có những quả hồng theo năm tháng mà lớn lên, để đến mùa thu, khi gió heo may về, lại có những trái hồng chín đỏ trông xa xa như có những chiếc đèn lồng xinh xinh treo trên cành, bên trong là ngọn lửa. Hàng sấu trơ trụi kia giờ đây cũng đang rung rinh những cành lá non tơ, hớn hớn như những chú chim non vừa tách vỏ nghiêng ngó ngơ ngác nhìn đất trời; trên tán lá xanh mơn ả lấm tấm đọng lại những hạt mưa tinh nghịch.

Cả không gian mênh mông ấm nồng hơi thở. Lòng ta rạo rực như tuổi trăng tròn, cũng băng khuâng háo hức như thời trẻ trai. Ta cũng khao khát tìm hơi ấm trong nhau, tìm lại nụ hôn đầu đời ấm mãi trên môi. Thấy mùa xuân căng lên trong từng thớ thịt, đường gân như muốn sẵn chắc để làm ta trẻ lại khiến tâm hồn phơi phới. Đố ai quên được những mùa xuân đầu đời. Ở độ tuổi đẹp nhất của một đời người ấy, đôi má phình phính trắng hồng, cặp mắt trong veo không vương bụi, lòng tràn ngập mộng mơ, tinh thần đầy hy vọng để đưa ta bước vào đời cất cao tiếng hát, "Cuộc đời vẫn đẹp sao, tình yêu vẫn đẹp sao". Mùa xuân của đời người là thế đấy.

Tôi đi giữa đất trời trong mưa bụi bay bay; nghe rộn ràng trên cao tiếng chim hót, chim chóc cũng hứng khởi đón một mùa xuân nữa lại về. Trong tíu tít bận rộn ấy, chúng lại lảnh lót cất vang bài ca mà tổ tiên

chúng truyền lại. Mùa xuân thật đáng yêu. Thế mà có lúc có những con người cứ muốn hủy diệt mùa xuân bằng chiến tranh, lấy bom đạn để thể hiện sức mạnh của mình. Sao không thấy đời người thật ngắn ngủi, mà thử hỏi mùa xuân trở lại được bao lần.

Còn nhớ những ngày đất trời đang vào xuân, mùa xuân phơi phới! Khắp làng trên xóm dưới rộn tiếng trống chèo. Có gì náo nức hơn khi xuân về, Tết đến! Trẻ em xúng xính trong những bộ quần áo mới, má ửng hồng trong cái rét hanh hao. Những cô thiếu nữ xuân thì dường như cũng có chút dịu dàng khép nép e thẹn với hy vọng về những niềm hạnh phúc mới. Đám thanh niên hăm hở chờ đợi những nỗi vui rộn rã. Ông già bà cả điểm đậm hướng đến những chỗ dựa tâm linh với kỳ vọng về một sự thanh bình sẽ từ từ tỏa rộng. Đường quê như thắm lại; hai bên đường cỏ còn ẩm sương đêm; con đường làng như dải lụa mềm vắt qua cây đa bến nước sân đình, những bàn chân náo nức những bàn chân. Ôi, những phép màu kỳ diệu của ngày xuân.

Không biết có phải những làn mưa xuân như hơi sương khiến lòng ta cũng trở nên dịu dàng. Nhịp sống hối hả cùng những ưu tư trịu nặng đời thường dường như đang nhường chỗ cho sự chậm rãi, náo nức đến băng khuâng. Tôi không nghĩ rằng trên đời này lại có ai đó không có một khoảng tâm hồn lãng mạn; chỉ là cái tình tự lãng mạn đó lẫn khuất đâu đó hoặc ngủ yên trong một góc sâu nào trong tâm hồn của mỗi con người. Mùa xuân đang rơi nhẹ; đó chính là những dòng thơ, nốt nhạc của trời, đó ai không rung động. Những làn mưa mỏng mảnh dăng dăng ấy đã đánh thức bao con tim, rộn rã một thời trẻ trai. Mùa xuân đem đến cho con người niềm hứng khởi, lòng say mê thiên nhiên và thêm yêu cuộc sống.

Mùa xuân đang thả bụi êm đêm, những búp lộc xuân đang nhú những chồi biếc non tơ. Đó đây vang lên tiếng hát thật trong trẻo, "Em ơi, mùa xuân đến rồi đó!". ■





Ngõôi ñõa thõ cõ trõ lai?

CAO HUY HÓA

"Người đưa thư đã đi xa, ta ngóng theo không ngừng. Người cứ đi, cứ đi, cứ lạnh lùng đi. Lần sau nhé! Nhớ mang cho ta một lá thư hồng, khỏi tủi lòng ta hôm sớm trông mong!". Ôi, bài hát của Trịnh

Văn Ngân, lãng mạn, da diết của một thời!

Thời đó chưa phải là xưa lắm, khi điện thoại cố định còn ít phổ biến, trước khi điện thoại di động, máy vi tính, internet, thư điện tử... ra đời, thì lá thư là phương tiện liên lạc chủ yếu trong việc công cũng như việc tư, đặc biệt thư là tình cảm gửi đến người thương, có thể là đơn phương, có thể cả hai đã có tình ý. Thư đi thì sau đó là thấp thỏm đợi chờ thư về; đợi chờ ông đưa thư, đi xe đạp (sau này thì lên đời, đi xe máy) dừng lại trước ngõ, reo chuông reng reng...

Đặc biệt, khi xuân về Tết đến, hai cái bị hai bên yên hành lý (porte-bagage) của ông đưa thư nặng trĩu những cánh thiệp mừng xuân, và Tết đến sớm không chỉ do mưa xuân bay bay, không chỉ mai vàng, hoa thắm mà vì nỗi chờ mong ông đưa thư của bao chàng trai cô gái, cứ thấp thỏm chờ nghe chuông reng reng.

Thiệp chúc Tết, mừng Xuân là nét đẹp văn hóa của một thời. Dẫu cuộc sống chỉ là bình thường, hoặc có thể nghèo vật chất, nhưng nhà nhà đều nhận được thiệp chúc mừng năm mới của thông gia, bà con, bạn hữu, học trò, tình nhân... hình thức có thể sang trọng hay khiêm tốn nhưng ít nhất cũng nói lên cái tình. Có khi người nhận chép miệng: Ai gửi thiệp đây hè! Thì ra một người học trò cổ cụ, lâu ngày tưởng quên.

Cứ khoảng trước Tết hai, ba tuần, các tiệm sách đông người vào ra, từ em học sinh đến người đứng tuổi, ai cũng hào hứng chọn một vài tấm thiệp có ý nghĩa để "thay lời muốn nói" ngoài câu in sẵn "Cung Chúc Tân Xuân" bay bướm. Cũng có người ưa riêng tư, đặt in thiệp cho riêng mình. Và dĩ nhiên, bưu điện đón đông đảo người mua tem, gửi thiệp. Ngoài những tấm thiệp xã giao, ai mà không mong thư đi từ lại? Như thế, cuộc sống tình cảm qua tấm thiệp và lá thư cùng giao hòa với nhịp xe đều đều của người đưa thư.

Có phải thời gian cứ mãi trôi chậm chậm để cho nỗi nhớ khắc khoải đợi chờ? Không, thời đại đó đã qua, nhường lại cho thời đại công nghệ thông tin và viễn thông, với biết bao tiến bộ nhanh chóng, thu hẹp khoảng cách địa lý, và cũng dần xóa đi cái rụt rè, e ấp, *tình trong như đã mặt ngoài còn e* của thời "phong kiến" (!?). Ngày nay, thật quá dễ để liên lạc với nhau, tỏ tình với nhau.

Trong nếp sống nhanh này, điện thoại di động tạo bước khởi đầu để làm quen. Thêm một chút can đảm nữa là bắc một nhịp cầu, với một công cụ quá dễ là tin nhắn, hoặc xa hơn là thư điện tử để trải lòng mình. Bao duyên nợ đến với nhau, kể cả ban đầu hai bên xa cách nhau về mặt địa lý, chưa biết nhau, chỉ cần gặp nhau qua mạng. Thư hồng, thư xanh, viết nắn nót lời hay ý đẹp, câu thơ lãng mạn... đã thuộc về quá khứ. Thư trên mạng, trên điện thoại di động, thoát một cái nhẩn nhẹ nhàng là tức khắc bay đến người nhận, cần làm gì ông đưa thư lắm lúi đạp xe?

Thiệp chúc Tết cũng theo số phận của thư thường. Đã

có thiệp điện tử (e-card) thay thế thiệp giấy. Trên mạng, tràn ngập những mẫu thiệp điện tử, phân theo từng chủ đề: sinh nhật, ngày cưới, ngày tình yêu, Halloween, Ngày của Mẹ, Giáng sinh, Năm mới... nhiều nhất là thiệp mừng sinh nhật, với hình thức trang trí nào là hoa cỏ, chim chóc, thánh thần, lâu đài, thiếu nữ, hình ngộ nghĩnh..., với lời chúc có sẵn, bay bướm, lãng mạn, hoặc ước lệ, với hiệu ứng sống động: hoa nở, chim bay, nhạc trỗi lên... Bạn có thể chỉ gửi thiệp cho một người hoặc nhiều người, chỉ cùng một thư. Đẹp thì đẹp thật, nhưng thiếu cái gì, phải chăng đó là một lời chúc, một câu tình nghĩa, một ý trân trọng của riêng mình trao cho người nhận? Vậy thì bạn hãy chịu khó theo hướng dẫn trên mẫu để đánh một vài dòng ngắn gọn nhưng nhiều ý nghĩa. Xong xuôi, bạn chỉ cần nhấn nút *Send* là thiệp theo "gió điện tử" tức khắc đến người nhận. Thế là chẳng cần tem, chẳng cần bưu điện và ông đưa thư, và tất nhiên, cánh thiệp chỉ là sản phẩm trên mạng, khi người nhận mở máy vi tính hoặc điện thoại di động.

Ông đưa thư mà bao người tình chờ đợi, đã đi xa, quá xa, chỉ còn ông đưa thư của nghề nghiệp vẫn còn đó, nhưng ngày nay, có rất ít thư giấy, thiệp giấy có tính cách cá nhân trong hành lý hàng ngày của ông, bù lại, ông phải chuyển công văn, giấy tờ, bưu phẩm... với phương tiện lên đời như xe gắn máy hoặc ô-tô chuyên chở hành lý cỡ nhỏ.

Chắc hẳn hình thức thư từ trên mạng như thế đã phổ biến ở các nước, các châu lục, và Việt Nam cũng trong trào lưu đó, vì quá tiện dụng, đẹp đẽ, nhanh chóng, đơn giản, ít mất công mà lại hiệu quả. Thử nhìn qua các nước phát triển, xem thử loại thiệp in, theo đường bưu điện có khế nép tồn tại, bên cạnh dòng thác thiệp điện tử và tin nhắn hay không? Thì ra, không hẳn như vậy, với thực tế ở Pháp và vài nước khác.

Những năm vừa qua, dân Pháp đã trở thành vô địch thế giới về sử dụng thiệp ảo (thiệp điện tử) trên internet, với hơn 13 triệu người vào mạng và gửi thiệp điện tử trong năm 2013. Thiệp ảo lại càng phát huy tác dụng trên các mạng xã hội và điện thoại di động, trong đó SMS – dịch vụ thư ngắn (Short Message Service) dùng phổ biến trên điện thoại di động - vẫn giữ quán quân vào cuối năm 2013. Số lời chúc được gửi đi trên mạng nhân dịp lễ hội giao thừa 31 tháng 12 dương lịch lên đến con số kỷ lục: 1,4 tỷ.

Tuy nhiên, ngày nay, gần một nửa dân Pháp (48%) chuyển hướng, thích gửi những lời chúc mừng năm mới dưới dạng những tấm thiệp in, qua đường bưu điện; theo một điều tra của TNS Sofres¹ và thực hiện bởi trang web thiệp điện tử Dromadaire.com. Một dấu hiệu kích thích dịch vụ này, theo một nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Thị trường GfK, đó là giá trị thu được 134 triệu euros vào năm 2012. Giám đốc sáng lập của mạng Dromadaire.com cho biết: "Trong 15 năm qua, chúng ta (người Pháp) đã ít ưa chuộng những thiệp

bằng giấy, trái ngược với người Anh, người Mỹ, người Đức. Trung bình mỗi năm, một người dân Pháp gửi 7 thiệp in, quá ít so với người Anh: 54, người Hà Lan: 42, người Mỹ: 40". Thế còn người Việt Nam thì sao? Không có một số liệu thống kê nào, chỉ xin lấy cá nhân mà đối chiếu với các số liệu trên: Dịp Tết năm vừa qua, không kể những thiệp cơ quan, đoàn thể,... may mắn tôi nhận được hai thiệp chúc Tết từ xa, của ông thông gia và một học trò cũ, và tôi cũng chỉ gửi hai thiệp chúc hai người đó. Phải chăng internet và các phương tiện công nghệ hiện đại đã kết nối mọi người, không cần thư và thiệp làm gì? Và phải chăng sau một thời bao cấp khó khăn, người ta đã "quên" gửi thiệp giấy chúc nhau?

oOo

Có lẽ phải trải qua một thời gian để người ta suy xét, cân nhắc. Những tiện dụng và nhanh chóng của thư và thiệp điện tử thì không ai phủ nhận, lợi ích cho cá nhân và xã hội của phương tiện kết nối này là vô cùng to lớn. Nhưng cuộc sống không phải cứ ào ào thác chảy với sự hỗ trợ của những công cụ tiện ích kỹ thuật, mà vẫn có những con suối trong, những khe nước mát để con người dừng chân, nhẩn nha, nghĩ về người mình kính trọng hoặc thân thương, từ một góc riêng của tâm hồn. Trong trường hợp này, cái gì ảo trở thành lạc điệu, vậy thì tại sao không dành cho nhau một vài dòng riêng tư, để người nhận, không chỉ là một lá thư, mà là con người thể hiện qua ý tứ và nét chữ? Nhận được thư điện tử, chắc hẳn là bạn vui, nhưng nếu một ngày nào đó, một lá thư, một cánh thiệp được bưu điện đem đến nhà bạn, chắc hẳn niềm vui nhân lên bội phần, vì bạn có món quà tinh thần cụ thể trên tay, bạn sẽ bồi hồi mở thư, mắt bạn sáng lên nhìn nét chữ và tưởng tượng con người ẩn sau đó, nhắc lại một thời xa xôi ấm áp nghĩa tình.

Thư giấy, với tính cách cá nhân, vẫn là một chọn lựa, sau khi con người mãi mê theo các phương tiện kết nối hiện đại. Phải chăng sự tiện dụng, nhanh chóng và dễ dàng không thể vượt qua về mặt tình cảm so với sự chăm chút mất công? Tuy nhiên, thư hồng, thư xanh, mực tím đã xa lạ với giới trẻ, vì đã thuộc về một thời "lắm cảm", "cổ tích". Nhưng biết đâu, thiệp chúc Tết, chúc sinh nhật, chúc dịp vui... các bạn trẻ không dành cho nhau những cánh thiệp không đụng hàng bằng cách thiết kế thiệp cho riêng mình, hoặc mua những thiệp ưng ý, và viết lời chúc tốt đẹp do mình sáng tác? Và như vậy, người đưa thư sẽ trở lại với những người thương, dấu không mang hình ảnh lãng mạn của một thời đã xa. ■

Tài liệu sử dụng:

Comment Internet a relancé la carte de voeux... en papier
Isabelle de Foucaud, Le Figaro.fr, 31/12/2013.

1. TNS Sofres (Taylor Nelson Sofres) là công ty nghiên cứu và thông tin thị trường nổi tiếng trên thế giới.



Hội ngộ trên tạp chí

CAO HUY HÓA

Cách đây khoảng ba năm, tình cờ lên mạng, tôi bắt gặp một website có tên *vanhoaphatgiaoblog.com*, chọn đăng các bài cũ của Tạp chí Văn Hóa Phật giáo (VHPG). Tôi lấy làm lạ, nghĩ rằng chắc website này của Ban Biên tập VHPG, thực hiện chủ trương phổ biến tạp chí theo dạng online, bèn hỏi anh Mẫn thì anh trả lời nhẹ nhàng, đại ý: “Người ta thích quá, xin sưu tập một số bài ứng ý và phổ biến trên mạng để nhiều người đọc; họ làm vô tư, vì lợi lạc chung”. Tất nhiên, người chủ website tự biết, chỉ chọn những số tạp chí đã khá cũ, và cập nhật theo sự tăng tiến của tạp chí VHPG (Vào thời điểm 9/1/2015, trên website phổ biến VHPG đến số 166, ngày 1/12/2012). Sự xuất hiện của website này chứng tỏ Phật tử đánh giá cao chất lượng và tác dụng của tờ báo.

Cứ mỗi lần nhận được số VHPG mới, tôi xem trước tên tác giả, và không quên để ý những tác giả mới. Có bao nhiêu người có bài đăng trên VHPG? Tôi đoán là nhiều, nhưng chừng bao nhiêu thì tôi đành chịu. May thay, nhờ mục Tác giả - Tác phẩm trên website nói trên mà tôi có thể cụ thể hóa sự áng chừng này. Chỉ tính đến số báo 166 và chỉ tính những bài chọn đăng trên website mà số tác giả đã lên đến 350. Một con số lớn bất ngờ!

Đó là sức mạnh của tờ báo, vì đã quy tụ được nhiều người viết, đông đảo, đa dạng. Tứ chúng đều góp phần trên tờ báo, chắc chắn quý vị xuất gia là không nhiều, nhưng lại là tác giả những bài nghiên cứu Phật học, văn bia cổ, di tích Phật giáo... cùng với các nhà Phật học thâm hậu; những bài như thế là xương sống của tạp chí. Còn da thịt, hơi thở... của tờ báo thì đông đảo người viết Phật tử và người nghiên cứu Phật giáo góp

phần tạo nên hình hài. Đó là một số người đã nổi danh trên văn đàn, trong giới nghiên cứu đã tham gia viết cho VHPG từ sớm; đó là một số cây viết chung thủy với tờ báo và trưởng thành qua thời gian; và đó là rất nhiều người viết trên mọi miền đất nước, theo nhiều chủ đề, thao thức trước những vấn nạn trong xã hội, tôn vinh những giá trị đạo đức, những nét đẹp truyền thống có nguy cơ mai một, cũng như phản ánh nét đẹp đời thường và nếp sống đạo từ thành thị đến thôn quê.

Vô cùng đáng quý là rất nhiều bài văn tươi nguyên hiện thực, với cách viết thật thà, không màu mè, phản ánh cuộc sống đầy có oan nghiệt nhưng vẫn sáng lên tình đạo, tình đời. Không gì thuyết phục về niềm tin đạo Phật cho bằng bài viết được những người con Phật viết ra, về chính mình hoặc thân nhân đã trải nghiệm đau khổ và đã chứng ngộ con đường tu tập, đem lại an vui cho bản thân và gia đình.

Ngày nay, xã hội đã có nhiều thay đổi, những gia đình truyền thống theo đạo Phật không đông như trước đây; có thể giới trẻ, sinh viên, học sinh tiếp cận đạo Phật qua con đường văn hóa, từ thiện, xã hội, giáo dục và sinh hoạt tập thể. Mong sao các cấp Giáo hội, các cơ quan văn hóa và truyền thông Phật giáo, bao gồm báo chí Phật giáo, góp phần trợ duyên cho những thành phần này được thấm nhuần đạo của từ bi và trí tuệ. Mong sao Tạp chí VHPG được quý thầy, quý cô và quý Phật tử hỗ trợ để báo được nhiều người đọc hơn, trên nhiều miền của đất nước.

Xin đồng hành cùng tờ báo với tâm nguyện của một Phật tử, để tự dặn lòng: hãy viết vì lợi lạc chung. Xin chia sẻ niềm vui kỷ niệm mười năm của tạp chí với Ban Biên tập, người viết và người đọc. ■

Đôi điều suy nghĩ về tạp chí **Văn Hóa Phật Giáo**

HẢI TRINH

Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đến với tôi như một tình cờ duyên khởi. Tôi đến với tạp chí bằng tình cảm đồng đạo và văn chương. Mười năm tồn tại là một thách thức lớn đối với một tờ báo Đạo. Đó là trở ngại về tài chính trong thời buổi kinh tế khó khăn cũng như “biết bao nhiêu khê của cuộc đời” như mấy lời tâm sự của Ban Biên tập ngay từ số báo đầu tiên. Và mãi đến tận hôm nay mới nhiều khê ấy vẫn còn đeo đẳng. Mong rằng mỗi độc giả, mỗi đạo hữu nên biết và thông cảm cho thực tế này. Nhân kỷ niệm Đệ thập chu niên ngày Tạp chí ra đời, với tư cách là một độc giả, một đạo hữu; tôi xin mạn phép được nêu lên đôi điều suy nghĩ về tạp chí *VHPG* sau chặng đường mười năm tồn tại, vững bước đi lên nhưng cũng lắm gian nan thử thách.

1. Về hình thức:

Kích cỡ và màu sắc trang nhã, nhưng bắt mắt và gợi cảm; hợp với đạo vị.

2. Về nội dung:

Nổi bật nhất là trang viết về Xã hội. Hề cầm đến tờ báo là tôi lật ngay đến để mục này bởi tính cách nhiệt tình và sôi nổi về những đề tài nóng bỏng, thời sự trong nước cũng như trên thế giới. Có những bài viết khiến người đọc phải “giật thột” vì “cái bạo” của tác giả. Nhưng đọc xong rồi ta mới thấy vững tâm; bởi những luận cứ vững chắc của người viết: Dựa vào những sự kiện thực tế của vấn đề, qua những ý kiến của giới hữu trách, rồi soi rọi đến kinh điển, trích dẫn lời Phật dạy cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, nhưng bao giờ cũng dựa vào ý nguyện của đa số người dân để đưa ra những nhận xét vô cùng sắc bén với lập trường dứt khoát nhằm giải quyết những vấn nạn; mục đích cuối cùng là mang lại ổn định cho đất nước và hạnh phúc cho dân tộc. Đây là điều đáng tự hào của một tờ báo Đạo.

Những bài về Hương Đạo được cụ thể hóa bằng những ngôn từ thông dụng, dễ hiểu, kết hợp với những mẫu chuyện đạo, với lời dạy trong kinh, liên hệ với cuộc sống thực tại để đưa ra những điều răn, những kinh nghiệm cho cuộc sống thường nhật của người con Phật.

Sống động nhất là những bài đoản văn, tùy bút, truyện ngắn dành riêng cho độc giả, cộng tác viên sáng tác thể hiện tâm tư tình cảm của con người trước cuộc sống đầy dẫy những bất trắc, những cám dỗ vật chất và đạo đức đang xuống dốc trầm trọng.

Nhân đây người viết xin mạnh dạn góp ý với Ban Biên tập tạp chí mấy vấn đề sau:



Về nội dung: Nên cho đăng tải (nhiều kỳ) những tác phẩm hay viết về giáo lý của Đức Phật như vở kịch *Nợ Ngai Vàng* của Lê Hữu Khải, tập truyện *Những Cặp Kính Màu* của đạo hữu Võ Đình Cường... như tạp chí *Liên Hoa* ở Huế đã làm trước đây, nhằm phổ biến đến thế hệ trẻ những tinh hoa của văn hóa Phật giáo, qua đó cũng nhằm nâng cao tầm hiểu biết về giáo lý Phật-đà cho tuổi trẻ.

Về công tác phát hành tạp chí: Công bằng mà nói thì Tạp chí chưa được phổ biến, ngay cả trong hàng Phật tử trên phạm vi cả nước. Bằng cố Huế là kinh đô của Phật giáo, nhưng khi nhắc đến Tạp chí *VHPG* thì một số chùa, tự viện thì họ vẫn trả lời là không hay biết về tờ tạp chí này. Cũng một số nơi trả lời là “có” nhưng khi bày ra thì đó là tờ “Đặc san *Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam*” chứ không phải là “Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*”. Thiết nghĩ bộ phận phát hành nên đến tận từng cơ sở tu viện, tự viện mà vận động, quảng bá may ra mới có hiệu quả. Công việc này xem ra có mối liên hệ thiết thân đến sự tồn vong của Tạp chí. Dẫu biết rằng việc làm này phải tốn kém không ít kinh phí vốn đã hạn hẹp, khó khăn. Nhiều người cũng thông cảm cho “lý do khó nói” của Ban Biên tập chúng ta. Nhưng thiết nghĩ vì uy tín và sự sống còn của tờ báo, mọi trở ngại rồi cũng được vượt qua nếu tất cả chúng ta biết đồng tâm hiệp lực.

Trên đây là một số ý kiến thô thiển nhưng chân thành của một độc giả, một người con Phật vốn thiết tha cho sự hưng long của đạo pháp và văn hóa dân tộc. Nguyên cầu Tam bảo gia hộ cho quý Thầy và quý Đạo hữu trong Ban Biên tập được an lạc. ■



Một năm

đến với Văn Hóa Phật Giáo

TRẦN KIÊM HẠ

Tính từ số báo xuân Giáp Ngọ 2014, tôi đến với Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo tròn một năm. Thời gian tuy ngắn nhưng với tôi lại có nhiều điều để nói. Nhớ lần đầu cầm ấn phẩm VHPG trong tay, với tâm tư của người từng viết lách, là độc giả của nhiều tạp chí, tôi khá bàng khuâng: không biết nội dung có sát với tiêu đề không đây. Và khi đọc xong vài số báo, tôi nhận thấy tạp chí đã đi đúng tôn chỉ lời Phật dạy. Tác giả đa phần là các vị chân sư, hiền triết, cư sĩ... chất lọc những điều mình ngộ được trên đường tu tập, dâng đến bạn đọc hướng tới một xã hội chan hòa yêu thương, từ bi hiền thiện...

Được sinh ra trong một gia đình Phật tử thuần thành thì mới chỉ là nền tảng cho tôi dễ cảm thụ được điều hay trong từng bài viết của tạp chí. Nhưng để tham gia viết lách, dù tuổi gần ngưỡng lục thập, dù đã từng viết khá nhiều cho nhiều báo, với tôi để có bài đăng trên tạp chí VHPG không dễ chút nào. Đến với VHPG, nếu tâm tư không rỗng lặng, không gạt bỏ được những thoáng gợn chút riêng tư cầu danh lợi, nguyện một lòng dâng chút hương cho đời; và không có tinh thần vừa viết, vừa đọc để sửa mình, thì

dầu có ngồi trước máy tính cả ngày cũng không tài nào chạm được một câu, chữ nên hồn.

Nhớ thượng tuần tháng Năm năm 2014, nhân kỷ niệm VHPG tròn 200 số, tòa soạn tổ chức buổi gặp gỡ những cây bút đã đóng góp nhiều cho tạp chí tại thiền viện Vạn Hạnh. Dù mới tham gia vài bài viết tôi lại được hân hạnh dự thay nhà văn Trần Kiêm Đoàn đang ở Mỹ. Thú thật, được ngồi với các nhà văn kỳ cựu từng trải đời, trải đạo tôi vô cùng vinh dự. Nhưng đáng nhớ nhất là có một độc giả nữ, chị trung thành với VHPG ngay từ số đầu. Được mời phát biểu ý kiến, chị đã làm tôi quá ngạc nhiên và ấn tượng. Chị nhớ từng bài viết hay, ý tứ thâm sâu, tác giả là ai ở số báo nào. Đọc VHPG chuyên cần, kiến thức Phật pháp của chị uyên bác không thua gì các vị cư sĩ thứ thiệt, khiến tôi giật mình tự nhủ: "Lẽ ra chị ấy viết cho mình đọc thì đúng hơn..."

Câu chuyện thứ hai có liên quan đến tạp chí VHPG là: Họ Trần tôi là một họ tương đối lớn ở vùng ngoại ô phía Bắc thành phố Huế. Từ đường Họ, Phái, Nhánh, Chi đều khang trang rộng lớn, không hiểu sao mộ ngài Thủy tổ thì vẫn bằng đất. Đầu năm nay, ông Trưởng tộc hô hào con cháu đóng góp để xây mộ ngài cho tương xứng với nhà thờ họ. Bất đồng lại nảy sinh từ lớp trưởng bối do người này được tín nhiệm cất cử công việc, người kia thì không. Trước tình hình này tôi nhận thấy nguy cơ mộ ngài sẽ không xây được và mất đoàn kết trong họ là cầm chắc. Suốt đêm tôi suy nghĩ, gặp gỡ mấy vị có tuổi để đả thông tư tưởng còn khó hơn tát cạn biển Đông và không chừng mang tiếng phạm thượng. Chợt nhớ đa số các vị đều là Phật tử, sinh hoạt Khuôn hội chùa làng. Vậy là tôi tức tốc đến Tòa soạn VHPG thu thập gởi ra tặng Khuôn hội gần 20 số tạp chí, kèm theo lời mời nếu đọc hết sẽ gởi tiếp. Người quê tôi sinh hoạt khuôn hội thì chuyên cần, lâu kinh kệ nhưng trong chùa từ trước đến nay không hề có Sư trụ trì, không có ai giảng giải cho họ thông hiểu hàm ý sâu sắc trong kinh. VHPG đến với họ như một luồng gió mới, ai cũng say sưa đọc và nghiền ngẫm. Hơn hai tháng sau thì ông Phó khuôn hội điện thoại nhắc nhở tôi: "Hay quá, hay quá. Gởi ra tiếp đi chứ, bà con đọc hết rồi!". Nghe thế tôi mừng rơn... Và mừng hơn nữa là cuối năm nay lăng mộ ngài Thủy tổ họ tôi đã được khánh thành trong tinh thần đoàn kết, hoan hỷ.

Hai câu chuyện trên cho chúng ta thấy VHPG đã đi đúng hướng của mình. ■





Nơi nhớ sương mù

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Đà Lạt quanh năm sương khói. Đó là nét đặc trưng của vùng núi non trầm mặc này. Nhưng sương mù Đà Lạt mới làm cho nhiều người nhớ nhất. Khi có dịp đứng trên cao nhìn xuống thành phố lấp lánh huyền ảo, ta mới thấy hết vẻ đẹp lãng đãng của sương...

Đà Lạt là sương, là mây núi huyền thoại. Nếu không có sương mù, Đà Lạt mất đi vẻ quyến rũ kỳ thú. Sương mù giúp ta nhìn thấy “rõ hơn một bóng lai tiên cảnh” giữa trần gian. Thật vậy, Đà Lạt có nét đẹp của thiên đường mà thơ, văn, nhạc, họa đã tụng ca. Bởi nhờ có sương mù kết thành nỗi nhớ. Sương mù là cảm hứng, là chất xúc tác trong bàn tay thiên nhiên, khiến núi non, hồ thác, thành phố và con người hòa quyện. Sương mù như một họa sĩ kín đáo, biết giấu đi nét cô lẻ, xóa đi cái ồn ào của một chốn có phong cách sống chậm như Đà Lạt.

Quả thật, sương mù là hình ảnh thiên nhiên cô đọng trong từng cành cây kẽ lá. Sương mù lấp lánh trên ngọn cỏ, hay trên cánh hoa hồng... đã tạo nên vẻ đẹp thơ mộng của hoa cỏ Việt Nam. Bất giác một hôm nào đó, bạn nhìn thấy mái chùa cong ẩn hiện trong sương sớm bao la, tiếng chuông nhẹ nhàng rung trong không gian rồi xé toang màn sương để lộ một mặt trời tinh khôi vừa thức dậy. Tâm hồn chúng ta sẽ ngộ ra một điều gì đó trong cái đẹp mơ hồ, vắng lặng mà ám ảnh khôn nguôi. Lại nữa, Đà Lạt với ngọn tháp nổi tiếng của nhà thờ Chánh Tòa, hay ngọn tháp của Trường Cao đẳng Sư phạm ẩn hiện trong sương... nhìn cảnh sắc đất trời giao hòa lòng ta bỗng trào dâng bao cảm xúc.

Đà Lạt là vậy đó, một chút “nhớ sương mù” cũng làm nên một hình ảnh tuyệt đẹp trong lòng người. Dù người

đó đã xa Đà Lạt, hoặc đang ở ngay trong lòng Đà Lạt cũng vậy, sương mù luôn giăng qua nỗi nhớ... Vì thế, chúng ta không lạ gì khi có người chợt thốt lên: “Mình nhớ Đà Lạt quá!” trong khi họ đang đứng ngay giữa thành phố Đà Lạt đầy sương.

Tôi yêu tia nắng Đà Lạt chọc thủng sương mù. Đó là bức ảnh kỳ diệu nhất của Đà Lạt khi chúng ta đi trong rừng thông ngắm cảnh. Lên đỉnh và bị lạc trong khung cảnh mơ huyền chỉ có vài bước chân, rồi tia nắng mỏng manh lấy hết sức mạnh từ cánh cung mặt trời bắn mũi tên ban mai óng ả, lấp lánh, xuyên qua tán lá kim, vỡ òa hiện thực. Bước trên bông bèo sương khói ấy, mới thơ mộng và rục rịch làm sao...

Hình ảnh sương mù trên mặt hồ Xuân Hương, hồ Than Thở... qua con mắt thi nhân giống như khói bay trên ống vố già làng người bản địa. Nó chập chờn mờ ảo, rồi tan biến vào hư không vũ trụ bao la mơ hồ nào đấy không rõ... Hoặc giả tâm linh hơn thì giống như hơi thở của đất trời cao nguyên quyến dụ, con người nhỏ bé chúng ta sẽ được tan ra cùng khoảnh khắc của bóng lai.

Tôi đi xe máy trong sương sớm đến gặp em, con đường sương mù che khuất, thời gian thật chậm. Em cầm bàn tay lạnh ngắt, nhắm mắt đẩy sương khói mà cảm thông, mà chấp nhận, tấm lòng trinh bạch trong sương mù Đà Lạt đã ấm lên như chiếc lò sưởi, sưởi ấm bao mối tình vùng cao nguyên Langbian... là thế. Đẹp một cách lạ lùng như vậy làm sao quên được, làm sao mà không thành nỗi nhớ hơi sương mù bao la...

Có thể nói không ngoa rằng, sương mù Đà Lạt thật mê hoặc hồn người. Mỗi lần ngắm sương mù bay qua thành phố là một lần xao xuyến trái tim... ■



Ngày xuân viếng chùa Sắc tứ Tam Bảo Hà Tiên

PHẠM CHU SA

Sắc tứ Tam Bảo là ngôi cổ tự gần ba trăm năm tuổi gắn liền với lịch sử phát triển nhiều thăng trầm của vùng đất Hà Tiên. Sắc tứ Tam Bảo cổ tự là ngôi chùa lâu đời nhất Hà Tiên, một địa chỉ du lịch tâm linh mà du khách đến Hà Tiên thường viếng thăm...

Năm 1730, Tổng binh Mạc Cửu cho lập ngôi chùa Tam Bảo để mẹ ông - thường được gọi là Thái Thái phu nhân - tu dưỡng trong những năm cuối đời. Bà qui y với Hòa thượng Ân Hạ, đời thứ 35 dòng Lâm Tế; người khai nguyên Phật giáo xứ Hà Tiên và cũng là vị trụ trì đầu tiên của chùa Tam Bảo (còn có tên là chùa Tiêu). Hai trăm năm sau, vào năm 1930, chùa Sắc tứ Tam Bảo được Hòa thượng Phước Ân, đời thứ 40 dòng Lâm Tế, trụ trì đời thứ 13 (1920-1946) cho xây dựng mới lại trên nền chùa cũ đã đổ nát, chỉ còn giữ lại bức tường cổ rêu phong. Chùa mới khang trang với vẻ thâm nghiêm giữa những hàng cây sao cổ thụ được trồng cùng lúc xây chùa vẫn được giữ nguyên vẹn đến ngày nay. Sắc tứ Tam Bảo cổ tự

đúng là một trong những thắng cảnh quan trọng của Hà Tiên, một địa chỉ du lịch văn hóa - tâm linh mà du khách khi thăm thú Hà Tiên thường đến viếng và lễ bái. Hai câu đối trước cổng tam quan gợi cho du khách thập phương sự thanh thản nhẹ nhàng trong tâm hồn:

*"Nhất trần bất nhiễm Bồ-đề địa
Vạn thiện đồng quy Bát-nhã môn"*

(Cõi Bồ-đề không nhiễm một hạt bụi trần
Cửa Bát-nhã hội tụ vạn điều tốt đẹp).

Mặc dù những văn bản trong sử sách và các ghi chép trong gia phả họ Mạc, cũng như của các học giả, có những dị biệt về niên biểu Mạc Cửu trong quá trình thành lập xứ Hà Tiên, nhưng tất cả đều thống nhất về

năm thành lập chùa Tam Bảo là năm 1730 và do chính Tổng binh Mạc Cửu cho lập chùa để mẹ ông tu hành trong mấy năm cuối đời. Sau khi Thái Thái phu nhân qua đời, Mạc Cửu cho đúc một tượng bà cụ bằng đồng để thờ. Ông cũng cho đúc một tượng Phật A-di-đà bằng đồng cao 2,4 mét - tính cả bệ - và một đại hồng chung cúng chùa để đêm đêm khi tiếng chuông chùa vang vọng, ngài Tổng binh lại ngồi tưởng nhớ mẹ. Hiện cả hai báu vật ấy vẫn được bảo tồn tại chùa. Mấy năm sau, vào năm 1735, Mạc Tổng binh cũng qua đời, thọ 81 tuổi. Con trai ông là Mạc Thiên Tứ (sau đổi là Mạc Thiên Tích) kế nghiệp cha làm Tổng binh và tiếp tục bảo trợ chùa vì đây là nơi thờ phụng bà nội ông.

Nhắc tới chùa Sắc tứ Tam Bảo không thể không nhắc tới sự hình thành và phát triển của vùng đất Hà Tiên ba trăm năm qua. Điều đáng nói là cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất về niên biểu Mạc Cửu liên quan tới việc thành lập xứ Hà Tiên, kể cả nguồn gốc tên gọi Hà Tiên. Theo gia phả họ Mạc thì sau khi nhà Mãn Thanh diệt nhà Minh và thống nhất Trung Hoa, doanh nhân Mạc Cửu người Quảng Đông không thần phục nhà Mãn Thanh, theo gương các tướng “phản Thanh phục Minh” bị thất bại, đã đem toàn thể gia quyến chạy sang Nam Vang xin vua Chân Lạp cho tá túc. Nhưng vì lúc bấy giờ ở kinh đô Nam Vang lộn xộn do tranh giành quyền lực, nên ông xin về vùng Mang Khảm khai khẩn mở mang làm ăn, nhất là buôn bán, nhờ địa thế thuận lợi về giao thông đường biển, giao thương với người Xiêm, Mã Lai, Ấn Độ, Java, Miến Điện, người Việt Đàng Trong... Vùng Mang Khảm được Mạc Cửu xây dựng thành một lãnh địa phồn vinh, ban đầu gọi là Căn Khẩu Quốc, sau đổi là Hà Tiên. Cả đảo Koh Trol ở trong vịnh Xiêm La cũng được Mạc Cửu đổi tên thành Phú Quốc. Về tên gọi Hà Tiên, theo truyền thuyết do vùng này có con sông - nay là sông Giang Thành - nước trong vắt và cảnh sắc rất thơ mộng, có nhiều tiên nữ từ trời xuống tắm, nên vùng này được gọi là Hà Tiên - tiên trên sông! Nhưng đáng tin nhất, Hà Tiên là do đọc trại từ tên gọi Tà Ten, tên một ấp cư dân cổ ở hướng Đông bắc thị xã Hà Tiên hiện nay, nằm bên bờ trái sông Giang Thành mà khi xưa người Khmer cũng gọi sông này là Tà Ten (tức sông Ten - tiếng Khmer “tà” nghĩa là sông), sau này được Mạc Thiên Tứ gọi là Giang Thành (con sông chảy bên thành lũy Hà Tiên, cũng gọi là Phương Thành - một thành lũy được dựng bằng cọc tre bao bọc).

Sử sách và nhiều tư liệu đến nay vẫn chưa có giải thích chính thức nào về lý do tại sao Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn mà không dâng cho vua Chân Lạp, người đã cấp đất cho ông khai khẩn. Có lẽ bấy giờ do nội tình triều đình Chân Lạp rối ren. Và tại sao không thần phục Xiêm - một quốc gia binh hùng tướng mạnh lại chỉ cách một vịnh biển nhỏ? Đặc biệt vua Xiêm trước đó đã cho Mạc Cửu lãnh nạn một thời gian khi triều đình Chân Lạp truy sát những lính đánh thuê người Hoa - dưới sự chỉ đạo của người Việt - giúp Nặc Nộn tái chiếm kinh

đô Nam Vang nhằm mưu phục lại quyền bính nhưng bị thất bại. Bấy giờ ở Mỹ Tho phó tướng của Dương Ngạn Địch làm phản nên cả vùng đồng bằng sông Cửu Long bị phong tỏa; từ Hà Tiên muốn ra kinh đô Phú Xuân phải đi ghe vòng xuống mũi Cà Mau rồi men theo bờ biển đi tiếp. Cả một vùng đồng bằng rộng lớn vẫn còn hoang vu, cách trở, chỉ có một số nơi cao ráo như Trà Vinh, Sóc Trăng... mới có người Khmer sinh sống, chủ yếu giao thông bằng đường thủy. Để lý giải việc Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn, có lẽ một phần Mạc Cửu nhận thấy thế lực chúa Nguyễn ngày càng mạnh, đã chiếm gần hết vùng Thủy Chân Lạp, năm 1698 đã lập phủ Gia Định, một ngày không xa chúa Nguyễn cũng sẽ tiến tới Hà Tiên. Mạc Cửu muốn dựa vào thế lực của chúa Nguyễn để chống lại nước Xiêm đang nhòm ngó vùng Hà Tiên trù phú và thuận lợi giao thương này. Ngoài ra, theo chúng tôi, còn một yếu tố khác không kém quan trọng. Đó là yếu tố văn hóa: Nhóm người Hoa lưu vong lập một một triều đình thu nhỏ ở Hà Tiên theo cách thức các triều đình truyền thống Trung Hoa, họ mang theo văn hóa Khổng Mạnh đến vùng đất mới. Còn người Khmer hay người Xiêm lại chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ. Về tôn giáo, mặc dù người Khmer và người Xiêm cũng theo Phật giáo nhưng là Phật giáo Nguyên thủy - Nam tông, trong khi gia tộc Mạc Cửu theo Phật giáo Đại thừa - Bắc tông, giống như người Việt, trong đó có triều đình Huế, và nhất là cũng tương đồng văn hóa Khổng Mạnh như gia tộc Mạc Cửu - và cả chữ viết - vì bấy giờ người Việt cũng sử dụng chữ Hán như họ. Có lẽ vì tất cả những yếu tố nêu trên nên sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, Mạc Cửu đã quyết dâng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn. Và năm 1708, Mạc Cửu sai hai thuộc hạ thân tín là Lý Xá và Trương Cầu mang lễ vật ra kinh đô Phú Xuân xin dâng đất Hà Tiên và xin được cai quản đất này. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã chấp thuận và phong cho Mạc Cửu làm Tổng binh Hà Tiên cùng tước Cửu Ngọc hầu. Ba năm sau, 1711, Mạc Cửu đích thân dẫn đoàn tùy tùng đến cửa khuyết cảm tạ ơn chúa Nguyễn. Sau khi mất, Mạc Cửu được truy phong là Khai trấn Thượng trụ Đại Tướng quân Vũ Nghi công. Con là Mạc Thiên Tứ được nối nghiệp cha làm Tổng trấn Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ sau đổi là Mạc Thiên Tích, là một người văn võ song toàn. Ông rất mê thơ, là tác giả mười bài thơ vịnh mười cảnh đẹp của Hà Tiên - *Hà Tiên thập vịnh*. Ông đã lập hội Tao đàn Chiêu Anh Các quy tụ nhiều tao nhân mặc khách khắp nơi về Hà Tiên xướng họa. Thi sĩ Đồng Hồ - một người Hà Tiên - có bài thơ viết về cha con Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ như sau (trích):

*Chẳng đội trời Thanh Mãn
Lần qua đất Việt bang
Triều đình riêng một góc
Trung hiếu vẹn đôi đường
Trúc thành xây vũ lược
Anh Các cao văn chương
Tuy chưa là cô quả
Mà cũng đã Bá Vương...* ■



Ảnh: Thu Sang

Cười

bằng mười thang thuốc bổ

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Ngay những người không là Phật tử cũng ít nhiều biết đến Phật Di-lặc. Đó là hình tượng một ông Phật với dáng vẻ phương phi, mập mạp, hiền hòa, tự tại, và đặc biệt miệng luôn tươi cười làm cả thế gian như vui theo. Nhiều người cho biết, nhìn miệng Ngài cười hết cỡ thấy đúng là sự thể hiện “hỷ xả” và tràn ngập điều gọi là “hạnh phúc”. Riêng trong các chùa, khi xuân về Tết đến, lấy ngày mừng một Tết là ngày vía Đức Phật Di-lặc. Ngày mừng một là ngày khởi đầu một năm mới mà mọi người đều hướng đến năm mới ấy với mong ước tốt đẹp. Chọn ngày này làm ngày vía Đức Phật Di-lặc chính nhằm hướng đến tương lai sẽ thành Phật, không còn khổ vì chấp cảnh, chấp người, chấp tâm, chấp pháp. Mừng một Tết, ta lễ Đức Phật Di-lặc là nhớ đến hạnh hỷ xả của Ngài, nhớ đến miệng cười vui hạnh phúc của Ngài. Nhân không khí rộn ràng đón xuân mới, xin có đôi điều nói về nụ cười, cái cười làm vui cuộc đời, làm đẹp lòng người.

Nhiều thông tin cho thấy nụ cười, cái cười rất có lợi cho sức khỏe con người. Nụ cười không chỉ để làm duyên, tiếng cười không chỉ lấy lòng người đối diện mà còn là thuốc bổ giúp duy trì bảo vệ sức khỏe.

Cười giúp chống stress, thư giãn tâm hồn

Stress không phải luôn luôn là xấu. Với liều lượng vừa phải, chính stress giúp ta có sự hưng phấn, cảnh giác để đối phó lại tình huống không thuận lợi. Con người luôn sống trong môi trường có những tác nhân xâm phạm, đặc biệt các tác nhân về mặt tinh thần, tâm lý. Ví dụ trong cuộc sống mấy ai không từng bị khủng hoảng, khủng hoảng trong công việc làm ăn (như lãnh đạo một công ty có nguy cơ bị phá sản), trong học tập (sắp đến ngày thi mà còn nhiều bài vở học chưa xong), trong những trở nghịch tình ái... Nhờ stress, ta có những suy nghĩ tích cực, tìm cách làm chủ thực tế, quyết tâm giải quyết khủng hoảng đó và thường là thành công trong việc vượt qua stress. Tuy nhiên nếu stress cứ lặp đi lặp lại và

ta không làm chủ được nó, không thích ứng với những biến đổi do nó đưa đến, cơ thể ta sẽ bị rối loạn về mặt thể chất và tâm thần. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh khi bị stress, cơ thể có những biến đổi mà biến đổi này có thể trở thành nguy cơ gây bệnh tăng huyết áp, nhiễm trùng, đái tháo đường týp 2, bệnh tim mạch. Ngoài ra, stress thường xuyên cũng dễ đưa đến các rối loạn tâm thần như mất ngủ, suy nhược, trầm cảm... Người bị stress cũng thường xuyên ăn uống kém, hoạt động thể chất kém và dễ tìm đến rượu, thuốc gây nghiện dùng làm phương tiện giảm thiểu stress, do đó dễ trở thành người nghiện.

Stress được ví như sự bốc hỏa thì cười được xem như ly nước mát xoa dịu sức nóng của nó. Người ta đã chứng minh cười sẽ giúp cho cơ thể phóng thích nhiều hơn endorphin (gọi tắt của morphin nội sinh, tức là loại ma túy được sản xuất trong chính cơ thể). Endorphin còn gọi là hormone hạnh phúc bởi vì nhờ nó ta cảm thấy yêu đời, tâm trạng phiền muộn sẽ được giải tỏa. Theo một nghiên cứu tại Đại học California (Mỹ), sau khi xem một bộ phim hài, mức trầm cảm (bạn đồng hành của stress) của nhóm được theo dõi giảm xuống 98 %. Người ta cũng ghi nhận, một phút cười thoải mái có tác dụng bằng 45 phút nghỉ ngơi thật sự.

Cười giúp tăng cường, bồi bổ các cơ quan trong cơ thể

Trước hết đối với tim mạch, y học hiện đại đã chứng minh: “Cười là thể dục tốt cho tim mạch”. Cười có tác dụng tăng cường tim mạch, giúp đưa nhiều máu đến các cơ quan khác trong cơ thể. Những người vô tư, luôn tươi cười ít bị bệnh tăng huyết áp. Cười giúp cung cấp nhiều oxy đến tim sẽ ngăn chặn các rối loạn về tim, đặc biệt làm giảm nguy cơ máu bị vón cục đưa đến bệnh tim mạch vành (mạch vành là mạch máu nuôi cơ tim, nếu bị nghẽn do xơ vữa hay cục máu đông sẽ bị nhồi máu cơ tim chết người như chơi).

Cười giúp máu lưu thông nhiều hơn đến não. Không những thế, cười còn kích thích hai bán cầu đại não, tăng cường sự tiếp thu và lưu trữ thông tin mới. Bằng chứng là khi dạy trẻ với không khí vui vẻ đầy ắp tiếng cười, sẽ thấy trẻ tiếp thu nhanh hơn và nhớ lâu hơn.

Cười giúp tăng cường chức năng hô hấp. Đặc biệt, khi cười to, cười thoải mái, phổi sẽ làm việc tốt, tăng cường năng lực nạp khí, tăng lượng oxy vào máu, làm sạch đường thở, đẩy các khí độc, trong đó có thán khí, ra khỏi cơ thể.

Khi cười to, các cơ bụng co bóp, tác động vào bộ máy tiêu hóa, giúp ruột tăng nhu động, vì thế sẽ giúp chống táo bón. Cười cũng giúp tăng cường hoạt động các tuyến tiêu hóa, làm tăng tiết dịch vị ở bao tử, dịch tụy, mật ở ruột, vì thế sẽ giúp cho sự tiêu hóa và hấp thu tốt hơn các chất dinh dưỡng từ thức ăn thức uống đưa vào cơ thể.

Các cơ quan như gan, thận, lách... cũng nhờ cười giúp tăng cường máu lưu thông mà các chức năng của chúng hoạt động tốt hơn. Gan nhờ cười, tâm hồn lạc quan vui vẻ sẽ giải độc, chuyển hóa các chất tốt hơn. Thận nhờ lưu thông máu tốt hơn do cười mà đảm nhận bài tiết nước tiểu hoàn hảo hơn. Còn lách là nơi tạo kháng thể chống lại các tác nhân gây bệnh sẽ làm việc tốt hơn khi người ta vui vẻ.

Cười làm tăng sức đề kháng, tiêu hao bớt năng lượng dư thừa của cơ thể

Hệ miễn dịch bao gồm các loại tế bào bạch cầu có khả năng thực bào tiêu diệt mầm bệnh, đặc biệt có các kháng thể, kháng độc tố... tham gia vào cơ chế đề kháng, bảo vệ cơ thể. Một nghiên cứu của Đại học Indiana (Mỹ) cho thấy xem phim hài hước cười thoải mái có thể tăng cường 40% hệ miễn dịch của con người. Muốn ngừa cảm, viêm họng hãy cười thật nhiều vì cơ thể sẽ sinh ra bạch cầu, kháng thể tại mũi và đường hô hấp nhiều hơn để chống lại sự xâm nhập vi khuẩn và vi rút.

Cười to thoải mái được xem không khác gì tập thể dục. Một phút cười sảng khoái không khác bạn đã để ra 10 phút tập bơi, 15 phút đạp xe đạp. Người muốn giảm cân, ngoài ăn uống kiêng khem, vận động tích cực, cũng không nên bỏ qua “liều thuốc bổ” vừa kể.

Cười làm đẹp da mặt

Khi cười, các cơ mặt co giãn nhịp nhàng nên cười sẽ giúp làm mờ các vết nhăn. Khi cười, các cơ mặt vận động tăng cường lưu thông khí huyết góp phần làm tươi tắn làn da. Người có tính tình vui vẻ, luôn tươi cười sẽ giữ được nét mặt trẻ lâu. Tại sao ta không nên chăm sóc da mặt bằng loại “mỹ phẩm” miễn phí và hiệu nghiệm là sự tươi cười?

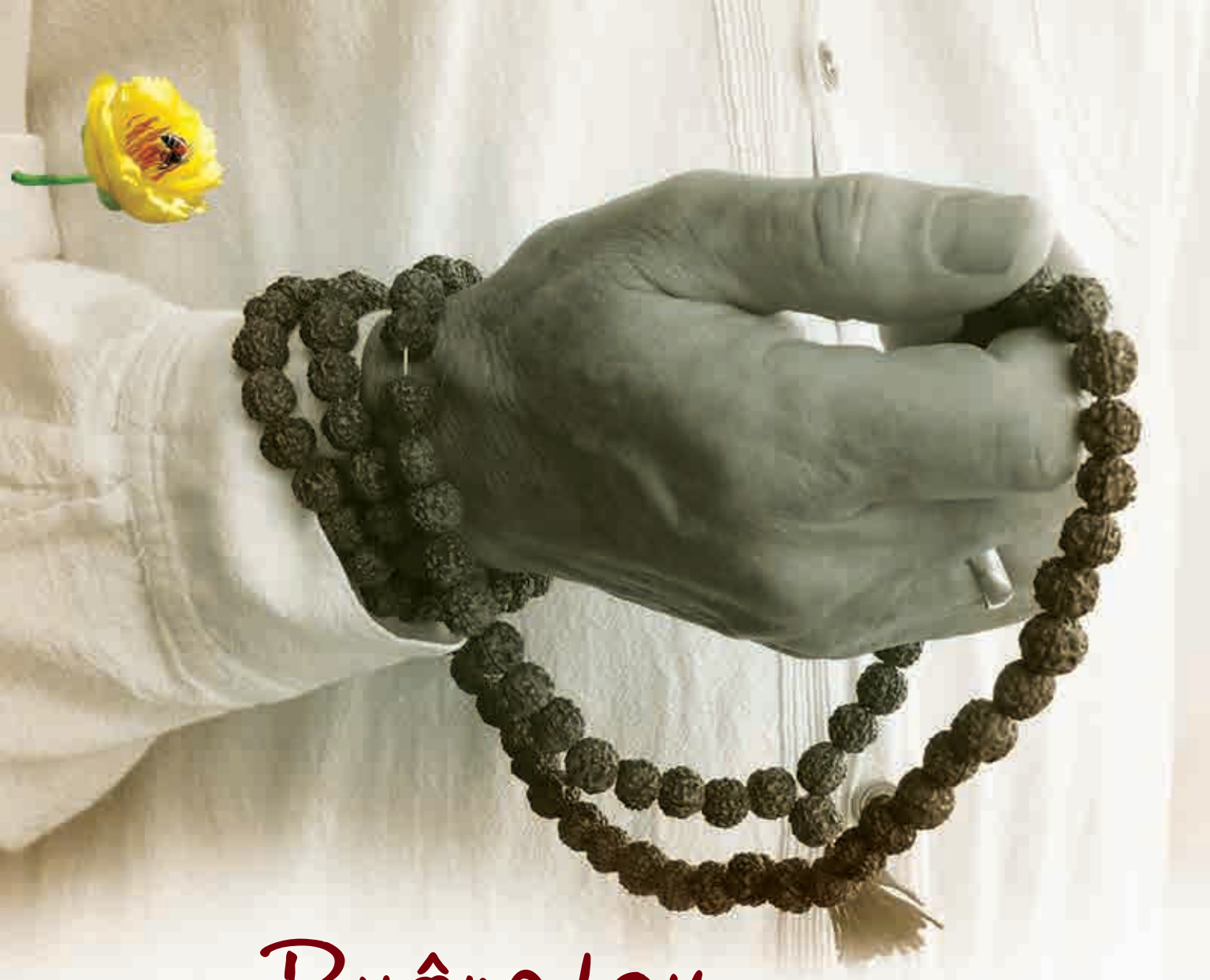
Rõ ràng nụ cười, tiếng cười là liều thuốc bổ quý giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người chúng ta. Hãy luôn luôn tươi cười để sống khỏe.

Cười lợi mình và lợi người

Rõ ràng người cười nhiều rất có lợi cho bản thân. Không những thế, “Nụ cười của bạn làm cho nhiều người vui sướng, kể cả người không thích bạn”, tức là làm lợi người. Có ai đó đã nói: “Một nụ cười không làm mất mát gì cả, nhưng lại ban tặng rất nhiều. Nó làm giàu có những ai đón nhận nó mà không làm nghèo đi người sinh ra nó”.

Hãy tươi cười với mọi người. Chúng ta chẳng những không mất gì cả, mà trái lại, sẽ nhận được rất nhiều, trong khi những người mà ta trao nụ cười cũng nhận được rất nhiều. Rất nhiều người cho biết đã trải nghiệm tâm trạng gần gũi với người vui vẻ hay cười cũng giống như trông thấy hình ảnh Đức Phật Di-lặc mà nhiều người gọi là ông Phật hay cười.

Hãy cười an nhiên để lợi mình lợi người. ■



Buông tay quờ đã muộn rồi

LÊ ĐÌNH UYÊN

Năm lên mười bốn tuổi, tôi bắt đầu theo học lớp Đệ thất ở Trường Trung học Nguyễn Tri Phương, Huế. Lúc ấy tôi cũng là một đoàn viên thiếu niên của Gia đình Phật tử Thanh Chánh, sinh hoạt tại một khuôn hội của vùng quê xa phố thị non mười cây số.

Con đường làng đất đỏ, mùa hè cát bụi, mùa đông lầy trơn, mỗi tuần sáu lần tôi theo con đường đó đến trường. Sáng sớm khoảng năm giờ, mẹ tôi đã đánh thức tôi dậy cho điểm tâm sáng bằng cơm mới nấu, rồi lại bới theo cho tôi một mo cơm bó bằng lá chuối, đã hơi lửa cho lá mềm, thêm vào vài con cá kho, lúc thì cá

rô, khi lại cá diếc; cũng có những buổi mẹ tôi chỉ cho kèm một cục đường đen... Rồi ngày tháng cũng qua đi, hết lớp này lên lớp nọ, lúc nào cũng chỉ một bộ áo quần xanh trắng và một đôi dép cao-su lớp xe; không chỉ tôi, mà đa phần những người bạn cùng lớp cũng vậy, hình ảnh giản dị buổi thiếu thời vẫn còn đẹp trong lòng những đứa con trai quê mùa mộc mạc.

Chiều Chủ nhật hàng tuần, tôi lại cùng anh em trong gia đình đến khuôn hội địa phương sinh hoạt. Hai giờ có mặt trên sân chùa, hai giờ mười lăm tập hợp rồi vào chánh điện lễ Phật, xúng xính trong bộ đồ xanh lam bằng vải tám, có đứa không đủ bộ. Dân ở vùng

quê xa lam lũ, chật bó để nuôi con ăn học, làm gì có dư dả tiền bạc sắm sửa đồ phục sinh hoạt cho con; thế nhưng chúng tôi vẫn rủ nhau đến chùa, khuyến khích nhau sinh hoạt, cùng vui chơi quây quần bên nhau trong màu áo lam thắm đượm tình người, tình đạo, thương nhau không cùng. Sân chùa nền đất sỏi lỗ nhô, lấm tấm những chum cổ đại, chỉ một bể sáu mét một bể tám mét, chưa đầy năm chục mét vuông, nhưng vẫn dung chứa một đám trẻ bên cạnh những anh chị huynh trưởng thương mến nhau, sĩ số lên xuống lúc ba bốn chục, lúc năm sáu chục, cùng nhau nhảy, múa, hát ca không biết mệt mỏi. Đám chúng tôi cứ luẩn quẩn quanh chùa, cút nấp sau những hàng cây ăn quả.

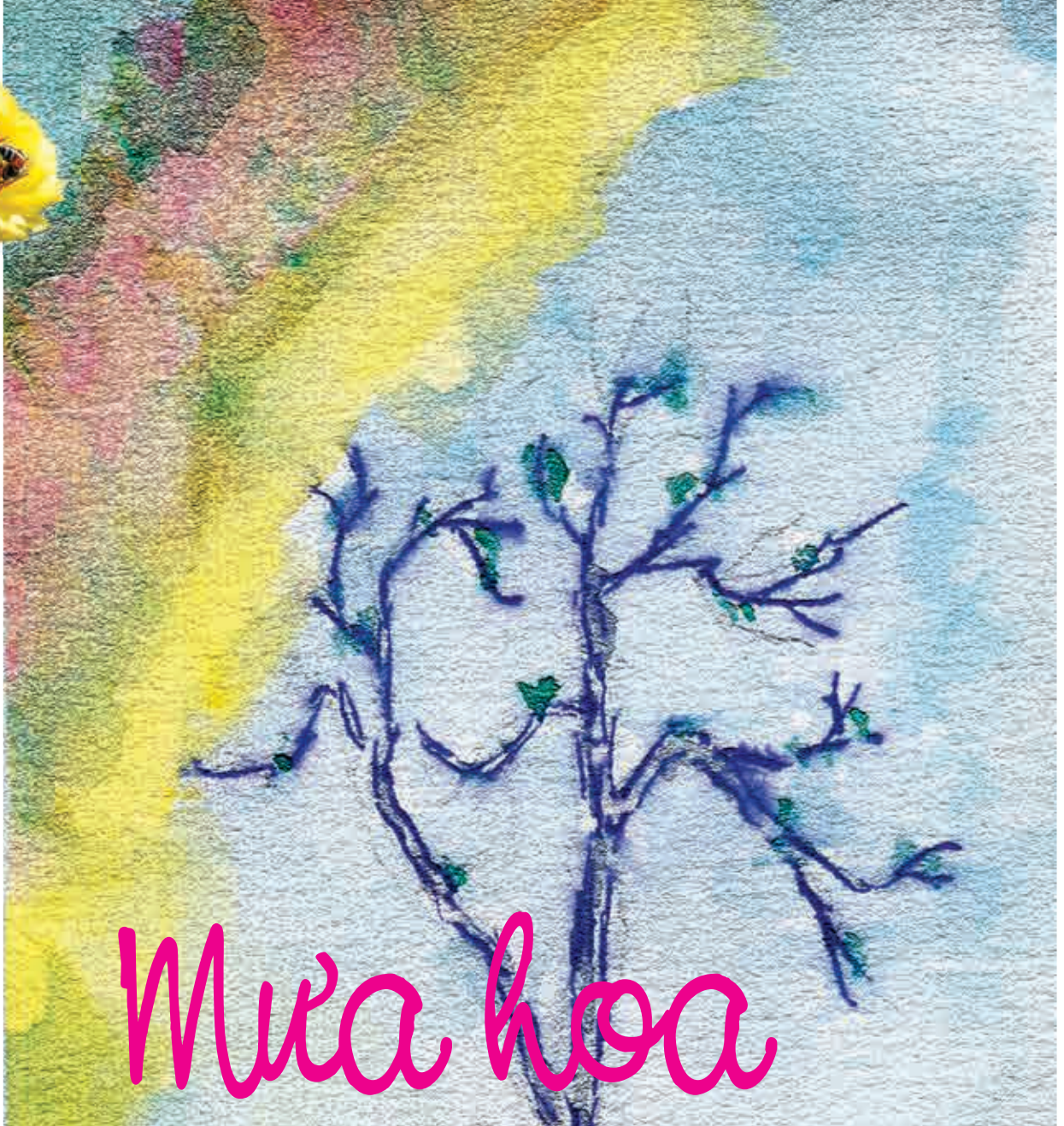
Nhiều lúc chúng tôi cũng vượt ra khỏi sân chùa đến ngoài bãi cỏ nương rau, một khoảng không thoáng mát, xa xa là cánh đồng Thanh Thủy, chạy tít về phố thị và vùng đồi núi Thủy Dương, một bên là nhà thờ họ Lê Đắc, một bên là cầu ngói Thanh Toàn. Chiến tranh đã làm cho các kiến trúc này hư hỏng nhưng tương đối vẫn còn sử dụng được; vẫn có nơi để nghỉ trưa, vẫn có chỗ để con người qua lại, lui tới, mặc dù đạn bom đã làm mái xộc xệch, cột kèo đẩy những vết tích. Chiến tranh không bỏ qua một nơi nào mà không xâm phạm; ngôi miếu đôi cổ kính chỉ còn trơ bức tường vữa chóp ngói, cũng là nơi dân làng sử dụng làm trường học tranh tre vách gạch đủ để dạy được ba lớp tiểu học, năm-tư-ba (tương đương với lớp một lớp hai lớp ba ngày nay). Nơi này cũng là sân bóng đá, sân banh tennis tuyệt vời; có vài chỗ phẳng lì, còn lại là cỏ cú, vươn lên như những chiếc bông màu xanh. Sân bóng buổi thiếu thời vẫn không sao quên được danh thủ chụp bóng Ngô Văn Lô, năm nay thiếu ba chục tuổi một trăm, vẫn còn rần rở; nhất là không thể quên những trận bóng làm bằng lá chuối cột tròn, cũng tranh giải giữa xóm này xóm khác hay đấu xóm cuối xóm; cũng càng không thể quên những trận banh da trên ruộng dưới nương vừa xong mùa gặt. Về mùa hè, chiều nào cũng say mê với trái bóng. Trái bóng thiếu thời sao mà thân thương và tha thiết mãi trong lòng. Hẳn sẽ chẳng ai quên được: quê hương là trái bóng lá chuối, mất vài tiếng đồng hồ xúm nhau hái lá vườn bên, cắt bẹ đem phơi, ngồi quẩn tròn đan thành trái banh có thể đá được suốt hai tiếng đồng hồ của một buổi chiều; quê hương là những tràng vỗ tay náo nức khi banh được ai đó đá lọt vào khung thành, chẳng biết khung thành bên nào; quê hương là những trận gậy gỗ nhau nhưng không bao giờ xô xát; quê hương là những trái banh tennis mà anh cua-rơ xe đạp lót dưới yên xe đã mòn nhẵn, chỉ còn cao-su chứ không dính một sợi vải nỉ nào, được tung ném bắt chụp không chán giữa những tiếng reo hò tửm mừ.

Con đường nắng bụi mưa lầy, chiếc cầu ngói Thanh Toàn, sân banh trên sân trường, sân bóng giữa ruộng giữa nương sau mùa gặt, ngôi chùa làng với buổi sinh

hoạt chiều Chủ nhật bên cạnh những anh chị huynh trưởng đáng kính và các em oanh vũ dễ thương với bạn bè thiếu niên thân thiết... là những hình ảnh mãi mãi đọng lại trong tâm tưởng. Chùa làng vẫn còn mãi trong tiềm thức; những cây vú sữa trái sai cành, những cây cóc cao chót vót... phủ xanh cả một khoảng vườn. Chùa làng không cổ kính uy nghiêm, chỉ năm gian với hai dãy hành lang. Hai gian trước là tiền đường, có mái hiên để Phật tử có chỗ bỏ guốc dép bên ngoài trước khi vào dâng hương lễ Phật. Ba gian sau là chánh điện, chính giữa tôn trí tượng Đức Phật Thích-ca rất lớn, hai bên là hai khung tượng đặt trong lồng kính, một bên là tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, một bên là Bồ-tát Địa Tạng vương, quanh năm phảng phất mùi hương của hoa, của nhang trầm. Vào các ngày rằm và mồng một, quý bác đến chùa lễ Phật, tụng kinh rồi tập trung vào hai gian ở hai bên để nghe thầy trụ trì hoặc các bác nghi lễ đọc giảng kinh Phật. Chiều Chủ nhật hầu như dành riêng cho Gia đình Phật tử.

Huynh trưởng còn sống đến nay chẳng còn mấy người. Chiến tranh trong mười năm từ 1965 đến 1975 đã tha đi gần hết. Từ các anh chị trưởng đến thiếu niên thiếu nữ và nam nữ oanh vũ cũng có trên năm chục người; danh sách ấy, thầy trụ trì đã ghi sổ. Hàng năm, vào dịp Vu-lan, quý thầy vẫn trì niệm và cầu siêu cho những người đã khuất trong sự bồi hồi tưởng nhớ của đám ba người còn có mặt. Bốn mươi lăm năm, những khuôn mặt ấy vẫn còn hiện hữu trong tâm thức với nỗi nhớ khôn cùng. Chiến tranh đã cướp đi của làng tôi gần hai trăm con người; nếu còn, nay cũng đã lục thập cả rồi. Giờ đây, để nhớ để thương mà thôi; nhắc đến để ôm gom kỷ niệm về quê hương, để chợt nhớ chợt quên. Thôi, cũng chỉ mong buông bỏ tất cả; được chừng nào hay chừng đó. Niệm Nam-mô A-di-đà Phật hàng ngày, chú tâm trì niệm để khi thực sự buông tay cũng còn cõi Tịnh độ quay về. ■





Mưa hoa

bên sườn đồi

NHỤY NGUYỄN

Cây mai cao vút tận nóc nhà, tôi phải bắc thang trảy lá. Mạ đứng dưới ngó lên, nói anh chị tính bán, mạ không cho; chỉ sợ lúc mạ đi rồi... Tôi bùi ngùi. Cây mai quá thân thương. Tết nào tôi cũng ra như thăm ân nhân. Bây giờ chợt nghĩ khác, phải chăng tôi quý nó bởi có mạ ở đây. Một mai mạ không còn sống trong ngôi nhà này nữa, liệu tôi còn muốn chạy xe gần trăm cây số ra đây?

Thấy vợ chồng đứa con gái út, mạ mừng hơn hết, cầm rá lội khắp vườn hái rau tập tàng. “Thêm chi toàn

rau ráng lấy mô hơi sức”, mạ trách nhẹ, rồi lại đứng dậy cầm chổi quét quanh nền giếng gần bếp. Sợ mang tiếng ăn không ngồi rồi, mạ cứ quét đến mòn đất. Mà có ngày nào lá không rụng. Tôi thích bánh nếp mạ đùm lá chuối, trắng mịn và dẻo. Lúc nào về cũng mang theo một bọc, hết Tết ăn ngon lạ. Tôi bước ra nhìn những xác lá hồng đỏ lẫn lộn được gom vào chiếc rổ sứa, mà buồn. Mạ quét lá mai. Gốc mai trước hiên từ nhỏ không uốn nắn. Sau này anh chị sửa nhà ngoảnh mặt trở ra, cây do vậy nằm sau hồi nhà, ở đó vẫn còn khoảnh sân sần sùi không còn phơi lúa được nữa. Lăn vô tình gặp mai

nở sớm dọc đường, tôi nhớ mẹ, liền chạy xe ra trả lá cho mai kịp Tết. Bây giờ cây ra lộc, và những chùm búp mụ mẫm. Trời lạnh mấy mẹ vẫn cúi mình khắp vườn, cả ngoài đường xóm. Ngón chân mẹ choãi ra bám chặt lên đất bầm. “Mang dép sợ lại ngã như trước, nằm viện phiền hà con cháu”. Tôi ngồi xuống góc sân với mẹ. Trời hầm hập nóng, trắng nhức, chói mà chẳng thấy mặt trời đâu. Mẹ hút thuốc, tôi nhớ quán một chiều. Cái máy lửa bằng nhôm xưa cũ đồ xăng giờ không còn ai dùng nữa, mẹ luôn ủ trong người ấm nóng, cách đồ phát một. Tôi không gọi “mẹ” mà gọi “mạ”, như vợ vẫn gọi. Kể cả lúc nàng giận mẹ, tiếng mạ cất lên vẫn thấy gần gũi làm sao: “Đã bảo mạ đừng nói chi hết. Chị nói gì làm gì mạ cứ im lặng, tự mình biết là được rồi, cứ kể hàng xóm nghe rồi đến tai người ta”.

“Chị” ở đây là dâu cả. Sáng nào mạ cũng dậy sớm hơn con dâu, xắt rau heo, nhen bếp nấu nổi cám, nhắc xuống liền ngồi cầm que quậy nguội cho chúng ăn, rồi lo đàn gà, giặt giũ; trời hừng thì bắt đầu quét từ vườn trước ra vườn sau. Lá đầy vườn, rụng dày nhất là cây hoa giấy đã thành cỏ thụ, mạ bảo ngày mùng cũng “quét lợi lung”. Mấy năm trước, vào dịp tháng Sáu âm lịch giỗ chạp, thấy mạ gánh lúa ngoài đồng về nặng trĩu, cơm chín rồi vẫn đội nón trở lúa giữa sân. Chiều, trước lúc về vợ tôi vén lúa, tôi nhắc thấy liền bảo, trời còn nắng xúc chi vội. Vợ tôi nháy, ghé tai: “Không xúc, hồi chiều cũng mình mạ vô bì, tội”. Tôi ngẩn ra. Mùa đông năm ngoái chúng tôi xin phép vợ chồng anh chị đón mạ vào chơi, tính giữ mạ ở đến gần Tết. Mạ vào được một tuần liền đòi về. Nhà có dăm chục mét vuông, không còn mảnh đất trồng rau, mạ cứ đi tới đi lui; có đoạn đường trước nhà rụng lá bồ-đề, mạ quét hoài, quét lẩn qua nhà họ. Nhớ vườn, nhớ ruộng đồng. Nhưng hơn hết, mạ lo. Vợ tôi có lần nói kháy: “Mạ ở đây cực khổ hơn ngoài đó sao cứ đòi về”. Mạ im lặng lâu lắm. “Bây để tau về, không lỡ mai mốt ốm đau...”. Tôi ngồi ở phòng bên úp mặt vào lòng tay. Tám mươi ba tuổi rồi mạ vẫn sớm khuya làm lụng, sau này chúng tôi có rơi vào hoàn cảnh đó không? Tôi xin nghĩ làm chờ mạ ra, giữa cái rét hại khiến hoa màu thối lá. Mười ngày sau bỗng nhận tin mạ bổ gãy chân. Vợ tôi gọi điện hỏi tình hình. Chị dâu nói: “Bệnh viện bảo già rồi nên đưa về mà vén cho mạ”. Giật mình. Chữ “vén” nghe nhói tim. Nghĩa là mạ đau vật vã mãi! Tôi liền gọi điện cho anh vợ, bảo cứ đưa mạ vào đây, bác sĩ trong này bảo mổ dễ lắm. Vợ tôi trực viện, ngủ vật vạ ngoài hiên. Đêm nào mạ cũng mê sảng; nào xúc lúa vô mau kéo mưa Bep ơi; nào củi đè lưng tau rồi; lúa mất mùa, hèn chi gánh cứ nhẹ cả vai... Ai nằm cùng phòng mạ đều không ngủ được, nhưng họ thương. Người dâu khổ quá.

Dọc đường ra mừng tuổi mạ, vợ tôi đã ghé mua nào hoa cúc, nào trâu bánh... để viếng mộ cha. Đêm kia giao thừa trời mưa. Vợ chồng tôi dọn mâm hoa quả cúng thánh giữa trời. Trong lời khẩn nguyện, tôi

ước trời sẽ tạnh để được ra với mạ, cũng là niềm an ủi lớn cho vợ tôi. Nhưng sáng đó trời vẫn mưa. Ở chùa thắp hương đánh lễ rồi, tôi cứ đứng ở cửa chánh điện nhìn trời, mưa như rày thắp hương tắt hết. Lại đợi. Nửa chiều mưa bay bay... Tết về ngoại gặp anh chị, chúng tôi râm ran lúc lâu mới nhớ đến mạ. Thật vô ý. Mạ quét lá dưới giàn bông giấy. Những vết nắng xuyên xuống hòa lên xác hoa nhiều sắc màu hân hoan vũ điệu sau cùng. Hôm qua mồng một cả hai lên chùa lễ Phật, cầu nguyện bình an. Vợ tôi ước được đón mạ về ở đến cuối đời. Thực tình không dễ. Mạ ở ngoài đó lâu rồi, nay đã yếu, anh chị sợ mang tiếng với hàng xóm rằng mạ giờ không làm lụng được thì đẩy đi, nên sẽ không cho ai đón về. Còn ở lại... Có dịp hè, mùa màng ở quê cũng tạm ổn, vợ tôi xin đón mạ lên phố ít ngày. Thời điểm đó chúng tôi còn thuê trọ. Sáng ra cả nhà cất bước, mạ còn lại trong căn phòng vắng tanh. Chưa quen ai, mạ hết vào lại ra, tay chân tấy mảy. Cái bếp ga chưa biết sử dụng không dám sờ, còn bó rau mạ nhặt chậm rãi. Tối dùng cơm, tôi bảo: “Đối diện nhà mình có bà cũng rồi việc, mẹ qua nói chuyện chắc hợp lắm”. Rồi vợ tôi dẫn mạ loanh quanh dọc phố. Mạ không chịu ngồi xe máy, đi bộ, lại còn cầm theo chiếc nón, nhất định không buông. Đi ngang qua một quán cà-phê, mạ bảo: “Thắp một đèn cho sáng thì không, bày đặt cho lắm cũng túi thui thui”. Tôi vẫn đoán được tâm trạng, mạ muốn ở với chúng tôi. Mạ nói lời gan ruột, rằng lúc mạ đau ốm cũng phải về nhà anh chị thôi, nếu lỡ ra đi cũng có dịp nằm bên cha. Vợ tôi bảo con sẽ ra ở đó chăm sóc. Mạ lắc đầu, nhìn chỗ khác. Tôi hiểu mạ nhiều hơn vợ. Hiểu những uẩn khúc, những ưu tư thầm kín qua những lần chúng tôi ra anh chị. Cũng không muốn ở lâu. Tại sao tôi lại có ý nghĩ, giả như chị dâu muốn nhận nhó mạ cũng nể mặt chúng tôi nên không dám... Đợt trước gia đình tìm được cái chứng minh thư của cha, vợ tôi mang đi làm ảnh thờ. Đầu xuân “gặp” lại chồng sau mấy mươi năm, mạ cầm tấm ảnh xoa tay hoài lên khuôn mặt ấy, vịn về từng nếp nhăn. Hồi ông còn sống, tôi và N. mới tìm hiểu nhau, đến nhà chơi thường thấy ông đi quanh gốc mai. Một con người khá trầm tĩnh. Góc sân gần đó đặt cái bàn, lúc nào cũng sẵn bộ ấm chén, tôi cứ ngồi tự nhiên nhấp trà nhìn mai, nhìn đôi tay gân guốc của ông cắt những nhánh mai khô gầy. Ông lại giếng rửa ráy cùng ngồi. Hai con người ít nói nhen lên mối thâm tình. Bằng một thời gian, cơ quan cử tôi ra thủ đô học tiếp. N. không báo gì với tôi về nỗi đau mất cha; lẽ nào do chúng tôi chưa cưới, N. sợ phiền đến “thông gia”. Tôi về nhìn mạ gầy rộc, ra sau vườn thấy cây mai chít một dải khăn đã lấm tấm rêu xanh. N. dẫn tôi lên thăm mộ cha. Vắng. Có hoa ai vừa đến viếng. Bụi ngùi. Nhìn quanh quất. Đàng xa lấp ló những cụm hoa dại, không rõ tên dấu thân thuộc lắm. N. hái, chia thành từng nắm đặt lên nhiều ngôi mộ khác. Tôi chờ N. về thăm mạ nhiều hơn, cũng đều lên thăm ông.



Trên đồi cao. Chúng tôi cắm hương đi giữa đồi mộ, giữa vùng hoa, giữa miền tâm linh huyền nhiệm. Hoa đại bởi bởi. Nó gieo vào lòng cảm giác bằng khuâng huyệt hăng như là tôi ân nợ điều chi chưa trả hết.

Ngày Tết lên với những người đã xa, thật không ý nghĩa nào bằng. Họ như vẫn sống với chúng tôi, người cha ấy, người đàn ông trước kia ngồi thường trà với tôi dưới cội mai sau nhà như vẫn sống bên mẹ, như vẫn còn đó hơi ấm trên chiếc ghế thô mộc. Nghĩa trang chập chờn màu khói. Đã rất nhiều người lên viếng mộ đầu xuân. Sáng nay chúng tôi dậy lúc gà gáy chuẩn bị cho chuyến đi và nghĩ mình sẽ đến sớm nhất trong ngày tỉnh khô nhất của năm. Sau lại nghĩ nên ghé về chở mẹ. Kể từ ngày không còn sức lên đồng nữa, mẹ cũng không một lần được lên với chồng. Về đến nhà anh chị. Mẹ từ trong góc tối của chiếc giường vẫn nhận ra tôi từ ngoài sân. Mẹ bước ra, ôm lấy tôi. Một cảm xúc tắc nghẹn khiến tôi phải giả tạo một nụ cười để xua đi. Tôi không muốn khóc. Mẹ thương tôi hơn cả con gái,



hơn những đứa con mẹ đứt ruột đẻ ra, tôi cảm được điều này. Và tôi cũng muốn giấu chuyện tôi thương mẹ quá chừng. Mẹ lại móc thuốc quăn cho tôi như với một đứa trẻ. Tôi bỏ thuốc lâu rồi, lần nào ra vẫn hút thuốc quăn với mẹ. Mười ngày trước bên nồi bánh hấp, mẹ quăn sẵn cho tôi mấy điếu rồi đi hái rau, tôi cứ thế mà hút, lúc ăn cơm cơn say mới bắt đầu. Lên giường nằm, ngủ luôn. Trờ dậy đã thấy mẹ lo soạn bữa. Chén cơm của tôi lấy từ trong nồi điện giữ ấm, đĩa rau tập tàng của mẹ nữa. Có thể thôi mà tôi ăn ngon chưa từng thấy. Mẹ vẫn ngồi hút thuốc và thỉnh thoảng nhìn tôi, rồi mẹ nhìn ra khoảng sân trống trơn xơ khô khốc.

Sức nhớ cây mai, cảm giác như sức nhớ nồi nước sôi bắc đã lâu quên rút điện. Đợt rét kéo dài đã khiến tôi không còn hy vọng mai sẽ đơm bông, dầu có hừng nắng mấy ngày trước Tết. Tôi đã quên bằng nó. Bóng dáng người đàn ông của mẹ lại hiện lên. Đôi lúc tôi vẫn pha ấm trà, bung ra sau chiếc bàn gỗ đen sì dưới gốc mai ngồi nhấp một mình. Đôi lúc tôi chợt vô tình sờ tay lên chiếc ghế đối diện. Đôi lúc tôi chợt rùng mình như có một luồng gió vừa xuyên qua thân thể. Đôi lúc, tôi muốn được gọi một từ "cha" chưa từng cất lên lúc ông còn sống. Nay thì ông đã hóa thân vào gốc mai trước mặt? Năm nay chính tôi trải lá mai giữa chiều mưa lạnh. Giờ đây trở lại, trời ơi... Nhìn gốc mai tôi ngỡ ông sống lại, đang cầm chổi đứng ngăn giữa vườn lúc thấy tôi chở con gái của mình về tới; rộn rã, ông chuẩn bị tuần trà... Tôi vào nhà. Lặng lẽ thấp nhang. Nếu ra lại nhìn cây mai nở rộ sắc vàng kia, hẳn tôi khuyu xuống mất. Lẽ ra tôi phải mang nhánh mai lên mộ ông báo tin. Nhưng thôi, chính ông mới là người đã cho tôi hay rằng mai vẫn gầy đứng hèn, dầu sự bung nở ấy thật nghẹn ngào. Và cũng bởi, nơi ông nằm là triền đồi, giữa một vùng hoa đại mệnh mang nỗi niềm của những kẻ đang nán lại trần ai. Có lẽ nơi màu mỡ nhất của trí nhớ tôi, hoa đại đã bung đầy. Ai dám tưởng đến một ngày, bên kia những đồi trọc trơ trắng xóa, rồi hoa đại sẽ mọc nơi đâu để trở sắc màu yên ủi nhân gian?

Triền đồi nhấp nhô phía trước. Tôi thích con đường lấy phải cước bộ đoạn dài. Thật nhiều hoa đại đơm bông, nhỏ thôi mà tươi rói. Hoa đại như là niềm ân nghĩa. Nhìn hoa sẽ nghiệm ra sự hiện hữu của những gì tưởng đã tan loãng hư vô. Năm ngoái, sáng đầu xuân nắng vàng rực, hoa nối nhau theo con đường mòn vắt qua bên kia dốc đồi. Năm nay, trời hiu hiu mưa phùn, mưa rây trên vô vàn cánh hoa mỏng manh chừng sắp tan mất giữa trời. Mẹ cầm nón đi trước. Hoa đại bung nở như muốn nói thật nhiều, thật nhiều. Mùa xuân từng bừng vũ hội. Tôi nhìn bóng mẹ vẫn tiến về phía triền đồi, nơi có người chồng cùng bà con thân tộc nằm đó. Tôi không buồn nữa, vợ tôi gom về bao loài hoa lạ lắm. Cuộc đời nào rồi cũng có hồi kết. Riêng tôi không cố tìm cho mẹ và chúng tôi một hồi kết hoàn hảo; ít nhất là bây giờ, bên triền đồi mưa hoa. ■

Mười năm trong cuộc mắt còn

TRƯỜNG KHÁNH

Mười năm trong cuộc mắt còn,
Mười năm để lại nét son cho đời,
Mười năm cuộc thế đầy vui,
Mười năm Văn hóa rạng ngời Đạo thiêng.

Mười năm dấn đứng uyên nguyên,
Giữa dòng văn hóa thiêng liêng đạo đời,
Vườn thiền hoa nở rực tươi,
Tô thêm sắc ngọc rạng ngời chân tâm.

Mười năm Văn hóa trở bông,
Thơm hương Phật giáo sáng trong đạo tình
Sương mai đọng giọt tâm linh,
Mát nhuần xã hội hồi sinh tình người.

Phật pháp nở rộ hoa tươi,
Lời vàng Phật tử tỏa ngời ánh quang,
Đạo mẫu trải khắp trần gian,
Đất nước mến yêu vô vàn tình thương.

Gẫm suy lời Phật dẫn đường,
Lại thêm tùy bút tận tường vạn duyên,
Đọc sách tìm hiểu đạo thiêng,
Thơ ngâm thiền khúc như nhiên đạo đời.

Truyện ngắn diễn pháp ngàn nơi,
Nét đẹp của Đạo rạng ngời thiền hương,
Cảm ơn cuộc sống thân thương,
Phổ thông y học soi đường độ sanh.

Mười năm kết vạn duyên lành,
Văn hóa Phật giáo phụng hành Phật ngôn,
Phụng sự Đạo pháp trường tồn,
Dựng xây đất Việt sắt son đạo tình.

Mười năm hoằng pháp lợi sanh,
Việt Nam Phật giáo trọn tình trước sau,
Chấp tay thành kính nguyện cầu,
Ước mong Tập chí ngàn sau mãi còn,

Văn hóa Phật giáo sắt son,
Đồng hành Dân tộc trường tồn cộng sinh,
Việt Nam Phật giáo chung tình,
Muôn năm trụ vững giữa trời đời trôi.



Niềm vui đầu xuân

NGUYỄN QUỲNH THI

Đêm ba mươi em đi trực viện
Sáng nay em về cùng với mùa xuân
Anh ra đón gặp nụ cười hoa thắm
Mừng tuổi em xuân tô đẹp má hồng

Cây đào đứng trước sân đùa với gió
Chắc đêm qua cây thức đợi... tâm tình?
Kịp chôn hết nỗi buồn vào năm cũ
Để sáng nay hoa nở rộ đầy cành

Anh cũng vậy suốt đêm qua không ngủ
Chờ tiếng gà năm mới gáy sang canh
Lòng rạo rực nghe niềm vui đến ở
Bao ưu phiền ném hết... tận trời xanh

Ôi! Hạnh phúc không dễ gì tả xiết
Khi bài thơ kịp đến với mùa xuân
Trong bệnh viện đêm qua em đón Tết
Bằng niềm vui giúp người bệnh yên lành.

Hồn xuân

THÍCH THIỆN THÔNG

Én vẽ đường duyên lộng sắc mây
Tình vương nghiệp bút ý tuôn đầy
Mai chào nắng mới hương ngào ngạt
Gió gọi mùa xưa mộng ngắt ngây
Ai nhốt vằn thương trong mắt ấy?
Ta dầm sợi nhớ giữa phương này!
Tiết trời mở hội trao nguồn sống
Cho vạn hồn xuân chấp cánh bay.



Xuân về

LAN THUƠNG

Mùa trở mình theo một thoáng heo may
Xóm làng ta đổi mới từng ngày
Mùa nết mới, đơm bông trĩu hạt
Tôm cá đầy bờ, trẻ cười nứt ánh bình minh

Ngày đã về ở một phía tươi xanh
Mẹ tro hạt cho ươm mầm giống mới
Đôi chân ba giẫm qua mùa rất vội
Khói bếp sau nhà hun hút ấm tình quê

Và bà tôi múc gáo nước sau hè
Giội lên mái đầu xanh tôi, tưởng nhớ ngày son
Nhớ mùa xuân buổi hẹn hò mai nở
Giếng nước làng nghiêng ánh trắng soi

Ngày giao mùa trong những thoáng chênh chao
Nắng đã lên và hàng cây rũ bóng
Tiếng pháo đợi ngày giòn vang năm mới
Nghiêng mực, giấy tàu nhuộm đỏ miền quê
Và ngoài kia, mai đã rụng nắng bên hè...

Xuân hạnh phúc

NGUYỄN TỬ

Hôm nay nắng ấm ngập tràn
Mùa đông lạnh lẽo bề bàng ra đi
Nàng Xuân nhẹ khoác xiêm y
Muôn màu, muôn sắc hoa thi đua cười
Núi sông tươi đẹp vẹn mười
Thành đô rộn rịp bao người sắm mua
Xuân xanh cho đến già nua
Mái nhà sum họp, vui đùa bên nhau
Nhà nhà rực rỡ màu, đào
Kiệu hành, thịt, chả, dưa, nào thiếu chi
Xuân về rào rạt vị thì
Mẹ ngồi gói ghém lì xì các con
Mẹ vui bày tỏ tấm lòng
Con mừng thương nhận quà hồng đầu năm
Phố đường lân mua rì rầm
Địa cười, trồng nổi gieo mầm xuân tươi
Mai vàng nở rộ, cánh rơi
Đào hồng khoe sắc nơi nơi đẹp màu
Tết về cùng chúc cùng nhau
Mùa xuân hạnh phúc dạt dào, an khang.

Với Huế

TRƯƠNG NAM HƯƠNG

Anh về Huế gặp mùa sen
Tiếng ve vừa lặn. Trắng lên Ngự Bình
Sông nằm cho Huế nghiêng xinh
Núi ngồi cho Huế quên mình rêu phong

Tràng Tiền nương Huế mà cong
Nắng xoay viên nón cầu vòng qua mưa
Áo người hai vạt dạ thưa
Mắt nâng ngọn gió mát lửa ngang eo

Sông thon thắt cả mái chèo
Anh xanh với Huế suốt chiều ngó sen.

Khúc tháng Giêng

PHAN TRUNG THÀNH

Người mang hoa gửi theo mưa
Tâm xanh thương lấy vai mùa lộc xanh
Chuyền chuyền bước cỏ đan thanh
Nhật không trả có duyên lành lạnh đầu

Que chuyền khúc một mùa ngâu
Khúc hai mùa rét bắc cầu khúc ba
Vội tay mấy lượt thật thà
Lại thương tay với nồn nà lòng tay

Tháng Giêng mở que chuyền đầy
Lá xanh giấu mặt đường bay lá vàng
Ngại người chuyền nụ mưa sang
Dầu không ướt cả đôi đường, mưa ơi...

Trăng đầu năm

GIA HUY

Trời cao mây quện mây tầng
Nhật nhòa ẩn hiện nửa vàng trăng trôi
Đường như có dáng cuội ngồi
Thềm con mắt ngó xuống đời còn xuân.

Quê đêm sương lạnh ngấm dần
Cỏ non nhẹ giẫm bước chân lặng thầm
Ngày trời tháng đất đầu năm
Ươm đầy hạt nhớ nảy mầm lên cao.

Cành khuya lướt ngọn gió chao
Vội tay hái một đốm sao giữa trời
Động cành mở lối trăng rơi
Ánh xâu thành chuỗi ngọc đời tặng em.

Tình xuân

NGUYỄN CÁT CHUYỀN

Hội xuân vui lắm người ơi
Một truyền thống của bao đời quê em
Ngày xuân gặp gỡ nên quen
Bến duyên mãi nhớ thăm quên lối về.

Dùng dằng trên bến sông quê
Người đi vạt cỏ chân dê rồi bờ
Đường chiều lắt phất mưa rơi
Mênh mang khói sóng đầy vơi mạn thuyền.

Người ơi! Đến hẹn lại lên
Nghe câu quan họ trước thềm xuân sang
Gió xuân chạm mắt ngõ ngang
Dập dìu bướm chở nắng vàng vào xuân.

... Hội tan giục giã bước chân
Ta về thăm lúa chiêm xuân phát cò...

Hương xưa

NGUYỄN NGỌC MINH

Chùng như mùa đợi bên nôi
Xem cây tách vỏ búp chồi non tơ

Ngân hoài điệp khúc trong mơ
Không gian hai nửa thức chờ giao ban

Tiến đưa đêm cuối đông tàn
Pháo hoa lấp lánh rọi ngân sức xuân

Phương xa tiếng suối trong ngần
Mướt mà ai đó chép vần thơ xanh

Vuông trời hẹn một khoảng xanh
Neo dòng ký ức bên hành lang thưa

Nâng ly chúc phúc giao thừa
Bồi hồi gặp gỡ hương xưa thừa thừa.

Năm tháng

LÊ NGHỊ

Năm tháng càng thêm đôi màu
Mùa sâu sắc biếc con tàu xuân an
Hỏi thăm đỉnh núi cuối ngàn
Sớm thu hiu gió thổi trắng hồn mai
Chữ thơ gởi từ một vài
Ta về tắm mát ao phai hè nào
Quê nhà sen trắng đôi trao
Đầu trưa nắng cỏ... ra vào thuyền hương.

Hẹn xuân

TRẦN VÕ THÀNH VĂN

Hẹn mùa xuân đưa Em về với Mẹ
Đường miền Trung cát gió lộng trời
Về với Mẹ theo Anh về, Em nhé!
Cây mùa xuân sự sống đâm chồi

Về với Mẹ vun mảnh vườn xuống hạt
Luống cải non ba bữa Tết đợi chờ
Hàng cúc xanh như trời quê xanh ngát
Đám ngò thơm sức nức tóc em thơm

Về với Mẹ, Em ra đồng vén lúa
Vụ đông xuân hương con gái dậy thì
Màu áo mới cánh đồng vui dệt lụa
Quyên duyên mình xuân chín hẹn vu quy...!

Về với Mẹ vãi vàng trắng cát nửa
Biển quê mình đẹp lắm những đêm trăng
Con sóng bạc hát tình ca đôi lứa
Nốt nhạc tròn lội ánh sáng tung tăng

Về ấm lại gian bếp nghèo lửa ngòi
Nhóm hộ Anh, Em đôi mắt bập bùng
Em vo hạt gạo thơm, Anh tưới tươi đọt chuối
Mẹ thức cùng nấu bánh với Em

Hẹn mùa xuân, Mẹ hẹn rồi. Con gái
Người Mẹ thương trong ánh mắt Anh thương
Những đứa em thơ đợi Chị,
hơn hờ,
bỏ mùa đông thăm thăm đôi cong đường

Về đi em mùa xuân thế kỷ
Mỗi tình nồng bật cánh gió ru sương
Về đi Em mùa Xuân kiều vĩ
Mẹ đang ngồi,
vò sợi nhớ lên hương...!





Nguồn: amthuc.net.vn

HỒ ĐẮC THIỀU ANH

Thử khám phá kho tàng mứt Huế để thấy sự công phu “ngọt ngào” của miền đất có nét ăn uống thanh lịch từ ngàn xưa. Từ các món mứt cung đình xưa được tinh chế công phu, nguyên liệu được chọn lựa tuyệt hảo để tiến cung, trình tự chuẩn bị chu đáo, mùi lai phong vị của món mứt độc đáo, thể hiện đặc điểm vinh hoa phú quý của chốn hoàng triều xưa làm gốc lưu truyền ra dân gian mà phát triển tinh hoa.

Qua bàn tay khéo của các bậc nữ lưu xứ Huế, các phu nhân có điều kiện ra vào cung, tùy theo “nếp nhà” mà sáng tạo nghệ thuật vừa để khoe tài bếp núc của người phụ nữ mọt để đồ, vừa để lưu truyền lại cho con cháu đời sau.

Thông thường thì mứt chỉ được bày bán vào dịp Tết Nguyên đán, ngày thường ít ai làm mứt. Tuy nhiên ngày xưa trong thực đơn đại yến nhà vua thiết đãi hoàng thân quốc thích hay tiếp đãi các sứ thần có các món mứt quý để thưởng trà sau cỗ yến mặn cho thượng khách “thơm miệng”.

Chưa có ai biết chính xác là Huế có bao nhiêu loại mứt, tuy nhiên những món mứt truyền thống được lưu truyền cho đến ngày nay cũng không phải là ít, những món mứt cổ truyền như mứt bát bửu, mứt thanh yên, mứt Phật thủ, mứt cam sành, mứt hạnh nhân... là những món mứt bài thuốc, sang trọng, có nghệ thuật chế biến rất công phu gần như bị thất truyền.

Xưa mẹ tôi thường dùng thau men trắng để rim mứt, bởi đáy thau dày, men giữ hơi ẩm đều mà không

bị nóng “hồn”, khỏi lo mứt khét. Cách làm các loại mứt truyền thống mất nhiều thời gian và công phu, chẳng hạn như món mứt cam sành, từ khâu chọn quả mới hái, vỏ cam không quá xanh, không quá chín, gọt vỏ phải đều tay lưỡi dao lam kéo từ điểm bắt đầu cho đến điểm kết thúc mới dứt, không được phạm dao vào thịt cam, như thế trái cam khi được gọt vỏ rồi vẫn trơn láng, rim xong trái cam vẫn tròn trịa như mới hái. Sau công đoạn sơ chế ngâm xả nước muối, nước vôi, công đoạn rim mứt là một quá trình công phu, ban đầu là ngâm cam sành vào nước đường một ngày đêm cho cam no đường, sau đó cho lên bếp rim cho nước đường sôi, tắt bếp ngâm một đêm, lại cho mứt lên bếp riêu lửa rim tiếp, mức nước đường đang sôi rưới lên từng trái cam cho đến khi đường gần dẻo thì tắt bếp, ngâm tiếp một đêm, lại bắt mứt lên bếp riêu lửa, lại mức nước đường rưới lên từng trái cam cho đến khi đường dẻo kẹo lại, cuối cùng cho mạch nha hoặc mật ong vào tiếp tục rưới đều lên từng trái cam mọng đường bóng loáng thơm phưng phức.

Mứt Phật thủ, thanh yên là hai loại trái cây quý, giàu dược chất; giống Phật thủ ngày xưa trái nhỏ thon và thơm hơn giống Phật thủ bây giờ. Hai loại cây này thường được chưng lên mâm quả cúng tổ tiên ngày Tết. Loại trái cây này rất thơm và bền, cứ vài ba ngày dùng khăn sạch thấm rượu lau quanh, trái sẽ héo khô dần, vài ba tháng sau mang ra cắt lát mỏng ngâm rượu dùng khi bị tiêu thực.

Xưa vào dịp đầu năm người Huế rất thích chưng hai loại trái cây thanh yên và Phật thủ với ý nghĩa dâng lên chư Phật, ông bà tổ tiên sự tinh tấn thơm tho và mong cầu chư Phật phù hộ cho toàn gia cả năm được an lành hạnh phúc (giống như tên gọi hai loại trái cây này).

Làm mứt Phật thủ và thanh yên cũng công phu như mứt cam sành, phải dùng kim nhỏ xăm khắp các quả rồi ngâm nước muối để xả hết chất the. Cái khéo là khi rim mứt vẫn giữ nguyên trái, bên ngoài đường bóng, bên trong đường khô, hương thơm tự nhiên không mất cho nên rất mất nhiều thời gian, qui trình từ công đoạn đầu đến khi hoàn tất phải mất ít nhất năm ngày đêm, nếu làm mứt Phật thủ cắt lát thì ít mất thời gian hơn.

Mứt bát bửu còn gọi là bát bảo, bát trân thường được dùng trong chốn cung đình, các phủ đệ, các nếp nhà gia thế xứ Huế. Mứt được làm từ tám món nguyên liệu gồm hoa, quả, củ bổ dưỡng giàu dược liệu. Theo quý phu nhân kỳ cựu của chốn đế đô thì Đệ Nhất Thượng thiện trong cung hoặc các phu nhân thường trở tài khéo léo riêng qua cách pha trộn tám loại nguyên liệu đặc biệt để chế biến món mứt bát bửu sang trọng quý phái có từng hương vị khác nhau.

Quy trình làm mứt Bát bửu rất công phu, đòi hỏi sự tỉ mỉ và chăm chút từng li từng tí từ các khâu, mục đích là phải làm cho chất lượng thành phẩm đạt yêu cầu như tên gọi sang trọng của một món mứt cung đình.

Người ta thường chọn các loại nguyên liệu như trái Phật thủ, cam sành, kim quất, bí đao, hạt sen, hạnh nhân, gừng hoặc thịt quai để chế biến món mứt bát bửu.

Tùy tính chất, mùi vị từng loại nguyên liệu để rim chung một chảo hoặc thau; những quả có vị the, chua, thân mềm rim chung với nhau; những quả, củ có thân cứng, giòn rim chung; còn những quả, củ có vị cay phải rim riêng như thế mới giữ được hương vị đặc trưng của

từng món mứt, sau đó hòa trộn tám loại mứt với mật ong hoặc mạch nha rim lại lần cuối rồi đem ra hong gió cho mứt khô tự nhiên.

Cái khéo là tuy các loại nguyên liệu được trộn chung với nhau mà món mứt vẫn giữ được hương thơm tự nhiên của từng loại nguyên liệu.

Xưa, cách chế biến các món mứt cổ truyền rất cầu kỳ và công phu, từ bước chuẩn bị nguyên liệu, canh lửa và phân bố thời gian ngâm, rim mứt quyết định chất lượng tuyệt hảo của “tác phẩm” so với cách làm mứt trong thời đại công nghiệp tất nhiên là không ai “dám” làm bởi người phụ nữ ngày nay cũng tham gia hội nhập với sự phát triển của xã hội không thua gì nam giới, thời gian của cánh chị em là vàng bạc cho nên dù họ rất muốn vào bếp thực hiện lại các món mứt cổ truyền để ôn cố tri tân thì cũng không thể, có lẽ vì vậy mà những món mứt cổ truyền ấy gần như bị thất truyền.

Ngày nay, mứt Tết đã hòa nhập vào các chợ, các cửa hàng bánh mứt khắp cả nước. Công nghệ chế biến mứt Tết cũng đơn giản hơn xưa, vừa đổi mới, vừa nhanh gọn. Các bà, các chị có nhu cầu điểm thêm món mứt cho vui cửa vui nhà trong ba ngày Tết thì ra chợ sắm một lúc là có cả một “trời xuân” trong giỏ, hoặc muốn tự làm mứt chỉ cần mua nguyên liệu về sơ chế cho sạch, trộn cho ngấm đường rồi bắt lên bếp rim cho khô, sên cho dẻo là có ngay món mứt Tết.

Nhưng, cái “duyên” của món mứt “mì ăn liền” ấy lúc thưởng thức thì hình như còn thiếu, ngẫm nghĩ mới hay rằng ăn mứt để biết có Tết chứ không thể “ngậm mà nghe” như thưởng thức một miếng mứt làm theo lối cổ truyền của Huế xưa là nhâm nhi một miếng mứt Tết, nhấp thêm ngụm trà sen để nghe cả trời xuân lan tỏa, hòa quyện cùng hương vị ngọt ngào quê hương. ■



Nguồn: ihay.thanhnien.com.vn



Nghe hạnh phúc lan tỏa

TRẦN NGUYỄN HÀO

Chúng ta thường nhìn nhận hạnh phúc bằng những cái thể hiện ra bên ngoài của mỗi người, kể cả bản thân mình như sự tự hào, kiêu hãnh, niềm vui sướng khi thỏa mãn nhu cầu; trong khi hạnh phúc thực sự lại nằm ở bên trong sâu thẳm của tâm hồn chúng ta, là một cảm xúc bên trong.

Đối với mọi người, khi bắt đầu biết nhận thức về bản thân và tự chịu trách nhiệm với cuộc đời của mình

là bắt đầu một cuộc hành trình tìm đến bến bờ hạnh phúc. Nhưng chúng ta thường cảm nhận về hạnh phúc từ người khác hơn là từ bản thân. Nhìn những người khác có cuộc sống sung sướng, nhiều nhu cầu vật chất và tinh thần được đáp ứng, ta cho rằng họ thật hạnh phúc; nhìn những người mình thân quen hay bất chợt gặp gỡ cười, nói, vui vẻ, hân hoan, ta nghĩ ngay họ đang hạnh phúc. Và khi ta đang ở trạng thái đối lập, khi ta thấy không được như họ, thì ta nghĩ mình không hạnh

phúc. Trong khi đó hạnh phúc hay không hạnh phúc lại phụ thuộc vào cách nhìn của mỗi người đối với cuộc đời. Có thể xem cuộc đời như một cốc nước không đầy. Những người hạnh phúc luôn nhìn cuộc đời của mình như nhìn nửa đầy của cốc nước. Những người không hạnh phúc luôn tập trung vào những điều mình không bao giờ có được, chưa có được, như nhìn vào nửa vơi của cốc nước. Họ luôn so sánh với những người khác và luôn than thân trách phận, luôn tiếc nuối, luôn thấy mình không may mắn hay luôn mong cầu mà không tự mình vươn lên.

Đa số chúng ta không cảm thấy hạnh phúc bởi chúng ta cho rằng mình chỉ có được hạnh phúc khi chúng ta đạt được và tận hưởng những thành quả của sự thành công. Nhưng nếu mọi người đều như vậy thì trên thế gian này không một ai có được hạnh phúc thực sự bởi nhu cầu của con người là vô hạn và luôn không thỏa mãn với những gì mình đã có. Vậy để có hạnh phúc, chúng ta thay đổi cách hiểu, cách nhìn về hạnh phúc và phải thực hiện ngược lại quá trình trên trong cuộc sống. Đó là chúng ta phải biết tận hưởng những niềm vui, hạnh phúc và hơn thế nữa là tạo ra những niềm vui, sự phấn chấn hứng khởi, sự hài lòng cho bản thân ngay trong từng giây phút hiện tại. Hạnh phúc là biết trân trọng những gì mình có. Điều đó sẽ góp phần tạo ra nguồn năng lượng cho cuộc sống và công việc thành công hơn.

Trong tâm trí mỗi người, câu ca dao:

"Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp gát đầu khen ngon"

Luôn có sức lay động lớn: Bữa ăn ngon miệng đâu chỉ đến từ thức ăn ngon mà đến từ gia vị của cuộc sống, đến từ sự quan tâm, yêu thương nhau và biết trân trọng những gì dành cho nhau. Sự hài lòng của đôi vợ chồng trong những giây phút bên nhau đó xuất phát từ cảm xúc nội tâm nên hạnh phúc đến với họ thật nhất và ý vị. Vì vậy, để có hạnh phúc, quan trọng là bạn phải tạo ra được sự hài lòng trong nội tâm của chính bạn. Khi đó có thể đôi khi bạn không cười tươi, bạn không tự hào, hãnh diện hay tự hào nói về những thành công của chính mình, nhưng bạn lại đang hạnh phúc.

Hạnh phúc là khi mình biết tự trọng, trước hết là biết nhận ra và hướng tới những giá trị chân thật và giản dị để giữ phẩm cách cao đẹp của một con người trong thế giới rộng lớn và đầy biến động. Những ai biết nâng niu, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị đó và biết chia sẻ, quan tâm, mang đến niềm vui, điều tốt đẹp cho người khác, sẽ thấy hạnh phúc đến một cách tự nhiên. Hạnh phúc đến khi mình biết cho đi chứ không chỉ biết nhận về.

Lắng nghe hạnh phúc

Một trong những đức tính đáng quý của người

khiểm tốn khi giao tiếp, quan hệ xã hội đó là họ thường ít nói về bản thân, ít thể hiện mình mà luôn lắng nghe người khác. Về điều này chắc sẽ có người đặt câu hỏi: Vậy sự khác nhau giữa người khiêm tốn và người bình thường biết lắng nghe là gì?

Nếu nói về người biết lắng nghe người khác, chắc ai cũng chỉ ra được rằng đó người có kỹ năng lắng nghe, có thói quen lắng nghe nhằm mở rộng hiểu biết, điều chỉnh bản thân, biết hợp tác hoặc quản lý, lãnh đạo để tiến hành công việc và quan hệ tốt hơn. Người khiêm tốn không chỉ có thói quen lắng nghe như vậy. Việc lắng nghe ở người khiêm tốn đã thoát ra khỏi khái niệm kỹ năng lắng nghe, nghệ thuật lắng nghe hiệu quả. Người khiêm tốn lắng nghe người khác không chỉ bằng sự tĩnh lặng của các giác quan, ngôn ngữ mà còn bằng cả sự linh lặng của tâm hồn, bằng cả trái tim yêu thương biết cúi mình để nâng người khác lên và trân trọng họ cho dù mình là người giỏi hơn, hay cho dù mình đã hiểu thấu những điều người khác nói. Người khiêm tốn lắng nghe người khác không chỉ với mục đích để nắm thông tin, kiến thức, để giao tiếp, ứng xử mà còn để thấu hiểu, đồng cảm với những suy nghĩ, tư duy, tâm tư, tình cảm vui buồn và các ước muốn của người khác.

Những điều trên nói lên rằng khi lắng nghe người khác, người khiêm tốn luôn giữ lòng mình hạnh phúc: hạnh phúc vì đã được nghe người khác nói, những thanh âm trong trẻo nhất trong ngôn ngữ của con người; hạnh phúc vì mình đã làm một việc tốt đẹp là nâng niu, trân trọng, đề cao người khác; hạnh phúc vì mình đã có cơ hội chia sẻ những cảm xúc, cảm nhận với người khác; hạnh phúc vì mình đã biết giữ mình, sống tích cực trong sự bon chen, ganh đua vẫn đang diễn ra. Nếu bạn biết khiêm nhường lắng nghe người khác, bạn bè, người thân sẽ cảm mến bạn hơn, thích gần gũi và quan hệ giao tiếp với bạn hơn bởi họ nhận ra bạn là người đáng mến và biết đồng cảm, chia sẻ với họ. Đó là điều hạnh phúc không phải ai cũng có được và cảm nhận được.

Nhìn lại mình, dù lắng nghe nhưng đôi khi chúng ta lắng nghe người khác mà trong tâm vẫn có sự ích kỷ, muốn đề cao, hãnh diện về mình; trong tâm vẫn diễn ra sự phân tranh hơn thua hay đố kỵ nên chúng ta lắng nghe người khác một cách miễn cưỡng hoặc nghe với một vẻ mặt chăm chú tươi cười không tự nhiên, thậm chí giả tạo. Đó là những lúc chúng ta không khiêm tốn. Đôi người vẫn cảm thấy vui sướng vì mình đã có cơ hội thể hiện mình, thể hiện hiểu biết, khả năng lẫn cảm xúc của mình trước người khác, có cơ hội đề cao mình và dẫn dụ, dẫn dắt người khác để họ tôn trọng, ngưỡng mộ mình. Nhưng liệu đó có phải là hạnh phúc tích cực, hạnh phúc bền vững không? Hạnh phúc không chỉ là cảm xúc thỏa mãn của bản thân mà nó phải gắn với niềm vui, hạnh phúc của người khác. Giá trị cao cả nhất của hạnh phúc là mang lại hạnh phúc cho người khác. ■



Tại sao cần phải thiền định?

MATTHIEU RICARD
HOANG PHONG dịch

1. Biến cải chính mình là cách giúp mình biến cải thế giới

Vun xới các phẩm tính nội tâm chính là cách hữu hiệu hơn cả để giúp mình giúp đỡ kẻ khác. Tuy ban đầu thì các kinh nghiệm mà mình thu thập được cũng chỉ liên quan đến cá nhân mình, thế nhưng sau cùng thì chúng cũng sẽ mang lại cho mình một sự cảm thông sâu rộng hơn đối với vạn loài chúng sinh. Tất cả con người chúng ta sống trên cõi đời này đều lệ thuộc vào nhau và không ai lại muốn mình phải gánh chịu khổ đau cả. Sự kiện được hưởng “sung sướng” giữa muôn ngàn người khác đang khổ đau, dù có thực hiện được đi nữa, thì cũng sẽ không mang một ý nghĩa nào cả. Nếu chỉ biết mong cầu hạnh phúc riêng cho cá nhân mình thì nhất định là mình sẽ không sao thực hiện được, bởi vì sự ích kỷ tự xem mình là trung tâm, tự nó đã là cội nguồn mang lại mọi sự bất an. Văn hào Romain Roland có nói rằng: “Khi niềm hạnh phúc ích kỷ vẫn còn là chủ đích duy nhất trong đời mình, thì khi ấy cuộc sống tự nó cũng sẽ chẳng mang một mục đích nào cả”. Dù các điều kiện bên ngoài mà mình tạo ra được có thể mang lại hạnh phúc cho mình đi nữa, nhất định chúng ta sẽ không bao giờ cảm nhận được hạnh phúc thật sự khi mình vẫn còn bất cần đến kẻ khác. Chỉ có tình nhân ái và lòng từ bi mới có thể mang lại một niềm hạnh phúc đích thật mà thôi.

Những điều trên đây không hề mang chủ đích thuyết giảng về luân lý cho ai cả, mà chỉ cốt nêu lên một sự thật. Nếu duy nhất chỉ biết mong cầu hạnh phúc cá nhân thì nhất định là mình sẽ không bao giờ có thể mang lại hạnh phúc cho mình cũng như cho người khác. Người ta thường nghĩ rằng nếu tự mình tách rời tất cả mọi người

chung quanh thì sẽ dễ bảo toàn sự an vui của mình hơn (có nghĩa là nếu mỗi người đều tự tách xa những người khác thì đây sẽ là cách mang lại hạnh phúc cho tất cả mọi người!), tiếc thay trên thực tế thì kết quả sẽ hoàn toàn trái ngược. Một khi mình vẫn còn bị giằng co giữa hy vọng và sợ hãi thì chẳng những chỉ là cách tạo ra cho mình một cuộc sống nghèo nàn mà còn mang lại mọi thứ thiệt thòi cho cuộc sống của những người chung quanh. Kết cuộc là tất cả mọi người đều bị thua thiệt.

Một trong các nguyên nhân chính yếu nhất đưa đến sự thua thiệt đó là thế giới không hề được cấu tạo bởi bất cứ một thực thể tự chủ, hàm chứa bất cứ một bản chất tự tại nào có thể khiến cho thực thể ấy tự chúng xinh đẹp hay xấu xí, thân thiện hay thù nghịch: mọi sự vật và con người luôn tương tác và lệ thuộc vào nhau trên dòng tiến hóa bất tận. Hơn nữa ngay cả đối với các thành phần tạo ra mọi sự vật và con người thì nhất thiết chúng cũng chỉ có thể hiện hữu bằng cách tương liên với nhau. Thái độ tự xem mình là trung tâm sẽ khiến mình rơi vào một tình trạng phải thường xuyên đương đầu với hiện thực đó và đây cũng chỉ là cách mang lại thất bại cho mình.

Đối với Phật giáo thì lòng vị tha là một cảm tính mong sao kẻ khác tìm được hạnh phúc, và cảm tính ấy cũng tương tự như lòng từ bi - tức lòng ước mong làm tan biến mọi khổ đau và cả các nguyên nhân mang lại khổ đau mà người khác đang phải gánh chịu. Lòng vị tha ấy không chỉ đơn giản là các cảm tính cao quý, mà từ căn bản còn là những cảm tính thích nghi mang cùng một bản chất hài hòa với bản thể tự nhiên của mọi sự vật. Nếu tất cả chúng ta đều mong muốn tránh khỏi khổ đau thì nào có

khác gì so với vô lượng chúng sinh, tất cả đều ước mong tránh khỏi khổ đau tương tự như chính mình. Bởi vì tất cả chúng ta đều tương kết và lệ thuộc vào nhau, nên hạnh phúc và khổ đau của mình cũng sẽ không tránh khỏi lệ thuộc vào hạnh phúc và khổ đau của kẻ khác. Vun xối tình thương và lòng từ bi là cả một sự thách đố đối với chính mình, sự thách đố đó sẽ mang lại hai điều tốt đẹp: trước hết là các cảm tính an vui sẽ nảy nở trong nội tâm mình, rồi sau đó chúng sẽ mang lại cho mình một thái độ hành xử mà tất cả mọi người khi nhìn vào đều nhận thấy hiện lên lòng từ tâm của chính mình.

Chỉ khi nào cảm thấy mình liên quan thật sâu xa với những nỗi khổ đau của kẻ khác thì khi đó mình mới ý thức được là phải suy nghĩ và hành động sao cho thật đúng đắn và sáng suốt. Nếu muốn thực hiện được các nghĩa cử mang lại hiệu quả thật sự, thì nhất thiết chúng phải được hướng dẫn bởi trí tuệ, và trí tuệ thì cũng chỉ có thể thực hiện được bằng phép thiền định mà thôi. Chủ đích cao quý nhất của thiền định là biến cải chính mình hầu giúp mình biến cải thế giới, nói cách khác là giúp mình trở thành một con người hoàn hảo hơn, hầu có thể phục vụ kẻ khác hữu hiệu hơn. Phép thiền định sẽ giúp mang đến cho sự sống ý nghĩa cao quý nhất của nó.

2. Thiền định mang lại nhiều kết quả thật sâu rộng

Tuy rằng chủ đích trước nhất của thiền định là biến cải các kinh nghiệm cảm nhận của mình đối với thế giới, thế nhưng các kinh nghiệm cảm nhận ấy còn cải thiện được cả sức khỏe của mình nữa. Từ hơn mười năm nay các trường đại học lớn trên đất Mỹ, chẳng hạn như Đại học Madison ở tiểu bang Wisconsin, và các đại học khác như Princeton, Harvard và Berkeley, cùng các đại học Âu châu như ở Zurich (Thụy Sĩ) và Maastrich (Hà Lan) đều thực hiện các công cuộc khảo cứu thật sâu rộng về các kết quả ngắn cũng như dài hạn do phép thiền định mang lại trong việc cải biến não bộ. Những người hành thiền lão luyện từng luyện tập từ 10.000 đến 60.000 giờ cho thấy là họ đạt được một sự chú tâm thật tinh khiết mà những người mới tập không sao thực hiện được. Chẳng hạn như họ có thể giữ được sự tập trung tâm thần suốt 45 phút hướng vào một sự việc duy nhất nào đó, trong khi những người khác không thể kéo dài sự chú tâm quá 5 hay 10 phút và cũng chính vì thế nên các sự lầm lẫn ngày càng gia tăng. Những người hành thiền lão luyện có thể tạo ra cho mình các thể dạng tâm thần mình muốn, tập trung, vững chắc và cực mạnh. Các công trình nghiên cứu khoa học đã chứng minh cho thấy là vùng não bộ tạo ra các xúc cảm - chẳng hạn như lòng từ bi - của những người hành thiền lão luyện và nhiều kinh nghiệm, luôn hàm chứa một khả năng hoạt động cao hơn nhiều so với những người mới tập. Các khám phá này cho thấy rằng các phẩm tính của con người hoàn toàn có thể cải tiến được nhờ vào sự luyện tập tâm thức.

Trong khuôn khổ hạn hẹp của bài viết này, tuy không trình bày hết được những chi tiết liên quan đến các khám phá trên đây, nhưng cũng phải công nhận là ngày càng có nhiều công trình khảo cứu chứng minh là phép thiền định dù chỉ luyện tập trong một thời gian ngắn cũng có thể làm giảm bớt một cách đáng kể tình trạng căng thẳng tâm thần (stress), một tình trạng mà hậu quả gây tác hại đến sức khỏe nói chung của nó đã được y khoa chứng minh một cách rõ ràng; cũng như các xúc cảm lo âu và các xu hướng đưa đến sự giận dữ (giận dữ sẽ làm giảm khả năng phục hồi và dễ gây ra cái chết cho các bệnh nhân bị mỡ tim), ngoài ra đối với những người từng bị bệnh trầm cảm ít nhất hai lần thật nặng, thì các xúc cảm này cũng sẽ dễ khiến cho căn bệnh này tái phát. Nếu luyện tập thiền định mỗi ngày được khoảng 30 phút trong vòng tám tuần lễ liên tiếp (theo phép thiền định MBSR/Mindfulness Meditation Stress Reduction/ Thiền định nhằm tạo ra một thể dạng tâm linh tinh thức làm giảm chứng căng thẳng thần kinh) sẽ giúp làm gia tăng các khả năng miễn nhiễm của cơ thể, đồng thời cũng làm phát sinh các xúc cảm tích cực, cũng như tăng cường khả năng chú tâm và làm hạ thấp chứng tăng huyết áp của những người thường xuyên bị căng thẳng cực độ, và nhất là sẽ chữa lành được căn bệnh vẩy nến (psoriasis) thật nhanh chóng. Các khảo cứu về ảnh hưởng mang lại từ các thể dạng tâm thần khác nhau đối với tình trạng sức khỏe, trước đây vẫn được xem như là những chuyện không tưởng, thì ngày nay càng được quan tâm đến và được đưa lên hàng đầu trong các chương trình khảo cứu khoa học.

Dù không muốn rầm rộ nêu lên các khám phá ngoạn mục trên đây, thế nhưng không khỏi phải công nhận việc thiền định và “luyện tập tâm thức” có thể cải biến được cuộc sống của cả một con người. Chúng ta thường có khuynh hướng đánh giá quá thấp các khả năng biến cải tâm thần cũng như các hiệu quả mà cuộc “cách mạng nội tâm” thật êm thấm và sâu xa đó đã mang lại cho chúng ta, giúp chúng ta tạo ra cho mình một cuộc sống hàm chứa nhiều phẩm tính hơn.

Một cuộc sống vẹn toàn không phải chỉ đơn giản là một chuỗi dài các giác cảm thích thú tiếp nối nhau, mà thật ra là một sự biến cải cảm quan của chính mình về các biến cố bất an của sự hiện hữu, hầu giúp mình vượt lên trên các biến cố ấy. Việc luyện tập tâm thức không những có thể giúp hóa giải các thứ độc tố tâm thần, chẳng hạn như các xúc cảm hận thù và bám víu luôn tìm cách đầu độc sự hiện hữu của mình, mà còn giúp mình đạt được một sự hiểu biết minh bạch hơn về phương cách vận hành của tâm thức, hầu mang lại cho mình một sự nhận thức chính xác giúp mình đương đầu dễ dàng hơn với sự thăng trầm của cuộc sống, và nhất là giúp mình rút tỉa được những bài học thật sâu sắc từ chính các thể dạng thăng trầm ấy. ■

Nguồn: *Pourquoi méditer?* Matthieu Ricard, <http://www.buddhaline.net/L-art-de-la-Meditation-Matthieu>.



Đường về Xứ Tạng

Bài & ảnh: TRƯỜNG KHA

Cuộc đời của mỗi người là một chuỗi dài những sự kinh lịch, nếu không biết sống chậm lại để chiêm nghiệm, hẳn sẽ chẳng thấy được sự mầu nhiệm xung quanh. Chính từ nhận thức này, tôi luôn tin rằng đời mình như có sự dẫn dắt của một tha lực vô hình; và với mỗi người, tha lực này dựa vào sự tu tập, vào mức độ trách nhiệm cũng như vào sự trân trọng đối với mỗi khắc sống của chính họ.

Chưa một lần trong đời tôi dám nghĩ rằng một ngày nào đó, bước chân tôi hiện hữu trên vùng cao nguyên Tây Tạng. Tại mỗi cung bậc của cuộc sống, điều tôi có thể làm được để đến gần hơn với những ước mơ là ý chí và sự cố gắng không ngừng. Trước nhiều sự kiện diễn ra trong không tưởng, tôi hiểu hơn về những điều chẳng thể làm sao giải thích được, và cho rằng chỉ có sự đồng cảm tôn giáo mới đánh bật mọi định kiến suy diễn.

Mùng sáu, tháng Giêng, năm Giáp Ngọ.

Trong cơn mơ, tôi lạc vào vùng hoang lạ. Không gian u tịch xám mờ trong làn sương nhẹ. Men theo lối đi, một lực hút vô hình kéo mạnh tôi đến ngạch cửa một ngôi đền. Cảm giác là lo sợ. Lấy hết can đảm, tôi đưa tay đẩy nhẹ khung cửa. Bên trong là một điện thờ, chính giữa là tượng Ông, hai bên là tượng Bà, làn hương trầm từ đâu ngan ngát tỏa khắp chánh điện, khói bay nghi ngút, cảm giác thật huyền hoặc. Giật mình tỉnh giấc, mồ hôi tuôn đầm áo.

Sau đó, công việc cuốn hút khiến tôi không còn nhớ đến những hình ảnh trong giấc mơ.

Vào một chiều, nhận lời mời của anh chị bạn đạo uy tín trong ngành xuất bản, tôi đến thăm ngôi nhà mới của anh chị ở quận ba. Anh chị dẫn tôi đi thăm quanh nhà và mong muốn vài lời góp ý để ngôi nhà mới được khang trang hơn. Khi tôi ra về, chị đưa ra một

món quà gửi tặng; bảo rằng không biết bên trong là gì, chỉ biết chuyển lại, tùy nghi sử dụng. Cầm gói quà trên tay, thật lạ, suốt quãng đường về nhà, tôi có một cảm xúc hạnh phúc dâng tràn như bay bổng, không phải là niềm hạnh phúc của một đứa trẻ được người lớn cho kẹo, cũng không phải như khi được ai trao một món quà quý giá hay nhận được một khoản tiền lớn từ công việc mình đã làm... một cảm giác không thể tả được bằng lời, mà tôi cho rằng chỉ những ai từng cảm nhận những giá trị tâm linh mới hiểu hết điều tôi muốn diễn đạt. Tôi muốn về ngay nhà để chia sẻ với những người thân, nhưng sự việc không diễn ra như ý tôi. Tôi một mình cẩn thận mở từng lớp giấy gói món quà. Thật là ngạc nhiên khi món quà chỉ là một con ốc được trang trí những họa tiết kim loại bao bọc xung quanh như một vật lưu niệm. Sau này, khi tiếp xúc với các vị Yogin xứ Tạng, tôi được biết đó là vật tượng trưng cho Pháp Loa, biểu tượng cho sự lưu truyền chánh pháp và là một trong bát bảo kiết tường, tám món biểu hiện điểm lành trong Mật giáo được các vị Chuyển luân Thánh vương (Chakravartin) cúng dường Tam bảo.

Giấc mơ cũ trở về, lặp đi lặp lại liên tiếp trong hai đêm khiến tôi không khỏi phân tâm. Việc tìm kiếm thăm hỏi nhiều bạn đạo về ngôi chùa có đặc điểm tương tự trong giấc mơ kéo dài nhiều ngày đều không kết quả khiến tôi thất vọng, không còn tập trung đến công việc. Tôi thối thuận nếu như có sứ mệnh nào từ sự mách bảo của giấc mơ thì xin được chỉ dẫn cụ thể hơn nữa.

Mọi việc trôi qua trong sự hoài nghi. Nhưng tôi còn phải mưu sinh không thể sống trong sự thấp thỏm, tôi trở lại với công việc hàng ngày. Cho đến một buổi sáng nọ, một người phụ nữ trên một chiếc xe màu xám bạc dừng trước cửa nhà. Chị cho biết muốn tôi ấn tống giúp cuốn tự truyện về hành trình tu tập đặc đạo của một vị sư Tây Tạng; công việc có phần khẩn cấp, cần xúc tiến trước khi chị quay trở lại tu viện Thubten Chokor Ling ở Golok trong vùng Amdo (Yên Đa) phía Đông Tây Tạng. Tuy nhiên, vì công việc in ấn cần sự cấp phép thông qua đơn vị kiểm duyệt, tôi hẹn chị sau hai ngày trả lời, chị đồng tình.

Chưa đến ngày, chị đã cho biết chị đang vướng mắc trong việc xin thị thực (visa) hộ chiếu vào Trung Quốc và mong muốn có mối quan hệ giúp chị lấy giấy thông hành. Qua giới thiệu tôi biết tên chị là Thật – hiện là thư ký đại diện Việt Nam tại tu viện của ngài Hungkar Dorje Rinpoche, một vị đạo sư thuộc dòng truyền thừa Nyingma của Mật giáo Tây Tạng.

Với các Phật tử, tôi luôn ủng hộ bằng khả năng mình, nên việc chị nhờ, tôi đã tìm hiểu và được biết, vì chị đã lưu trú vượt thời gian quy định, chị bị cấm ở tất cả các hạng mục visa Trung Quốc, trừ hạng visa thương nhân. Tôi trả lời chị, để chị được cấp giấy thông hành trong trường hợp này, tôi sẽ đích thân bảo lãnh chị và đi cùng chị trong cuộc hành trình; vì tôi có điều

kiện đi cùng một người bạn nữa. Nghe vậy, chị rất hoan hỷ, mặc dù chị vẫn ngại tôi gặp khó khăn khi xin giấy thông hành lưu trú ở Tây Tạng với lý do tuổi tác. Tuy nhiên tôi vẫn tự tin mọi việc sẽ ổn.

Hộ chiếu của chị được gửi ra Hà Nội với phiếu hẹn một tuần làm việc. Kể đó, chúng tôi đặt vé cho cuộc hành trình đến Golok. Đến ngày đi, riêng chị phải hoãn lại vì người có thẩm quyền quyết định ký duyệt đang đi công tác xa. Chúng tôi bay trước và hẹn gặp lại chị tại thị trấn Tây Ninh (Xiníng) ở Đặc khu Thanh Hải.

Sau chặng bay dài đổi chuyển qua ba tỉnh Nam Ninh – Bình An – Bắc Kinh, mười hai giờ đêm chúng tôi đến sân bay Thanh Hải làm thủ tục nhập cảnh. Do sử dụng thẻ thông hành Apec, chúng tôi đã phải giải thích với cơ quan an ninh là chỉ thuần túy đi du lịch chứ không có mục đích chính trị (hộ chiếu cá nhân của chúng tôi đã qua bảy mươi hai quốc gia), chúng tôi mới được phép vào Tây Tạng.

Trời khuya, Thanh Hải lạnh buốt lòng. Sau hành trình dài, tôi thối mệt. Mặc dù trước đó, chị Thật đã liên hệ với ngài Hungkar đặt chỗ lưu trú chỉ định khách sạn cho chúng tôi, nhưng với điều kiện sức khỏe, tôi quyết định thuê khách sạn gần sân bay để nghỉ lại. Gần hai giờ sáng chúng tôi mới hoàn tất mọi thủ tục đặt phòng. Vừa nhận phòng và hộp vội ngum nước để qua cơn đói, nhân viên lễ tân đã thông báo có cuộc hẹn tại quầy sau mười phút. Chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra, tôi đành quay lại phòng tiếp tân. Cô nhân viên khách sạn đưa tôi chiếc điện thoại bàn. Vừa nhắc máy, đầu dây bên kia có giọng người đàn ông bảo ngài Hungkar chuyển lời “sáu giờ sáng có người đón chúng tôi trước cửa khách sạn, mọi việc tiếp dẫn sau”. Trở lại phòng tôi cứ ngẩn ngơ, làm thế nào họ có thể biết được tôi đã đến nơi và lưu trú lại đây. Suốt đêm trần trọc, đúng giờ, chúng tôi trả phòng; bên ngoài khách sạn người đàn ông với chiếc xe màu xám lông chuột đã chờ sẵn; hành trình vượt ngàn cây số đến Golok cũng bắt đầu.

Tôi gợi ý cùng anh tài xế muốn viếng thăm tu viện trong vùng Thanh Hải, anh đồng tình. Sau 40 phút, chúng tôi đến tu viện Taer Monastery. Qua giới thiệu, tôi được biết đây là một trong sáu ngôi đại Tùng lâm quan trọng của tông phái Cách-lỗ (Gelugpa Sect) trên toàn Tây Tạng, là nơi hợp nhất Tăng chúng tu học nghiêm cẩn, có sự góp công to lớn của ngài Đại sư Tông-khách-ba (Tsong Khapa), Sư tổ của phái Cách-lỗ. Nơi đây còn nổi tiếng với sự tích cây Cổ lai Chiên-đàn (cây có trăm ngàn tượng Phật) nằm chính giữa các điện, nên còn có tên gọi là Thập Vạn Phật tự (Kum Bum Monastery hay Thập-nhĩ tự).

Không muốn làm phiền người tài xế, chúng tôi bước vội đến mua vé vào tu viện theo cổng chánh đông để được chiêm bái Đức Phật. Sự nhẹ nhàng vắng lặng hòa quyện cùng sắc màu đặc trưng của tu viện tạo nên dáng vẻ nguy nga hiện hữu thách thức cùng thời gian. Đi qua tháp mái vàng của Hộ Pháp điện (Dharma Protector



Temple) chúng tôi bắt gặp biểu tượng thường thấy thông qua thông tin báo giới – hàng Như Lai Bát Tháp (Eight Great Stupas) – được nhiều khách thập phương cũng như người dân Thanh-Tạng đến chiêm bái.

Sau khi thăm viếng các điện thờ trong tu viện, tôi ngồi nán lại một góc bên thềm Hộ Pháp điện. Tự nhiên, tôi không rời mắt nhìn về hướng khuất tấm, nơi đó có một ngôi điện thờ gần như ngôi nhà hoang, rất ít khách thăm viếng, có thể vì họ đã lướt qua mà không để ý tới; mặt khác vì cửa vào ngôi điện này khá nhỏ so với khung tường chắn kiên cố bao quanh nên rất khó để khách thập phương xác định bên trong có điện thờ. Tôi lập tức tiến lại gần hơn. Càng lại gần, tôi càng thấy khói hương trầm nghi ngút. Trước cửa điện là một tảng đá được phủ quanh bằng nhiều loại tiền nằm trên một mô đất hình chữ nhật án ngữ, tạo nên hai lối vào điện chánh. Hai bên có trồng hai cây tùng to lớn như hai vị hộ pháp canh giữ, tạo nên một không gian linh thiêng huyền ảo.

Tôi linh cảm được sự tương đồng với những gì đã gặp trong giấc mơ. Bước vào sâu hơn, vỡ òa trong tôi một cảm xúc khó tả: ba vị được tôn thờ trong điện hoàn toàn không giống với bất kì vị Bồ-tát nào trong các điện thờ xung quanh; các vị có hình tượng như người thường. Tôi quỳ lạy dập đầu và xem như một nhân duyên to lớn nào đã sắp đặt cho tôi được toại ý theo chỉ dẫn trên con đường tu học ở phương Đông

– một ngã rẽ định mệnh trên con đường tu Mật và tại tu viện này. Về sau, khi đọc thông tin trên các chỉ dẫn, tôi mới biết được đây là nơi thờ phụng mẹ ngài Tông-khách-ba, và cũng là nơi duy nhất có một bảo tháp Niết-bàn (Stupa of Nirvana) không có bốn tầng Tứ Diệu Đế ở đáy tháp, điều này biểu tượng cho sự viên mãn tu thành chánh quả.

Rời khỏi tu viện Taer, chúng tôi nhanh chóng về Golok dưới ánh nắng vàng đủ nóng làm cháy ửng đỏ những đôi má người Tạng. Dọc đường anh tài xế thỉnh thoảng mở cửa để gió lùa vào trong xe. Chúng tôi quen dần với áp suất độ cao bên ngoài, anh bạn cùng đi phấn khởi với suy nghĩ sẽ được nhìn tuyết trắng xóa trên đỉnh Golok. Bên ngoài núi non trùng điệp, vài đàn trâu Yak khoan thai băng ngang con đường mà hai bên chỉ lưa thưa vài căn nhà tạm của người dân du mục. Mọi thứ xung quanh như xa dần với đời sống thế tục. Sự hoang vu bao trùm khắp nẻo đường, nhiều mạn-đà-la được giăng trên các vách đá cheo leo tạo nên một bức tranh thiêng đặc trưng không nơi nào có được. Tôi thiếp đi lúc nào không hay...

Có tiếng gõ cửa bằng ngôn ngữ lạ. Chàng tỉnh, tôi đã đến tu viện Thubten Chokor Ling, nhìn đồng hồ cũng đã năm giờ chiều. Một vị Yogin giúp chúng tôi khuôn hành lý, một vị Yogin khác ra dấu mời chúng tôi đi theo chỉ dẫn của họ. Về thất vọng hiện rõ trên nét

mặt của người bạn cùng đi với tôi: Ngoài những vũng nước như sinh lầy, trên con đường đất dẫn đến tu viện chẳng có mảng tuyết nào. Vào bên trong điện, chúng tôi nhận thấy có nhiều vị sư đang làm lễ cầu nguyện. Ngài Hungkar Dorje Rinpoche ngồi trên bục cao, chúng tôi tiếp lễ xá lạy và xin phép về phòng nghỉ ngơi.

Trước chúng tôi một ngày, hai bạn cộng tu người Trung Quốc cũng đã đến tu viện, lưu trú cạnh phòng. Họ cho biết có ai đó thúc giục họ đến. Sau cuộc trò chuyện, mọi người về lại phòng sinh hoạt. Đêm đầu tiên, tôi bị hội chứng độ cao: thở khó, đầu nhức buốt, tôi phải nằm liệt giường. Thật may, hai người bạn phòng bên là bác sĩ Đông y, như đã biết trước điều này, họ đã châm cứu giúp tôi khỏe được phần nào.

Một ngày đảo quanh, viếng các điện thờ trong tu viện, chợt trong đầu tôi xuất hiện ngôn từ Lama Sang. Tôi không hiểu tại sao lại đọc được ngôn từ này. Khi hỏi người bạn đồng tu, tôi khá bất ngờ khi biết thân phụ ngài Hungkar là ngài Orgyen Kusum Lingpa – một trong những vị đã phát hiện các văn bản cổ của Phật giáo Tây Tạng được tàng trữ ở những nơi bí mật, đã viên tịch ngày 26/2/2009 – vẫn được các Phật tử tôn kính gọi là Lama Sang.

Tôi lại phải chịu đựng một cơn đau dữ dội về đêm, toàn thân tím tái; trong cơn lơ mơ như say, tôi thấy có hai vị tu sĩ một cao lớn, một thấp tầm nước da sẫm, đến thăm hỏi.

Anh bạn thân chạy mượn bình oxy lỏng giúp tôi thở. Khi thông tin được đưa về Việt Nam, các anh chị Phật tử thân cận lo lắng, gởi đồ giữ nhiệt sang để tôi không bị cảm lạnh. Đến sáng tôi vẫn không thể rời khỏi vị trí nằm, cái lạnh xứ Tạng làm buốt hết chân tay, da tôi đổi màu đen dần, tình hình không khả quan hơn. Khóa tu học mỗi ngày hai thời nghiêm ngặt mọi người đều phải tuân thủ; riêng mình tôi phải nằm lại trong phòng, không thể nhờ được sự trợ giúp nào. Tôi đã nghĩ đến tình huống tối hậu, rằng tôi sẽ trút hơi thở cuối cùng và gởi thân lại xứ này mà trong lòng cảm thấy thật an lành: Trước đó mười ngày, đã có người ra đi vì hội chứng tương tự. Mọi thứ tĩnh lặng khó tả. Bỗng ai đó kéo phần mềm trùm mặt tôi xuống. Ánh sáng làm tôi thức giấc, mắt tôi như sáng ngời vì không thể tin được: hai vị sư tôi thấy đêm qua đang hiện diện. Họ từ Nepal mới đến, cầm tay tôi bắt mạch. Tôi cảm thấy đỡ hơn nhiều sau khi được cho uống một ly nước hòa tan một thứ bột trắng đục. Nụ cười từ bi trên khuôn mặt hai vị sư trẻ khiến tôi cảm kích tận đáy lòng.

Một tuần trôi qua, tôi vẫn không có tin tức gì về chị Thật, bỗng chốc không biết chị có thể đến được như đã hẹn không. Mỗi ngày đều trôi qua thật nhanh. Tôi đã chuẩn bị sẵn nhiều phong thư tiễn để ba người chúng tôi thăm và chia sẻ với dân Tạng quanh tu viện Thubten. Vị Yogin trẻ chuyển lời của ngài Hungkar mời chúng tôi dùng bữa ăn nhẹ lót dạ vào buổi chiều mà ở đây họ gọi là điểm tâm chiều. Lúc ngồi tiếp chuyện,

ngài Hungkar cho chúng tôi biết là ngày hôm sau chị Thật sẽ đến nơi, tôi thầm vui trong bụng.

Về phòng, tôi lại gặp hội chứng độ cao, lần này thật nặng nề, tôi ở trong một trạng thái như thể không còn biết gì, huyết áp hạ đến mức báo động. Tôi xin ngài Hungkar cho phép được rời khỏi tu viện gấp rút, càng sớm càng tốt. Tôi muốn xuống nghỉ dưỡng ở một nơi có độ cao ít hơn để quen dần với khí hậu khắc nghiệt, nhưng ngài Hungkar cho người mang đến một bình dưỡng khí lớn và nói tôi cố gắng chờ đến bây giờ sáng. Điều làm được trong lúc này là sự cầu nguyện và mong đến sáng về lại Thanh Hải.

Như thường lệ năm giờ sáng cả hai anh em chúng tôi đều thức giấc, nhưng hôm nay phải nhờ đến sự đánh thức của một vị Yogin. Chúng tôi lo vệ sinh phòng thật nhanh để đến chào ngài Hungkar ra về; hành lý đã được các Yogin khuôn xếp sẵn vào xe, cả hai anh em chúng tôi nhìn nhau tròn mắt khi cánh cửa chung của cả dãy phòng (mỗi dãy phòng đều có một cánh cửa chung để hâm lạnh bên ngoài vào) vừa mở. Ngoài trời tuyết trắng xóa phủ khắp các con đường. Hạnh phúc vỡ òa bay bổng khi chúng tôi chạy tung tăng trên tuyết, từng dấu chân lưu lại sau lưng, hất mạnh từng tán lá tùng, những mảng tuyết rơi tung trên áo, sự thích thú hỗn nhiên như những đứa trẻ, quên hẳn ngoài cổng tu viện, ngài Hungkar trên tay cầm hai chiếc khăn trắng (Khata) cùng hai Kinh Luân giữa hai hàng các vị Yogin đang đợi để tiễn chúng tôi ra về.

Trở lại Thanh Hải, suốt chặng đường dài tuyết rơi trắng xóa lối về, anh tài xế trấn an, đưa tôi hộp giấy, bên trong có nhiều xấp giấy nhỏ có in hình một vị thần cỡi ngựa đang phi nước đại nhiều màu sắc. Thỉnh thoảng anh kéo cửa kiếng và bảo tôi cầm xấp giấy thả bay vào núi đồi.

Suốt chặng lên – xuống Golok, nhiều lần gặp phải cảnh sát an ninh, nhưng chúng tôi không bị kiểm tra hay nộp phí thông hành (thông thường là bốn mươi nhân dân tệ mỗi đầu người); sau này khi kể lại, ai cũng nghi ngại về tính hi hữu.

Ngày chúng tôi về đến Thanh Hải cũng là ngày chị Thật đến được tu viện Thubten. Ba chúng tôi đã liên lạc được nhau, chị tiếc vì sự chậm trễ. Chúng tôi huyền thuyên đặc ý kể chị nghe về tình trạng tuyết phủ kín tu viện. Chị ngắt lời như thể tôi vừa kể về một vùng đất xa lạ nào khác; chị bảo đang ở tu viện, ngoài trời se se lạnh, tuyết nhiên chẳng có tuyết nào ở đây.

Về đến TP.HCM, trên bàn làm việc của tôi có phong thư cũ của anh chị nhà xuất bản nọ, trong thư nét chữ cẩn thận với lời xin lỗi vì chưa kịp nói tên người nhờ chuyển: Pháp Loa Hungkar Dorje Rinpoche.

Có thể với bạn đó là sự ngẫu nhiên trùng hợp, nhưng cũng bởi những trải nghiệm quý giá này, tôi luôn ý thức rằng, phải sống bằng tình thương nội tâm sâu sắc để cảm nhận sự khác biệt trong mỗi khắc nhiệm mầu quanh mình. ■

Bài 2: Ăn thực dưỡng thế nào cho đúng cách?

Ý NHỊ



Cuộc sống công nghiệp nơi thành thị ồn ào, bận rộn với nhiều áp lực làm chúng ta không còn hoặc có ít thì giờ để tâm tới việc ăn uống sao cho có sức khỏe thực sự. Tuy nhiên, những năm gần đây, càng ngày càng có nhiều người quan tâm và thực hành ăn uống theo phương pháp thực dưỡng (PPTD) – Một phương pháp ăn uống thuận theo trật tự của thiên nhiên, lấy hạt ngũ cốc còn nguyên cám (hạt cốc lứt) làm thức ăn chính và rau đậu, hoa quả làm thức ăn phụ với một số gia vị căn bản là tương đậu, muối biển và rong biển... Thực tế cho thấy thực hành ăn uống theo PPTD đã đem lại những kết quả đáng ngạc nhiên và khoa học cũng đã chứng minh là PPTD thực sự có giá trị trong việc giữ gìn sức khỏe và đẩy lùi bệnh tật.

Đầu biết thực dưỡng là phương pháp đem lại nhiều lợi ích nhưng khi ăn uống theo phương pháp này chúng ta phải từ bỏ lối sống cầu thả bữa bãi trước đây với những thức ăn nhanh khoái khẩu và đã quen dùng trong nhiều năm qua. Điều này thật không dễ chịu, đặc biệt là đối với các bạn thanh niên hằng ngày phải đối diện với công việc, cuộc sống đòi hỏi phải giao tế thủ tiếp. Những bậc trung và cao niên khi chuyển qua ăn uống theo PPTD sẽ dễ thích ứng hơn các bạn trẻ, có lẽ một phần do hầu hết thức ăn của PPTD được chế biến và nấu nướng theo truyền thống trong gia đình mà họ đã quen dùng từ thời thơ ấu. Dù sao vì lợi ích sức khỏe dài lâu, vì một đời sống chất lượng, vô bệnh, dù già trẻ nam hay nữ các bạn nên quay lại với lối sống truyền thống và ăn uống tự nhiên.

Phải bắt đầu như thế nào?

Trước hết cần bỏ hẳn thực phẩm tinh chế, xử lý hóa học, gạo xay xát trắng, đường trắng tinh luyện, nước ngọt có gas, cà phê pha tạp, trà nhuộm màu, bánh kẹo ngọt... Giảm bớt thịt thú, thịt đỏ và thức ăn có nguồn gốc động vật. Nếu cơ thể còn đòi hỏi chúng ta cũng có thể dùng ít tôm cá và thịt trắng...

Và sau đây là một số hướng dẫn căn bản để mỗi người chúng ta có thể tùy nghi áp dụng trong cuộc sống hằng ngày và nhờ thế có thể sống khỏe, sống vui...

1. Hạt cốc là thức ăn chính của chúng ta

Hạt cốc gồm: Gạo tẻ, gạo nếp, lúa mì, lúa mạch, kê, bắp, yến mạch, kiều mạch... tất cả phải là hạt còn nguyên vỏ cám. Hạt cốc có thể chế biến thành cơm, xúp, cháo, thành bún, mì, nui, bánh đa, bánh mì, bột và còn nhiều hình thức khác để bữa ăn thêm phong phú đa dạng.

2. Thức ăn phụ là rau củ, đậu hạt, hoa quả và rong biển

Rau xanh nên được dùng thường xuyên và đầy đủ trong mỗi bữa ăn. Đậu hạt là nguồn cung cấp protein dồi dào. Các loại đậu nên dùng là đậu đỏ, đậu đen, đậu xanh, đậu nành, đậu hà lan, đậu gà, đậu lăng... Các loại hạt có dầu như hạt lanh, hạt mè, đậu phộng, hạt điều, hạt bí, hướng dương, hạt macadamia, hồ đào, hạnh nhân và nhiều loại hạt đa dạng cũng là nguồn cung cấp các chất chống oxy hóa và nhiều dưỡng chất thiết yếu cho cơ thể. Rong biển cũng là món quà

mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Rong biển có chứa nhiều i-ốt và nhiều chất dinh dưỡng quý giá.

Các loại hạt cốc, rau củ, đậu hạt, hoa quả đều nên được trồng tự nhiên tại địa phương, không sử dụng phân và thuốc trừ sâu hóa học.

3. Gia vị chính trong nhà bếp thực dưỡng

Gồm muối biển, tương đậu nành, dấm gạo và dầu thực vật nguyên chất như dầu mè, dầu phộng, dầu bắp, dầu hướng dương...

4. Ăn chậm rãi và nhai kỹ - dành đủ thời gian cho bữa ăn

"Hãy nhai thức uống và uống thức ăn" (Ghandi).

Ăn chú trọng nhất là nhai kỹ để tiêu hóa một phần lớn thức ăn ngay từ miệng nhờ enzym tiết ra từ nước bọt. Không những vậy nước bọt còn là một loại "thuốc bổ" bồi dưỡng cho cơ thể. Một miếng ăn nên nhai ít nhất từ 50 đến 100 lần.

Một khi đã ngồi vào bàn ăn, bạn không nên làm gì khác nữa. Hãy tập trung vào bữa ăn và cũng không nghĩ đến bất cứ điều gì khác. Khi bạn ăn uống tập trung như vậy, chúng ta sẽ hấp thụ hết nguồn dinh dưỡng của bữa ăn.

Như khi đọc một quyển sách hay xem một bộ phim, bạn tập trung như thế nào để hiểu hết ý nghĩa thì cũng vậy, tập trung trong khi ăn, chúng ta sẽ ăn một cách đầy đủ và trọn vẹn. Mỗi bữa ăn nên được dành đủ thời gian và kéo dài ít nhất là 20 phút.

5. Ăn ít thôi và đừng bao giờ ăn quá no

Đó là bí quyết để có một vóc dáng đẹp và gương mặt trẻ trung. Hãy rời bàn ăn và đứng lên khi bụng còn lưng lửng. Bạn không cần tính toán là mình phải ăn bao nhiêu cho đủ calorie. Thức ăn thực dưỡng được nấu nướng cẩn thận và thưởng thức một cách vui thú sẽ duy trì được trọng lượng vừa phải của cơ thể.

6. Ăn uống điều độ, uống nước đầy đủ

Nên ăn hai hoặc ba bữa mỗi ngày và đúng giờ giấc. Hãy uống khi khát và tùy theo nhu cầu của cơ thể.

7. Vui sống theo tự nhiên

Luật thiên nhiên đổi thay, sinh hoạt ăn uống và nấu nướng nên thuận theo thời gian trôi chảy. Cơ thể và tế bào trong người đổi thay theo mùa, nhu cầu dinh dưỡng vì vậy cũng nên đổi theo. Chúng ta hãy lắng nghe sự biến đổi của cơ thể mà linh động thay đổi lối sống và ăn uống sao cho phù hợp.

Bí quyết ăn uống để sống khỏe và sống vui của PPTD là quân bình và đều độ. Các bạn có thể ăn chay mà vẫn có thể hấp thụ đầy đủ sinh tố, chất khoáng, chất đạm, chất béo, chất bột cần thiết cho sinh lực, sức lớn và sự đổi mới của tế bào.

Cuối cùng "Ăn thông minh, sống vui khỏe", phần thưởng lớn nhất cho chúng ta là sau khi ăn uống theo PPTD một thời gian ngắn chúng ta sẽ cảm thấy thích thú khi cơ thể tốt hơn lên về mọi mặt, trông bạn sẽ trẻ trung hơn nhiều, vóc dáng thanh mảnh hơn, làn da tươi sáng hơn, tinh thần minh mẫn, suy nghĩ nhạy bén, tính tình hiền lành, cơ thể nhanh chóng tái hòa nhập với thiên nhiên chỉ nhờ ăn thực phẩm có chọn lọc và được nấu nướng đúng cách.

Cửa hàng thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo,

số 218-219 phát hành ngày 1-2-2015

THỰC PHẨM DƯỠNG SINH

CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM
Tel.: 08 22422951
Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channnguyen.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

CHÙA LONG ĐỊNH

235A/17 ấp Bà Cò, Phú Thuận 2, xã Đồng Phú, Long Hồ, Vĩnh Long

Mừng Xuân Ất Mùi - 2015

Cung kính cung chúc Chư tôn giáo phẩm GHPGVN, GHPGVN tỉnh Vĩnh Long, Chư tôn thiền đức Tăng Ni các tự viện.

Kính chúc Chính quyền địa phương và các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cùng toàn thể nam nữ Phật tử gần xa.

**VÔ LƯỢNG AN KHANG
VẠN SỰ KIẾT TƯỜNG NHƯ Ý**

Tỳ kheo THÍCH THIỆN THỌ
Trụ trì

TRI ÂN CÔNG ĐỨC

Chùa Long Định khởi công trùng tu ngôi chánh điện từ năm 2000, nhưng sau một thời gian thi công do bị thiếu hụt tài chính vì có nhiều vấn đề phát sinh trong xây dựng, nên bốn tự đành phải tạm ngừng thi công. Nhờ ơn Phật pháp, bốn tự được sự trợ duyên tịnh tài của chư Tăng Ni, Phật tử gần xa đã giúp cho công trình tiếp tục thi công; đến nay ngôi chánh điện tạm hoàn thành được

1/2 công trình. Thấy trụ trì vô cùng hoan hỷ và xin được tán thán, tri ân công đức:

- Chùa Bửu Sơn: Ni trưởng Diệu Tâm, trụ trì và Ni sư Diệu Đạo, Phó trụ trì ở số 28/4, khu phố Tân Thắng Tân Bình, thị trấn Dĩ An, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Nhóm Phật tử thành phố Hồ Chí Minh gồm các Phật tử: PD. Đức Dung, Nguyễn Hoa, Lê Thị Tươi, Hoa Phước, Trịnh Thị Phương Thi, Lâm Bửu Nghi.

- Nhà may Nhựt Duy, Bảy Trình, Minh Ngọc ở Vĩnh Long.

Trước thêm năm mới, Thấy trụ trì và Phật tử bốn tự trân trọng kính chúc chư vị cùng quý Phật tử gần xa thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường như ý.

Tỳ kheo THÍCH THIỆN THỌ
Trụ trì chùa Long Định
(ĐT: 0933 491 797)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN TỪ THIỆN BÁO GIÁC NGỘ
PHÂN CHI HỘI PHẬT GIÁO

CHÙA HÒA QUANG

Số 113 Lê Văn Chí, KP3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: 083.896 4452 – 0913 621 401

Trước thềm năm mới – Xuân Ất Mùi - 2015

Kính chúc

Chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa và Đại đức Tăng Ni các Tự viện.
Quý Cơ quan, Ban ngành, Đoàn thể.
Quý nam nữ Phật tử các Đạo tràng.

VÔ LƯỢNG AN LẠC
VÔ LƯỢNG CÁT TƯỜNG

TKN. THÍCH NỮ NHƯ TRÍ

Viện chủ chùa Hòa Quang - Giảng sư
Ban Hoằng pháp GHPGVN TP.HCM

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN TỪ THIỆN BÁO GIÁC NGỘ
PHÂN CHI HỘI PHẬT GIÁO

CHÙA HÒA QUANG

113, Lê Văn Chí, KP.3, phường Linh Trung, quận Thủ Đức

ĐT: 083 896 4452 – DĐ: 0913 621 401

TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHẬT SỰ 12 THÁNG TRONG NĂM GIÁP NGỌ - 2014

Tổng trị giá thành tiền: 5.197.180.000đ

(Năm tỷ một trăm chín mươi bảy triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)

Trong nhiều năm qua công tác Phật sự của chùa Hòa Quang do Ni sư TN Như Trí ngoài trách nhiệm trụ trì một ngôi chùa, Ni sư còn hướng dẫn cho các Phật tử đạo tràng tu tập và phục vụ từ thiện xã hội; đồng thời ấn tống kinh sách, phát hành báo *Giác Ngộ*, tổ chức đại lễ trai tăng, cúng dường thập tự, viếng thăm cúng dường Trường Cơ bản Phật học tỉnh Đồng Nai: Phân hiệu Tăng 200 vị và phân hiệu Ni 200 vị.

Ni sư TN Như Trí, trụ trì chùa Hòa Quang làm Trưởng đoàn TTXH phục vụ trực tiếp đến những vùng sâu, vùng xa để

tặng quà tình thương tận tay người nghèo, chia sẻ những bất hạnh cùng những người khuyết tật và các cụ già neo đơn; đồng thời quan tâm giúp đỡ cho những người cơ nhỡ khó khăn, với những phần quà mang đầy lòng nhân ái, yêu thương, an ủi, chia sẻ để họ bớt phần buồn tủi, mất mát rui ro, khốn khó trong hoàn cảnh hiện tại.

Trong đoàn từ thiện của chùa Hòa Quang còn có những mạnh thường quân và các nhà hảo tâm góp phần về tài chánh và vật phẩm cùng phương tiện xe cộ để thực hiện các chuyến đi ủy lạo, vùng sâu, vùng xa, vùng cao nguyên, vùng dân tộc ít người,



Chùa Hòa Quang – Ni sư Như Trí, trụ trì và các mạnh thường quân cúng dường tại Trường Cơ bản PH tỉnh Đồng Nai (Phân hiệu Ni)



Ni sư Như Trí, trụ trì và tập thể tặng quà tình thương



Ni sư Như Trí, trụ trì chùa Hòa Quang và các mạnh thường quân trao tặng quà cho Người già neo đơn,...



Ni sư Như Trí và các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm đến tịnh xá Ngọc Truyền (Tây Ninh) cùng Sư cô TN. Phụng Liên trụ trì tịnh xá tổ chức Khóa tu một ngày an lạc



... trao tặng quà cho: bệnh nhân khuyết tật khiếm thị, bệnh nhân tâm thần, người nghèo ở vùng sâu vùng xa, người nghèo khuyết tật tại chùa Minh Trí, thị xã Long Khánh

trong các tỉnh miền Đông, miền Trung, miền Tây Nam Bộ; khi có nhu cầu, đoàn kịp thời đến tận nơi xoa dịu những hoàn cảnh bất hạnh do thiên tai, thời tiết, do sức khỏe, tai nạn hoặc sự cố rủi ro.

Đoàn từ thiện chùa Hòa Quang gồm có các vị:

1. Ni sư Thích nữ Như Trí và Ni chúng cùng Phật tử đạo tràng.
2. Thạc sĩ Đặng Hồng Hạnh, Chủ tịch Hội đồng Trường THCS Bách Việt.
3. Nhà giáo ưu tú Nguyễn Minh Hồng, hiệu trưởng và tập thể thầy cô giáo.
4. Ông Đỗ Thanh Danh, chủ doanh nghiệp kinh doanh gia công vàng bạc đá quý.
5. Bà Lê Thị Thanh Đào, chủ tiệm vàng và tập thể công nhân.
6. Bà Nguyễn Ngọc Yến, đại diện chủ nhà hàng "ở Mỹ" (mạnh thường quân).
7. Ông Nguyễn Thế Vinh Hiển, chủ nhà hàng "ở Mỹ" (mạnh thường quân).
8. Cô Nguyễn Thế Ngọc Vy, chủ nhà hàng "ở Mỹ" (mạnh thường quân).

9. Các nhà hảo tâm và các Phật tử thường xuyên hỗ trợ như: Nguyễn Thị Tuyên, Phan Thị Quế Hối, Nguyễn Văn Xương, Vũ Thị Hương, Lê Thị Thúy, Trịnh Thị Sửu, Lê Thị Xuyên, Nguyễn Thị Thơm, Nguyễn Thị Nay, Dương Thị Nhiều, Phạm Thị Đối.

Cùng toàn thể quý Phật tử các đạo tràng Phân chi Phật giáo TTXH chùa Hòa Quang; tất cả đều chung một tấm lòng: chung tay, góp sức vì nhu cầu cộng đồng để chia sẻ. Mặc dầu phương tiện vận động tài chánh rất khó khăn nhưng trong 12 tháng qua đã hoàn thành kế hoạch để ra đầu năm 2014, đạt được thành quả **5.197.180.000đ** là một dấu hiệu đáng mừng. Nhằm xây dựng vững chắc cho đầu năm mới 2015 tăng thêm chi tiêu mới, phương án công tác này nếu được nhân rộng sẽ giúp ích thiết thực cho cộng đồng.

Kim Trần



Ni sư Như Trí, trụ trì chùa Hòa Quang hướng dẫn Phật tử kính hành niệm Phật cầu nguyện



Ni sư Như Trí và sư cô TN Phụng Liên (núi Bà Tây Ninh) tặng quà cho người nghèo khuyết tật

ĐIỀU KHẮC ĐÁ MỸ HẢO VỚI NHỮNG TÔN TƯỢNG TRUYỀN THẦN

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG

Mãi bận rộn với công việc, tôi và anh Đức Thìn chỉ thỉnh thoảng phone hỏi thăm nhau. Hôm nay gần cuối năm, tôi có thiện duyên đưa một vị tôn đức ở Đồng Tháp lên thăm *Xưởng điêu khắc đá mỹ nghệ cao cấp Mỹ Hảo* để đặt tượng Quan Âm lộ thiên.

Gặp nhau tay bắt mặt mừng, trông anh Đức Thìn rất phong độ hơn trước; với nụ cười tươi hai tay chấp lại anh cung kính cung thỉnh vị tôn đức vào thăm nơi sản xuất tượng. Trong xưởng không khí

khá tắt bật với âm thanh của tiếng khắc đá, tiếng máy mài, các anh em bạn thợ đang bám theo từng khối đá miệt mài điêu khắc trên các pho tượng Đức Phật, Phật Dược Sư và Đạt Ma Tổ Sư, tượng chân dung của các chư tôn đức Tăng Ni trụ trì quá vãng. Hiện xưởng đang có những tôn tượng như Đức Phật, Bồ-tát Quan Thế Âm, 2 tượng rồng đá đã hoàn thành đang chờ xuất xưởng... Nhìn đôi rồng đá làm tôi liên tưởng đến hình ảnh 2 ông đại kỳ lân oai nghi, trấn giữ ở chùa

Pháp Vân, mỗi ông đại kỳ lân cao 5m, dài 9m và rộng 4m, do tập thể bạn thợ cùng nghệ nhân Đức Thìn đã lao động miệt mài trong 4 năm mới hoàn thành vào năm 2013. Tượng 2 ông đại kỳ lân được làm bằng đá khối hoa cương, với nghệ thuật điêu khắc công phu toát lên nét mỹ thuật tuyệt đẹp và theo như HT. Thích Phước Trí, trụ trì chùa Pháp Vân (Q.Tân Phú, TP.HCM) cho biết: Kỳ lân là linh vật thuộc nhóm tứ linh: Long, lân, qui, phụng sẽ mang lại sự may mắn và phước duyên cho những người được gặp... Từ thành quả lao động trí tuệ của tập thể dưới sự dìu dắt của nghệ nhân Đức Thìn đã mang lại kết quả trọn lành, xác định đẳng cấp trong làng nghệ điêu khắc của cả nước nên nghệ nhân đã được vinh danh và Trung ương Hội phong tặng *Bàn tay vàng, Nghệ nhân làng nghề và Nghệ nhân quốc gia* cũng như vào ngày 17-11-2013, tại Nhà hát Bến Thành, nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn cùng hơn 100 nghệ nhân, kỹ thuật gia, ẩm thực gia của các ngành nghề được Hiệp hội Làng nghề Việt Nam trao tặng **Bằng vinh danh Sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh hoa làng nghề - 2013 và Danh hiệu Văn hóa Nghệ thuật** trong Chương trình tôn vinh Danh hiệu văn hóa nghệ thuật ẩm thực và sản phẩm tinh hoa làng nghề - 2013.

Sau khi việc đặt tượng của vị tôn túc diễn ra suôn sẻ, bên tách trà thơm,



Tôn tượng Đức Phật và Bồ-tát Quan Thế Âm tạc bằng đá quý mã não, tạc theo y phẩn tào



Tôn tượng Bồ-tát Đại Thế Chí



Tôn tượng Bồ-tát Quan Thế Âm



Tượng ông đại kỳ lân trước chùa Pháp Vân



**Ông Nguyễn Thiện Nhân, Chủ tịch UBMTTQVN
trao Bằng nghệ nhân Quốc gia cho nghệ nhân
Đức Thìn (2014)**



**Phong tặng
danh hiệu
Nghệ nhân
Làng nghề
VN cho
nghệ nhân
Đức Thìn
(2014)**



**Bằng vinh danh Sản phẩm thủ công
mỹ nghệ tinh hoa làng nghề 2013**



**Giấy chứng nhận
nghệ nhân Quốc gia**



**Huy hiệu
Bàn tay vàng**



**Kỷ niệm chương
nghệ nhân Quốc gia**

chúng tôi được nghe anh Đức Thìn tâm tình: "... Nghề điêu khắc đá là một nghề nặng nhọc, muốn đạt đến sự tôn vinh của xã hội, nghệ nhân cần phải rèn luyện bản thân, trong mọi tình huống dù có khó khăn cũng tìm cách từ từ khắc phục, không được nóng vội. Chữ **Tâm** theo tôi là được thể hiện trong từng đường nét điêu khắc với độ chuẩn xác cao, theo tiêu chí là không cho phép sai suất trong khi điêu khắc tượng truyền thần và chế tác tượng phải đạt được giữa bản mẫu so với pho tượng khi hoàn thành gần như nguyên mẫu. Muốn vậy, trước khi tạc pho tượng nào, nghệ nhân cần tìm hiểu kỹ về tượng và hạnh nguyện của pho tượng đó, tạc pho tượng đó cho ai, vì nghệ nhân giỏi cần phải thấu cảm nguyện vọng của đại chúng theo vùng miền khác nhau, có như vậy mới nhân hóa cho gần gũi với Phật tử địa phương. Từ khi tiếp nhận bản vẽ cho đến lúc bắt tay vào việc, cần hướng trọn tâm mình với "tác ý và lực" luôn đồng nhất trên từng đường nét điêu khắc; được như vậy pho tượng mới thể hiện tính nghệ thuật và mỹ thuật cao và thoát ly ảnh hưởng của tượng tạc ở nước ngoài. Phương châm: *Tôn tượng tạc hôm nay phải tốt hơn ngày qua nhưng vẫn thua ngày mai.* Một tôn tượng hoàn mỹ, nghệ nhân cần

chú trọng điêu khắc tôn tượng phải có thân tướng trang nghiêm, nét mặt tỏa sáng trí tuệ, đức từ bi, hỷ xả... từ dáng đứng, đôi vai, đôi tay, tà áo cà-sa... nhằm tôn vinh 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Phật. Cho nên nghệ nhân luôn phải biết lắng lòng thanh tịnh, khởi tâm chánh niệm về thân tướng – hạnh nguyện của các ngài. Nghệ nhân cũng cần chú trọng trong việc đào tạo lớp trẻ thành những người thợ giỏi có cái Tâm trong nghề nghiệp, được như thế sẽ có hàng nghìn pho tượng đẹp để chúng sanh chiêm bái, mang lại lợi ích rộng lớn. Điều trần trở của tôi là do nhiều người thợ điêu khắc chạy theo lợi nhuận mà đánh mất chất lượng của mỗi pho tượng, họ làm ra những pho tượng thiếu trang nghiêm, vô hồn. Vì tính chất điêu khắc rất gian khó và cần sự kiên nhẫn cho nên kén người học. Do vậy để đào tạo một người thợ giỏi là rất kỳ công".

Hiện nay trên thị trường điêu khắc tượng khá khởi sắc gồm có: tượng gỗ, tượng chế tác bằng nguyên liệu polyresin và tượng đá. Với tượng lộ thiên để không bị tác động mưa nắng thì chỉ có tượng đá là thích hợp. Tượng đá còn là sự kết tinh của trời đất từ hàng vạn đến hàng triệu năm khi còn là đá ở trong lòng đất. Nhiều loại đá quý đã được điêu

khắc thành tượng và nổi danh với thế giới như tôn tượng *Phật Ngọc hòa bình thế giới...* Mong rằng chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử khi đặt tượng cần cẩn trọng trong việc chọn công ty hay cơ sở điêu khắc để không bị dẫn đến hệ lụy: tượng làm xấu, màu sắc không đạt, tượng bị nứt nẻ không có bảo trì.

Anh Nguyễn Đức Thìn là nghệ nhân truyền thừa từ làng tượng đá Non Nước cùng với sự nỗ lực đóng góp tích cực của anh gần 20 năm trong nghề và 7 năm hoạt động của Xưởng điêu khắc đá mỹ nghệ cao cấp Mỹ Hào đã tạo đà vững chắc trong nghiệp vụ tạc tượng đá, giữ trọn được niềm tin yêu của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử trong nước và nước ngoài như Mỹ, Úc và Âu châu.

Trước thềm năm mới, chúng tôi kính chúc nghệ nhân Đức Thìn luôn gặp được nhiều thuận duyên, hanh thông trong công việc và phát triển nhà xưởng để đóng góp nhiều hơn nữa cho ngành điêu khắc tượng của Phật giáo.

Vui lòng liên hệ:
Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn
225 ấp Thiên Bình, xã Tam Phước,
Long Thành, Đồng Nai
ĐT: 098.921 2189
Email: dieukhacdamyhao@gmail.com
Website: www.tuongdamyhao.com

BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH ĐỒNG NAI

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành,
đoàn thể và Quý Phật tử

năm mới
Vô lượng an lạc
Vô lượng kiết tường

Hòa thượng THÍCH MINH CHÁNH
Thành viên Hội đồng Chứng minh
Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN
Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai

CHÙA XÁ LỢI

89 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM

*Chúc mừng
năm mới*

Phúc thọ miên trường
Kiết tường như ý

Hòa thượng THÍCH HIỂN TU
Phó Thư ký HĐCM
Viện chủ
Thượng tọa Thích Đồng Bốn
Trụ trì

TỔ ĐÌNH PHẬT BỬU

80/19 Cao Thắng, P.4, Q.3, TP.HCM

Trước thềm xuân mới, kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể
và Quý Phật tử

năm mới
Thân tâm an lạc
Phúc thọ miên trường

Hòa thượng THÍCH TỊNH HẠNH
Ủy viên HĐTS GHPGVN
Phó ban BTS GHPGVN TP.HCM
Viện chủ

QUAN ÂM TU VIỆN

K2/77 KP.3, P.Bửu Hòa, TP.Biên Hòa

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý cấp chính quyền và Quý Phật tử

Một năm mới
Vô lượng an khang và
vạn sự kiết tường như ý

Ni trưởng Thích nữ HUỆ GIÁC
Ủy viên dự khuyết HĐTS GHPGVN
Viện chủ

VIÊN GIÁC THIỀN TỰ

Xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành đoàn thể,
Quý Phật tử.

Năm mới
Vô lượng an lạc
Phước trí trang nghiêm

Sa môn THÍCH GIÁC HIẾU
Trụ trì

TỊNH XÁ NGỌC PHƯƠNG

498/1 Lê Quang Định, P.1, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể,
chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử

Vô lượng an lạc
Vô lượng kiết tường.

Ni trưởng Thích nữ NGOẠT LIÊN
Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN
Trụ trì



Tháp Xá Lợi - chùa Hạnh Nguyên

BAN TRỊ SỰ GHPG TP. HỒ CHÍ MINH
BAN TRỊ SỰ PHẬT GIÁO QUẬN TÂN PHÚ
Văn phòng: CHÙA HẠNH NGUYỄN

Số 01 Lũy Bán Bích, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 39 612 002 - 0908 472 312

Mừng Xuân Ất Mùi - 2015

Kính chúc: Chư Tôn đức Tăng Ni
Cơ quan Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, Ban Tôn giáo
Quý ban, ngành đoàn thể và quý Cư sĩ Phật tử

Vạn sự hanh thông - kiết tường như ý



BAN KINH TẾ TẠI CHỖ TRUNG LƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH DU LỊCH & DỊCH VỤ HOA THIÊN

R4 Ba Vì, phường 15, quận 10, TP.HCM
Web: www.zenflower.vn – Email: tours@zenflower.vn
ĐT: (08)39771513– 39771796-Hotline: 0989 808081

Trước thềm Xuân mới kính chúc
Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni
và Quý Phật tử

Thân tâm an lạc - Vạn sự như ý

NGUYỄN TRUNG TOÀN
Giám đốc

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG TÂN
CÔNG TY ĐỊA ỐC ĐẤT LÀNH

24 Phố Quang, Tân Bình, TP.HCM

Năm mới kính chúc mừng

Chư tôn thiện đức Tăng, Ni và Phật tử gần xa
luôn được thân tâm an lạc, như ý cát tường.

NGUYỄN VĂN ĐỨC
Giám đốc



Xưởng điêu khắc đá mỹ nghệ
MỸ HẢO

225 ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai

Kính chúc

Chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni,
Chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử

Thân tâm an lạc
Phước trí trang nghiêm

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN

BẢO LONG

CHUỖI GỖ

Chuyên: Sản Xuất & Phân Phối
CHUỖI GỖ CÁC LOẠI

47/14 đường 12 - KP4, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức
ĐT: 090 88 77 912

Kính chúc Chư tôn giáo phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni,
Quý Phật tử và Quý khách hàng

Một năm mới
Vô lượng an lành và vạn sự kiết tường như ý

Tôn tượng
Thiên Thủ Thiên Nhân



DU LỊCH VĂN HÓA Suối Tiên

*Cung Chúc Tân Xuân
Ất Mùi - 2015*

ĐINH VĂN VUI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH ĐIỀU KHẮC PHẬT GIÁO SƠN HÀ

39 đường số 9, tổ 3, ấp Hậu, xã Tân Phong, H.Củ Chi
Email: sanha9098@naver.com - Website: www.sanhavina.com

Đón mừng năm mới, trân trọng kính chúc
chư vị Tăng, Ni và Phật tử gần xa luôn được
thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường.

KWON YOUNG WON
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
03 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM

Trân trọng cảm ơn chư tôn thiện đức Tăng Ni và quý Phật
tử đã tin tưởng và ủng hộ công ty trong năm qua.
Trước thềm năm mới, Công ty kính chúc chư vị
Vạn sự an lạc, phước thọ miền trường

NGUYỄN DUY MINH
Giám đốc



Công ty Cổ phần 7P

491 D3, Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh

Kính chúc
Chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni,
Chư thiện hữu tri thức và Quý Phật tử

Thân tâm an lạc
Phước trí trang nghiêm

NGUYỄN NGỌC TUẤN
Giám đốc



CÔNG TY TNHH SX-TM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nãi, P.Bình Khánh, Q.2,
TP.HCM

Đón mừng Xuân mới, cung kính chúc
Chư tôn đức Tăng Ni và Quý Phật tử gần xa
thân tâm an lạc, phước thọ miền trường,
vạn sự như ý

NGUYỄN HỮU TÍN
Giám đốc



HỆ THỐNG NHÀ HÀNG CHAY CHUÔNG VÀNG

735 Lê Hồng Phong, P.12, Q.10, TP.HCM
36 Trần Quý Cáp, P.11, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Năm mới kính chúc mừng
Chư tôn thiện đức Tăng, Ni và Phật tử gần xa
luôn được thân tâm an lạc, như ý cát tường.

HƯƠNG SEN
Giám đốc



Nhà hàng chay HOA KHAI

124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
Email: veg.hoakhai@gmail.com

Hoa Khai xin chân thành cảm ơn Chư tôn thiện đức,
quý Phật tử và khách hàng gần xa
đã ủng hộ nhà hàng chúng tôi.
Trước thềm năm mới, kính chúc chư vị thân tâm
thường an lạc, phước thọ miền trường.

PHẠM VĂN NIỆM
Giám đốc

Chúc Mừng Năm Mới



Điêu khắc THIÊN PHÚ THẠO

01666.000.666-01222.999.666

Email: dkthanhao@gmail.com - Website: thienphuthao.com



Restaurant

Chay

Vegetarian

11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy

Khung cảnh ấm cúng, thanh nhả và lịch sự

Cung kính cung chúc

Chư tôn thiền đức Tăng, Ni và Phật tử gần xa
luôn được thân tâm an lạc, như ý cát tường.

LÊ LÃNH

Quản lý

LỚP HƯỚNG DẪN

Tâm Thư Pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng

Tại chùa ĐẠI HẠNH: 107/4 Ngõ Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh

Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí). Liên hệ: Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825**

Kính chúc

Chư tôn thiền đức và Quý đạo hữu

Thân tâm an lạc

Vạn sự hanh thông

CHÍNH TRUNG

Kính bút

Cửa hàng Ngọc Hiển

144 và 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM

Xin chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ
các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng
Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina,
tranh điện Phật giáo trong thời gian qua.

Trước thềm năm mới, kính chúc Quý khách
thân tâm thường an lạc, vạn sự như ý.

NGỌC HIỂN

Cửa hàng trưởng



Công TNHH SX-TM QUANG NGHỆ

205bB/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản
phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt năm qua.

Kính chúc năm mới

Quý khách được phước thọ miền trường

Vạn sự như ý

NGÔ HUỆ PHƯƠNG

Giám đốc

BAN CAI QUẢN NAM THÀNH THÁNH THẮT

BAN VH-XH TRUNG TÂM UNESCO VĂN HÓA & THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG
BAN BẢO TRỢ ĐOÀN THẦY THUỐC TỈNH NGUYỄN (CTĐ TP.HCM)
BAN ĐIỀU HÀNH PHÒNG KHÁM BỆNH NHÂN ĐẠO (CTĐ Q.1)
Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
ĐT: 08.3920.1568 – 0933.333.138

Trước thềm năm mới – Xuân Ất Mùi - 2015

Kính chúc

Chư tôn thiên đức Tăng, Ni các tự viện cùng nam nữ Phật tử.
Chư vị chức sắc Tòa thánh Cao Đài Tây Ninh, Khối giao lưu các Hội
thánh, các Thánh thất-Thánh tịnh cùng chư huynh, đệ, tỷ, muội.
Quý cơ quan Chính quyền, Ban ngành đoàn thể địa phương.

**TÂN XUÂN VĂN HẠNH
KIẾT TƯỜNG NHƯ Ý**

**Đạo huynh CHÍ ĐẠT
Chánh hội trưởng
NAM THÀNH THÁNH THẮT**



VÒNG TAY NHÂN ÁI

Trong năm qua, **Phòng khám bệnh nhân đạo** thuộc Nam Thành Thánh Thất do đạo huynh Chí Đạt – Nguyễn Hữu Nhơn, Chánh hội trưởng NTTTT kiêm Trưởng ban điều hành phòng khám; đã hoạt động tích cực trong công tác từ thiện như giúp đỡ bệnh nhân phong ở Bến Sắn, khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho bệnh nhân nghèo, khuyết tật ở nhiều nơi, hỗ trợ con em Cảnh sát biển và gia đình chính sách, học sinh nghèo hiếu học cũng như trao tặng quà Trung thu cho trẻ em nghèo và mồ côi địa phương và H.Học Môn với tổng số tiền 180 triệu đồng (chưa kể tặng phẩm và thuốc men) do các nhà hảo tâm và sự vận động bạn bè, các con và con nuôi của đạo huynh Chí Đạt.

Chuẩn bị đón xuân về và hưởng ứng chiến dịch khám và chữa bệnh nhân đạo và chăm sóc sức khỏe cộng đồng của Hội Chữ

thập đỏ TP.HCM. Vào lúc 7 giờ 30' ngày Chủ nhật 18-1-2015 tại trụ sở và sân của Đền tưởng niệm liệt sỹ quân dân y Sài Gòn - Gia Định thuộc xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP.HCM; Đoàn thầy thuốc tình nguyện (Hội CTĐ TP.HCM) đã đến khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho 350 bà con diện chính sách, chất độc màu da cam, trẻ em khuyết tật, người già neo đơn, v.v... Mỗi phần thuốc có trị giá 100.000 đồng (đơn thuốc được bác sĩ kê toa uống trong 10 ngày) và trao tặng 300 phần quà cho các đối tượng này, mỗi phần quà trị giá 150.000 đồng (bao gồm: mì gói, dầu ăn, đường, bột ngọt, nước tương...) với tổng số tiền khoảng 90 triệu đồng do các nhà hảo tâm và 25 bác sĩ, dược sĩ cùng các tình nguyện viên đóng góp.

PHÁP TUỆ - HỮU NHƠN



Từ trái sang: BS.Hồng, ThS.Hữu Nhơn, BS.Trọng (nguyên Chủ tịch Hội CTĐ TP.HCM), Chuyên viên Nghĩa



Tập thể Đoàn thầy thuốc tình nguyện (ngày 18-1-2015)



Được sĩ Diễm Huyền tặng 500 hộp thuốc viêm khớp và 300 hộp thuốc bổ



Bộ phận được cấp phát thuốc

TÂM THƯ

KÊU GỌI CÔNG ĐỨC XÂY DỰNG CHÙA

Tâm Linh Tự, An Vũ, Quỳnh Phụ, Thái Bình

Nam-mô Bồ Đề Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam-mô Hộ Pháp Chư Thiên Bồ-tát
Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử gần xa!

Chúng tôi từng nghe:

*“Chánh pháp lưu truyền, hẳn phải nhờ sự đảm đương của bốn chúng
Thiền môn hưng thịnh, điều trông cậy vào người thí chủ phát tâm”.*

Trong giữ gìn, ngoài ủng hộ, công đức hoằng pháp, hộ pháp không phải nhỏ vậy.



Ngôi chùa Bái - Báo Ân tự là một trong những ngôi chùa cổ của tỉnh Thái Bình, được kiến tạo vào thế kỷ XV, đã qua 4 đời sư Tổ trụ xứ và hoằng pháp. Nhị vị HT.Thích Thanh Tước và Thích Huệ Lương đã từng là Chánh Giám ban Hòa thượng của 3 phủ: Long Hưng, Thiên Trường, Kiến An.

Ngôi chùa lúc bấy giờ được tạo lập với kiến trúc Phật giáo Việt Nam hòa quyện văn hóa dân tộc đã toát lên nét đẹp thanh thoát nhưng rất gần gũi. Không gian tâm linh này gồm: tòa thượng điện, trung điện và tiền đường, nhà Tổ, khu Tăng xá với 50 gian dành cho chư Sư an cư kiết hạ, nghiên cứu và biên dịch kinh sách. Trong chánh điện là ngôi Tam bảo rất trang nghiêm. Vị trí tôn quý này được thiết trí theo thứ bậc: trên cao là 3 ngôi Phật Tam thế, kế dưới là tôn tượng Phật A Di Đà, tiếp đến là tôn tượng Trúc Lâm Tam Tổ, cùng với tượng Hộ Pháp uy nghi...

Thê theo nguyện vọng của Tăng Ni, Phật tử, chúng tôi phát nguyện đại trùng tu ngôi Tam bảo chùa Bái. Năm 2009, được UBND tỉnh Thái Bình cấp đất cho làng tái tạo lại ngôi chùa Bái trên khuôn viên liền kề đền thờ Đức Thánh Trần (theo Công văn số 1981/UBND-NN ngày 08-10-2009). Việc làm trọng đại này hẳn phải nhờ vào hăng tâm, hăng sản của quý Phật tử xa gần đóng góp.

Thật là: *“Công đức mở mang Tam bảo, nên tướng hảo được trang nghiêm*

Phước báo trùng tu Phật điện, mà quả lành càng tăng trưởng”.

Lấy đây làm cầu bến của lục độ hạnh tu, làm đuốc tuệ cho bốn loài tiến bước. Công đức thù thắng này: *“Cây cò vô tri chếp ghi chẳng sót, lòng người hữu cảm nhắc mãi nào quên”.*

Hơn nữa, chùa đang chuẩn bị mọi điều kiện tiến tới thành lập **Trung tâm nuôi dạy người khuyết tật** nằm trong chính khuôn viên này, mở rộng vòng tay nhân ái nuôi dạy cho 45 cháu trẻ mồ côi khuyết tật, tàn phế bởi chất độc da cam và chăm lo 5 cụ già cô đơn. Hội Chữ thập đỏ và Mặt trận Tổ quốc huyện Quỳnh Phụ trợ duyên.

Để cảm thông việc làm công đức, chúng tôi trân trọng gởi lời cáo bạch này đến các vị mạnh thường quân, các nhà hảo tâm và quý Phật tử, Đạo hữu xa gần. Chư vị tùy hỷ phát tâm ủng hộ, quan tâm trợ duyên tịnh tài và tịnh vật giúp cho Phật sự tái tạo ngôi chùa Bái sớm được viên thành, để có nơi tu học cho Phật tử thập phương. Công lao đóng góp của quý vị sẽ được chư Phật, Bồ-tát, Thiên thần mười phương ngợi ca, chứng minh công đức.

“Sửa chùa, tạo tượng là việc làm cho Phạm vũ được trang nghiêm

Xây tháp, đúc chuông là ruộng phước điền cho người chung hưởng”.

Chúng tôi chấp tay nguyện cầu Tam bảo gia hộ chư quý vị luôn được hạnh phúc, an vui, tinh thức trong ánh hào quang của chư Phật!

NAM-MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỒ-TÁT MA-HA-TÁT

Kính cáo bạch,
Trụ trì Tâm Linh Tự
Sư cụ: Thích Nữ Thiện Tâm



Mọi sự trợ duyên tịnh tài và vật liệu xin liên hệ: Tâm Linh Tự, An Vũ, Quỳnh Phụ, Thái Bình - Số tài khoản: 3406205018931, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, Chi nhánh Tư Môi, Thái Bình - Nguyễn Thị Miên (PD – Thích Nữ Thiện Tâm, Số chứng minh: 152043468), Điện thoại: 036-393-5161, ĐD: 01685.138.809 - 0128.4415.919 - Email: chuavuha@gmail.com.



NGHĨ ĐẾN DU LỊCH HÀNH HƯƠNG
NGHĨ ĐẾN ZENFLOWER TRAVEL

THINK PILGRIMAGE TOURS THINK ZENFLOWER TRAVEL

**Xuân
ẤT MÙI
2015**

Kính chúc
Chư tôn Đức Tăng Ni, quý Phật tử,
quý khách hàng năm mới

**Thân
tôn
Phước
lạc,
Phật
Sư
Viên
Phước**

SRI LANKA:

Cội nguồn Phật giáo Nam truyền
KH: 22/02/2015 (Mùng 4 tết Ất Mùi)
8 ngày 7 đêm

INDONESIA - MANDALA:

Vĩ đại nhất thế giới
KH: 22/02/2015 (Mùng 4 Tết Ất Mùi)

ẤN ĐỘ - NEPAL:

Chiêm bái Phật tích
KH: 06/03/2015 - 12 ngày 11 đêm

SẮC XUÂN NHẬT BẢN

KH: 29/03/2015 8 ngày 7 đêm

BHUTAN:

Vùng đất huyền bí và hạnh phúc
KH: 07/04/2015 - 11 ngày 10 đêm

TÂY TẠNG:

Trú xứ thánh thần
KH: 08/04/2015 - 8 ngày 7 đêm

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2015 TẠI KUSHINAGAR

KH: 30/04/2015 - 11 ngày 10 đêm
(Chương trình khuyến mãi đặc biệt)

CÔNG TY TNHH DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HOA THIÊN

Địa chỉ: R4 Ba Vi, Phường 15, Quận 10, TP.HCM - Điện thoại: (848) 3977 1513 - 3977 1796 - Hotline: 0989 80 80 81
Website: zenflower.vn - Email: tours@zenflower.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.



Mừng Xuân Ất Mùi - 2015

Xin chân thành cảm ơn Chỗ tôn Thiên nóc Tăng Ni
và Phật tử, quý khách hàng đã ủng hộ
Nhà sách Tâm Thuận trong thời gian qua.

KÍNH CHÚC VÔ LƯỢNG AN LẠC - VÔ LƯỢNG CẤT TƯỜNG NHƯ Ý

- Đ/C: cuối hẻm 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
- Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818 □ Email: hoinguyen.kt@gmail.com
- STK: 76935619 NH ACB chi nhánh Bình Thạnh, CTK: Ngô Phương Đức
- STK: 1920206053273 NH Agribank, chi nhánh Bến Thành, CTK: Nguyễn Thị Hòì





CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI **THÁI LONG VINA**



Tân Xuân Vạn Hạnh



○ **Chuyên sản xuất và kinh doanh:**

- Muối thực phẩm - Muối công nghiệp - Muối Iốt
- Muối (NaCl): Hóa mỹ phẩm - Thủy hải sản
- Xử lý nước - Thức ăn chăn nuôi - Thuộc da

Từ muối hạt thiên nhiên, công ty chúng tôi đã tạo ra được nhiều sản phẩm đa dạng như muối sấy, muối I-ốt, muối xay, muối hầm, muối nấu để đáp ứng cho nhiều ngành nghề khác nhau...

Ngoài ra, chúng tôi còn cung cấp các loại muối nhập khẩu.



○ **Để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên hệ:**

Ông Huỳnh Văn Lộc (0903 824 480)

ĐC: 79/3 Phan Văn Trị, P.14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08 3516 3286 - Fax: 08 6294 2936

Website: www.muoihailong.com.vn

Email: thailongvina@yahoo.com



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

Mừng Xuân Ất Mùi - 2015



GIỚI THIỆU SÁCH

PHẬT QUANG ĐẠI TỪ ĐIỂN trọn bộ 8 tập dày gần 10 ngàn trang do Sa-môn Thích Quảng Độ dịch, **trong đó có phần index ngoại văn mà các bộ in trước đây chưa có**. Sách được xuất bản và phát hành lần đầu tiên tại Việt Nam do Nhà xuất bản Phương Đông và Nhà sách Văn Thành liên kết.

Sách được in trên giấy đặc chủng bible Hà Lan, chuyên dụng in từ điển để thời gian sử dụng lâu bền hơn. Bìa cứng được đựng trong thùng giấy carton dày. Hòa thượng dịch giả cho biết hiện nay chưa có

bộ Từ điển Phật học nào đầy đủ và phong phú hơn bộ này.

Toàn bộ sách được biên tập bởi 50 học giả Phật giáo thuộc *Phật Quang Đại Tạng Kinh Biên Tu Ủy viên hội* ở Đài Loan biên soạn bằng Hoa ngữ trong mười năm 1978-1988. Riêng việc dịch ra tiếng Việt, Hòa thượng dịch giả dịch mất 7 năm, từ đầu năm 1990 đến cuối năm năm 1997 mới hoàn tất.

Với bảy triệu chữ giải thích các từ đề mục, kèm theo chữ Hán và chữ Phạn tương đương.

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.

H A P P Y N E W Y E A R



PHÁP PHỤC PHẬT GIÁO

Trang Nhà®

Chúc Mừng Năm Mới 2015

CUNG nghinh xuân mới muôn điều thịnh
CHÚC Quý Tăng Ni vạn kiệt tường
TÂN thuận sum vầy vui hạnh phúc
XUÂN sang Phật tử mãi an khương!...

Chuyên cung cấp sỉ :

Tượng Phật, Tranh Phật, Pháp Phục,
Chuỗi, Kinh, Sách, Máy tụng kinh,
Thuyết Pháp, Niệm Phật, Tháp Xá Lợi,
Vật dụng Tu Sĩ, Cư Sĩ Phật giáo,...

Đặc biệt:

TRANG NHÀ có phát hành
các loại: Chuỗi Đá quý và Hồ Phách,
được kiểm định của SJC.



Trụ sở chính:

ĐC: 522 – 524 Ngô Gia Tự, P.9, Q.5, TP.HCM
Tel: 08 5405 1388 – 5405 2794 – 0915 728 186
Email: trangnha.yhau@yahoo.com
Website: www.trangnha.com.vn



Chi nhánh Phú Nhuận

ĐC: 117 Hồ Văn Huê, P.9
Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: 08. 6292 6775 - 0909 905509

Chi nhánh Hàng Xanh

ĐC: 353 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.24
Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Tel: 08. 6258 0362 - 0909 493 186

Chi nhánh Quận 6

ĐC: 247/41 Bình Tiên, P.8, Q.6, TP.HCM
(đối diện Chùa Bồ Đề Lan Nhã)

Tel: 08. 6261 5959 - 01229 722 922

Giờ mở cửa: Từ 7 giờ sáng đến 19 giờ tối. Chủ nhật và các ngày lễ: Từ 7 giờ sáng đến 16 giờ chiều.



○ Kệ ghế chúng tôi gắn chặt, không kễ không độn quá cao làm dễ bị đổ lúc chông lên nhau.

○ Rất tiện lợi cho việc vận chuyển đi xa và không chiếm nhiều diện tích khi cất giữ.

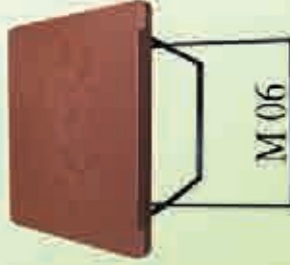
50 kệ chỉ cao 1,1m



M 02: GỖ



M 04: GỖ



M 06

VÀNG - LAM - NÀU

(SAU KHI XẾP)



M 07

VÀNG - LAM - NÀU



M 08

VÀNG - LAM - NÀU



M 10

VÀNG - LAM - NÀU



M 09

VÀNG - LAM - NÀU

THỊ CHỢ NÀU

KỆ ĐỌC KINH XẾP

Mừng Xuân Ất Mùi 2015

Kính chúc chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử và các Đạo tràng gần xa năm mới tu hành tinh tấn - Phước, Huệ luôn tăng trưởng!
Thật lòng biết ơn sâu sắc đến quý vị đã tin nhiệm sử dụng kệ của chúng tôi nhiều năm qua...

Đảm bảo: chất lượng và kỹ thuật

BẢO HÀNH 2 NĂM, THỜI GIAN SỬ DỤNG TRÊN 5 NĂM

Địa chỉ: 105M/27

Hồ Thị Kỷ, P.1, Q.10

08-38351185-0903955150

PD.Tuệ Hiếu (Trần Ngọc Tới)



Vên Vên Hotel Hồ Cốc

(Nghỉ dưỡng và thiền định)

- ❑ Khách sạn tọa lạc dưới tán rừng nguyên sinh Bình Châu Phước Bửu, gần biển, cảnh quan mát mẻ yên tĩnh phù hợp cho việc nghỉ dưỡng, tọa thiền và hành thiền.
- ❑ Khách sạn tiêu chuẩn 2 sao.
- ❑ Nhà hàng phục vụ các món ăn chay và mặn.
- ❑ Nhận tổ chức cho các đơn vị có nhu cầu thực hiện thiền định.

○ Liên hệ: **Hồ Cốc, xã Bưng Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Điện thoại: 0643 791121 - Fax: 0643791122

Email: venvenhotel@gmail.com

Website: venvenhotel.com



CHÚC MỪNG NĂM MỚI TRÀ BIỂU - SONG HỖ

2015

Trà giữ vai trò giao lưu giữa các tầng lớp trong xã hội không phân biệt dân tộc, tôn giáo tín ngưỡng, đẳng cấp tuổi tác, nam nữ. Trà còn sử dụng làm phương tiện giao tiếp trong quà tặng, lễ tết và cúng dường chư Phật...



Trà thơm cúng Phật

Tặng phẩm ngoại giao

Thăm tình bằng hữu

Kết duyên ngày cưới

Trà ngon, thuốc quý

TIÊU CHUẨN CỦA TRÀ BIỂU - SONG HỖ TRÀ

- Chỉ dùng trà đặc sản thượng hạng - Đạt tiêu chuẩn VietGAP và hữu cơ.
- Bao bì sang trọng, thể hiện văn hóa Việt, Hòa hợp theo yêu cầu đa dạng của quý khách hàng.
- Trân trọng, gìn giữ văn hóa Việt trong nghệ thuật tặng quà.



: 0903 848 147



: www.songhytra.com



: Song Hy Trà

Hệ thống Song Hy Trà:

- Showroom:
6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3, TP.HCM
- TTTM AEON CITIMART:
Số 9 Đường Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp
- Maximark Cộng Hòa:
17 Cộng Hòa, Q. Tân Bình - Tiến cảnh, TP.HCM
- Parkson C.T:
60A Trường Sơn, Q. Tân Bình - Tầng 4, TP.HCM
- Showroom:
491D3 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Giày Da Công Nghệ Cao

Vina-Giày®

www.vinagiay.vn

Hàng
Chất Mới
Quân
2015



CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
(MẠC CỬA HÀNG ĐƯỢC TÊN HIỆU VIỆT NAM)

- * 61 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax: (08) 38031192
- * 180 - 182, Lý Chính Thắng, P.8, Q.3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax: (08) 39318343
- * 22 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận
Tel: (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431
- * 269 Trường Chinh, P.14, Q. Tân Bình
Tel: (08) 38490956
- * 608 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38351407
- * 638 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
- * 406A Cách Mạng Tháng 8, Q.3
Tel: (08) 39316534
- * 216B-216C Quang Trung, P.10, Gò Vấp
Tel: (08) 38941621
- * TTTM AEON - Tân Phú Caladon, Tầng 1, F. 29-30
30 Đường Bờ Bao Tân Thắng, Q. Tân Phú.



LIÊN TIẾP 18 NĂM LIÊN BÌNH CHỌN
97'98'99'00'01'02'03'04'05'06'07'08'09'10'11'12'13'14'

HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO

ĐẠT CUP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT TÂM NĂM LIÊN 07'08'09'10'11'12'13'14'
ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thương Hiệu Việt

Thương Hiệu Được Chứng Nhận

Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

SGPK

Phật Kim Cương & Family

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766



Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08.35 035 579 - 08.36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Nước Cẩm Hoa ASA

Giữ giữ màu hoa, tươi hương sắc

Thanh tịnh trang nghiêm chốn Phật Đường

Sản phẩm đang được sử dụng tại các chùa ở TP.HCM, và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Nước cẩm hoa ASA hiện có mặt tại các cửa hàng Phật giáo, shop hoa tươi, hệ thống siêu thị trên toàn quốc

Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần. Giữ hoa tươi đẹp không cần phải thay nước và cắt gốc hàng ngày.



CÔNG TY MỸ PHẨM HOÀNG ANH

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên si & lễ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại một hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

ƯU ĐÃI KHUYẾN MÃI 2015

ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)

77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1

HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)

Email: hongthao268@yahoo.com.vn

CỬA HÀNG VĂN HOÁ PHẨM PHẬT GIÁO

NHƯ ĐỨC

Pháp phục - Pháp khí
Kinh - Sách - Ấn phẩm Phật giáo
Tranh tượng Phật

Mừng Xuân Ất Mùi 2015



530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TP.HCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)

ĐT: 08.22419056 - 08.22419057 ĐD: 0908808836

Email: nguyenkimhien1958@yahoo.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 44.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



DIỆU TƯƠNG AM

NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

- Diệu Tướng Chư Phật :**
 Chất liệu: gỗ quý, gỗ vồ gấm thép vàng 24k, đồng thép vàng 24k, đồng vồ gấm thép vàng 24k, hân bạc ngọc, gốm sứ, hải ly...
- Pháp khí :** (chày, gõ, trống, lục lạc, chuông, đèn, niệm Phật châu...)
 Chất liệu: đồng, đồng sơn mài, đàn hương, trầm hương, hải ly...
- Thiền trụ :** (thần, khay, dĩa, chén, ấm, chén, tượng thờ...)
 Chất liệu: gỗ, đá, đất nung, sứ, gốm, đồng, hải ly...



Thiết trí không gian trà thiền.



Trà cụ nghệ thuật.



Tượng trà, khay trà, ấm lễ sư...



Tôn tượng, ngọc hải ly.



Diệu Tướng Tây Phương Tam Thánh (gỗ vồ gấm thép vàng 24k)



Thiết trí không gian thờ.

08.38 484 558
 08.38 684 913

382b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, p.8, Q3, Tp.HCM
 212 Đường 3/2, p.12, Q10, Tp.HCM
www.Dieutuongam.com



HOA SEN
GROUP

Năm
2015
AI MƠI



Chào
năm
mới,
Sân
phân
Hoa
Sen
Thương
hiệu
Việt

Năm
Xuân
về,
Vững
bền
phát
triển,
chất
lượng
cao

Chúc Mừng Năm Mới



ÔNG KEM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



TÔN HOA SEN
Mãi ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ÔNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

www.hoasengroup.vn

1800 1515
Tổng đài tư vấn khách hàng

EUROMONEY
S&P 500 MARKET
LEADER
2014

